

LỊCH SỬ QUÂN SỰ HUYỆN PHÚ BÌNH (1945 - 2000)

HUYỆN PHÚ BÌNH
LỊCH SỬ KHÁNG CHIẾN CHỐNG
XÂM LƯỢC VÀ XÂY DỰNG -
BẢO VỆ TỔ QUỐC
(1945- 2000)

HUYỆN PHÚ BÌNH
LỊCH SỬ KHÁNG CHIẾN CHỐNG
XÂM LƯỢC VÀ XÂY DỰNG
BẢO VỆ TỔ QUỐC
(1945 - 2000)

BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ HUYỆN PHÚ BÌNH

HUYỆN PHÚ BÌNH
LỊCH SỬ KHÁNG CHIẾN CHỐNG XÂM LƯỢC
VÀ XÂY DỰNG - BẢO VỆ TỔ QUỐC
(1945 - 2000)

NĂM 2007

BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ HUYỆN PHÚ BÌNH

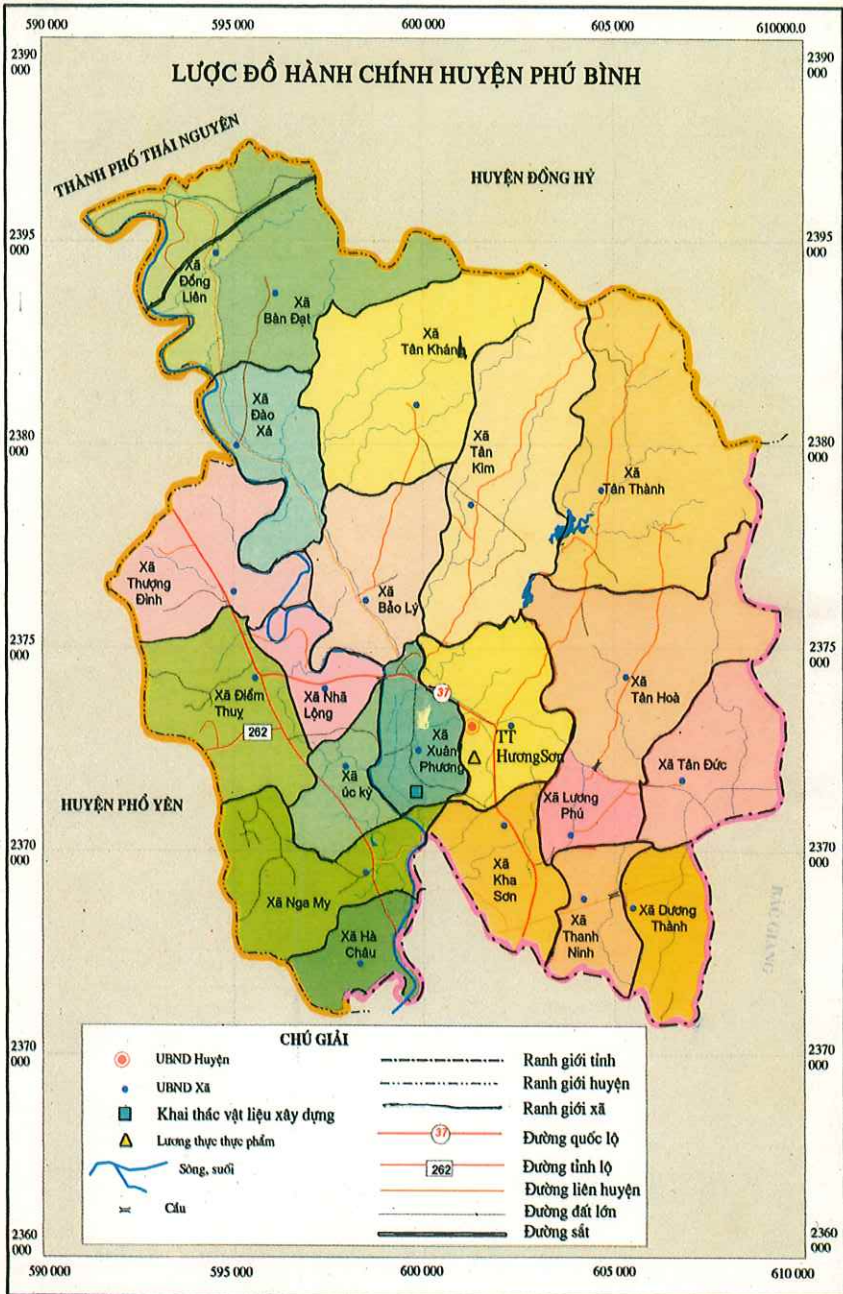
HUYỆN PHÚ BÌNH

LỊCH SỬ KHÁNG CHIẾN CHỐNG XÂM LƯỢC

VÀ XÂY DỰNG - BẢO VỆ TỔ QUỐC

(1945 - 2000)

THÁNG 2007





Chỉ đạo nội dung:

THƯỜNG TRƯC TỈNH ỦY - THƯỜNG VỤ

ĐẢNG ỦY QUÂN SỰ TỈNH THÁI NGUYÊN

Chịu trách nhiệm xuất bản:

- Thượng tá **LÊ HUY TUẤN** (Ủy viên Ban Thường vụ Huyện uỷ, Chỉ huy trưởng Ban CHQS huyện).

Ban Chủ nhiệm đề tài:

- Đại tá **DƯƠNG VĂN THẢO** (Chỉ huy phó-Tham mưu trưởng Bộ CHQS tỉnh): Chủ nhiệm.

- Đại tá **NGUYỄN VĂN TRÌNH** (Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh): Ủy viên.

- Đại tá **TRẦN XUÂN QUANG** (Chính ủy Bộ CHQS tỉnh): Ủy viên.

- Thiếu tá **DƯƠNG ĐÌNH CUỒNG** (Trưởng ban KHCN&MT-BSLS-TK, Bộ CHQS tỉnh): Thư ký.

- Trung tá **DƯƠNG CHÍ THANH** (Trưởng ban Tài chính, Bộ CHQS tỉnh): Kế toán.

Với sự cộng tác:

- Thượng tá **ĐÀO HỒNG PHONG** (Chính trị viên Ban CHQS huyện).

- Thượng tá **LÊ HUY TUẤN** (Chỉ huy trưởng Ban CHQS huyện).

- Trung tá **DƯƠNG VĂN MÃO** (Chính trị viên phó Ban CHQS huyện).

LỜI GIỚI THIỆU

Nhân dịp kỉ niệm lần thứ 60 ngày thành lập Huyện đội bộ dân quân (nay là Ban chỉ huy quân sự) huyện Phú Bình (10/7/1947 - 10/7/2007), Đảng ủy và Ban chỉ huy Quân sự huyện Phú Bình xuất bản và phát hành cuốn sách: “Huyện Phú Bình: Lịch sử kháng chiến chống xâm lược và xây dựng – bảo vệ Tổ quốc 1945-2000”. Đây là một công trình khoa học Lịch sử Quân sự trong Đề tài nghiên cứu, biên soạn “Lịch sử quân sự các huyện, thành phố, thị xã tỉnh Thái Nguyên 1945-2000” do Thường trực Tỉnh ủy và Đảng ủy Quân sự tỉnh chỉ đạo nội dung, Hội đồng Khoa học - Công nghệ tỉnh quản lí và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức thực hiện.

Nội dung cuốn sách gồm 5 chương và các phần Kết luận, Phụ lục. Chương I giới thiệu khái quát địa lí, dân cư, dân tộc và truyền thống đấu tranh vũ trang kiên cường, bất khuất của nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 về trước, làm nổi bật vai trò của huyện Phú Bình trong An toàn khu II (nơi ở và làm việc của Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ) trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. Chương II và Chương III phản ánh một cách khách quan, trung thực, tương đối đầy đủ và sinh động các cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chống Mĩ (1954-1975) toàn dân, toàn diện của Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo và chỉ huy trực tiếp của Đảng bộ, chính quyền và cơ

quan quân sự các cấp trên địa bàn huyện trong các thời kỳ lịch sử. Chương IV, Chương V ghi lại quá trình xây dựng, trưởng thành và những đóng góp to lớn của cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện trong thời kỳ từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất (30-4-1975) đến năm 2000.

Phần Kết luận khái quát lại thành tích xuất sắc của quân và dân huyện Phú Bình trong thời kỳ từ tháng 9 năm 1945 đến năm 2000, những bài học kinh nghiệm chủ yếu trong lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương kháng chiến chống xâm lược của cấp ủy, chính quyền và cơ quan quân sự các cấp trong huyện.

Phần Phụ lục I nêu thành tích đặc biệt xuất sắc của các tập thể, cá nhân Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và Bà mẹ Việt Nam anh hùng trên địa bàn huyện; Phụ lục II ghi tóm tắt quá trình công tác và thành tích xuất sắc của các đồng chí lãnh đạo và chỉ huy quân sự huyện từ khi thành lập Huyện đội bộ dân quân (10/7/1947) đến năm 2006.

Cuốn sách vừa là tài liệu góp phần giáo dục lịch sử, truyền thống cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân các dân tộc trong huyện; vừa góp phần tổng kết kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo chiến tranh nhân dân chống chiến tranh xâm lược và xây dựng lực lượng vũ trang địa phương của cấp bộ Đảng, chính quyền và cơ quan quân sự các cấp trong huyện.

Thay mặt Đảng ủy và Ban chỉ huy Quân sự huyện Phú Bình, tôi chân thành cảm ơn Hội đồng Khoa học – Công nghệ tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, các cơ quan hữu quan và các đồng chí lãnh đạo Huyện ủy, Ủy ban nhân dân và Ban chỉ huy quân sự huyện các thời kì, đã tận tình giúp đỡ; các đồng chí trong Ban Chủ nhiệm đề tài và Tổ Biên soạn đã làm việc khẩn trương, nghiêm túc, để cuốn sách được xuất bản và phát hành đúng vào dịp Kỷ niệm lần thứ 60 ngày thành lập Ban chỉ huy quân sự huyện (10/7/1947 - 10/7/2007).

Do có khó khăn và hạn chế về nhiều mặt, đặc biệt là khó khăn, hạn chế về mặt tư liệu lịch sử, nên cuốn sách sẽ không tránh khỏi những khiếm, khuyết. Đảng ủy, Ban chỉ huy Quân sự huyện Phú Bình, Ban Chủ nhiệm đề tài và Tổ Biên soạn rất mong được cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương, nhân dân các dân tộc trong huyện và đông đảo bạn đọc góp ý, phê bình.

NGÔ QUANG KHẢI

TỈNH ỦY VIÊN – BÍ THƯ HUYỆN ỦY,

BÍ THƯ ĐẢNG ỦY QUÂN SỰ

HUYỆN PHÚ BÌNH



Ngày 22/8/1998, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình đã được Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam kí Quyết định số 424/QĐ-CTN tặng danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân".





1



2

Ảnh 1 (trên), ảnh 2 (dưới): Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện đón nhận danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân".



Chương I

PHÚ BÌNH: QUÊ HƯƠNG, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH VŨ TRANG

I – Quê hương Phú Bình:

Địa danh Phú Bình xuất hiện từ những năm đầu thời Lê. Theo sách “Dư địa chí” của Nguyễn Trãi viết năm 1438, Phú Bình là địa danh của một phủ thuộc Thái Nguyên. Phủ Phú Bình lúc đó là một vùng đất rộng lớn, gồm các huyện: Tư Nông (nay là huyện Phú Bình), Bình Xuyên (nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc), Phổ Yên, Động Hỷ (nay là huyện Đông Hỷ), Đại Từ, Phú Lương, Văn Lãng (nay sáp nhập vào huyện Đại Từ), Vũ Nhai (nay là huyện Võ Nhai) và Châu Định Hóa (nay là huyện Định Hóa). Địa danh phủ Phú Bình tồn tại suốt thời gian từ những năm đầu thế kỉ XV đến đầu thế kỉ XX với tư cách là tên gọi một đơn vị hành chính thuộc Thái Nguyên (Thái Nguyên thừa tuyên, Ninh Sóc thừa tuyên, xứ Thái Nguyên, trấn Thái Nguyên hoặc tỉnh Thái Nguyên).

Vùng đất huyện Phú Bình ngày nay, thời thuộc Minh (đầu thế kỉ XV) gọi là huyện Tư Nông; từ thời Lê đến thời

Nguyễn cũng đều gọi là huyện Tư Nông, thuộc phủ Phú Bình. Thời nhà Lê, theo sách “Dư địa chí” của Nguyễn Trãi viết năm 1438, huyện Tư Nông có 57 xã, 1 trang và 5 trại.

Đầu thế kỉ XIX, huyện Tư Nông (thuộc phủ Phú Bình, xứ Thái Nguyên) có 8 tổng, với 51 xã, phường⁽¹⁾. Đó là các tổng:

1- La Đình (gồm 9 thôn, xã là Bằng Cầu, La Sơn, Mai Sơn, Úc Sơn, Kha Sơn Thượng, Kha Sơn Hạ, Khai Nhi, Phương Độ, La Cao).

2- Đức Lân (gồm 5 xã, thôn là Đức Lân, Loa Lâu, Nỗ Dương, Thôn Nội, Thôn Ngoại).

3- Phao Thanh (gồm 6 xã là Phao Thanh, Phú Xuân, Lương Trình, Thanh Lương, Ngô Xá, Lương Hạ).

4- Lý Nhân (gồm 6 xã Lý Nhân, Dương Tạc, Thố Mè, Kim Lĩnh, Cổ Dạ, Lũ An).

5- Tiên La (gồm 4 xã, thôn là Tiên La, Vân Đôn, Bạch Thạch, Điều Khê).

6- Thượng Đình (gồm 7 xã là Nhã Lộng, Úc Kỳ, Triều Dương, Cống Thượng, Diềm Thụy, Ngọc Sơn; trong đó xã Ngọc Sơn có 2 thôn là Ngọc Sơn và Ngọc Long).

7- Mạt Hương (gồm 3 xã Vân Dương, Trang Ôn, Mạt Hương; trong đó, xã Mạt Hương có các thôn An Châu, Cầu Châu, Chùa Đông).

⁽¹⁾ Theo sách “Tên làng xã Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX”

8- Bảo Nang (gồm xã Bảo Nang và các thôn Làng Rôi, Thanh Huống và các phường Thủy Cơ, Bến Hanh).

Ngoài ra, trên địa bàn huyện Tư Nông theo sách “Tên làng xã Việt Nam nửa đầu thế kỉ thứ XIX” còn có 3 xã phiêu bạt là Lũ Vân (tổng Đức Lân), Lương Tạ (tổng Thanh Phao), La Đình (tổng La Đình).

Dưới thời Pháp thuộc, những năm cuối thế kỉ XIX vùng đất huyện Phú Bình ngày nay vẫn gọi là huyện Tư Nông (thuộc phủ Phú Bình). Năm 1904, thực dân Pháp giải thể phủ Phú Bình, đổi tên huyện Tư Nông thành phủ Phú Bình, huyện Phổ Yên thành phủ Phổ Yên; huyện Vũ Nhai thành châu Vũ Nhai; các huyện, châu khác trong tỉnh Thái Nguyên vẫn giữ nguyên tên gọi. Các phủ, huyện, châu trở thành đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh⁽¹⁾.

Trải qua hơn 5 thế kỉ tồn tại và phát triển, vùng đất của huyện Phú Bình ngày nay vẫn căn bản như vùng đất huyện Tư Nông thời thuộc Minh. Ngày 1-7-1956, Khu Tự trị Việt Bắc được thành lập, huyện Phú Bình được tách khỏi tỉnh Thái Nguyên, sáp nhập vào tỉnh Bắc Giang. Ngày 15-6-1957, huyện Phú Bình lại được tách khỏi tỉnh Bắc Giang, sáp nhập về tỉnh Thái Nguyên. Ngày 19-10-1962, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 114/CP thành lập thành phố Thái Nguyên. Theo Quyết định số 114/CP của Thủ tướng

⁽¹⁾ Theo Echinard: Lịch sử chính trị quân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chính phủ, các xóm Nhân Minh, Ngọc Tâm (xã Thượng Đình), Hanh (xã Trần Phú – nay là xã Diêm Thụy), Ngân, Na Hoàng, Tiến Bộ, Phú Thái, Lương Thịnh, Tân Trung (xã Lương Sơn - nay xã Lương Sơn thuộc thành phố Thái Nguyên) được tách khỏi huyện Phú Bình, sáp nhập về thành phố Thái Nguyên.

Cuối năm 1976, xã Lương Sơn được tách khỏi huyện Phú Bình, sáp nhập về thành phố Thái Nguyên.

Tiếp đó, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định hợp nhất xã Hương Sơn và thị trấn Úc Sơn thành thị trấn Hương Sơn.

Hiện nay⁽¹⁾, huyện Phú Bình có 21 đơn vị hành chính trực thuộc gồm 20 xã (Đồng Liên, Bàn Đạt, Tân Khánh, Tân Kim, Tân Thành, Tân Hòa, Tân Đức, Dương Thành, Thanh Ninh, Lương Phú, Kha Sơn, Hà Châu, Nga Mi, Úc Kỳ, Nhã Lộng, Diêm Thụy, Thượng Đình, Đào Xá, Bảo Lý, Xuân Phương) và 1 thị trấn (Hương Sơn).

Phú Bình là huyện nằm ở vùng đông - nam của tỉnh Thái Nguyên, nơi tiếp giáp giữa vùng trung du Bắc Bộ và vùng miền núi phía Bắc; huyện lỵ đặt tại thị trấn Hương Sơn cách thành phố Thái Nguyên 28 km và cách thủ đô Hà Nội 50 km; phía Đông giáp với huyện Yên Thế, phía Nam giáp huyện Hiệp Hòa (tỉnh Bắc Giang); phía Bắc và Tây Bắc giáp

⁽¹⁾ Năm 2005.

huyện Đồng Hỷ; phía Tây, Tây Nam giáp huyện Phổ Yên và thành phố Thái Nguyên; trong tọa độ địa lí từ 21 độ 33 phút 33 giây đến 21 độ 35 phút 22 giây độ vĩ Bắc và từ 105 độ 51 phút, đến 106 độ 02 phút độ kinh Đông.

Huyện Phú Bình có diện tích tự nhiên là 249,36 km², được chia thành 3 vùng: Vùng phía Bắc và Đông Bắc nằm bên tả ngạn sông Máng, là vùng bán sơn địa (vùng I) có diện tích tự nhiên là 13.833,84 ha, trong đó 6.189 ha là đất nông nghiệp, còn lại là đất lâm nghiệp. Vùng I có 8 xã, trong đó 7 xã là miền núi, mật độ dân số thưa (346 người/km²). Vùng trung tâm huyện (vùng II) bao gồm 8 xã và thị trấn huyện lỵ, có diện tích tự nhiên 5.583,88 ha, trong đó 4.003,89 ha là đất nông nghiệp, còn lại là đất lâm nghiệp và đất chuyên dụng, có mật độ dân số khá cao (834 người/km²). Đây là vùng có dân số đông, lao động dồi dào, trình độ dân trí khá. Vùng phía Tây và Tây Nam (vùng III), gồm 6 xã, có diện tích tự nhiên 4.518,39 ha, trong đó đất nông nghiệp chiếm 3.652 ha, còn lại là đất lâm nghiệp, mật độ dân số 765 người/km².⁽¹⁾

Phú Bình là huyện có đặc điểm đa dạng về địa hình, có cả miền núi, trung du và đồng bằng; độ cao so với mặt nước biển trung bình là 14 mét, nơi thấp nhất là 10 mét; đỉnh cao nhất 250 mét (đèo Bóp thuộc xã Tân Thành). Nhìn chung, địa hình huyện Phú Bình tương đối bằng phẳng, vùng đồi núi

⁽¹⁾ Số liệu tháng 12-2000.

chủ yếu là đồi núi bát úp thoải và thấp, có độ cao dưới 100 mét. Đây là điều kiện thuận lợi cho canh tác nông nghiệp và cho các hoạt động quân sự trong thời chiến cũng như thời bình.

Một đặc điểm nữa là huyện Phú Bình có rất ít sông, suối. Trên địa bàn huyện chỉ có 2 con sông chính là sông Cầu và sông Đào (hay còn gọi là sông Máng). Sông Cầu thuộc hệ thống sông Thái Bình, bắt nguồn từ xã Bằng Phúc (huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn); đoạn chảy qua địa phận huyện Phú Bình dài 29 km, lòng sông rộng khoảng 120mét.

Sông Đào⁽¹⁾ được khởi công xây dựng năm 1922 và hoàn thành năm 1929, cung cấp nước tưới cho hơn 20.000 ha ruộng, đất của huyện Phú Bình và 3 huyện Hiệp Hòa, Tân Yên, Việt Yên (Bắc Giang). Đoạn sông Đào chảy qua địa bàn huyện có chiều dài 33 km, bắt đầu từ xã Đồng Liên qua các xã Đào Xá, Bảo Lý, Xuân Phương, thị trấn Hương Sơn, vùng giáp ranh giữa hai xã Lương Phú, Tân Hòa, qua xã Tân Đức, xuống huyện Tân Yên (tỉnh Bắc Giang).

Năm 1978, sau khi hoàn thành công trình đại thủy nông hồ Núi Cốc, 6 xã của huyện Phú Bình nằm bên hữu ngạn sông Cầu (gồm Thượng Đình, Diêm Thụy, Nhã Lộng, Úc Kì, Nga Mi, Hà Châu) được sử dụng nguồn nước tưới từ công trình này; hơn 3.600 ha ruộng nước cấy được 2 vụ ăn

⁽¹⁾Còn có tên gọi là kênh Bích Động hay sông Máng.

chắc và hơn 1.000 ha hoa màu vụ Đông không phải chịu hạn như trước.

Ngoài sông Cầu và sông Đào, trên địa bàn huyện Phú Bình còn có hơn 40 hồ chứa nước lớn, nhỏ và hàng ngàn ao, đầm cùng với một số suối nhỏ ở các xã tây bắc huyện; do vậy, những năm gặp thời tiết thất thường, diện tích đất gieo trồng bị khô cạn của huyện Phú Bình cũng ít hơn các huyện khác trong tỉnh. Huyện Phú Bình có trữ lượng nước ngầm khá lớn và ở độ sâu vừa phải (trung bình dưới mặt đất là 4 mét là thấy mạch nước ngầm).

Khí hậu của huyện Phú Bình mang đặc điểm của khí hậu miền núi, trung du Bắc Bộ; có nhiệt độ trung bình trong năm từ 23,1 độ C đến 24,4 độ C. Nhiệt độ cao nhất trung bình 28,9 độ C, thấp nhất trung bình 15,2 độ C; lượng mưa trung bình hàng năm khoảng từ 2.000mm đến 2.500 mm. Tháng 8 có lượng mưa cao nhất và tháng 1 có lượng mưa thấp nhất; tổng số giờ nắng trong năm dao động từ 1.206 giờ đến 1.570 giờ và phân phối đều trong năm.

So với các huyện khác trong tỉnh, huyện Phú Bình có độ ẩm cao, trung bình từ 81,9% đến 82%, trừ hai tháng 11 và 12 độ ẩm nhỏ hơn. Do địa hình tương đối bằng phẳng, nên huyện Phú Bình có tần suất lặng gió thấp, khoảng từ 15% đến 20% và tốc độ gió cũng lớn hơn các huyện miền núi; hướng gió thay đổi rõ rệt theo hệ thống hoàn lưu; mùa

Hè thường có gió Đông Nam, mát mẻ; mùa Đông có gió Đông Bắc, thời tiết lạnh.

Điều kiện địa lý tự nhiên của huyện Phú Bình rất thuận lợi cho phát triển sản xuất nông – lâm nghiệp. Đây là vùng thóc và cũng là nguồn cung cấp thực phẩm (bao gồm trâu, bò, lợn, gà, vịt, các loại đỗ, lạc, rau, quả...), rất quan trọng cho thành phố Thái Nguyên và các khu công nghiệp phía nam của tỉnh Thái Nguyên.

Hệ thống đường bộ của Phú Bình qua nhiều năm xây dựng, đặc biệt từ năm 1990 đến nay đã tương đối hoàn chỉnh, gồm nhiều đường giao thông ngang, dọc nối liền các thôn, xã trong huyện với nhiều vùng trong tỉnh và nhiều miền của đất nước. Trục giao thông quan trọng nhất trên địa bàn huyện là Quốc lộ 37. Quốc lộ 37 nối Quốc lộ 1 A (Hà Nội – Lạng Sơn) tại huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, với Quốc lộ 3 A (Hà Nội – Cao Bằng) tại thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Đoạn Quốc lộ 37 trên địa bàn huyện Phú Bình đi qua xã Kha Sơn, thị trấn Hương Sơn và các xã Xuân Phương, Nhã Lộng, Diềm Thụy, Thượng Đình. Từ huyện Phú Bình ta có thể theo Quốc lộ 37 xuôi xuống Bắc Giang gặp Quốc lộ 1A, rồi theo Quốc lộ 1A có thể ngược lên thành phố Lạng Sơn, hoặc xuôi về thủ đô Hà Nội. Từ huyện Phú Bình ta cũng có thể theo Quốc lộ 3A ngược lên các tỉnh Bắc Kạn, Cao Bằng, hoặc xuôi về thủ đô Hà Nội.

Tiếp theo, là Tỉnh lộ 262. Tỉnh lộ 262 bắt đầu từ bến đò Hà Châu, qua các xã Hà Châu, Nga Mi, Úc Kỳ, lên xã Đầm Thụy chia làm 2 nhánh, một nhánh nối với Quốc lộ 37 tại xã Đầm Thụy, một nhánh sang huyện Phổ Yên, lên huyện Đại Từ, nối với đoạn Quốc lộ 37 từ ngã ba Bờ Đậu (xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên) đi Tuyên Quang tại thị trấn Đại Từ (tỉnh Thái Nguyên). Ngoài ra, trên địa bàn huyện, hai bờ đê sông Đào cũng là trục đường bộ khá quan trọng, nhất là bờ đê bên phía hữu ngạn, xe ô tô có trọng tải tương đối lớn có thể đi lại dễ dàng.

Về giao thông đường thủy, từ tháng 7-1954 trở về trước, sông Cầu và sông Đào không chỉ là tuyến vận tải quan trọng của huyện Phú Bình mà của cả tỉnh Thái Nguyên. Trên sông Đào, các đoàn thuyền và xà lan chở than đá và nông sản từ bến Than và bến Tượng (thị xã Thái Nguyên) có thể đến tận Hải Phòng và lấy hàng từ Hải Phòng về Thái Nguyên. Năm 1966, đế quốc Mỹ cho máy bay ném bom, bắn phá làm hỏng nhiều âu thuyền, nên tuyến vận tải thủy này ngừng hoạt động. Tuy nhiên, nhân dân địa phương vẫn sử dụng vận tải nội hạt, khi cần thiết, sửa chữa các âu thuyền lại có giá trị sử dụng được như trước đây.

II - Dân cư, kinh tế, văn hóa, xã hội:

Dân cư huyện Phú Bình do nhiều bộ phận hợp thành. Bên cạnh một bộ phận lớn là dân bản địa định cư từ lâu đời,

là một bộ phận dân cư do bọn điền chủ người Pháp và người Việt mộ vào làm thuê cho chúng ở các đồn điền. Một bộ phận khác là đồng bào ở các tỉnh vùng địch tạm chiếm lên tản cư kháng chiến, rồi ở lại định cư lâu dài và một bộ phận là đồng bào các địa phương khác tự do di cư đến địa bàn huyện sinh cơ, lập nghiệp.

Chỉ tính trong hơn 70 năm qua (từ năm 1932 đến năm 2005), dân số toàn huyện đã không ngừng tăng từ 19.120 người (năm 1932)⁽¹⁾ lên 141.936 người (năm 2005)⁽²⁾. Dân cư sống trên địa bàn huyện Phú Bình gồm nhiều dân tộc khác nhau, trong đó đông nhất là người dân tộc Việt (Kinh) chiếm 93,99%; tiếp theo là người các dân tộc Nùng (2,97%), Sán Dìu (1,51%), Tày (1,18%), Dao (0,01%), còn lại là người các dân tộc thiểu số khác⁽³⁾.

Năm 2005, trong toàn huyện mật độ dân số bình quân trên 1 km² là 569,2 người (cao thứ hai trong số 9 huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh – chỉ sau thành phố Thái Nguyên có mật độ dân số là 1.330,44 người/km²).

Phú Bình là huyện kinh tế thuần nông. Dưới thời Pháp thuộc, năm 1932, trong toàn huyện, diện tích đất trồng trọt bị bỏ hoang lên tới 4.000 ha, diện tích đất trồng trọt được canh tác là 5.700 ha; sản lượng lúa cả năm đạt 12.800 tấn,

⁽¹⁾ E. Chinard: Lịch sử chính trị kinh tế tỉnh Thái Nguyên

⁽²⁾ Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2005.

⁽³⁾ Địa lí tỉnh Thái Nguyên, tr 77.

sản lượng các nông sản khác đạt 396 tấn; đàn trâu, bò có 3.050 con, đàn lợn có 4.500 con⁽¹⁾. Trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954-1975), năm 1966 là năm cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mĩ diễn ra trên địa bàn huyện ác liệt nhất, tổng sản lượng lương thực cả năm toàn huyện đạt 20.396 tấn; đàn trâu bò đạt 12.234 con, đàn lợn đạt 22.047 con. Từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là trong những năm thực hiện đường lối đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Đảng gần đây, sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp của huyện được giữ vững và phát triển trên tất cả các mặt trồng trọt và chăn nuôi. Năm 2005, trong toàn huyện, diện tích đất nông nghiệp là 13.622,79 ha, diện tích đất lâm nghiệp là 6.229,93 ha; sản lượng lương thực có hạt đạt 66.376 tấn, sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người đạt 468 kg (trong đó, sản lượng lúa đạt 57.081 tấn; sản lượng lúa bình quân đầu người đạt 402 kg, cao nhất các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh). Toàn huyện có 1.882 ha trồng cây ăn quả, trong đó có 1.217 ha trồng cây nhãn, vải; 67 ha trồng cam, quýt, bưởi.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm của huyện tiếp tục giữ vững và phát triển. Đàn trâu, bò tăng từ 22.594 con (năm 2001), lên 26.994 con (năm 2005); đàn lợn cũng tăng từ 88.008 con (năm 2001), lên 107.737 con (năm 2005); diện tích mặt

⁽¹⁾ E. Chinard: Lịch sử chính trị kinh tế tỉnh Thái Nguyên

III- Truyền thống đấu tranh vũ trang.

Phú Bình là vùng quê được cả nước biết đến nhờ truyền thống đấu tranh vũ trang giữ nước kiên cường, bất khuất, gắn liền với những mốc son lịch sử của dân tộc. Cả nước biết đến Phú Bình, một địa danh An toàn khu II (ATK II) nổi tiếng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đồng bào cả nước biết đến Phú Bình do thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược và những đóng góp to lớn trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

Người dân Phú Bình vốn thông minh, sáng tạo có truyền thống đoàn kết, vượt qua mọi khó khăn gian khổ, cù lao động, khai khẩn đất hoang thành những cánh đồng trù phú ngày nay. Đồng thời, người dân Phú Bình cũng sớm có các truyền thống đấu tranh anh dũng chống áp bức, cường quyền và kiên cường, bất khuất chống giặc ngoại xâm.

Từ năm 874, nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình đã nhiều lần đứng lên đấu tranh vũ trang chống lại ách đô hộ của nhà Đường ở phương Bắc. Năm 1408, Trần Nguyên Khoáng, Nguyễn Đa Bí, Chu Sư Nhan, Ông Lão..., đã lấy đất Phú Bình làm nơi dựng cờ khởi nghĩa chống giặc Minh. Nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình tự nguyện tham gia nghĩa quân, biến xóm làng của mình thành đồn, thành lũy, thành chiến trường để tiêu diệt địch.

Đầu thế kỉ XVIII, triều đình phong kiến Vua Lê - Chúa Trịnh đã trở nên suy tàn. Chính quyền phong kiến không quan tâm đến sản xuất và đời sống của nhân dân. Thiên tai, dịch bệnh thường xuyên xảy ra, làm cho đời sống của nhân dân ở nhiều nơi (trong đó có nhân dân Phú Bình) đói khổ, cơ cực.

Trong bối cảnh đó, ở nhiều nơi trong cả nước, nông dân đã nổi dậy khởi nghĩa chống lại triều đình Vua Lê - Chúa Trịnh. Riêng ở vùng Bắc Hà đã liên tiếp nổ ra các cuộc khởi nghĩa lớn và kéo dài của Nguyễn Dương Hưng, Nguyễn Cừ, Nguyễn Tuyến..., ở khắp các vùng Thanh Hóa, Hải Dương, Hải Phòng, Bắc Giang. Tại Thái Nguyên, cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Danh Phương⁽¹⁾, tức Nguyễn Ngũ (biệt danh Quận Hảo) kéo dài từ năm 1740 đến năm 1751, đã lan rộng khắp các huyện, phủ trong tỉnh và các tỉnh lân cận (Tuyên Quang, Sơn Tây).

Tại vùng đất huyện Phú Bình ngày nay (lúc đó là huyện Tư Nông, phủ Phú Bình, trấn Thái Nguyên), Nguyễn Danh Phương đã xây dựng đồn Úc Kỳ và một số đồn nhỏ khác để tập trung lực lượng và dự trữ lương thảo chống lại triều đình Vua chúa Lê - Trịnh.

Đồn Úc Kỳ được xây dựng trên một quả đồi thấp (cao khoảng từ 20 đến 25 mét so với so với mặt ruộng, nằm án ngữ sát con đường từ Thái Nguyên đi xuống bến đò Hà Châu, theo sông Cầu về Bắc Ninh và theo đường bộ sang

⁽¹⁾ Nguyễn Danh Phương, quê xã Tiên Sơn, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bắc Giang. Đồn Úc Kỳ nằm ở vị trí tiếp giáp với các cánh đồng màu mỡ và những làng cổ, đông dân cư ven sông Cầu (như các làng Hà Châu, Nga Mi, Úc Kỳ, Nhã Lộng, Phương Độ...) của huyện Tư Nông – vùng trù phú nhất của trấn Thái Nguyên lúc đó. Do đó, nhân dân huyện Tư Nông (nay là huyện Phú Bình) có thể cung cấp sức người, sức của cho lực lượng nghĩa quân ở đồn Úc Kỳ một cách dễ dàng.

Trên quả đồi rộng trên 2 ha, nghĩa quân đã san phẳng khoảng 1 ha thành một bãi hình vuông, mỗi cạnh chừng 100 mét. Xung quanh đồn được đắp đất sét, đầm nện chắc thành bức tường dày từ 1,2 mét đến 1,5 mét, cao hơn 2 mét, có cửa ra vào đồn ở bốn mặt và có nơi canh gác. Trong đồn có sân rộng để nghĩa quân luyện tập, có các dãy nhà để ở và sinh hoạt. Xung quanh phía ngoài đồn là dải đất ven đồi có độ dốc từ 30 độ đến 45 độ; phía bắc đồn có con suối khá lớn, khi nước đầy nó như một chiến hào bảo vệ đồn ở phía Bắc; phía Đông Nam có khúc sông sâu (do sông Cầu đổi dòng để lại). Với kiến trúc như vậy, nghĩa quân Nguyễn Danh Phương đã xây dựng đồn Úc Kỳ trở thành một đồn lũy kiên cố, vững chắc. Dựa vào đồn Úc Kỳ vững chắc, kiên cố, lại được nhân dân các dân tộc huyện Tư Nông (nay là huyện Phú Bình) tận tình giúp đỡ, ủng hộ, cung cấp sức người, sức của, nghĩa quân Nguyễn Danh Phương đã kiên cường chống lại triều đình Lê - Trịnh hàng chục năm trời. Năm Cảnh Hưng thứ 10 (1749), triều đình Vua Lê - Chúa Trịnh quyết định tập trung lực lượng để công phá đồn Úc Kỳ. Năm 1750,

Triều đình cử các tướng giỏi gồm Hoàng Ngũ Phúc, Bùi Thế Đạt cùng với chúa Minh Vương Trịnh Doanh đích thân cầm quân ra phá đồn Úc Kỳ và đàn áp cuộc khởi nghĩa do Nguyễn Danh Phương lãnh đạo. Đồn Úc Kỳ bị phá, thủ lĩnh Nguyễn Danh Phương bị bắt, cuộc khởi nghĩa bị thất bại.

Tuy cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Danh Phương đã bị thất bại, nhưng tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất của nghĩa quân Nguyễn Danh Phương, với sự ủng hộ và tham gia rộng rãi của nhân dân các dân tộc huyện Tư Nông (nay là huyện Phú Bình) đã làm vẻ vang thêm trang sử đấu tranh oanh liệt của nhân dân Phú Bình chống giặc ngoại xâm và chế độ cường quyền, áp bức của triều đình phong kiến mục nát.

Sang Thế kỉ 19, sau khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta (năm 1858), trong khi vua, quan nhà Nguyễn hèn nhát từng bước đầu hàng giặc; nhân dân cả nước đã anh dũng đứng lên đánh Pháp, nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân bùng nổ suốt từ Bắc chí Nam. Đất nước ta rơi vào cảnh hỗn loạn. Vào đúng lúc ấy (năm 1867), Ngô Côn (tức Ngô Á Trung) chỉ huy một bộ phận nông dân Trung Quốc khởi nghĩa hoạt động ở vùng Quảng Tây, bị quân triều đình nhà Thanh tấn công dữ dội phải chạy đến vùng biên giới Trung – Việt, sau đó tràn vào các tỉnh miền Bắc nước ta, sinh sống bằng nghề cướp bóc. Cuối năm đó (1867), đội quân này sau khi đánh thành Thái Nguyên đã kéo xuống cướp phá địa bàn

huyện Phú Bình. Nhân dân Phú Bình dưới sự chỉ huy của tri phủ Đoàn Công Tính đã đứng lên đánh trả bọn kẻ cướp rất quyết liệt để bảo vệ quê hương thân yêu của mình. Đoàn Công Tính đã hi sinh vì dân, nhưng ông và nhân dân Phú Bình đã là người chiến thắng. Để tưởng nhớ một tấm gương vì dân hi sinhล้ม liệt, nhân dân trong huyện đã chọn thế đất đẹp nhất ở làng Triều Dương (xã Thượng Đình) ngày nay để xây đền thờ ông. Sau đó ít lâu, Lý A Sinh, một tùy tướng của Lưu Vĩnh Phúc chỉ huy một toán quân Cờ Đen đến đánh đồn Phương Độ và cướp bóc trong phủ. Nhân dân Phú Bình lại một lần nữa đứng lên cùng với quân triều đình nhà Nguyễn do Phục chính đại thần Tôn Thất Thuyết chỉ huy đánh đuổi chúng chạy lên phía Bắc.

Ngày 17-3-1884, tướng thực dân Borie Đolit⁽¹⁾ cho hai đại đội thuộc Tiểu đoàn xung kích An - giê - ri và 1 trung đội pháo binh từ Bắc Ninh đánh chiếm Phú Bình, cửa ngõ đông nam thành Thái Nguyên, mở đầu quá trình đánh chiếm tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh Việt Bắc.

Trước họa ngoại xâm đe dọa sự sống còn của dân tộc, cứu nước trở thành tiếng gọi thiêng liêng nhất, cấp bách nhất của nhân dân Việt Nam nói chung, nhân dân huyện Phú Bình nói riêng. Tạm gác cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột tàn bạo của giai cấp địa chủ và triều đình phong kiến uơ hèn, nhân dân Phú Bình sát cánh cùng với quân triều đình

⁽¹⁾ Brière de lisle.

chống lại kẻ thù cướp nước. Khoảng 8 giờ sáng ngày 17-3, cánh quân Pháp vừa kéo đến làng Đức Lâm đã lập tức bị quân dân Phú Bình chặn đánh quyết liệt. Nhiều đội võ trang tự nguyện của nhân dân chỉ trang bị bằng vũ khí thô sơ và dựa vào lũy tre, thành đất của xóm, làng đã chiến đấu rất dũng cảm, làm thất bại âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của chúng. Do vấp phải sự chặn đánh quyết liệt và bị nhiều thiệt hại, nên mãi tới 16 giờ 20 phút buổi chiều (cùng ngày 17-3) quân Pháp mới đến được Phương Độ. Phần do bị thiệt hại nặng về người, vũ khí, phần do binh lính hoang mang, suy kiệt, buộc quân Pháp phải ở lại Phương Độ để cứu chữa thương binh và chờ lực lượng chi viện từ Bắc Ninh lên; ngày 19-3 chúng mới thực hiện tiếp được kế hoạch tiến quân về tỉnh lỵ Thái Nguyên.

Cuộc chiến đấu của quân và dân Phú Bình chẳng những tiêu hao được nhiều sinh lực địch, mà quan trọng hơn là đã làm chậm bước tiến của chúng, tạo điều kiện cho quân dân ở tỉnh lỵ Thái Nguyên có thêm thời gian chuẩn bị đánh giặc.

Trước sự chống trả quyết liệt, của quân dân trong tỉnh lỵ Thái Nguyên, quân Pháp đã không dám ở lại Thái Nguyên, mặc dù chúng đã vào được trong thành; ngày 21-3, chúng lui về Bắc Ninh. Không chiếm được Thái Nguyên sẽ không thể đánh chiếm các tỉnh miền núi phía bắc Bắc Kỳ, do đó, tướng Borie Dolit phải bằng mọi giá đánh chiếm bằng được thành Thái Nguyên. Song, muốn làm được việc này,

chúng phải mở được cánh cửa phía đông nam tỉnh lỵ, tức là địa bàn huyện Phú Bình, tạo ra một hành lang tương đối an toàn cho các cuộc hành binh từ Bắc Ninh lên tỉnh lỵ Thái Nguyên qua hai ngã Phú Bình và Phổ Yên.

Chính vì vậy, sau trận đánh ngày 19-3-1884, địch đã tổ chức nhiều cuộc tấn công vào địa bàn các huyện Phú Bình, Phổ Yên nhằm thăm dò và bình định. Ngày 14-4-1884, sau khi đánh chiếm hai điểm Hà Châu (Phú Bình), Cải Đan (Phổ Yên)⁽¹⁾, chúng tiến lên tỉnh lỵ Thái Nguyên. Tại đây, chúng lại bị chặn đánh rất quyết liệt và phải dùng sơn pháo bắn dữ dội vào tỉnh lỵ. Và cũng như lần trước, tuy vào được tỉnh lỵ, nhưng chúng không dám ở lại vì sợ bị tiêu diệt. Ngày 19-4, lại rút về Bắc Ninh; mãi đến ngày 10-5-1884, chúng mới dám đưa quân lên chiếm đóng lâu dài tỉnh lỵ Thái Nguyên.

Cũng như đồng bào các dân tộc trong tỉnh Thái Nguyên, nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình không vì thành Thái Nguyên thất thủ mà ngưng cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược. Ngay cả sau ngày triều đình Huế đã kí hòa ước đầu hàng quân xâm lược Pháp (6-6-1884), nhân dân Phú Bình vẫn cùng với nhân dân trong tỉnh kháng Pháp. Hàng loạt nhóm nghĩa quân do nhân dân địa phương tự vũ

⁽¹⁾ Nay là phường Cải Đan, thị xã Sông Công.

trang đã xuất hiện và chiến đấu rất quyết liệt ngăn chặn những cuộc hành quân bình định của giặc.⁽¹⁾

Trong lúc cuộc kháng chiến chống Pháp đang lan rộng khắp nơi trong cả nước thì năm 1887, cuộc khởi nghĩa nông dân do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo đã bùng nổ ở huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Yên Thế và Phú Bình là hai huyện giáp ranh, núi liền núi, rừng liền rừng; nhân dân hai huyện vốn đã đoàn kết, gắn bó, nương tựa vào nhau lúc thiên tai, giặc giã ... nay nông dân Yên Thế đứng lên khởi nghĩa chống thực dân Pháp xâm lược, lập tức đã cuốn hút đông đảo các tầng lớp nhân dân ở nhiều địa phương khác tham gia, trong đó sớm nhất và đông đảo nhất là nhân dân Phú Bình. Nhân dân Phú Bình (mà trên 98% là nông dân) đã ý thức sâu sắc kẻ thù cướp nước cũng là kẻ thù cướp ruộng đất và tước đoạt cuộc sống của họ⁽²⁾, do đó, việc cầm vũ khí chống thực dân Pháp xâm lược để bảo vệ độc lập, tự do của dân tộc cũng chính là chống lại hành động cướp đất của bọn thực dân, kẻ đã đẩy họ vào cảnh đời cơ cực. Điều đó đã cắt nghĩa vì sao ở Phú Bình đã có cả một dòng họ, có cả một làng nhân dân theo nghĩa quân Hoàng Hoa Thám. Trong suốt những năm hoạt động của nghĩa quân Yên Thế (1887-1913), nông dân nhiều nơi trong huyện tự biến xóm làng mình thành đồn,

¹⁾ Từ 1884-1898, Pháp mở rất nhiều cuộc hành quân bình định trong phạm vi toàn tỉnh Thái Nguyên và cho xây dựng nhiều đồn bốt, tháp canh; ở Phú Bình có đồn Hà Châu, Phương Độ, Hanh, Kha Sơn Hạ...

²⁾ Từ năm 1887 đến năm 1912, thực dân Pháp đã chiếm hữu trên 50% diện tích đất canh tác và có khả năng canh tác của của nông dân Phú Bình, trong đó tên Ghiôm chiếm tới 1.200 ha đất. Cả huyện có 52 ấp, trại, thì 49 ấp trại thuộc đất đồn điền, có nghĩa là nông dân ở 49 ấp này là tá điền cày thuê, cấy rẽ cho bọn cướp nước ngay trên mảnh đất của chính mình.

lũy, thành chiến trường diệt địch⁽¹⁾. Ngoài ra, nhân dân Phú Bình còn tích cực ủng hộ lương thực, vũ khí và động viên tinh thần đối với nghĩa quân. Có thể nói, lòng dân và đất Phú Bình cũng không kém lòng dân đất Yên Thế, là niềm tin và chỗ dựa của nghĩa quân Yên Thế. Bị thực dân Pháp tập trung đàn áp dữ dội, năm 1913 cuộc khởi nghĩa của nông dân Yên Thế bị thất bại. Tiếng súng phải lắng xuống. Mặc dầu vậy, cuộc khởi nghĩa của nông dân Yên Thế đã làm chấn động dư luận trong và ngoài nước và quan trọng hơn, nó đã cổ vũ tinh thần yêu nước, biểu thị quyết tâm chống Pháp xâm lược của nhân dân ta.

Đúng bốn năm sau thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Thế, năm 1917 nhân dân cả nước lại biết đến cuộc nổi dậy của binh lính người Việt trong quân đội Pháp ở tỉnh lỵ Thái Nguyên, có sự tham gia của nhiều người con dũng cảm của đất Phú Bình, trong đó Đội Giá người làng Úc Sơn là một trong những người chỉ huy cuộc khởi nghĩa.

Đêm 30 rạng sáng ngày 31-8-1917, 131 lính khố xanh đóng ở tỉnh lỵ Thái Nguyên dưới sự chỉ huy của Đội Cấn (Trịnh Văn Cấn), Lương Ngọc Quyến, Đội Giá (Dương Văn Giá), Đội Trường (Phạm Văn Trường)... đã đứng lên khởi nghĩa chống quân xâm lược Pháp, quyết “Rửa nỗi nhục vài mươi năm nô lệ...”⁽²⁾. Cuộc khởi nghĩa ngay lập tức thu hút

¹⁾ Theo “Bắc Thái 40 năm đấu tranh xây dựng và trường thành (1945-1985) – Tr 123.

²⁾ “Tuyên ngôn của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên” – xem “Khởi nghĩa Thái Nguyên 80 năm nhìn lại” – TN xuất bản 1917 – tr 127.

180 tù chính trị vừa được giải thoát và hơn 300 công nhân, nông dân yêu nước tham gia.

Một trong các mục tiêu quan trọng mà quân khởi nghĩa Thái Nguyên đặt ra là phải đánh chiếm thắng lợi ngay từ đầu nhà tù Thái Nguyên, nơi giam giữ trên 200 tù nhân, lực lượng rất quan trọng bổ sung cho nghĩa quân. Đa số tù nhân bị giam giữ ở đây là những người yêu nước như Lương Ngọc Quyến, Ba Nhọ, Ba Lâm, Tú Hối Xuân..., những người tham gia phong trào Duy tân, Quang phục hội và 42 người là nghĩa quân Hoàng Hoa Thám. Hơn nữa, Lương Ngọc Quyến, lãnh tụ tinh thần của cuộc khởi nghĩa cần được giải thoát. Do tính chất quan trọng của nhà tù như vậy, nên chính quyền thực dân đã cử Lô-ê (Loew), một tên mật thám cáo già làm giám mục nhà tù. Hàng ngày, tù nhân đi làm phải xích chân và xích người nọ với người kia, có lính canh chừng bên cạnh. Tối đến, số lính gác được tăng cường thêm 1 tiểu đội (12 tên).

Nhiệm vụ chỉ huy đánh chiếm nhà lao, giải phóng tù nhân được giao cho Đội Giá. Ông đã cùng với Đội Năm (người chỉ huy lính tăng cường gác nhà tù đêm 30-8) giết Lô-ê, phá nhà lao, giải phóng tù nhân. Ngay sau đó, Đội Giá tham gia đánh chiếm kho bạc, nhà đòan, kho vũ khí... Chỉ trong một đêm, quân khởi nghĩa đã làm chủ tỉnh lỵ. Ngay sau thắng lợi này, nghĩa quân đã tuyên bố thành lập "Quang phục quân" do Trịnh Văn Cấn làm Đại Đô đốc, Lương Ngọc

Quyển làm quân sư, Dương Văn Giá (Đội Giá) được cử làm chỉ huy 1 trong 8 đội quân “Quang phục quân”.

Chiến đấu trong điều kiện hết sức bất lợi về so sánh lực lượng, nghĩa quân làm chủ tỉnh lỵ được 6 ngày, rồi phải rút toàn bộ lực lượng ra ngoài. Mặc dầu đi đến đâu nghĩa quân cũng được nhân dân ủng hộ..., nhưng cuộc chiến đấu cũng chỉ kéo dài khoảng 6 tháng rồi bị dập tắt.

Cuộc khởi nghĩa của binh lính yêu nước Thái Nguyên dưới sự chỉ huy của Đội Cấn, Lương Ngọc Quyển, Đội Giá... đã không đi đến thành công như mong muốn, nhưng tiếng súng tiến công vào đầu não kẻ thù ở tỉnh lỵ Thái Nguyên đã làm chấn động dư luận tiến bộ bên nước Pháp và làm rạn vỡ thêm truyền thống đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm của dân tộc ta.

Nhân dân huyện Phú Bình tự hào đã có 22 người con ưu tú tham gia vào cuộc khởi nghĩa anh hùng này⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Gồm: 1- Dương Văn Giá (La Đình), 2- Đào Văn Mạnh (Đức Lân), 3- Hoàng Văn Chúc (Nhã Lộng), 4- Bạch Đình Dũng (Thượng Đình), 5- Dương Đình Bảnh (Thượng Đình), 6- Dương Văn Bộ (Nhã Lộng), 7- Dương Văn Thìn (La Đình), 8- Nguyễn Văn Cón (Lý Nhân), 9- Dương Danh Lợi (La Đình), 10- Dương Đình Trọng (Nhã Lộng), 11- Dương Văn Thành (Nhã Lộng), 12- Dương Văn Kế (Đức Lân), 13- Dương Văn Lịch (La Đình), 14- Dương Văn Nhu (Đức Lân), 15- Dương Văn Tuế (La Đình), 16- Dương Văn Tuệ (La Đình), 17- Dương Văn Cung (La Đình), 18- Dương Văn Dung (La Đình), 19- Ngô Công Tĩnh (La Đình), 20- Nguyễn Văn Duyệt (Nhã Lộng), 21- La Văn Cống (Thượng Đình), 22- Nguyễn Văn Giác (La Đình).

Mặc dù cuối thế kỉ 19 đầu thế kỉ 20, những cuộc khởi nghĩa của nông dân và binh lính diễn ra rất sôi động, trong đó có nhân dân Phú Bình tham gia với tinh thần tích cực và vô cùng anh dũng đều không đi đến thành công và bị chìm trong biển máu, nhưng nhân dân Phú Bình không ngại hi sinh, gian khổ liên tục đứng lên đấu tranh chống lại thế lực tàn bạo của chế độ thực dân phong kiến. Tiêu biểu là những cuộc đấu tranh trong năm 1920 ở khắp các ấp trại trong huyện chống lại những tên thực dân dựa vào lưỡi lê, họng súng của quân lê dương cướp đất lập đồn điền.

Trước sự áp bức bóc lột trắng trợn của bọn thực dân phong kiến, nhân dân các dân tộc Phú Bình đã biểu thị ý chí đấu tranh kiên cường để bảo vệ quyền lợi của giai cấp và dân tộc; sẵn sàng đứng lên làm cách mạng mong thoát khỏi nỗi nhục mất nước, thân làm nô lệ. Nhưng lúc này vấn đề đặt ra là phải có con người chèo lái con thuyền vượt qua thác ghềnh để đến bến vinh quang.

Giữa lúc đất nước đang chìm trong nô lệ thì Nguyễn Ái Quốc sau nhiều năm tích cực chuẩn bị về tư tưởng, chính trị, tổ chức và cán bộ, ngày 3-2-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng nước ta. Nó chấm dứt thời kì của cách mạng nước ta trong thời kì “Đen tối không có đường ra”; chấm dứt thời kì khủng hoảng, bế tắc về đường cách mạng giải phóng dân tộc.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (lâm thời) họp tháng 10-1930, thảo luận và thông qua Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương và quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời chưa được bao lâu đã phát động được một phong trào cách mạng sôi nổi trong cả nước những năm 1930-1931 mà đỉnh cao là Xô Viết Nghệ - Tĩnh. Tiếng trống Xô Viết Nghệ - Tĩnh đã dội đến và thôi thúc tinh thần yêu nước của nhân dân các dân tộc Phú Bình. Là vùng đất mà ngay từ khi đế quốc Pháp vừa đặt chân đến đã bị chặn đánh rất quyết liệt và tiếp sau đó là những cuộc đấu tranh phản kháng liên tục, gay gắt chống lại ách thống trị thực dân, phong kiến, nên chính quyền đô hộ của thực dân Pháp luôn coi “Phú Bình là nơi cần được coi trọng về trị an”⁽¹⁾. Trong những năm 1930-1935, ở tỉnh Thái Nguyên nói chung và huyện Phú Bình nói riêng, chế độ bảo vệ an ninh được thực dân Pháp thường xuyên đặt lên hàng đầu. Chúng áp dụng chế độ kiểm soát đến từng người dân, nhằm một mục đích duy nhất: ngăn ngừa ảnh hưởng của cao trào yêu nước và hoạt động của những người Cộng sản đến Thái Nguyên, trong đó có Phú Bình. Nhưng Đảng ta đã vận dụng mọi khả năng nửa hợp pháp và hợp pháp, đưa cán bộ đến những địa bàn có khó khăn trước đây như Phú Bình để vận động cách mạng.

⁽¹⁾ Báo cáo của Sở Mật thám Bắc Kỳ tháng 3-1933, lưu tại LSD Thái Nguyên.

IV - Phú Bình trong phong trào đấu tranh đòi tự do dân chủ (1936-1939) và trong cuộc vận động Cách mạng Tháng Tám 1945.

Tháng 1 năm 1936, Mặt trận nhân dân Pháp chống phát xít được thành lập, bao gồm Đảng Cộng sản, Đảng Xã hội, Đảng Cấp tiến, các công đoàn và các tổ chức quần chúng của 3 đảng. Mặt trận thông qua cương lĩnh đòi thả hết tù chính trị, giải tán và tước hết vũ khí của bọn phát xít, thực hiện tuần làm việc 40 giờ, tăng trợ cấp thất nghiệp, giúp đỡ nông dân... Tháng 4-1936, Mặt trận giành được đa số phiếu bầu trong cuộc Tổng tuyển cử, được đứng ra thành lập Chính phủ. Phong trào nhân dân Pháp lên cao và thắng lợi trong cuộc Tổng tuyển cử đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến các thuộc địa của Pháp ở Đông Dương. Phong trào cách mạng Đông Dương đứng trước tình thế thuận lợi, có khả năng phát triển thành cao trào.

Tuy Chính phủ Pháp vẫn là một chính phủ tư sản nhưng ra đời trong cao trào đấu tranh dân chủ chống phát xít, dù muốn hay không vẫn phải ban hành một số chính sách về tự do, dân chủ cho nhân dân các nước thuộc địa.

Tranh thủ những điều kiện thuận lợi của tình hình chính trị đang diễn ra ở nước Pháp, Đảng ta phát động nhân dân cả nước vùng lên đấu tranh chống phát xít và chống chiến tranh, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hoà bình. Để đạt được mục tiêu này, Hội nghị Trung ương Đảng họp tháng 7-1936 đã đề ra chủ trương thành lập mặt trận rộng rãi bao

gồm các giai cấp, các tổ chức và cá nhân tán thành chống phát xít và chiến tranh, thi hành cải cách dân chủ, cải thiện dân sinh; sử dụng các hình thức tổ chức và đấu tranh hợp pháp và nửa hợp pháp kết hợp với các hình thức bất hợp pháp; mở rộng hoạt động trên nhiều lĩnh vực, khắp các địa bàn (thành thị và nông thôn), thu hút đông đảo nhất mọi lực lượng dân tộc, dân chủ và tiến bộ vào cuộc đấu tranh.

Sau Hội nghị Trung ương, cả nước sôi động phong trào đấu tranh đòi tự do dân chủ. Nhiều cán bộ của Đảng hoạt động ở ngoài nước được chỉ thị về nước để hoạt động, nắm phong trào; một số đồng chí được cử về tỉnh Thái Nguyên. Một số đảng viên của các tỉnh Hà Nam, Thái Bình, Hải Phòng... những năm trước đây bị địch khủng bố tạm lánh lên Thái Nguyên nay tìm cách bắt liên lạc với Đảng, nối lại sinh hoạt Đảng và lấy địa bàn Thái Nguyên làm nơi hoạt động, gây cơ sở. Những đồng chí ở nước ngoài về và các đồng chí ở các tỉnh miền xuôi lên hoạt động chủ yếu ở các huyện Đại Từ, Định Hoá, Võ Nhai, chưa có điều kiện mở rộng xuống các huyện Phú Bình, Phổ Yên. trong khi đó, phong trào cách mạng ở các tỉnh Phúc Yên, Bắc Giang, nơi tiếp giáp hai huyện nói trên vẫn diễn ra khá sôi động.

Ngay từ đầu năm 1937, dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Giang, tá điền ở các đồn điền Vát, Tri Cự và đồn điền Cọ (thuộc huyện Hiệp Hoà) đã thành lập được Hội Ái hữu, Hội Tương tế và tổ chức được nhiều cuộc đấu tranh

chống tô cao, thuế nặng, chống thói hà lạm, nhưng nhiều của bọn cai kí, quản lí đồn điền.

Nhận thấy nơi đây có nhiều đồn điền, tuyệt đại nông dân là tá điền, cuối năm 1937 đầu năm 1938, Trung ương Đảng và Xứ uỷ Bắc Kỳ đã cử nhiều cán bộ về đây hoạt động để giác ngộ tá điền và thúc đẩy phong trào.

Cuối năm 1938, Nguyễn Văn Nội (tức Cao Nhật) người xã Kha Sơn Hạ (huyện Phú Bình) là tá điền của đồn điền Tác - ta - ranh (Tartarin) ở xã Thanh Vân (Hiệp Hoà - Bắc Giang), nơi có phong trào cách mạng phát triển mạnh trong hàng ngũ tá điền, được đồng chí Hoàng Văn Thái (sau này là Đại tướng), cán bộ của Xứ uỷ Bắc Kỳ giác ngộ cách mạng và được kết nạp vào Hội Thanh niên phản đế tại xã Vân Xuyên (Hiệp Hoà - Bắc Giang).

Nguyễn Văn Nội đã mang hiểu biết của mình về Kha Sơn Hạ tuyên truyền lôi kéo thanh niên cùng trang lứa có tinh thần yêu nước sang Vân Xuyên gia nhập Hội Thanh niên phản đế và tiếp thu những điều sơ giản về chủ trương cuộc cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo. Lớp thanh niên đầu tiên này gồm có Lê Sỹ Ký, Nguyễn Tiến Bình và Nguyễn Văn Mười.

Cũng như Nguyễn Văn Nội, nhóm thanh niên này trở lại Kha Sơn Hạ vận động, tuyên truyền và giác ngộ cách mạng được hàng chục thanh niên khác, không chỉ ở Kha Sơn

Hạ mà ra cả các làng Kha Sơn Thượng, Mai Sơn, Kha Nhi và Bằng Cầu⁽¹⁾. Đầu năm 1941, số hội viên Hội Thanh niên phản đế ở các làng nói trên đã lên tới 30 người. Nhiều gia đình đã bất chấp hiểm nguy, tù tội, nhận nuôi dưỡng, che giấu cán bộ⁽²⁾, trở thành cơ sở của cách mạng. Từ đầu năm 1940, các đồng chí cán bộ lãnh đạo của Xứ uỷ Bắc Kỳ và Trung ương (như Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Lê Thanh Nghị, Lê Hoàng...) đã thường xuyên qua lại vùng này để chỉ đạo phong trào. Và cũng từ đây, các tổ chức của Mặt trận phản đế của Kha Sơn (bao gồm các làng Kha Sơn Thượng, Kha Sơn Hạ, Mai Sơn, Kha Nhi, Bằng Cầu) được tổ chức chặt chẽ, sinh hoạt độc lập (từ năm 1939 về trước sinh hoạt ghép với huyện Hiệp Hoà), đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của các đồng chí cán bộ của Xứ uỷ Bắc Kỳ Ngô Thế Sơn, Lương Văn Đài.

Hội Thanh niên phản đế là hạt nhân vận động và là lực lượng đi đầu trong các cuộc đấu tranh của tá điền ở các đồn điền trong huyện chống áp bức, bóc lột, chống bất công xã hội của chế độ thực dân - phong kiến. Những thắng lợi ban đầu đã giành được qua các cuộc đấu tranh (năm 1939 tá điền ở đồn điền Tác - ta - ranh, đồn điền Hàn Lâm đấu tranh đòi giữ nguyên mức tô như cũ và nộp bằng thóc, chủ đồn điền

⁽¹⁾ Trong đó có các đồng chí Nguyễn Bình Sơn, Nguyễn Văn Xứ, Nguyễn Thế Đạt, Lê Phương...

⁽²⁾ Như gia đình các cụ Nguyễn Văn Khanh, Nguyễn Văn Bệp, Nguyễn Thị Tron, Nguyễn Công Vít.

phải chấp nhận) là dịp thuận lợi để các hội viên Hội Thanh niên phản đế đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giác ngộ quần chúng, phát triển lực lượng cách mạng.

Nhóm thanh niên phản đế của Phú Bình hoạt động dân chủ công khai mạnh mẽ, đã cuốn hút nhiều người tham gia vào nhóm đọc báo, nhóm truyền bá chữ quốc ngữ, Hội Tương tế... Các đồng chí cán bộ Xứ uỷ phụ trách phong trào Phú Bình coi trọng việc lựa chọn những thanh niên tích cực trong phong trào quần chúng để giáo dục, bồi dưỡng trở thành hạt nhân của phong trào.

Dưới sự chỉ huy trực tiếp của Xứ uỷ (qua cán bộ phong trào), chỉ mấy tháng sau khi gây dựng và phát triển, phong trào cách mạng của Phú Bình, mà nòng cốt là Hội Thanh niên phản đế, đã thu được thắng lợi bước đầu. Trước hết, là công tác tuyên truyền cách mạng. Việc tuyên truyền được tiến hành công khai, hợp pháp trong các buổi sinh hoạt, học tập của quần chúng trong nhóm đọc báo, nhóm học chữ quốc ngữ. Đặc biệt, trong các cuộc vận động tá điền đứng lên chống tô cao, thuế nặng, chống phụ thu, lạm bổ v.v..., lực lượng thanh niên phản đế Phú Bình đã biết quan tâm đúng mức đến lợi ích thiết thực của quần chúng nông dân tá điền, nhằm vào những nguyện vọng bức thiết của họ như giảm sưu thuế, giảm tô tức... để vận động họ đấu tranh đòi đáp ứng những nguyện vọng đó.

Trong lúc phong trào cách mạng ở Phú Bình có xu hướng phát triển mạnh mẽ thì chiến tranh thế giới lần thứ II bùng nổ. Ngày 1-9-1939, phát xít Đức tấn công Ba Lan khiến cho Pháp (đồng minh của Ba Lan), phải tuyên chiến với Đức.

Để có tiền và của đáp ứng cho nhu cầu chiến tranh và rảnh tay theo đuổi cuộc chiến, đế quốc Pháp ra sức bóc lột nhân dân và đàn áp những người Cộng sản dân chủ, tiến bộ trong nước và ở các thuộc địa. Ở Đông Dương, chúng tăng cường bắt lính, bắt phu, tăng thuế cũ, đặt thêm thuế mới, giảm tiền lương, tăng giờ làm, trung thu tài sản. Nghiêm trọng hơn, chúng tăng cường truy lùng, bắt bớ, tra tấn, giam cầm, tù đầy những người yêu nước. Mọi sách báo tiến bộ đều bị cấm, các hội đoàn quần chúng được lập ra từ thời kỳ Mặt trận dân chủ bị giải tán; mọi quyền lợi mà nhân dân ta thu được trong giai đoạn đấu tranh dân chủ đều bị thủ tiêu.

Thực hiện chính sách thời chiến, tại Phú Bình, bọn hào lí được lệnh xiết chặt sự kiểm soát ở nông thôn, ở các trại, ấp. Ngày 2-11-1939, Hội Thanh niên phản đế rải truyền đơn kêu gọi chống chiến tranh phát xít và treo cờ búa liềm ở Chợ Đồn (xã Kha Sơn). Ngay sáng hôm sau (ngày 3-11), bọn hào lí tập trung tráng dũng trong huyện cùng với lính khố xanh đồn Hà Châu tổ chức vây giáp, khủng bố tinh thần nhân dân ở Kha Sơn Thượng, Kha Sơn Hạ. Chúng tăng sưu, tăng thuế (thuế thân một xuất từ 1,97 đồng tăng lên 3 đồng); hàng trăm thanh niên khoẻ mạnh bị bắt vào lính, hàng ngàn người

phải đi phu làm đường Hà Châu đi Nhã Nam... Nông dân, tá điền Phú Bình lại rơi vào cảnh đen tối hơn.

Trước âm mưu và hành động mới của địch, Trung ương Đảng gửi Thông cáo cho các cấp bộ Đảng, chỉ ra phương hướng và nhiệm vụ cần kíp trước mắt, nhằm chuyển hướng các hoạt động của Đảng. Thông cáo nhấn mạnh: “Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề giải phóng dân tộc”. Thông cáo yêu cầu các cấp uỷ Đảng, các đảng viên, các tổ chức quần chúng phải rút vào bí mật nhanh chóng và triệt để.

Trong 3 ngày, từ ngày 6 đến ngày 8-11-1939, Hội nghị Trung ương lần thứ 6 họp tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định), nhằm giải quyết vấn đề chuyển hướng đường lối và phương pháp cách mạng trong tình hình mới. Hội nghị khẳng định “Các dân tộc Đông Dương không có con đường nào khác là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng, để tranh lấy giải phóng dân tộc”. Do vậy: “Đứng trên lập trường giải phóng dân tộc, lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao...”, Hội nghị quyết định tạm gác lại vấn đề ruộng đất và thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương, thay cho Mặt trận dân chủ.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6 đánh dấu bước chuyển hướng quan trọng về đường lối và phương pháp cách mạng từ thời kì đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ

sang thời kì đấu tranh giải phóng dân tộc, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.

Tại Phú Bình, qua cuộc khủng bố đầu tháng 11-1939, kẻ địch không phát hiện được các tổ chức yêu nước và cách mạng trong huyện; hơn nữa, tình hình ở các huyện khác trong tỉnh cũng có những diễn biến phức tạp, địch phải tập trung lực lượng vào đó, nên Phú Bình tạm thời được nổi lỏng. Thực hiện chủ trương của Trung ương chuyển trọng tâm công tác về nông thôn, từ cuối năm 1939 trở đi, nhiều cán bộ của Trung ương, và Xứ uỷ được cử về Phú Bình hoạt động, như các đồng chí Lê Thanh Nghị, Lê Hoàng, Hải Lục, Lưu Quyền... Đây là thời cơ rất thuận lợi để Phú Bình phát triển, mở rộng phong trào cách mạng. Đến giữa năm 1940, phong trào cách mạng đã vượt khỏi ranh giới các xã Kha Sơn Hạ, Kha Sơn Thượng, Kha Nhi, Bằng Cầu, Mai Sơn lan rộng sang các xã Dương Thành, Hà Châu, Thanh Ninh, Phương Độ... Ở các xã này đều thành lập được các tổ chức cơ sở của Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương⁽¹⁾.

Tháng 9-1940, cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (Lạng Sơn) bùng nổ đã khích lệ mạnh mẽ phong trào cách mạng ở Phú Bình, nhất là trong các tầng lớp thanh niên. Đáp lời kêu gọi

⁽¹⁾ Lúc này hầu hết các xã phía nam huyện Phú Bình đều có tổ chức các Hội Thanh niên phản đế, Nông dân phản đế... hoạt động độc lập, chưa có hệ thống tổ chức từ huyện trở xuống. Mọi hoạt động vẫn dưới sự chỉ đạo của Ban cán sự Đảng tỉnh Bắc Giang thông qua cán bộ của Xứ uỷ phụ trách phong trào.

của Đảng “Ủng hộ chiến sĩ Bắc Sơn”, tổ chức Thanh niên phản đế đã làm nòng cốt bí mật vận động nhân dân trong huyện ủng hộ các chiến sĩ Bắc Sơn lương thực, vũ khí (giáo, mác, súng kíp...). Tuy nhiên, do đường xá xa xôi, cách trở, lại trong điều kiện địch phong tỏa gắt gao, nên sự chi viện đến được Bắc Sơn thực tế không nhiều.

Sau cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn là cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (11-1940), tiếp đến là cuộc nổi dậy của binh lính yêu nước ở Đô Lương – Nghệ An (1-1941) đã thức tỉnh tinh thần cách mạng của quần chúng cách mạng cả nước. “Đó là những tiếng súng báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc, là bước đầu đấu tranh bằng vũ lực của các dân tộc Đông Dương”⁽¹⁾.

Trước tình hình khẩn trương của cách mạng, Đảng ta đã tích cực chuẩn bị lực lượng đón thời cơ khởi nghĩa giành độc lập cho dân tộc. Hội nghị Trung ương lần thứ 8 họp ở Pắc Bó (Cao Bằng) từ ngày 10 đến ngày 19-5-1941, do đồng chí Nguyễn Ái Quốc chủ trì đã quyết định nhiều vấn đề quan trọng, chủ trương thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh) nhằm đoàn kết mọi giai cấp, mọi tầng lớp đấu tranh cho giải phóng dân tộc; đồng thời, Hội nghị cử ra Ban Chấp hành Trung ương do đồng chí Trường Chinh làm Tổng Bí thư.

¹⁾ Văn kiện Đảng (1930-1945) tập III BNCLSĐTW, 1977 - tr 191, 195.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8 chỉ rõ: “Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”⁽¹⁾.

Cuối năm 1941, được Xứ uỷ Bắc Kỳ phân công, đồng chí Ngô Thế Sơn đã về quán triệt Nghị quyết 8 của Trung ương cho cán bộ cốt cán của các huyện Phổ Yên, Hiệp Hoà, Phú Bình⁽²⁾. Sau Hội nghị này, tất cả các tổ chức phản đế ở 3 huyện trên đều đổi thành các đoàn thể cứu quốc (Thanh niên Cứu quốc, Nông dân Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc v.v...).

Tháng 1-1942, đồng chí Ngô Thế Sơn được Xứ uỷ Bắc Kỳ chỉ định làm Trưởng ban Cán sự Đảng tỉnh Bắc Giang, đồng thời có nhiệm vụ khẩn trương phát triển mở rộng cơ sở quần chúng ở các huyện Hiệp Hoà, Phú Bình; xây dựng một khu vực có phong trào quần chúng mạnh, vững chắc, an toàn để có thể tổ chức những lớp huấn luyện quân sự, chính trị và các cuộc họp do Trung ương hoặc Xứ uỷ triệu tập.

Đầu năm 1942, Phú Bình mở đợt tuyên truyền giới thiệu sự ra đời của Mặt trận Việt Minh; Chương trình và Điều lệ

⁽¹⁾ Hợp tại nhà đồng chí Cao Nhật xã Kha Sơn.

Việt Minh được giải thích sâu rộng trong nhân dân. Qua đợt tuyên truyền này, nhiều người đã tham gia vào các hội cứu quốc. Ngoài các đoàn thể cứu quốc trước đây, ở các làng xã đã thành lập Hội Phụ lão Cứu quốc, Nhi đồng Cứu vong và các đoàn thể cứu quốc đã mở rộng ra các xã Thanh Ninh, Dương Thành, Xuân Phương, Hà Châu, Hương Sơn...; nhiều xã có tới hơn 100 hội viên các hội Cứu quốc, trong đó xã Kha Sơn, hầu như nhà nào cũng có người tham gia đoàn thể cứu quốc, có gia đình cả nhà là hội viên cứu quốc, có cả tầng lớp trên tham gia, xã ít cũng có trên 20 hội viên. Mặt trận Việt minh thực sự đã có sức hút, lôi cuốn mọi tầng lớp nhân dân tham gia.

Nhận thấy điều kiện để từng bước thống nhất các tổ chức cách mạng trong toàn huyện đã chín muồi, đầu năm 1943, đồng chí Lương Văn Đài⁽¹⁾ triệu tập Hội nghị cán bộ các xã khu vực phía nam huyện (họp tại chùa Mai Sơn). Hội nghị thống nhất thành lập Mặt trận Việt Minh tổng Phương Sơn, bao gồm từ xã Phương Độ đến xã Kha Sơn. Ban Chấp hành Việt Minh tổng Phương Sơn gồm 5 đồng chí do đồng chí Nguyễn Bình Sơn làm Chủ nhiệm⁽²⁾.

Trên cơ sở tổ chức chính trị được củng cố và phát triển, từ cuối năm 1941, các đồng chí phụ trách Phú Bình đã bắt

⁽¹⁾ Đồng chí Lương Văn Đài đang công tác ở Hà Nam thì giữa năm 1942 được Xứ uỷ Bắc Kỳ điều lên chỉ đạo phong trào cách mạng ở Phú Bình.

⁽²⁾ Bốn uỷ viên còn lại là các đồng chí Nguyễn Tâm, Nguyễn Thị Lung và hai đồng chí Quý, Tuyết.

đầu xây dựng “Tự vệ đội”⁽¹⁾; đây là tổ chức nửa vũ trang được thành lập để đón thời cơ khởi nghĩa vũ trang. Đội viên tự vệ chọn từ những phần tử hăng hái, khỏe mạnh trong các tổ chức quần chúng, nhất là nam, nữ thanh niên. Nhiệm vụ của tự vệ là đấu tranh vũ trang, nhưng trước mắt là cổ vũ cho tổ chức chính trị phát triển, làm nhiệm vụ canh gác bảo vệ các cuộc họp, các cuộc đấu tranh của quần chúng. Đến năm 1943, tất cả các làng trong tổng Phương Sơn đều có Tự vệ Cứu quốc, số đội viên tự vệ chiến đấu lên tới 50 người.

Trung ương chủ trương khi cơ sở cách mạng đã phát triển, mở rộng thì phát động đấu tranh để rèn luyện sự dày dạn cho quần chúng, gây ảnh hưởng tốt đến những nơi chưa có hoặc phong trào còn yếu. Vì vậy, năm 1942, ở Phú Bình nhiều cuộc đấu tranh của quần chúng liên tiếp nổ ra, trong đó có 3 cuộc đấu tranh có qui mô lớn và giành thắng lợi. Đó là cuộc đấu tranh của tá điền ở 48 ấp (trong tổng số 52 ấp) chống lại việc chủ đồn điền tăng thóc tô từ 140 kg/mẫu lên 180 kg/mẫu; tô trâu từ 10 đồng lên 15 đồng/con. Trước sự đoàn kết kiên quyết đấu tranh của hàng ngàn tá điền, chủ đồn điền buộc phải giữ mức tô ruộng, tô trâu như cũ. Cuộc đấu tranh đã vạch trần thủ đoạn mỵ dân của viên Tri phủ Phú Bình Vi Văn Kỳ, trong cái gọi là “Chấn hưng nông thôn”, móc túi dân xây dựng trường tiểu học và sân vận động của Phủ (ở xã Nhã Lộng ngày nay). Trong cuộc đấu tranh này ta

⁽¹⁾ Sau chuyển thành Tự vệ Cứu quốc.

đã vận động được nhiều hào lý tham gia. Cuối cùng Vi Văn Kỳ chấp nhận sự đóng góp vừa sức của dân, còn lại Phũ phải bỏ quỹ ra xây dựng.

Tối ngày 12-8-1942, Tri phủ Phú Bình (Vi Văn Kỳ) làm Lễ-khánh thành trường tiểu học và sân vận động của phủ. Ngoài biểu diễn văn nghệ, chúng huy động hàng ngàn người đến dự. Lợi dụng điều kiện thuận lợi, Hội Thanh niên Cứu quốc rải truyền đơn đả đảo Pháp – Nhật, vạch mặt bọn tay sai tham nhũng và kêu gọi các tầng lớp nhân dân trong huyện tích cực tham gia và ủng hộ Mặt trận Việt Minh.

Cuối năm 1942, nhân dân các xã phía nam huyện đấu tranh nhất quyết không nộp tre để nhà cầm quyền Thái Nguyên làm cang (trại) Bá Vân giam giữ những người yêu nước...

Bước sang năm 1943, tình hình thế giới và trong nước có những chuyển biến thuận lợi cho phong trào cách mạng của nhân dân ta. Từ ngày 25 đến 28-2-1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp (tại xã Võng La, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc yên) quyết định mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất và xúc tiến chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang.

Sau Hội nghị Thường vụ Trung ương, Khu an toàn II (Viết tắt là ATK 2) được thành lập gồm địa phận các xã giáp ranh của 3 huyện Hiệp Hoà, Phú Bình, Phổ Yên.

Khu an toàn II là nơi các cơ quan của Trung ương Đảng và của Xứ uỷ Bắc Kỳ ở và hoạt động, nơi đặt các cơ quan in và phát hành các tài liệu, báo chí của Đảng, nơi đặt

các cơ quan thông tin liên lạc, nơi tổ chức các cuộc họp, các lớp huấn luyện quân sự, chính trị, nơi tiếp đón cán bộ..., do vậy tổ chức ở đây phải hết sức chặt chẽ, bí mật, đảm bảo đúng tính chất là Khu an toàn.

ATK hoạt động được chủ yếu dựa vào quần chúng đã được giác ngộ nuôi dưỡng, chở che, bảo vệ, tuyệt đối trung thành với cách mạng. Cán bộ hoạt động ở đây (cả thoát li và cơ sở) phải là những người dày dạn kinh nghiệm trong hoạt động, qua thử thách và là người tuyệt đối trung thành với sự nghiệp của Đảng. Vì vậy, sau khi chọn Phú Bình làm ATK 2, Trung ương tập trung chỉ đạo củng cố phong trào cách mạng ở đây. Trước hết Trung ương cử những đồng chí có đủ kinh nghiệm về trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng phát triển lực lượng cách mạng ở Phú Bình, trong đó có đồng chí Ngô Thế Sơn. Không đầy 5 tháng sau, đồng chí Ngô Thế Sơn đã kết nạp được 3 quần chúng ưu tú của làng Kha Sơn Hạ vào Đảng và thành lập được chi bộ Đảng đầu tiên của huyện Phú Bình do đồng chí trực tiếp làm Bí thư. Bảy tháng sau đó (tháng 2-1944) thêm 2 quần chúng ưu tú của Kha Sơn Thượng được kết nạp vào Đảng và Chi bộ Kha Sơn Thượng cũng được thành lập ngay dịp này⁽¹⁾. Tính đến cuối năm 1944, Phú Bình có hai chi bộ gồm 13 đảng viên, đặt dưới sự lãnh đạo của Ban cán sự Đảng Bắc Giang và Ban cán sự ATK 2.

⁽¹⁾ Chi bộ Kha Sơn Thượng do đồng chí Trần Độ làm Bí thư.

Quán triệt đường lối của Đảng và tư tưởng của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về xây dựng lực lượng, chuẩn bị tiến hành khởi nghĩa vũ trang; được sự chỉ đạo chặt chẽ của Ban Cán sự Đảng Bắc Giang và Ban Công tác Đội, từ giữa năm 1944, Phú Bình đẩy mạnh công tác xây dựng lực lượng vũ trang. Đến cuối năm 1944, mỗi làng ở trung tâm ATK có một tiểu đội, mỗi xã có một trung đội, cả huyện có một đại đội tự vệ chiến đấu bán tập trung. Các đội viên tự vệ chiến đấu đều được huấn luyện chương trình quân sự tối thiểu như sử dụng súng trường, giáo, mác v.v... Các đoàn thể cứu quốc bí mật thực hiện nhiều cuộc vận động nhân dân trong huyện góp tiền, hiện vật, mua sắm vũ khí để xây dựng lực lượng vũ trang.

Ngay từ đầu năm 1943, lực lượng tự vệ Phú Bình đã đóng vai trò chủ lực trong việc bảo vệ các cơ quan của Xứ uỷ và của Trung ương; bảo vệ các hội nghị, các lớp huấn luyện quân sự, chính trị do Trung ương tổ chức trên địa bàn; trong đó, có lớp bồi dưỡng Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8 cho cán bộ chủ chốt các tỉnh lân cận do đồng chí Tổng Bí thư Đảng Trường Chinh chủ trì; lớp đào tạo cán bộ quân sự cho các tỉnh Bắc Bộ (có nhiều đồng chí sau này là tướng lĩnh trong quân đội). Ngày 22-8-1944, lực lượng tự vệ Phú Bình đón, đưa 8 đồng chí cán bộ của Đảng vượt căng Bá Văn thành công, an toàn về với phong trào⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Xem Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Bình XB 9-2005.

Dựa vào nhân dân, các đội tự vệ Phú Bình đã bảo vệ và đưa, đón an toàn hàng trăm lượt cán bộ từ ATK 2 lên căn cứ Võ Nhai – Bắc Sơn và ngược lại, trong đó có các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng như Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Võ Nguyên Giáp... Đại đội tự vệ chiến đấu bán tập trung của huyện giữ vai trò chủ lực trong việc trấn phản, trừ gian, đánh úp các toán lính đi tuần, sục sạo vào các làng mạc cướp bóc, phá hoại phong trào cách mạng.

Ngày 16-9-1944, tên đội Vinh chỉ huy toán lính đồn Hà Châu vây bắt đồng chí Trương Công Lệnh (Trương Văn Lĩnh), thường trực Ủy ban Quân chính Bắc Kỳ. Ngay sau đó địch tiến hành khủng bố, càn quét vào Mai Sơn, phá các cơ sở in và bắt nhiều quân chúng trung kiên. Sau vụ việc này, đội Vinh được quan trên khen thưởng, vì vậy đội Vinh càng hung hăng, tích cực đốc thúc quân lính đi đánh phá phong trào cách mạng ở Hiệp Hoà, Phổ Yên, Phú Bình.

Để trừng trị tên mật thám tay sai khét tiếng chống phá cách mạng, răn đe kẻ khác, bảo vệ an toàn cho các cơ quan trong ATK, cấp trên đồng ý để tự vệ chiến đấu Phú Bình xử tử đội Vinh. Ngày 1-10-1944, khi đội Vinh đưa một đơn vị lính khố xanh đi khủng bố nhân dân đã bị tự vệ chiến đấu bất ngờ xông ra tiêu diệt. Do sợ xuất của ta, đội Vinh chỉ bị trọng thương. Nhưng từ lần chết hụt này y không dám hung hăng như trước; cũng từ đó, tất cả các tên mật thám, tay sai khác cũng không dám hoạt động, anh em lính khố xanh ở đồn Hà Châu, đồn Chã (Phổ Yên) tỏ thái độ lùng chùng. Mọi hoạt động trong ATK trở lại khẩn trương hơn.

Giữa tháng 11-1944, quân Pháp mở một cuộc càn quét lớn vào Căn cứ địa Võ Nhai, trung tâm của Phân khu A trong Chiến khu Hoàng Hoa Thám, hồng tiêu diệt lực lượng vũ trang và cơ sở cách mạng của ta. Do sự chủ quan của Ban chỉ huy Phân khu A, nên lực lượng cách mạng gặp nhiều khó khăn và tổn thất không đáng có.

Giữa tháng 12-1944, thi hành Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, Ban cán sự ATK 2 đã giao cho giao thông đặc biệt đưa đồng chí Ngô Thế Sơn, phái viên đặc biệt của Tổng Bí thư lên Võ Nhai truyền đạt chỉ thị cho Ban chỉ huy Phân khu A rút lui cuộc đấu tranh vũ trang để bảo toàn lực lượng. Lúc này địch bao vây, phong tỏa Võ Nhai rất chặt chẽ, tất cả các ngã đường, kể cả đường mòn trong rừng dẫn đến Võ Nhai đều bị binh lính và mật thám bịt kín. Lực lượng tự vệ chiến đấu Phú Bình được giao nhiệm vụ bảo vệ chuyển đi đây khó khăn nguy hiểm của đồng chí đặc phái viên lên căn cứ Võ Nhai. Cuối cùng, đồng chí Ngô Thế Sơn đến được Trảng Xá (Võ Nhai) gặp Ban chỉ huy Phân khu A bàn cách thực hiện chỉ thị của Tổng Bí thư.

Sau này (tháng 1-1945), trên báo “Cờ Giải phóng”, đồng chí Trường Chinh đã viết bài biểu dương tinh thần cách mạng của đồng bào, chiến sĩ Võ Nhai, khen ngợi các đồng chí có nhiệm vụ lên Võ Nhai truyền đạt chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương đến các đồng chí lãnh đạo Phân khu

A và cũng nghiêm khắc phê bình các đồng chí trong Ban chỉ huy Phân khu A.

Nhằm độc chiếm Đông Dương, đêm 9-3-1945 phát xít Nhật làm đảo chính hất cẳng Pháp. Trong đêm Nhật đảo chính Pháp, Ban Thường vụ Trung ương đang họp (mở rộng) tại làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh). Hội nghị đã nhận định về cuộc đảo chính và khả năng diễn biến của tình hình, trên cơ sở đó, ngày 12-3-1945, Trung ương ra chỉ thị lịch sử: “Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Chỉ thị nêu rõ: “Cuộc Đảo chính của Nhật mang lại những thay đổi lớn dưới đây:

a- Đế quốc Pháp mất quyền thống trị ở Đông Dương, không phải là kẻ thù trực tiếp của chúng ta nữa.

b- Sau cuộc đảo chính này, đế quốc phát xít Nhật là kẻ thù chính – kẻ thù cụ thể trước mắt – duy nhất của nhân dân Đông Dương...”.

Chỉ thị nhấn mạnh: phải “...động viên mau chóng đưa quần chúng nhân dân lên mặt trận cách mạng, tập dượt cho quần chúng mạnh dạn tiến lên tổng khởi nghĩa. Phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc khởi nghĩa...”⁽¹⁾. Chỉ thị là bó đuốc soi đường và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng và quần chúng trong cao trào kháng Nhật cứu nước, dẫn đến thắng lợi vĩ đại của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

⁽¹⁾ Văn kiện Đảng 1930-1945 – Ban NCLSĐTW xuất bản 1978 – tr 136.

Chỉ thị của Trung ương nhanh chóng đến với cán bộ, đảng viên và tự vệ cứu quốc Phú Bình. Ngay sau khi Chỉ thị được ban hành, đồng chí Lê Thanh Nghị thay mặt Xứ uỷ truyền đạt nội dung Chỉ thị cho đảng viên của 2 chi bộ Kha Sơn Hạ và Kha Sơn Thượng.

Chiều ngày 13-3-1945, đảng viên hai chi bộ họp chung và quyết định lấy tự vệ cứu quốc làm nòng cốt, phát động quần chúng Tổng La Đình khởi nghĩa giành chính quyền vào sáng ngày 14-3-1945, điểm khởi đầu là Kha Sơn Hạ. Hội nghị quyết định tập trung lực lượng tự vệ cứu quốc, trong đó có đơn vị chủ công là tự vệ chiến đấu Kha Sơn Hạ. Ngay sáng 14-3 tự vệ chiến đấu Phú Bình đã đi tìm diệt những tên tay sai đắc lực của đế quốc, có nhiều nợ máu với cách mạng, qua đó kích thích mạnh mẽ khí thế cách mạng của quần chúng; tịch thu tiêu huỷ toàn bộ giấy tờ, sổ sách của chính quyền cũ; kêu gọi tráng đồng mang vũ khí nộp cho lực lượng tự vệ; động viên toàn dân các làng Kha Sơn Hạ, Kha Sơn Thượng, Mai Sơn, Bằng Cầu, Kha Nhi tập trung tại đình Kha Sơn Hạ dự mít tinh, biểu dương lực lượng và nghe đại diện Việt Minh tuyên bố xóa bỏ chính quyền tay sai đế quốc và thành lập chính quyền cách mạng.

Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Kha Sơn ngày 14-3-1945 diễn ra đúng như dự kiến lãnh đạo của 2 chi bộ. Trong khí thế bừng bừng quật khởi của quần chúng, có lực lượng vũ trang làm nòng cốt, tất cả các thế lực thù địch ở

trong làng xã bị trấn áp hoàn toàn, chính quyền tay sai ngoan ngoãn tuân theo mọi yêu cầu của lực lượng nổi dậy. Chính quyền đã chính thức về tay nhân dân.

Từ cuộc khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi ở Kha Sơn Hạ, Kha Sơn Thượng, Mai Sơn, khí thế cách mạng của quần chúng các xã lân cận bùng lên như một cơn lốc, lật nhào chính quyền tay sai; hàng chục làng, xã ngay trong những ngày sau đó đã hoàn toàn được giải phóng, chính quyền cách mạng được thiết lập.

Trước bão táp cách mạng, kẻ thù phản ứng dữ dội. Buổi sáng ngày 14-3-1945 ta giành chính quyền ở Kha Sơn Hạ, Kha Sơn Thượng, thì tối hôm đó, bọn chỉ huy đồn Hà Châu cho lính bất ngờ tập kích vào Kha Sơn Hạ, bắt một số tự vệ cứu quốc. Ngay lập tức, tự vệ chiến đấu và quần chúng nhân dân đã truy đuổi, giải thoát được tất cả những người bị bắt.

Ngày 17-3-1945, nhận được tin đơn vị lính khố xanh đóng ở đồn Tri Cự (Bắc Giang) bỏ đồn chạy về Thái Nguyên, lực lượng tự vệ chiến đấu các huyện Phú Bình và Hiệp Hoà đã phối hợp chặn đánh chúng ở cánh đồng Hoàng Lại (Hiệp Hoà). Do thiếu kinh nghiệm, trận đánh không thành công, 13 chiến sĩ tự vệ chiến đấu của hai huyện bị hi sinh⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Ngày 15-4-1945, tại Kha Sơn Hạ đã tổ chức trọng thể lễ truy điệu 13 đồng chí liệt sĩ đã hi sinh trong trận Hoàng Lại, đồng đảo nhân dân 3 huyện Phổ Yên, Hiệp Hoà, Phú Bình đã đến dự. Đồng chí Chu Văn Tấn, thay mặt Xứ uỷ Bắc Kỳ phát biểu trong buổi lễ.

Ngày 21-3, địch tập kích vào làng Úc Kỳ, bắt một số người đưa về huyện tra tấn giữa nơi nhiều người qua lại để uy hiếp tinh thần nhân dân. Trước hành động bạo ngược này, lực lượng tự vệ chiến đấu của các làng xã được lệnh thay nhau bao vây, khống chế bọn địch không cho chúng ra khỏi đồn.

Sau thắng lợi cuộc khởi nghĩa từng phần giành chính quyền ở các làng, xã, Ủy ban dân tộc giải phóng các làng đẩy mạnh việc xây dựng lực lượng vũ trang. Các đội tự vệ chiến đấu, đội du kích, đội danh dự trừ gian... được thành lập ở nhiều nơi trong huyện.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ Bắc Giang, tối ngày 28-3-1945, đơn vị vũ trang tập trung liên huyện Hiệp Hoà - Phú Bình được thành lập tại xóm Soi, làng Kha Sơn Hạ để làm nòng cốt trong công tác tuyên truyền vũ trang, giúp đỡ các làng, xã xây dựng lực lượng tự vệ chiến đấu; đánh dẹp bọn phản động, đẩy mạnh hoạt động du kích, chặn đánh những cuộc hành quân càn quét của quân Nhật và lực lượng bảo an, hỗ trợ quần chúng nổi dậy v.v.... Cán bộ, chiến sĩ của đơn vị đều là những đội viên xuất sắc, được lựa chọn trong các đơn vị tự vệ chiến đấu của hai huyện. Đồng chí Lương Văn Đài, thay mặt Tỉnh uỷ Bắc Giang công nhận và giao nhiệm vụ cho đơn vị.

Tại ATK 2, từ ngày 15 đến ngày 20-4-1945, Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ đã họp dưới sự chủ toạ của đồng

chí Trường Chinh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Hội nghị đã quyết định nhiều nhiệm vụ quân sự quan trọng của thời kì tiền khởi nghĩa trong cao trào kháng Nhật cứu nước. Hội nghị khẳng định “Tình thế đã đặt nhiệm vụ quân sự lên trên tất cả các nhiệm vụ quan trọng và cần kíp lúc này”⁽¹⁾. Hội nghị đã cử ra Ủy ban Quân sự cách mạng Bắc Kỳ để chỉ huy các chiến khu miền Bắc Đông Dương về mặt chính trị và quân sự, đồng thời giúp đỡ cho toàn quốc về mặt quân sự.

Chấp hành Nghị quyết của Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kỳ, lực lượng vũ trang cách mạng huyện Phú Bình đẩy mạnh hoạt động. Đơn vị vũ trang tập trung liên huyện Phú Bình, Hiệp Hoà cơ động liên tục, hoạt động rộng khắp trên địa bàn hai huyện.

Trên địa bàn huyện Phú Bình, đầu tháng 4-1945, đơn vị tập trung tiêu diệt ở các xã Tân Khánh, Tân Kim, Tân Hoà diệt một số tên, bắt sống 13 tên, thu nhiều vũ khí (trong đó có 4 khẩu súng ngắn) và của cải chúng cướp của nhân dân để trả lại cho nhân dân. Ngày 24-4-1945, đơn vị cùng với cơ sở phục kích ở Đào Xá, bắt gọn tiểu đội lính bảo an, thu toàn bộ vũ khí.

Ngày 1-6-1945, trung đội vũ trang tập trung cùng với tự vệ chiến đấu của Hiệp Hoà, Phú Bình hỗ trợ nhân dân Hiệp Hoà tấn công đánh chiếm huyện lỵ, Tri huyện Hiệp

⁽¹⁾ Văn kiện Đảng 1930-1945 – sách đã dẫn – tr 535.

Hoà đầu hàng, ta thu toàn bộ vũ khí, tài liệu. Phát huy thắng lợi, Ngày 3-6-1945, các đơn vị nói trên phối hợp với tự vệ chiến đấu Phổ Yên tấn công đồn Chã, do một trung đội lính bảo an (khố xanh cũ) đóng giữ. Sau một loạt đạn áp đảo, quân ta xung phong vào đồn, diệt tên đồn trưởng và bắt 40 lính, thu 40 khẩu súng các loại. Trong hai ngày 25 và 26 tháng 6, Đại đội tự vệ Phú Bình đã chặn đánh quân Nhật nhiều trận ở kè Đá Gân khi chúng từ thị xã Thái Nguyên xuống Nhã Lộng⁽¹⁾. Ngày 25-6, đơn vị vũ trang tập trung phục kích chặn đánh đoàn xà lan của Nhật ở kè Đức Lân, bắt toàn bộ 4 chiếc chở đầy hàng hoá (gồm thuốc tây và các nhu yếu phẩm khác) phục vụ cho quân của chúng chiếm đóng ở Thái Nguyên. Ngày 2-8-1945, một tiểu đội Nhật sục sạo vào làng Đình Cả (Hương Sơn), bị ta chặn đánh, tiêu diệt 1 tên, bọn còn lại tháo chạy.

Tháng 7-1945, Ban Cán sự Đảng huyện Phú Bình được thành lập, phong trào cách mạng trong huyện đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Cán sự Đảng huyện và cũng từ đây, đại đội vũ trang tập trung trở thành đại đội chủ lực của Phú Bình do Ban Cán sự Đảng huyện lãnh đạo. Đầu tháng 8-1945, Ban Cán sự Đảng huyện họp bàn nhiệm vụ trước mắt, trong đó nhiệm vụ trọng tâm là tập trung lực lượng đánh chiếm huyện lỵ, giải phóng toàn huyện.

⁽¹⁾ Sau khi thắng trận đồn Chã, do số vũ khí thu được nhiều, thêm vào đó ta cũng thu được hơn 1.000 tấn thóc ở các kho Đào Ký, Cầu Mây (Phú Bình), Trị Cự (Hiệp Hoà) và Chã (Phổ Yên), phần để cứu đói, phần giành nuôi lực lượng vũ trang, nên đầu tháng 6-1945, trung đội vũ trang tập trung được xây dựng thành Đại đội.

Thực hiện nhiệm vụ trên, từ ngày 5 đến 15-8-1945, quân và dân huyện Phú Bình đã 3 lần tấn công vào huyện lỵ, nhưng không thành công. Nguyên nhân là do ta không có vũ khí có sức công phá lớn để tiêu diệt các ồ ề kháng của địch được xây dựng vững chắc và ta chưa có kinh nghiệm đánh địch trong các vị trí cố thủ... Do đó, ta quyết định dừng tấn công, chuyển sang vây hãm, chờ thời cơ thuận lợi.

Ngày 18-8-1945, Ban Cán sự Đảng huyện Phú Bình nhận được lệnh của Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc đưa lực lượng vũ trang của huyện lên tham gia giải phóng tỉnh lỵ Thái Nguyên. Chấp hành mệnh lệnh, sáng ngày 19-8 Đại đội vũ trang tập trung của huyện để lại một bộ phận nhỏ cùng với tự vệ chiến đấu cơ sở bao vây huyện lỵ, còn đại bộ phận, vượt lũ, hành quân cấp tốc lên tỉnh lỵ. Chiều cùng ngày, đơn vị đánh chiếm đồn điền Gia Sàng (cách tỉnh lỵ Thái Nguyên 2 km, chủ đồn điền là Lưu Ngọc Bảo), trừng trị tên tay sai Nhật ở đây và bắt gọn tiểu đội lính bảo an. Ngay sau đó, đại đội được lệnh xây dựng trận địa cùng với trung đội Quân giải phóng làm hai nhiệm vụ: một là, chặn bắt quân Nhật từ trong tỉnh lỵ chạy ra. Hai là, chặn đánh quân Nhật từ Hà Nội kéo lên chi viện cho đồng bọn ở nội thị.

Trưa ngày 20-8-1945, Đại đội vũ trang tập trung huyện Phú Bình được giao nhiệm vụ chuyển 600 khẩu súng do ta thu được của lính bảo an trong tỉnh lỵ về Bắc Giang; đồng thời, Đại đội được trang bị thêm 54 khẩu súng các loại.

Đại đội vũ trang tập trung huyện Phú Bình lúc này có gần 100 cán bộ, chiến sĩ hầu hết là người trong huyện, do

đồng chí Thanh Cao làm Đại đội trưởng. Sau khi tham gia giải phóng tỉnh lỵ Thái Nguyên, hoàn thành nhiệm vụ vận chuyển vũ khí về Bắc Giang, được trang bị thêm vũ khí, đạn dược, đơn vị trở lại Phú Bình và quyết tâm tấn công giải phóng huyện lỵ vào tối ngày 23-8-1945. Song, cuộc chiến đấu đã không diễn ra vì quân Nhật đã chấp nhận các điều kiện của Bộ chỉ huy Quân giải phóng là thu tất cả quân lính đang chiếm đóng ở các huyện lỵ trong tỉnh Thái Nguyên về tỉnh lỵ, chờ ngày rút về Hà Nội; trong thời gian ở Thái Nguyên không được can thiệp vào công việc nội bộ của nhân dân ta.

Bị quan thầy bỏ rơi, Huyện trưởng Phú Bình Nguyễn Đăng Tám đưa toàn bộ lính bảo an, lính lệ ra hàng quân cách mạng, trao nộp toàn bộ những gì của chính quyền tay sai để quốc cho nhân dân. Ngay sau đó, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức tại sân vận động ở trung tâm huyện lỵ, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện ra mắt nhân dân trong huyện.

Nhân dân và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang cách mạng huyện Phú Bình tự hào đã góp phần xứng đáng vào thắng lợi của nhân dân ta trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Chương II

QUÂN VÀ DÂN PHÚ BÌNH KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945 - 1954).

I- Xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng.

Với thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nhân dân ta đã đập tan hai xiềng nô lệ Nhật - Pháp và lật nhào cả chế độ quân chủ chuyên chế, lập nên một Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở khu vực Đông Nam Á.

Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà vừa mới ra đời đã phải đứng trước muôn vàn khó khăn, trở ngại, nổi lên là 3 thứ giặc: giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm.

Kinh tế nước ta chủ yếu là nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề và thiên tai thường xuyên xảy ra. Sau trận lụt lớn hồi tháng 8/1945 lại đến hạn hán kéo dài, làm mất mùa nặng ở nhiều nơi, 50% diện tích ruộng đất bị bỏ hoang. Đời sống nhân dân ta bị đe dọa nghiêm trọng bởi nguy cơ nạn đói mới xuất hiện trong khi hậu quả nạn đói lớn do Nhật - Pháp gây ra cuối năm 1944 đầu năm 1945 vẫn chưa được khắc phục. Ngân sách quốc gia trong tình trạng trống rỗng. Nạn mù chữ cùng các tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan tồn tại rất phổ biến.

Nguy hiểm nhất là nạn ngoại xâm và nội phản. Núp dưới danh nghĩa đại diện lực lượng Đồng minh làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật, từ cuối tháng 8, đầu tháng 9-1945, khoảng 20 vạn quân Tưởng đã kéo vào chiếm đóng ở hầu khắp các tỉnh, thành phía bắc Vĩ tuyến 16. Chúng kéo theo các tổ chức phản động Việt Quốc, Việt Cách làm công cụ chống phá cách mạng nước ta.

Sau khi tràn qua một số tỉnh biên giới phía Bắc, khoảng 50.000 quân Tưởng trong Quân đoàn 93 thuộc Phương diện quân thứ nhất đã kéo vào địa phận tỉnh Thái Nguyên. Chúng chiếm đóng nhiều vị trí quan trọng trong thị xã Thái Nguyên và dọc Đường số 3, từ Thị xã đến cầu Đa Phúc. Đi tới đâu, chúng cũng đều cướp bóc, tàn phá.

Nhân lúc đất nước có nhiều khó khăn, phức tạp, các thế lực phản cách mạng bắt đầu nổi lên chống phá. Tại huyện Phú Bình, lợi dụng tâm lí nhẹ dạ của một số đồng bào người Hoa sinh sống ở các xã Tân Hòa, Tân Kim, bọn phản động đã lôi kéo họ vào tổ chức “Nam Dương Hoa kiều hiệp hội”. Một số phần tử phản động lợi dụng đạo Thiên Chúa ở xứ Nhã Lộng đứng ra tổ chức “Liên đoàn thanh niên chống Cộng”, bí mật liên hệ với thực dân Pháp xin cấp vũ khí để chống phá cách mạng. Ở các xã Tân Hoà, Tân Khánh, bọn lưu manh, trộm cắp, thổ phỉ xuất hiện và hoạt động cướp phá, đe dọa cuộc sống của người dân.

Trung ương Đảng, Chính phủ, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bình tĩnh, sáng suốt, kịp thời đề ra những chủ trương và biện pháp thích hợp để đưa Nhà nước cách mạng vượt qua tình thế ngàn cân treo sợi tóc.

Trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ (3-9-1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra 6 công việc cấp bách trước mắt cần giải quyết:

- Chống giặc đói.
- Chống giặc đốt.
- Chuẩn bị Tổng tuyển cử trong cả nước.
- Phát động phong trào giáo dục cần - kiệm - liêm - chính.
- Tuyên bố xoá bỏ thuế thân, thuế chợ, thuế đò và các hủ tục mê tín dị đoan.
- Tuyên bố tự do tín ngưỡng và lương giáo đoàn kết.

Ngày 25-11-1945, Trung ương Đảng ra bản Chỉ thị “Kháng chiến, kiến quốc” chỉ rõ kẻ thù nguy hiểm nhất của nhân dân ta là thực dân Pháp xâm lăng, cần phải tập trung ngọn lửa đấu tranh cách mạng vào chúng. Trên cơ sở đó, bản Chỉ thị nêu lên nhiệm vụ của cách mạng nước ta là phải đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bài trừ nội phản, nhanh chóng xây dựng nền móng chính quyền dân chủ nhân dân, giải quyết khó khăn về các mặt, từng bước ổn định đời sống của nhân dân.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ Thái Nguyên, Ban Cán sự Đảng cùng quân và dân huyện Phú Bình tích cực hưởng ứng và thực hiện các chủ trương của Đảng và Chính phủ. Công việc cấp bách trước mắt là giải quyết nạn đói đang đe dọa đời sống của người dân. Toàn bộ số thóc còn lại trong đồn điền Cầu Mây được tịch thu để chia cho dân nghèo. Ban Cứu đói và các đoàn thể Cứu quốc các cấp trong

huyện tích cực vận động các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào lạc quyền cứu đói. Các phong trào “Nhường cơm, sẻ áo”, lập “Hũ gạo tiết kiệm” được toàn dân trong huyện hưởng ứng. Truyền thống thương yêu, đùm bọc lẫn nhau, lá lành đùm lá rách được phát huy trong đồng bào các dân tộc sống trên địa bàn huyện.

Cùng với phong trào tiết kiệm, dành gạo cứu đói, dưới sự chỉ đạo của chính quyền và đoàn thể các cấp trong huyện, nhân dân và cán bộ, chiến sĩ lực lượng tự vệ huyện Phú Bình tích cực khai hoang, phục hoá, trồng các loại cây lương thực và hoa mầu ngăn ngừa theo khẩu hiệu: “Không một tấc đất bỏ hoang”, “Tăng gia sản xuất, tăng gia sản xuất ngay, tăng gia sản xuất nữa!”. Cán bộ, đảng viên, chính quyền và đoàn thể các cấp tích cực đi sâu vào các thôn xóm, vận động, tổ chức nhân dân đoàn kết giúp đỡ nhau về giống, vốn, phương pháp kỹ thuật canh tác, nhân công..., để đảm bảo gieo trồng hết diện tích. Nhờ đó, nạn đói trên địa bàn huyện cơ bản được đẩy lùi, đời sống nhân dân trong huyện bước đầu được ổn định.

Hưởng ứng phong trào quyền góp xây dựng “Quỹ Độc lập” và “Tuần lễ vàng” do Chính phủ phát động, các tầng lớp nhân dân huyện Phú Bình tự nguyện hăng hái ủng hộ vàng, bạc cho Nhà nước. Nhiều gia đình còn đóng góp cho Nhà nước các loại nổi, mâm, chậu. Điều đó đã thể hiện lòng tin tưởng và quyết tâm bảo vệ, xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân của quân và dân các dân tộc huyện Phú Bình.

Nhằm khắc phục hậu quả nặng nề về văn hoá, xã hội do chế độ thực dân, phong kiến để lại, đồng thời tạo điều

kiện cho nhân dân lao động phát huy vai trò làm chủ xã hội, ngày 8-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ và kêu gọi toàn dân tham gia phong trào thanh toán nạn mù chữ. Người chỉ rõ:

“Muốn giữ vững nền độc lập,

Muốn làm cho dân mạnh, nước giàu,

Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ...”⁽¹⁾.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, phong trào học văn hoá được đẩy lên sôi nổi trong toàn huyện. Đảng bộ Phú Bình coi việc thanh toán “giặc đốt” là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của thời kì đầu xây dựng chế độ mới. Một số cán bộ được phái xuống tận các thôn, xóm để tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia phong trào xoá nạn mù chữ. Hàng trăm lớp học bình dân học vụ được mở tại các xã, lồi cuốn đông đảo mọi tầng lớp nhân dân tham gia. Trong các thôn xóm, mọi người - nhất là nam, nữ cán bộ, chiến sĩ tự vệ, đều thi đua “thắp đèn dầu đêm để học chữ quốc ngữ”.

Nhờ sự tham gia tích cực của quần chúng, chỉ sau hơn một năm, từ tháng 9-1945 đến cuối năm 1946, hàng nghìn người dân huyện Phú Bình đã thoát nạn mù chữ; hàng trăm cán bộ cơ sở đã đọc thông, viết thạo. Kết quả bước đầu trong phong trào thi đua diệt “giặc đốt” không chỉ góp phần nâng

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: Toàn tập. Tập 4 (1945 - 1947). NXB Sự thật, Hà Nội 1984, tr.28, 29.

cao trình độ hiểu biết của nhân dân, mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho họ tham gia ngày càng nhiều vào công việc quản lý xã hội.

Cuộc vận động xây dựng đời sống mới nhằm giáo dục tinh thần yêu nước, lòng căm thù giặc cướp nước, yêu lao động, yêu chính nghĩa, căm ghét bóc lột và rèn luyện đạo đức cần, kiệm, liêm chính, chí công, vô tư được tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân. Thanh niên nam, nữ, nhất là cán bộ, chiến sĩ ở các đơn vị tự vệ là lực lượng đi tiên phong trong cuộc vận động. Các tệ nạn xã hội do chế độ cũ để lại từng bước được đẩy lùi. Kết quả đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang địa phương.

Trong hoàn cảnh vừa phải lo đối phó với giặc ngoài, thù trong, vừa phải lo giải quyết khó khăn về kinh tế, văn hoá, xã hội, ổn định đời sống nhân dân, vấn đề xây dựng Đảng trở thành một yêu cầu bức thiết. Bản Chỉ thị “Kháng chiến, kiến quốc” của Ban Chấp hành Trung ương Đảng nêu rõ: “Phải duy trì tổ chức bí mật hay bán công khai của Đảng; tuyển thêm đảng viên. Đặc biệt gây dựng cơ sở xí nghiệp của Đảng cho thật rộng, làm sao cho sự phát triển của Đảng ăn nhịp với sự phát triển của công nhân cứu quốc. Phải tổ chức các tổ nghiên cứu chủ nghĩa Các Mác bao gồm tất cả những phân tử có khuynh hướng cộng sản hay có tình cảm với cộng sản do người cộng sản điều khiển. Các tổ chức Đảng phải sinh hoạt cho đều và không vì lẽ gì để cho nó rời rạc, loạc choạc”⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Văn kiện Đảng, tập 1. Ban NCLSDTW, Hà Nội 1978, tr. 30, 31.

Cuối năm 1945, Đảng bộ huyện Phú Bình chuyển vào hoạt động bí mật. Đảng bộ tích cực vận động, hướng dẫn cán bộ cơ sở, nhất là thanh niên tham gia sinh hoạt, học tập trong Hội Văn hoá Mác xít. Thông qua hoạt động của tổ chức này, một số tài liệu về chủ nghĩa Mác – Lênin và tờ báo Sự thật – cơ quan ngôn luận của Hội Nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương - được phổ biến trong cán bộ, đảng viên và quần chúng. Mặc dù còn có những hạn chế do chưa có kinh nghiệm và phương tiện tuyên truyền, nhưng sự hoạt động của Hội Văn hoá Mác xít đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Từ đó đến tháng 8/1946, cuộc vận động xây dựng Đảng bắt đầu được đẩy mạnh. Những cán bộ và quần chúng trung kiên, trong đó có một số cán bộ, chiến sĩ tự vệ đã từng tham gia hoạt động trong thời kì đấu tranh giành chính quyền đều lần lượt được đứng trong hàng ngũ của Đảng. Từ chỗ chỉ có gần 20 đảng viên tập trung ở 3 xã Kha Sơn Hạ, Kha Sơn Thượng, Mai Sơn và một chi bộ cơ quan, đến năm 1946, toàn Đảng bộ đã có hơn 100 đảng viên có mặt ở hầu hết các xã trong huyện.

Tháng 8-1946, Ban Cán sự Đảng huyện Phú Bình họp Hội nghị toàn thể đảng viên tại ấp Vân Đình, xã Đức Liên (nay là xã Thanh Ninh). Hội nghị đã phân tích tình hình cụ thể và nêu rõ nhiệm vụ của Đảng bộ là phải tập trung lãnh đạo hoàn thành tốt nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc ở địa phương; trong đó, nhiệm vụ có ý nghĩa quyết định là củng cố tổ chức Đảng, đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên, tăng cường sức chiến đấu của Đảng bộ. Hội nghị quyết định

thành lập Huyện uỷ thay cho Ban Cán sự Đảng, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 9 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Bình Sơn làm Bí thư.

Sự thành lập Huyện uỷ đánh dấu bước trưởng thành của Đảng bộ huyện Phú Bình. Đó chính là nhân tố đảm bảo cho việc tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng bộ đối với lực lượng vũ trang địa phương.

Cùng với việc phát triển đảng viên, Đảng bộ huyện rất quan tâm bồi dưỡng, nâng cao trình độ nhận thức về chính trị, quan điểm giai cấp cho cán bộ, đảng viên. Mặc dù còn thiếu nhiều cán bộ, Đảng bộ vẫn quyết tâm cử những đảng viên đang đảm nhiệm trọng trách tham dự các lớp bồi dưỡng dài hạn do Đảng bộ tỉnh tổ chức. Chương trình huấn luyện, bồi dưỡng bao gồm lí luận sơ giản về chủ nghĩa cộng sản, lịch sử Đảng Cộng sản Đông Dương (tức Đảng Cộng sản Việt Nam), lí luận về cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới và tình hình nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Thông qua các lớp bồi dưỡng, huấn luyện, trình độ nhận thức chính trị của cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ huyện được nâng lên, phát huy được vai trò lãnh đạo đối với mọi mặt công tác ở địa phương.

Song song với công tác củng cố tổ chức Đảng, quân và dân huyện Phú Bình tích cực tham gia xây dựng bộ máy chính quyền. Ngày 23-12-1945, trong niềm hân hoan, phấn khởi và tự hào, nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình hăng

hái đi bỏ phiếu, bầu những đại biểu xứng đáng vào Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa⁽¹⁾.

Sau cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp Đảng bộ, nhân dân trong huyện nô nức tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp tỉnh và xã.

Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội và Hội đồng nhân dân hai cấp được tiến hành trong tình hình có nhiều khó khăn, phức tạp do âm mưu, hành động chống phá của các thế lực phản cách mạng. Đảng bộ vừa đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và quần chúng, vừa tăng cường lãnh đạo lực lượng vũ trang địa phương làm tốt nhiệm vụ ngăn chặn âm mưu, hành động phá hoại của địch. Cán bộ, chiến sĩ trong các đội tự vệ vừa tham gia đi bỏ phiếu, vừa phối hợp với lực lượng công an làm nhiệm vụ bảo vệ cuộc bầu cử. Lực lượng tự vệ tăng cường các hoạt động tuần tra, canh gác, giữ gìn trật tự trị an. Các đoàn thể Mặt trận, Thanh niên, Phụ nữ đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong nhân dân về ý nghĩa cuộc bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

Nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp uỷ Đảng và chính quyền, sự tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân trong huyện, nên cuộc bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân hai cấp tỉnh và xã của toàn bộ các xã trên địa bàn huyện Phú Bình đã thu được kết quả tốt đẹp. Thông qua các

⁽¹⁾ Do Thái Nguyên không nhận được Sắc lệnh của Trung ương lùi cuộc Tổng tuyển cử ngày 23-12-1945 đến ngày 6-1-1946, nên các huyện trong tỉnh (trong đó có huyện Phú Bình) vẫn tiến hành bầu cử đại biểu Quốc hội vào ngày 23-12-1945.

cuộc bầu cử, lòng yêu nước, yêu chế độ mới, ý thức làm chủ của mọi người dân trong huyện được phát huy và nâng cao một bước. Ủy ban hành chính các xã được thành lập thay thế cho Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời. Các ban chuyên môn của chính quyền dần dần hình thành và đi vào hoạt động tích cực. Bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân các xã từng bước được củng cố và kiện toàn.

Bên cạnh Ủy ban hành chính, thực hiện chủ trương của Trung ương, từ giữa năm 1946, Ủy ban bảo vệ các cấp trong huyện cũng được thành lập. Thành phần Ủy ban bảo vệ gồm có một ủy viên Ủy ban hành chính, một đại diện lực lượng vũ trang và một đại biểu của Mặt trận Việt Minh. Sau khi kháng chiến bùng nổ trong cả nước (12-1946), Ủy ban bảo vệ được đổi thành Ủy ban kháng chiến.

Sức mạnh của Nhà nước dân chủ nhân dân bắt nguồn từ sự ủng hộ và tham gia tích cực của đông đảo quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Vì vậy, vấn đề mở rộng khối đoàn kết toàn dân trở thành một yêu cầu cấp bách trước mắt.

Nhận thức rõ yêu cầu đó, cùng với việc phát triển các tổ chức Cứu quốc của Mặt trận Việt Minh, ngày 29-5-1946, Đảng và Chính phủ quyết định thành lập Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Hội Liên Việt), một hình thức mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi trong thời kỳ mới, nhằm đoàn kết tất cả các đảng phái yêu nước và giai cấp, tôn giáo, xu hướng chính trị, chủng tộc để làm cho nước Việt Nam được độc lập, thống nhất, dân chủ, phú cường: “Bao nhiêu thành kiến giai cấp, bao nhiêu phân tranh đảng phái, bao nhiêu đố kỵ về tôn giáo và nòi giống phải hất ra khỏi con

đường tiến triển của dân tộc Việt Nam. Từ nay quốc dân Việt Nam đã liên hiệp, không phải chỉ liên hiệp ở trong Chính phủ, mà còn liên hiệp ở trong nhân dân... Thống nhất dân tộc là một vũ khí sắc bén chống lại kẻ thù dân tộc. Vũ khí ấy, ta phải giữ như một của báu... Lúc này bí quyết của sự thành công ở chỗ tinh thần đoàn kết”.

Tại huyện Phú Bình, Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam được thành lập vào cuối năm 1946. Tham gia Hội Liên Việt gồm đông đảo mọi người yêu nước, nhất là giáo viên tiểu học, hương sư, viên chức và các nhà phú hào. Hội còn gây được ảnh hưởng trong nhà thờ Nhã Lộng.

Như vậy, trải qua hơn một năm sau Cách mạng Tháng Tám (9/1945 – 12/1946), nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình đã thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ cấp bách trước mắt theo tinh thần bản Chỉ thị “Kháng chiến, kiến quốc” của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Trên cơ sở đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quân và dân trong huyện bắt tay vào công cuộc chuẩn bị mọi mặt cho cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương.

II- Nhân dân và lực lượng vũ trang huyện Phú Bình chuẩn bị kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Với dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa, tiếp theo các vụ khiêu khích trắng trợn, được sự giúp đỡ của quân Anh, ngày 23-9-1945, thực dân Pháp đã nổ súng đánh chiếm một số cơ quan chính quyền nhân dân ở Sài Gòn – Chợ Lớn.

Hiệp định sơ bộ (6-3) và Tạm ước Việt - Pháp (14-9-1946) được kí kết chưa ráo mực, thực dân Pháp đã ngang

nhiên bội ước. Chúng tiếp tục tăng cường các hoạt động khiêu khích, xâm lược, nhất là từ sau vụ đánh chiếm Hải Phòng và thị xã Lạng Sơn. Trong hai ngày 18, 19-12-1946, thực dân Pháp liên tiếp gửi tối hậu thư cho Chính phủ ta, đòi tước vũ khí của tự vệ và trao quyền kiểm soát Thủ đô cho chúng.

Những hành động trên đây của thực dân Pháp đã xâm phạm nghiêm trọng nền độc lập dân tộc và chủ quyền của đất nước ta. Nhân dân ta chỉ còn có một con đường cứu nước duy nhất là phải cầm vũ khí kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Để bảo vệ độc lập của dân tộc, chủ quyền của đất nước, thể theo nguyện vọng của toàn dân, tại cuộc họp mở rộng (ngày 18 và 19-12-1946), Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định phát động cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trong cả nước, đồng thời đề ra đường lối kháng chiến.

Trên địa bàn huyện Phú Bình, từ ngày Toàn quốc kháng chiến bùng nổ (19-12-1946) đến hạ tuần tháng 9-1950, chiến sự vẫn chưa lan tới. Tranh thủ thời gian hoà bình, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quân và dân huyện Phú Bình tích cực chuẩn bị mọi mặt để bước vào cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương.

Một trong những công việc quan trọng đầu tiên là phải xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang vững mạnh, có khả năng độc lập tác chiến.

Trong thời kì khởi nghĩa giành chính quyền, lực lượng tự vệ và tự vệ chiến đấu đã đóng vai trò rất quan trọng. Sau

Cách mạng, đặc biệt là từ sau ngày Nam Bộ kháng chiến (23-9-1945), do yêu cầu mới của tình hình đất nước, một số cán bộ, chiến sĩ tự vệ ưu tú đã được bổ sung vào các đơn vị Vệ quốc đoàn; một số chuyển sang làm nhiệm vụ khác, khiến cho việc xây dựng lực lượng tự vệ ở địa phương bị hạn chế⁽¹⁾.

Quán triệt chủ trương kháng chiến của Trung ương Đảng, Đảng bộ huyện Phú Bình đã phát động phong trào toàn dân luyện tập quân sự, đồng thời tăng cường lãnh đạo công tác củng cố lực lượng vũ trang về tổ chức, biên chế, luyện tập và xây dựng thêm các đơn vị mới.

Từ cuối năm 1946, nhất là từ sau ngày kháng chiến toàn quốc bùng nổ (19-12-1946), Đảng bộ và Ủy ban hành chính huyện đặc biệt quan tâm xây dựng lực lượng vũ trang địa phương. Được sự tuyên truyền, giáo dục của các cấp bộ Đảng và chính quyền, phát huy truyền thống của các thế hệ cha, anh, nam nữ thanh niên Phú Bình hăng hái gia nhập lực lượng vũ trang. Các đội tự vệ, du kích được bổ sung lực lượng và trang bị tương đối tốt, có chỉ huy chặt chẽ, được huấn luyện cách đánh giáp lá cà, cách gài mìn, cắm chông, phá hoại giao thông và sử dụng vũ khí thông thường. Nhân dân các xã tình nguyện đóng góp sức người, sức của để xây dựng lực lượng, mua sắm vũ khí, trang bị cho tự vệ, du kích.

Để khắc phục một phần khó khăn về hậu cần cho lực lượng tự vệ hoạt động thường xuyên, Đảng bộ Phú Bình đã

⁽¹⁾ Giữa tháng 9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ thị chấn chỉnh, mở rộng và đổi tên Việt Nam Giải phóng quân thành Vệ quốc đoàn – quân đội của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

coi trọng công tác võ trang toàn dân, xây dựng lực lượng vừa chiến đấu vừa tham gia giao thông liên lạc, vận tải. Nhờ đó, huyện Phú Bình đã xây dựng được một lực lượng tự vệ đông đảo, đủ sức làm tốt nhiệm vụ bảo vệ trật tự an ninh trên địa bàn và sẵn sàng đập tan mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực phản cách mạng.

Thực hiện Thông tư ngày 19-2-1947 của Bộ Quốc phòng quy định về tổ chức và nhiệm vụ của dân quân, tự vệ, du kích ngày 10-7-1947, Huyện đội bộ dân quân (nay là Ban chỉ huy quân sự) huyện Phú Bình được thành lập, do các đồng chí Nguyễn Hữu Tài làm Huyện đội trưởng, Nguyễn Thế Đạt làm Chính trị viên. Tiếp theo, các Xã đội bộ dân quân (nay là Ban chỉ huy quân sự xã) trong huyện cũng lần lượt ra đời và đi vào hoạt động. Với sự ra đời Huyện đội bộ dân quân, Huyện uỷ và Uỷ ban hành chính huyện Phú Bình đã có một cơ quan tham mưu phụ trách công tác quân sự địa phương, trước mắt là chỉ đạo việc xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang, xây dựng kế hoạch tác chiến, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu và hành động quân sự của địch. Cũng từ đó trở đi, công tác quân sự nói chung, công tác xây dựng lực lượng vũ trang nói riêng trên địa bàn huyện ngày càng có nền nếp.

Trong những năm đầu Toàn quốc kháng chiến, huyện Phú Bình là một trong những hậu phương an toàn. Vì vậy, việc tiếp nhận đồng bào tản cư, chăm lo ổn định đời sống, tạo việc làm cho đồng bào là trách nhiệm của Đảng bộ và nhân dân trong huyện.

Đầu năm 1947, Ủy ban tản cư, tiếp cư các cấp từ huyện xuống đến xã lần lượt ra đời, có sự tham gia của các ngành, các giới, đặt dưới sự chỉ đạo của Ủy ban hành chính các cấp. Các cấp ủy Đảng, chính quyền và Mặt trận khẩn trương triển khai các biện pháp tiếp nhận đồng bào tản cư, phân chia khu vực định cư, ổn định cuộc sống, quyết “không được bỏ dân bơ vơ” như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ thị cho các cấp lãnh đạo ở các địa phương.

Từ giữa năm 1947, thực dân Pháp mở rộng đánh chiếm vùng đồng bằng và trung du; đồng bào ở các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc tiếp tục tản cư đến huyện Phú Bình ngày càng đông. Cuối năm 1947, huyện Phú Bình đã tiếp đón thêm gần 1 vạn đồng bào tản cư từ các tỉnh đến. Một số cơ quan của Trung ương, Khu và tỉnh (Nhà máy in tiền Quốc gia, Cục Quân nhu, Viện Quân y của Khu ủy, Liên Khu ủy Liên Khu I, Tòa án Quân sự đặc biệt Khu, Công ty quốc doanh Việt Bắc...) cũng chuyển tới địa phận huyện Phú Bình. Do vậy, quân và dân huyện Phú Bình không chỉ có nhiệm vụ giúp đỡ đồng bào tản cư, mà còn phải có trách nhiệm bảo vệ các cơ quan Trung ương, Khu và Tỉnh đóng trên địa bàn.

Phát huy truyền thống đoàn kết, thương yêu đùm bọc lẫn nhau, nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình đã chia sẻ cho đồng bào tản cư từ bát gạo, củ sắn, bắp ngô, đến ruộng đất, trâu, bò, nông cụ... Sự quan tâm giúp đỡ của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân địa phương đã tạo điều kiện cho đồng bào tản cư sớm ổn định cuộc sống và sản xuất, tích cực

tham gia các hoạt động kháng chiến, kiến quốc ở quê hương mới.

Cùng với việc tổ chức tiếp nhận đồng bào tản cư, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quân và dân huyện Phú Bình thực hiện tốt chỉ thị của Trung ương và Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác “phá hoại để kháng chiến”: “Phá cho rộng, phá cho sâu, phá sao cho bọn Pháp không lợi dụng được. Một nhát cuốc của đồng bào, cũng như một viên đạn của chiến sĩ bắn vào quân địch vậy...”⁽¹⁾.

Huyện Phú Bình cách xa các trục quốc lộ; hệ thống đồn bốt cũ của địch nằm rải rác ở một số xã trong huyện. Trên địa bàn Phú Bình chỉ có khoảng 5, 7 ngôi nhà tầng, trong đó có nhà thờ Nhã Lộng và Công đường huyện. Tiểu ban phá hoại được thành lập, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện uỷ.

Trước khi bắt tay vào công tác phá hoại, Huyện uỷ mở đợt vận động tuyên truyền rộng rãi trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của công tác phá hoại và với niềm tin tất thắng vào cuộc kháng chiến, quân và dân huyện Phú Bình đã tự tay mình phá Công đường huyện. Đồng bào giáo dân cũng tự tay mình đập phá các bức tường Nhà thờ Nhã Lộng, nhằm không cho giặc Pháp có thể lợi dụng. Các đội viên du kích, tự vệ không chỉ là lực lượng nòng cốt trong công tác phá hoại, mà còn được huy động làm nhiệm vụ ngăn chặn ca nô, tàu chiến địch trên kênh sông Máng; cất giấu tài sản và tổ chức sơ tán người già,

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: Toàn tập. Tập 4... Sdd, tr. 249.

trẻ em đến những nơi an toàn; khẩn trương đào hầm, hào, công sự, xây dựng trận địa chiến đấu... Lực lượng dân quân huyện Phú Bình cũng được huy động cùng với lực lượng dân quân các huyện Phổ Yên, Đông Hỷ làm nhiệm vụ phá hoại mặt Đường số 3 từ thị xã Thái Nguyên về tới đầu cầu Đa Phúc.

Nhờ sự tham gia tích cực của quân và dân trong huyện nên, chỉ trong vòng 6 tháng, công tác phá hoại trên địa bàn huyện Phú Bình đã căn bản hoàn thành. Các ngôi nhà tầng đã trở thành những đồng gạch vụn. Mặt đường, cầu cống bị phá tung. ở nhiều vùng nông thôn, toàn dân triệt để thực hiện “vườn không, nhà trống”. Tất cả những việc làm đó thể hiện tinh thần quyết tâm kháng chiến của quân và dân huyện Phú Bình.

Huyện Phú Bình là vùng giáp ranh với vùng tạm bị địch chiếm. Kẻ địch thường tung gián điệp, móc nối các phần tử phản động để phá hoại hậu phương kháng chiến. Vào những tháng đầu năm 1947, tổ chức “Việt Dũng” của bọn phản động đội lốt tôn giáo do linh mục Quảng và linh mục Phạm Ngọc Đốc cầm đầu gây rối ở một số nơi thuộc xã Quyết Tiến, thôn Na Dao (xã Tân Kim), làng Tú (xã Tân Khánh). Chúng cho tay chân bắt liên lạc với cha cố ở Nhà thờ Phúc Xuân (Đông Hỷ), Nhà thờ Chã (Phổ Yên), tuyên truyền, xúi giục giáo dân chống lại cách mạng. Vì vậy, việc phòng gian, trừ gian là một nhiệm vụ thường xuyên và hết sức quan trọng đối với Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình.

Để làm tốt công tác bảo mật, phòng gian, bảo vệ an toàn các cơ quan của Đảng và Nhà nước đóng trên địa bàn,

các cấp uỷ Đảng và chính quyền trong huyện tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng trong quần chúng; đồng thời có biện pháp tổ chức lực lượng tự vệ, du kích làm nhiệm vụ tuần tra, canh gác, phát hiện những phần tử khả nghi để kịp thời xử lý.

Nhờ sự lãnh đạo chặt chẽ của Huyện uỷ, trực tiếp là sự chỉ đạo của cơ quan quân sự các cấp từ huyện xuống các xã, đến thượng tuần tháng 10-1947, quân và dân huyện Phú Bình đã đào được một hệ thống hầm, hào trú ẩn, cất giấu lương thực, tổ chức lực lượng phòng cháy, chữa cháy và di chuyển hàng hoá nếu bị địch đánh phá. Các tổ cứu thương, tải đạn, liên lạc được thành lập và huấn luyện những động tác cơ bản. Quân và dân huyện Phú Bình đã ở trong tư thế sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương.

Trong khi đó, về phía thực dân Pháp, theo kế hoạch do tướng Xalăng vạch ra, từ ngày 7-10-1947, chúng huy động 12.000 quân tinh nhuệ (gồm cả hải, lục, không quân), mở cuộc tấn công quân sự quy mô lớn lên Căn cứ địa Việt Bắc, nhằm bao vây, tiêu diệt toàn bộ cơ quan đầu não kháng chiến để nhanh chóng kết thúc cuộc chiến tranh, khoá chặt biên giới Việt – Trung, cô lập cách mạng Việt Nam với quốc tế.

Với quyết tâm “Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp” theo tinh thần bản Chỉ thị ngày 15-10-1947 của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, quân và dân ta ở Việt Bắc nói riêng, cả nước nói chung đã triển khai chặn đánh địch trên mọi hướng.

Do không đạt được mục tiêu cuộc tấn công, lại bị thiệt hại nặng nề, từ ngày 19-12-1947, đại bộ phận quân Pháp đã phải rút khỏi Việt Bắc, đánh dấu sự thất bại có ý nghĩa chiến lược đầu tiên của chúng trong cuộc chiến tranh Đông Dương. Đến ngày 21-12-1947, toàn bộ quân Pháp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên rút hết về Hà Nội.

Mặc dù thất bại trong cuộc tấn công lên Căn cứ địa Việt Bắc Thu Đông 1947 và buộc phải chuyển từ chiến lược đánh nhanh thắng nhanh sang chiến lược đánh lâu dài, quân Pháp vẫn còn chốt giữ 5 cứ điểm trên trục Đường số 3, từ thị xã Bắc Kạn lên Cao Bằng để chờ khi có cơ hội, sẽ tiếp tục đánh vào Căn cứ địa Việt Bắc lần thứ hai hòng nhanh chóng kết thúc cuộc chiến tranh.

Xuất phát từ tình hình trên, quán triệt chủ trương của Tỉnh uỷ Thái Nguyên, Huyện uỷ Phú Bình tiếp tục tập trung lãnh đạo công tác xây dựng, củng cố tổ chức Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng và đặc biệt chăm lo phát triển lực lượng vũ trang, sẵn sàng tác chiến khi có chiến sự lan tới, như Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ III (1948) đã xác định.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Tỉnh uỷ (mở rộng) về công tác xây dựng Đảng: “củng cố lại chi bộ, mở các lớp huấn luyện cho cán bộ và Bí thư chi bộ, đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên”, Huyện uỷ Phú Bình đã mở một lớp bồi dưỡng cho cán bộ xã, Bí thư chi bộ và Chi uỷ viên về tình hình thế giới, trong nước; về đường lối, chủ trương kháng chiến, kiến quốc của Đảng; về công tác chi bộ và tư cách người cán bộ, đảng viên. Thông qua đó, tinh thần trách

nhiệm, trình độ và năng lực công tác của đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng lên một bước.

Từ năm 1949, công tác củng cố tổ chức cơ sở Đảng được đẩy mạnh hơn trước. Huyện uỷ thành lập các đội củng cố chi bộ, cử nhiều cán bộ xuống trực tiếp làm Bí thư các chi bộ yếu, kém. Những đảng viên thoái hoá, biến chất, không còn đủ tư cách, phẩm chất đã bị đưa ra khỏi tổ chức Đảng. Những quần chúng ưu tú thuộc thành phần cơ bản và những người đã được rèn luyện, thử thách trong thực tiễn cách mạng ở địa phương được bồi dưỡng kết nạp vào Đảng. Trong số đảng viên mới được kết nạp, có 1/3 là đội viên du kích và 2/3 xuất thân từ thành phần bản, cố nông.

Công tác xây dựng chính quyền và các đoàn thể quần chúng cũng đạt được kết quả quan trọng. Thực hiện Sắc lệnh số 91/SL ngày 1-10-1947 của Chính phủ, từ đầu năm 1948, Uỷ ban kháng chiến và Uỷ ban hành chính các cấp từ huyện xuống các xã được hợp nhất thành Uỷ ban kháng chiến – hành chính. Cũng từ đó, bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân các cấp trong huyện từng bước được củng cố và kiện toàn. Hoạt động của Uỷ ban kháng chiến – hành chính huyện ngày càng có nền nếp và có chất lượng, được đánh giá là một trong bốn đơn vị khá nhất tỉnh.

Trong năm 1949, Huyện uỷ Phú Bình triển khai cuộc vận động “Chấn chỉnh cấp xã” theo tinh thần chỉ đạo của Tỉnh uỷ. Thông qua cuộc vận động, chất lượng các tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng được nâng lên; một số xã từ yếu, kém đã vươn lên khá.

quân sự huyện còn tích cực động viên thanh niên tòng quân xây dựng bộ đội chủ lực. Trong năm 1949, huyện Phú Bình đã tiến hành hai đợt tuyển quân, cùng với 3 huyện Đại Từ, Đồng Hỷ, Phú Lương tuyển được 1.367 người vào bộ đội.

Để chủ động đối phó tình huống địch tấn công vào địa phương, cơ quan chỉ huy dân quân các cấp trong huyện tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức các điểm canh gác, bố trí những trạm dây chuyền để kịp thời thông báo tin tức được nhanh chóng, đặc biệt là ở các xã vùng giáp ranh (Đại Đồng, Phú Thanh, Đức Đường, Cáp Tiến...). Huyện đội còn tổ chức một đội tuần tra liên tục ngày đêm để phát hiện những phần tử Việt gian, phản động do địch tung vào.

Cùng với xây dựng lực lượng vũ trang, việc đẩy mạnh tăng gia sản xuất cũng là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong công tác chuẩn bị kháng chiến. Đặc biệt, từ sau chiến thắng Việt Bắc Thu Đông 1947, đối với tỉnh Thái Nguyên nói chung và huyện Phú Bình nói riêng, vấn đề tăng gia sản xuất tự túc càng được các cấp uỷ Đảng và chính quyền quan tâm. Được sự quan tâm giúp đỡ của Ban Canh nông tỉnh, quân và dân huyện Phú Bình tích cực khai hoang, mở rộng diện tích canh tác; đồng thời làm tốt công tác thuỷ lợi, đảm bảo đủ nước tưới cho 100% diện tích cấy lúa chiêm.

Những kết quả đạt được trong thời gian từ năm 1946 đến năm 1950 đã giúp cho quân và dân huyện Phú Bình có đủ khả năng trực tiếp chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược để bảo vệ quê hương, bảo vệ vững chắc cửa ngõ phía Nam Trung tâm Căn cứ địa Việt Bắc.

III- Trục tiếp chiến đấu, góp phần đánh bại cuộc hành quân “Phô-co” (Phoque) của địch và thắng lợi của Chiến dịch Biên giới

Từ cuối năm 1949 đầu năm 1950, tình hình thế giới có những chuyển biến mới thuận lợi; cuộc kháng chiến của nhân dân ta lúc này cũng đang phát triển, đi lên. Ngày 1-10-1949, Cách mạng Trung Quốc thành công, nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa ra đời đã tạo ra khả năng cho cách mạng Việt Nam có thể tiếp xúc trực tiếp với các nước trong phe xã hội chủ nghĩa. Đầu năm 1950, Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa lần lượt công nhận Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà. Phong trào nhân dân thế giới ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam ngày một lan rộng và có nhiều hình thức đấu tranh rất phong phú, thiết thực...

Bên cạnh những thuận lợi trên đây, cuộc kháng chiến của nhân dân ta cũng đứng trước khó khăn mới do sự can thiệp ngày càng sâu của đế quốc Mỹ vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Thông qua việc thực hiện kế hoạch Rove (1949), thực dân Pháp đã xây dựng được một tuyến phòng thủ trên Đường số 4, đồng thời thiết lập được hành lang Đông – Tây. Vì vậy, Căn cứ địa Việt Bắc vẫn nằm trong tình trạng bị địch bao vây, phong tỏa và có nguy cơ bị chúng tấn công lần thứ hai.

Trước tình hình trên, nhằm phát huy thuận lợi và khắc phục khó khăn để đưa cuộc kháng chiến phát triển sang giai đoạn mới, Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định mở Chiến dịch Biên giới, ở hướng Cao Bằng – Lạng Sơn, trong

Thu - Đông 1950. Cùng với các tỉnh trong Liên khu Việt Bắc, quân và dân huyện Phú Bình khẩn trương xúc tiến mọi công tác chuẩn bị cho chiến dịch.

Thực hiện Nghị quyết ngày 15-7-1950 của Tỉnh uỷ Thái Nguyên, huyện Phú Bình cùng với các huyện khác trong tỉnh đã huy động 308 cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương đi phục vụ chiến dịch trong thời gian 3 tháng. Ngoài ra, nhân dân và lực lượng vũ trang Phú Bình đã đóng góp hàng nghìn ngày công; đào, đắp hàng trăm mét khối đất, đá; cùng nhân dân trong tỉnh sửa chữa và làm mới hàng chục chiếc cầu lớn, nhỏ, khai thông các tuyến Đường 13 A (Thái Nguyên - Tuyên Quang) và Đường 1 B (Thái Nguyên - Lạng Sơn).

Với tinh thần sẵn sàng đánh địch, bảo vệ vững chắc cửa ngõ phía Đông Nam Trung tâm Căn cứ địa Việt Bắc, huyện Phú Bình thành lập Ban chỉ huy tác chiến, gồm đại diện bộ đội chủ lực đóng quân trên địa bàn huyện, lực lượng vũ trang địa phương và các ngành để làm nhiệm vụ huy động lương thực, thực phẩm, xây dựng làng chiến đấu, phá hoại giao thông, chặn bước tiến công của địch...

Ngày 16-9-1950, quân ta nổ súng tấn công cứ điểm Đông Khê, mở màn Chiến dịch Biên giới. Ngày 18/9, cứ điểm Đông Khê bị tiêu diệt; quân địch ở Cao Bằng hoàn toàn bị cô lập, Thất Khê bị uy hiếp trực tiếp. Tuyến phòng thủ của địch trên Đường số 4 bị cắt đứt làm hai.

Trước tình hình đó, Bộ chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương chủ trương rút quân khỏi Cao Bằng bằng cuộc hành

quân “kép”. Một mặt, chúng cho binh đoàn từ Thất Khê tiến lên chiếm Đông Khê để đón cánh quân từ Cao Bằng rút về; mặt khác, chúng huy động 6 tiểu đoàn lực lượng dự bị chiến lược ở Bắc Bộ, mở Chiến dịch Phôcơ (Phoque: Hải Cầu), đánh chiếm thị xã Thái Nguyên, nhằm thu hút chủ lực của ta ở Mặt trận Biên giới về để đỡ đòn cho đồng bọn.

Ngày 29-9-1950, khoảng 3.000 quân Pháp, có máy bay yểm trợ, bắt đầu tấn công vào thị xã Thái Nguyên theo 3 hướng:

- Hướng thứ nhất, khoảng hơn 1.000 quân, từ Đa Phúc theo Quốc lộ 3 qua Phổ Yên, Đồng Hỷ, đánh lên thị xã Thái Nguyên.

- Hướng thứ hai, khoảng gần 1.000 quân, từ Phúc Yên theo chân núi Tam Đảo, vượt đèo Nhe đánh sang Phúc Thuận (Phổ Yên), qua Thịnh Đức, Thịnh Đán Đồng Hỷ, nay thuộc thành phố Thái Nguyên), đánh vào thị xã Thái Nguyên.

- Hướng thứ ba, khoảng 1.000 quân, ngược dòng sông Cầu tiến đánh Hà Châu (Phú Bình), rồi theo Đường 19, tiến công, càn quét thị xã Thái Nguyên.

Ngày 30-9, địch đóng quân ở Na Hoàng, Phố Hương (nay là Vó Ngựa, thành phố Thái Nguyên), Bài Nài, Bá Vân. Ngày 1-10, chúng tiến thêm một chặng nữa về hướng thị xã Thái Nguyên. Trên dọc Đường số 3, quân Pháp kéo vào Lưu Xá, Gia Sàng, Âm Hồn... Trong hai ngày 30-9 và 1-10, địch chú trọng vào việc đóng quân và củng cố vị trí, chưa đi càn quét. Sáng ngày 2-10, quân Pháp mới vào thị xã Thái

Nguyên. Địch có hai vị trí chính là Thị xã và Đồng Bầm (Đồng Hỷ). Những vị trí phụ hoặc những vị trí đóng quân nhỏ đều đặt ở xung quanh, trên dọc Đường số 3, tại Phố Hương, Lưu Xá, Gia Sàng, Mỏ Bạch, Quan Triều. Trên đường đê sông Máng, địch có 2 trạm đóng quân ở núi Đỏ và cầu Bađa Tắcun (tức Thác Huống). Tuyến đường Thái Nguyên – Thịnh Đán, địch có 1 trạm ở Kép Le.

Hằng ngày, từ các vị trí đóng quân, địch thường tiến hành các cuộc càn quét, cướp bóc ở các vùng lân cận. Kết hợp với hành động cướp bóc, tàn sát, địch dùng thủ đoạn chính trị lừa bịp. Ngoài việc thả truyền đơn, có nơi chúng còn dùng loa gọi dân chúng về làm ăn: “quan lớn không làm gì, chỉ bắt Việt Minh thôi”...

Nắm vững ý đồ của địch khi chúng mở cuộc hành quân Phôcơ, Bộ Tổng Tư lệnh hạ quyết tâm: Kiên quyết giữ vững lực lượng ở Mặt trận Biên giới, tiếp tục cuộc tấn công đến toàn thắng; việc tổ chức đánh địch ở Thái Nguyên do lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương đảm nhận.

Tại Thái Nguyên, do được báo trước nên các cấp lãnh đạo từ tỉnh xuống các huyện đã chủ động đề ra kế hoạch đối phó, tổ chức chu đáo cho nhân dân tản cư, cất giấu tài sản đến những nơi an toàn.

Tại huyện Phú Bình, ngay từ trước khi địch mở Chiến dịch Phôcơ, Huyện uỷ đã đề ra một số nhiệm vụ cụ thể và cấp bách:

- Cơ quan quân sự các cấp phải phối hợp chặt chẽ, tích cực chuẩn bị chiến trường, lập phương án hiệp đồng tác

chiến, chú trọng bảo vệ các công xưởng, cơ quan chính quyền, đoàn thể; vận động nhân dân thực hiện triệt để nhiệm vụ đào hầm trú ẩn và cất giấu tài sản.

- Lập phương án hợp đồng tác chiến giữa các cơ quan, đoàn thể; các cơ quan, đơn vị phải nắm chắc quân số, đề phòng kẻ gian đột nhập vào phá hoại; mở rộng cuộc vận động gây tình đoàn kết giữa đồng bào bên lương và đồng bào bên giáo, vạch mặt bọn cha cố phản động; thực hiện “ngũ gia liên bảo”.

- Tích cực đẩy mạnh tăng gia sản xuất để phục vụ nhu cầu quân sự và cải thiện đời sống nhân dân.

Huyện uỷ chỉ thị cho các đơn vị bộ đội địa phương và dân quân, du kích phải tăng cường phối hợp chặt chẽ với Đại đoàn (sư đoàn) 308 của Bộ Quốc phòng – Tổng Tư lệnh đang hoạt động trên địa bàn huyện. Mọi hành động của lực lượng vũ trang địa phương lúc này phải mau lẹ, kỉ luật phải nghiêm minh, tuyệt đối giữ bí mật, chú trọng nhiệm vụ đánh giặc và bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân.

Ủy ban kháng chiến – hành chính huyện cũng ra chỉ thị nêu rõ: có nhiều dấu hiệu chứng tỏ địch chuẩn bị đánh lên Thái Nguyên...; huyện Phú Bình là cửa ngõ của tỉnh, sẽ là nơi bị đánh đầu tiên. Vì vậy, việc chuẩn bị phải thực sự khẩn trương.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng và chính quyền, quân và dân Phú Bình đã bình tĩnh đánh địch, giành thắng lợi ngay từ trận đầu. Vừa đặt chân đến bến đò Hà Châu, quân địch đã bị Đại đội 224 bộ đội địa phương

Phú Bình phối hợp với lực lượng dân quân, du kích các xã phục kích, bắn hỏng nặng 1 chiếc ca nô, tiêu diệt 12 tên và làm bị thương 8 tên. Quân địch hoảng sợ phải bỏ ca nô, hành quân bộ men theo bờ sông Máng hướng lên thị xã Thái Nguyên. Trên đường lên thị xã Thái Nguyên, quân địch còn bị lực lượng vũ trang huyện Phú Bình chặn đánh tại kè Đá Gân, Cổ Dạ, cầu Mây...

Phối hợp với quân và dân huyện Phú Bình, quân và dân các huyện Đồng Hỷ, Đại Từ, Phổ Yên đã chặn đánh rất quyết liệt hai cánh quân của địch, gây cho chúng nhiều thiệt hại.

Liên tục bị đánh, lại không thực hiện được ý đồ kéo chủ lực của ta ở Mặt trận Biên giới về Thái Nguyên, từ chiều ngày 11 đến ngày 12-10-1950, quân Pháp đã phải rút khỏi địa phận thị xã Thái Nguyên. Chiến dịch Phôơ của địch hoàn toàn thất bại.

Cuộc chiến đấu của quân và dân tỉnh Thái Nguyên nói chung, quân và dân huyện Phú Bình nói riêng đánh bại cuộc hành quân Phôơ của địch đã góp phần không nhỏ vào chiến thắng Biên giới. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta từ đó bước sang giai đoạn phát triển mới, với những thắng lợi ngày càng to lớn trên khắp các chiến trường.

Từ sau khi đập tan cuộc hành quân Phôơ của thực dân Pháp, trên địa bàn huyện Phú Bình sạch bóng quân xâm lược. Quân và dân Phú Bình lại tiếp tục xây dựng hậu phương kháng chiến, tích cực chi viện chiến trường.

IV- Tiếp tục xây dựng Phú Bình thành hậu phương vững mạnh, tích cực đóng góp sức người, sức của chi viện tiền tuyến.

Chiến thắng Biên giới đã tạo ra một bước chuyển biến cơ bản, đưa cuộc kháng chiến chống Pháp của quân và dân ta sang một giai đoạn mới, giai đoạn quân đội ta nắm quyền chủ động tấn công trên chiến trường chính Bắc Bộ. Trong bối cảnh lịch sử ấy, thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ V (1950), quân và dân Phú Bình đã vượt qua mọi khó khăn do thiên tai, địch hoạ gây nên⁽¹⁾, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, mà nội dung chủ yếu là phong trào tăng gia sản xuất để chi viện tiền tuyến và cải thiện đời sống. Khắp nơi trong huyện đều đẩy lên các phong trào “Tuần lễ làm cỏ, bón phân”, “Tuần lễ toàn dân công tác”. Diện tích và năng suất lúa đều tăng. Năm 1951, sản lượng lương thực toàn huyện đạt 21.000 tấn, cao hơn so với tất cả các năm trước. Nhờ đó, huyện Phú Bình đã huy động được hơn 10 tấn thóc chuyển giao cho bộ đội chủ lực và gần 100 tấn thóc cung cấp cho bộ đội địa phương⁽¹⁾.

Từ năm 1953, cùng với hai xã Phúc Xuân (huyện Đông Hỷ) và Hùng Sơn (huyện Đại Từ), hai xã Đức Liên và Nhả Lộng của huyện Phú Bình được Trung ương chọn làm thí

⁽¹⁾ Trận lụt tháng 10/1950 làm ngập úng 79,8 ha lúa và hoa màu. Tiếp đó, liên tục trong 21 ngày đầu tháng 12/1950, giặc Pháp huy động máy bay ném bom phá đập Thác Huống, làm hỏng cống Vạn Giã, gây khó khăn lớn cho sản xuất nông nghiệp của huyện. Ngoài ra, thực dân Pháp còn thường xuyên cho máy bay bắn phá các làng xóm, ruộng đồng đang trong thời vụ gieo, cấy, gây nhiều thiệt hại về tính mạng và tài sản của nhân dân.

(1) Dẫn theo Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Bình (1930 – 2005), X.b 2005, tr. 101.

điểm triệt để giảm tô. Mặc dù có một số khuyết điểm trong quá trình thực hiện, đợt thí điểm triệt để giảm tô ở hai xã Đức Liên và Nhã Lộng đã thu được kết quả to lớn. Thông qua giảm tô, hàng trăm hộ nông dân được chia ruộng đất, tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền và đoàn thể được củng cố. Các Ban chi uỷ được bầu lại, gồm các đồng chí xuất thân từ thành phần cơ bản.

Trên cơ sở rút kinh nghiệm đợt thí điểm, việc thực hiện chính sách giảm tô được mở rộng. Từ ngày 25-8 đến ngày 20-10-1953, đợt giảm tô được tiến hành trong 33 xã thuộc các huyện Phú Bình, Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Lương. Lực lượng dân quân, du kích đóng vai trò quan trọng trong quá trình thực hiện giảm tô, kịp thời ngăn chặn những hành động chống đối của giai cấp địa chủ.

Tiếp theo các đợt giảm tô, trong 3 tháng đầu năm 1954, Huyện uỷ mở các đợt sinh hoạt chính trị, tổ chức cho cán bộ từ huyện xuống các xã học tập chính sách ruộng đất. Trên cơ sở đó, từ ngày 25-4-1954, đợt 1 cải cách ruộng đất bắt đầu được thực hiện ở huyện Phú Bình. Chính quyền dân chủ nhân dân đã tịch thu, trưng thu và trưng mua hơn 1.000 ha ruộng đất, hàng nghìn con trâu, bò, hàng trăm ngôi nhà, hàng chục tấn thóc của giai cấp địa chủ chia cho nông dân nghèo. Khẩu hiệu “Người cày có ruộng” đã trở thành hiện thực. Địa vị làm chủ của nông dân được nâng cao không chỉ về chính trị, mà cả về kinh tế. Với kết quả đó, nông dân càng thêm phấn khởi đẩy mạnh phong trào thi đua tăng gia sản xuất và hăng hái đóng góp cho kháng chiến.

Trong sản xuất nông nghiệp, công tác thuỷ lợi được các cấp uỷ Đảng và chính quyền đặc biệt quan tâm, coi đó là một trong những biện pháp hàng đầu để nâng cao năng suất cây trồng. Chỉ trong 1 tháng (từ ngày 15-10 đến ngày 15-11-1952), toàn huyện huy động được 688 dân công, nòng cốt là lực lượng dân quân, du kích, đắp được 23 đập, đào 124 ao, hồ..., đảm bảo đủ nước tưới cho 82 ha lúa chiêm. Các đập Đá Gân, Lũ Yên, Vạn Già được tu sửa để đảm bảo nước tưới cho vụ lúa Chiêm.

Vụ Chiêm năm 1953, hạn hán xảy ra ở nhiều nơi, ảnh hưởng xấu đến sản xuất. Các cấp uỷ Đảng và chính quyền trong huyện đã lãnh đạo, chỉ đạo quân và dân tát nước, cứu được 53,3 ha lúa. Sang năm 1954, công tác thuỷ lợi tiếp tục được đẩy mạnh. Huyện đã huy động 783 nhân công để khôi phục đập Vạn Già; đồng thời lãnh đạo toàn dân đào giếng, sửa chữa hệ thống kênh, mương... Do chủ động giải quyết khâu giống và nước, nên diện tích cấy lúa ba giăng tăng gần 370 ha và năng suất tăng gần 270 kg so với vụ chiêm năm 1953.

Nhằm xây dựng hậu phương vững mạnh về mọi mặt, cùng với phong trào tăng gia sản xuất tự cấp, tự túc, Đảng bộ huyện Phú Bình chú trọng lãnh đạo phát triển văn hoá, giáo dục, y tế.

Phong trào xây dựng đời sống mới tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh. Các buổi liên hoan văn nghệ thường xuyên được tổ chức, nhằm khích lệ phong trào thi đua yêu nước, bài trừ các hủ tục. Chính quyền địa phương còn phối hợp với các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tổ chức chiếu

phim với nội dung phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, giới thiệu phong cảnh đất nước, con người Việt Nam, những gương tập thể và cá nhân điển hình trong lao động sản xuất, chiến đấu.

Thực hiện chủ trương của Đảng, từ tháng 7-1950, cùng với các địa phương trong Căn cứ địa Việt Bắc và vùng tự do Liên khu IV, huyện Phú Bình thực hiện cải cách giáo dục. Bộ máy quản lý công tác giáo dục các cấp trong huyện được củng cố và kiện toàn. Ngành Giáo dục phổ thông có bước tiến mới. Hầu hết các xã trong huyện đều có trường tiểu học, đội ngũ giáo viên và học sinh đều tăng. Một số thầy giáo đã từng đi bộ đội, tham gia chiến đấu trên các chiến trường và bị thương, nay trở về địa phương tiếp tục làm công tác giảng dạy. Phong trào học bổ túc văn hoá và bình dân học vụ phát triển hơn trước. Trung bình mỗi xã mở được từ 8 đến 12 lớp bổ túc văn hoá. Toàn huyện mở được trên 100 lớp, với hàng nghìn học viên, phần lớn là cán bộ xã. Cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích là những thành viên tích cực trong phong trào học tập bổ túc văn hoá.

Công tác vệ sinh phòng bệnh, chăm sóc bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân được chú ý. Mạng lưới y tế không ngừng được mở rộng. Cuối năm 1950, toàn huyện đã có 22 cán bộ y tế phát thuốc ở các xã. Đến năm 1953, bình quân mỗi xã có 3 cán bộ y tế, gồm 1 y tá, 1 hộ sinh và 1 vệ sinh viên. Ngành Y tế huyện tích cực vận động nhân dân tổ chức lao động tập thể lấy tiền mua thuốc, lập tủ thuốc cho các thôn, xóm. Nhờ áp dụng nhiều biện pháp tích cực, trong suốt thời kì kháng chiến chống Pháp, trên địa bàn huyện không xảy ra

những bệnh dịch lớn. Sức khoẻ của nhân dân, nhất là thanh niên được bảo đảm, là một trong những điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng xây dựng lực lượng vũ trang địa phương.

Những thành tích đạt được trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế trong những năm 1950 – 1954 là kết quả của công tác xây dựng, củng cố các tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể các cấp trong huyện.

Từ năm 1950 đến năm 1954, thông qua 3 kì Đại hội Đảng bộ (V, VI, VII), và các cuộc vận động chỉnh đốn Đảng, các tổ chức cơ sở Đảng trong Đảng bộ từng bước được củng cố, hiện tượng mất đoàn kết nội bộ được khắc phục, sức chiến đấu của Đảng bộ được nâng lên.

Bộ máy chính quyền và đoàn thể các cấp trong huyện được củng cố và kiện toàn; năng lực hoạt động của Ủy ban kháng chiến – hành chính và Hội đồng nhân dân các cấp từng bước được nâng lên. Cơ quan quân sự và lực lượng dân quân, du kích từ huyện xuống các xã cũng được củng cố về tổ chức theo hướng tinh binh, tinh cán. Trong những năm 1951 – 1952, thực hiện chủ trương của cấp trên, quân số ở cơ quan Huyện đội giảm từ 25 cán bộ xuống còn 15 cán bộ, trong đó có từ 3 đến 4 cán bộ làm công tác dân quân. Quân số trong lực lượng dân quân, du kích cũng giảm mạnh. Vì giảm mạnh quân số, nên nhiều công việc bị ứ đọng, không giải quyết kịp thời.

Nhằm khắc phục tình trạng trên, đầu năm 1953, Huyện uỷ Phú Bình tập trung lãnh đạo Ban chỉ huy Huyện đội tổ

chức củng cố lực lượng dân quân, du kích. Đến cuối năm 1953, lực lượng dân quân, du kích được bổ sung hàng trăm đội viên, đồng thời loại những người không đủ tiêu chuẩn ra khỏi hàng ngũ. Các cấp uỷ Đảng cử nhiều đảng viên vào các Ban chỉ huy Xã đội, Trung đội, Đại đội dân quân, du kích. Chất lượng dân quân, du kích trong huyện được nâng lên rõ rệt.

Nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Đảng bộ và các cấp chính quyền, sự nỗ lực của nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương, hậu phương Phú Bình được xây dựng ngày càng vững chắc, đời sống vật chất và văn hoá tinh thần của nhân dân các dân tộc trong huyện từng bước được cải thiện. Sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng bộ, quân và dân trong huyện được tăng cường. Cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc trong huyện càng thêm tin tưởng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến, tích cực đóng góp sức người, sức của chi viện tiền tuyến.

Hưởng ứng phong trào bán thóc khao quân do Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động, năm 1950 nhân dân huyện Phú Bình đã quyên góp ủng hộ bộ đội địa phương được 3.250 kg thóc và 438.885 đồng⁽¹⁾. Sau Chiến dịch Biên giới 1950, quân đội ta liên tiếp chủ động mở các chiến dịch tiến công và phản công trên các chiến trường. Do vậy, yêu cầu đảm bảo giao thông, vận chuyển lương thực, thực phẩm, vũ khí...

⁽¹⁾ Dẫn theo: Thái Nguyên - Lịch sử đấu tranh vũ trang cách mạng và kháng chiến chống Pháp (1941 - 1954), x.b 1999, tr. 233.

cho tiền tuyến ngày càng lớn. Trong khi đó, thực dân Pháp tăng cường dùng máy bay ném bom, đánh phá ác liệt hệ thống giao thông vận tải.

Trước tình hình trên, để đảm bảo giao thông vận tải thông suốt, huyện Phú Bình thành lập Ban huy động dân công và Ban bảo vệ cầu, đường, làm nhiệm vụ tổ chức tuần tra, canh gác ở các trọng điểm giao thông trên địa bàn. Được sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp uỷ Đảng và chính quyền, quân và dân huyện Phú Bình đã cùng với nhân dân các dân tộc trong tỉnh kịp thời sửa chữa các tuyến Quốc lộ 3, 1B, Tỉnh lộ 13A Bờ Đậu - Đèo Khế và các tuyến đường Linh Nham - Giang Tiên, Km 31 - Quán Vương - Khuôn Ngàn, bảo đảm công tác vận tải phục vụ chiến trường.

Nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình vừa tích cực đi dân công phục vụ tiền tuyến, vừa động viên con em tham gia tòng quân. Năm 1952, Phú Bình mở cuộc vận động dân quân, du kích bổ sung cho bộ đội địa phương huyện; bộ đội địa phương huyện bổ sung cho bộ đội địa phương tỉnh. Riêng 6 tháng đầu năm 1952, toàn huyện có hơn 100 dân quân, du kích được tuyển chọn bổ sung cho bộ đội địa phương. Trong thời gian diễn ra Chiến dịch Điện Biên Phủ, ngoài việc đảm bảo chỉ tiêu huy động dân công, nhân dân Phú Bình đã cùng với đồng bào trong tỉnh đóng góp 671 tấn gạo, 10 tấn đỗ, lạc, trên 28 tấn thịt lợn và trâu, bò...

Trải qua 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình đã hoàn thành tốt nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc, xây dựng hậu phương

vững mạnh, trực tiếp chiến đấu bảo vệ Căn cứ địa, làm tròn nghĩa vụ chi viện tiền tuyến, góp phần cùng quân và dân cả nước giành nhiều thắng lợi ngày càng to lớn, đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu (7-5-1954).

Chiến thắng Điện Biên Phủ của quân và dân ta đã làm sụp đổ hi vọng xoay chuyển cục diện chiến tranh bằng kế hoạch Nava của giới quân sự và chính trị Pháp. Ngày 21-7-1954 thực dân Pháp buộc phải kí kết Hiệp định Giơnevơ, cam kết công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân 3 nước Đông Dương. Đây là một thắng lợi rất to lớn của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Với thắng lợi này, quân và dân huyện Phú Bình cùng với nhân dân miền Bắc bước vào thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà.

Chương III

QUÂN VÀ DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH

KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954-1975).

I - Khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Sau ngày “Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương” được kí kết, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, quân và dân miền Bắc bước vào thời kì khôi phục, cải tạo, xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa. Miền Nam tạm thời đặt dưới sự chiếm đóng của quân đội Liên hiệp Pháp và sau đó là dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai Ngô Đình Diệm. Nhiệm vụ của quân và dân ta ở miền Nam là phải tiếp tục đấu tranh, hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau hòa bình lập lại huyện Phú Bình có 22 xã, dân số 53.052 người, mật độ dân số bình quân toàn huyện 209 người trên 1 km² (cao nhất tỉnh). Bước vào thời kì khôi phục và cải tạo kinh tế, văn hóa, xã hội, cũng như quân và dân các huyện, thị xã khác trong tỉnh, quân và dân huyện Phú Bình đứng trước những khó khăn, thử thách về nhiều mặt. Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, tuy huyện Phú Bình nằm

trong vùng tự do nhưng lại là nơi giáp ranh với vùng địch tạm chiếm, nên thường xuyên bị chúng tung gián điệp, biệt kích vào hoạt động phá hoại cả về kinh tế và tư tưởng, gây cho quân và dân trong huyện nhiều khó khăn và tổn thất cả về vật chất lẫn tinh thần.

Về chính trị xã hội, trên địa bàn huyện, đặc biệt là ở các xã có đồng bào công giáo sinh sống, một số phần tử phản động đội lốt tôn giáo đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, dụ dỗ, dọa nạt, cưỡng bức đồng bào công giáo di cư vào Nam. Chúng phao tin “Chúa đã vào Nam, con chiên phải theo Chúa, nếu ở lại khi chết sẽ không được cứu rỗi linh hồn”⁽¹⁾, “Vào Nam là chọn tự do, mỗi gia đình vào Nam sẽ được chia 5 mẫu ruộng, 1 con trâu”⁽²⁾. Chúng đe dọa “Sau khi hết hạn di cư vào Nam, Mỹ sẽ ném bom nguyên tử xuống miền Bắc”⁽³⁾. Chúng còn kích động đồng bào giáo dân, yêu cầu hoặc sử dụng bọn tay sai đứng ra đề nghị chính quyền ta cho phép đồng bào công giáo “di cư vào Nam theo Chúa”. Luận điệu tuyên truyền, dụ dỗ, dọa nạt của bọn phản động đội lốt tôn giáo đã làm cho một bộ phận đồng bào công giáo và nhân dân Phú Bình hoang mang, dao động.

Lúc đầu do ta chưa nhận thức đầy đủ về âm mưu và thủ đoạn nham hiểm của bọn phản động đội lốt tôn giáo trong việc dụ dỗ, cưỡng bức đồng bào công giáo di cư vào Nam, nên việc đối phó còn lúng túng và bị động. Một số

⁽¹⁾ ⁽²⁾ ⁽³⁾ Dẫn theo Lịch sử Công an nhân dân Bắc Thái 1955-1975, tr 22, 23.

đồng bào giáo dân ở các xã Quyết Tiến, Tân Kim, Nhã Lộng nhẹ dạ, cả tin, vội vã bỏ lại nhà cửa, ruộng, vườn di cư vào Nam.

Cùng với việc dụ dỗ, cưỡng bức đồng bào công giáo di cư vào Nam, các phần tử phản động còn tiến hành các hoạt động phá hoại kinh tế, trộm cắp, phá rối trật tự, trị an, tổ chức đánh bạc, buôn bán thuốc phiện. Một số địa chủ trên địa bàn huyện liên kết với nhau tuyên truyền, xuyên tạc đường lối, chính sách ruộng đất của Đảng và Chính phủ, chia rẽ cán bộ, đảng viên với quần chúng, phá hoại sự đoàn kết trong nhân dân, làm cho tình hình chính trị, xã hội trên địa bàn huyện càng phức tạp thêm.

Quán triệt nội dung Chỉ thị số 91/CT ngày 8-9-1954 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “Việc phá tan âm mưu của địch bắt ép đồng bào ta di cư vào Nam là một cuộc đấu tranh chính trị gay go và cấp bách”⁽¹⁾, Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện Phú Bình cử cán bộ phối hợp với đoàn cán bộ của tỉnh xuống các xã có đồng bào công giáo sinh sống, chủ yếu là hai xã Quyết Tiến và Tân Kim nắm tình hình, tuyên truyền, giải thích đường lối, chính sách đoàn kết dân tộc, chính sách công giáo của Đảng và Chính phủ; vạch rõ các âm mưu và thủ đoạn tuyên truyền, lừa bịp thâm độc, xảo quyệt của bọn phản động đội lốt tôn giáo; vận động giáo dân yên tâm sản xuất, xây dựng quê hương. Nhờ đó, nhiều đồng

⁽¹⁾ Văn kiện Đảng bộ Công an, tập 3, 1967, trang 22.

bào giáo dân trong huyện đã nhận ra âm mưu và thủ đoạn thâm độc của kẻ thù, yên tâm làm ăn, sinh sống.

Vừa vận động đồng bào giáo dân tin tưởng vào đường lối, chính sách tôn giáo của Đảng và Chính phủ, yên tâm làm ăn, sinh sống; vận động quần chúng nhân dân tự giác đấu tranh chống lại các âm mưu và hành động tuyên truyền, dụ dỗ, đe dọa, cưỡng bức đồng bào công giáo di cư vào Nam của bọn phản động đội lốt tôn giáo, quân và dân huyện Phú Bình vừa kiên quyết trấn áp những tên tích cực hoạt động dụ dỗ, cưỡng ép giáo dân di cư. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện, các lực lượng công an, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ trong huyện đã bắt giữ quản chế, gọi răn đe một số tên hoạt động cực đoan. Đầu năm 1955, tại xứ Nhã Lộng, bọn phản động đội lốt tôn giáo đã tăng cường hoạt động dụ dỗ, cưỡng ép đồng bào ta di cư vào Nam. Chúng tổ chức cho bọn tay sai cốt cán trực tiếp gặp gỡ, dụ dỗ, thúc ép giáo dân di cư. Đối phó với các tổ cán bộ ta ở tỉnh, ở huyện xuống tuyên truyền, vận động đồng bào giáo dân, bọn tay sai đã cho trẻ em hò hét, con chiền hát xướng làm ồn ào, gây không khí náo động, căng thẳng... Trước tình hình đó, các lực lượng công an, dân quân tự vệ ta kiên quyết bắt giữ, lập hồ sơ truy tố bọn cầm đầu, chủ mưu, kịp thời ngăn chặn và đập tắt được nhiều âm mưu và hành động phá hoại của bọn phản động đội lốt tôn giáo. Tình hình giáo dân trên địa bàn huyện di cư vào Nam đã dần lắng xuống.

Sau ngày hòa bình lập lại, theo sự chỉ đạo của trên, từ ngày 22-10-1954, quân và dân huyện Phú Bình cùng với quân và dân các huyện Phổ Yên, Đại Từ, Đồng Hỷ bước vào thực hiện cuộc cải cách ruộng đất đợt II. Vì cải cách ruộng đất là một cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt nhằm xóa bỏ giai cấp địa chủ, bóc lột ở nông thôn, nên quá trình thực hiện cải cách ruộng đất, quân và dân huyện Phú Bình cũng như quân và dân các huyện Phổ Yên, Đại Từ, Đồng Hỷ gặp phải sự chống đối gay gắt của giai cấp địa chủ và các phần tử phản cách mạng.

Do rút được kinh nghiệm cải cách ruộng đất đợt I, lại trong điều kiện hòa bình, nên việc triển khai thực hiện cải cách ruộng đất đợt II của huyện Phú Bình có nhiều thuận lợi. Tuy nhiên, do giai cấp địa chủ tìm mọi cách chống đối (phân tán tài sản, mua chuộc cán bộ, đe dọa những người tham gia đấu tố), nên cải cách ruộng đất đợt II ở huyện Phú Bình cũng gặp không ít những khó khăn, phức tạp. Ngay từ khi các Đoàn, Đội cán bộ cải cách ruộng đất về đến huyện, bọn địa chủ, cường hào gian ác đã trực tiếp hoặc cho tay chân tung dư luận nói xấu cán bộ, đe dọa nông dân, làm cho họ không dám tham gia cải cách ruộng đất.

Trước tình hình đó, Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy Đảng, chính quyền và cơ quan quân sự các cấp huyện, xã huy động cán bộ, chiến sĩ các lực lượng bộ đội địa phương và dân quân du kích làm nhiệm vụ bảo vệ và tham gia cải cách ruộng đất. Lực lượng Công an huyện phối hợp chặt chẽ với lực lượng

bộ đội địa phương huyện và dân quân du kích các xã triển khai các biện pháp ngăn chặn, kịp thời trấn áp các phần tử địa chủ, cường hào gian ác có hành động chống đối, phá hoại cải cách ruộng đất, đảm bảo an ninh, trật tự cho cuộc cải cách ruộng đất đợt II. Ngoài ra, cán bộ, chiến sĩ các lực lượng bộ đội địa phương huyện và dân quân du kích các xã còn phối hợp với chính quyền, đoàn thể các cấp từ huyện xuống cơ sở đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền đường lối, chính sách ruộng đất của Đảng và Chính phủ cho nông dân. Đầu tháng 1-1955, huyện Phú Bình hoàn thành nhiệm vụ cải cách ruộng đất đợt II.

Qua hai đợt cải cách ruộng đất (đợt I bắt đầu từ ngày 25-4-1954, kết thúc đầu tháng 9-1954; đợt II bắt đầu từ ngày 22-10-1954, kết thúc đầu tháng 1-1955), huyện Phú Bình đã hoàn thành toàn bộ công cuộc cải cách ruộng đất, đánh đổ hoàn toàn giai cấp địa chủ, phong kiến, thủ tiêu hoàn toàn chế độ chiếm hữu ruộng đất và phương thức bóc lột của chúng ở nông thôn. Ước mơ “người cày có ruộng” của người nông dân huyện Phú Bình trở thành hiện thực, sức sản xuất của người nông dân được giải phóng đã tạo ra cho huyện Phú Bình một sự phát triển mới trong sản xuất nông nghiệp. Uy thế chính trị của giai cấp nông dân huyện Phú Bình, đặc biệt là uy thế chính trị của những người nông dân thuộc thành phần bần, cố nông được xác lập, nhiều người từ thân phận đi ở, làm thuê cho địa chủ, phú nông, trở thành cán bộ tham gia các tổ chức chính quyền, đoàn thể ở cơ sở. Người

dân lao động Phú Bình đã trở thành người chủ thực sự của xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện cải cách ruộng đất, các Đoàn, Đội cải cách ruộng đất ở Phú Bình (cũng như ở các địa phương khác trên miền Bắc) đã phạm phải nhiều sai lầm (đả kích tràn lan, qui nhầm một số phú nông và trung nông lớp trên thành địa chủ cường hào, gian ác). Một số gia đình có công với cách mạng, gia đình nông dân có họ hàng thân thích với người bị qui nhầm là địa chủ đã bị coi là có “liên quan”, bị phân biệt đối xử. Do nhận định sai thành phần giai cấp, nên đã xử lí, bỏ tù oan nhiều người. Các cán bộ, đảng viên thoát li gia đình đã tham gia cách mạng, khi gia đình bị qui là địa chủ đều bị xử lí như địa chủ, bị khai trừ ra khỏi Đảng, bị trả về địa phương... Những sai lầm này bắt nguồn từ nhận thức lệch lạc, không nắm chắc qui định thành phần giai cấp; phương pháp tư tưởng chủ quan, giáo điều; tác phong quan liêu, mệnh lệnh, độc đoán. Do các cơ quan cải cách ruộng đất tổ chức thành hệ thống riêng từ trên xuống dưới, với những quyền hạn quá lớn, nên đã lạm quyền, không dựa vào tổ chức cơ sở Đảng ở huyện.

Ngay sau khi phát hiện ra các sai lầm trong cải cách ruộng đất, tháng 9-1956, Trung ương Đảng đã ra nghị quyết chỉ rõ “Kiên quyết chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức”⁽¹⁾. Tiếp đó, tháng 11-1956, Trung ương

⁽¹⁾ Dẫn theo “Cách mạng ruộng đất” trang 191.

Đảng chỉ thị cho các địa phương “Phải coi công tác sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức là nhiệm vụ trung tâm, đột xuất trong thời gian trước mắt”⁽¹⁾.

Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện Phú Bình đã lãnh đạo, chỉ đạo quân và dân trong huyện tiến hành công tác sửa sai. Do khi thành lập Khu Tự trị Việt Bắc (tháng 6-1956), huyện Phú Bình được tách khỏi tỉnh Thái Nguyên, sáp nhập vào tỉnh Bắc Giang, đến tháng 7-1957 lại tách khỏi tỉnh Bắc Giang sáp nhập về tỉnh Thái Nguyên, nên công tác sửa sai cải cách ruộng đất của huyện còn chậm. Từ sau khi sáp nhập trở lại tỉnh Thái Nguyên, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh Thái Nguyên, công tác sửa sai ruộng đất của huyện Phú Bình được đẩy mạnh và khẩn trương hơn.

Trong quá trình thực hiện sửa sai, tình hình cán bộ, đảng viên trên địa bàn huyện cũng có những diễn biến phức tạp. Tại xã Kha Sơn, mâu thuẫn giữa những người bị qui oan sai, với những người tham gia đấu tố tại các xóm Soi, Ca, Trung Tâm, Tây Bắc, Mai Sơn diễn ra rất gay gắt; đã xảy ra một số vụ xung đột, đánh, chửi nhau. Tại các xã Xuân Phương, Thanh Ninh, Nga Mi, Tân Đức..., do một số người được chia tài sản bị tịch thu oan, sai đã đem bán hoặc trao đổi, nên không có khả năng trả lại cho những người bị oan

⁽¹⁾ Dẫn theo “Cách mạng ruộng đất” trang 191.

sai; mặt khác, một số người lại không muốn trả lại một phần tài sản đã được chia. Trước tình hình đó, các Đoàn, Đội cán bộ sửa sai của tỉnh và huyện sau khi xuống các xã đã đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền, quán triệt cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các chủ trương và chính sách sửa sai cải cách ruộng đất của Đảng; mục đích và yêu cầu công tác sửa sai cải cách ruộng đất. Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh Thái Nguyên tập trung lãnh đạo, chỉ đạo huyện Phú Bình làm dứt điểm việc đền bù tài sản cho những gia đình bị oan sai. Trước tình trạng một số cán bộ ở cơ sở sau khi thu tiền đền bù đã không đền bù ngay cho những người, những gia đình bị oan sai mà đem tiêu đi, Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện đã chỉ thị cho các xã tổ chức kiểm điểm, thi hành kỉ luật và thu xếp đền bù ngay cho những người, những gia đình bị oan sai. Nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết của huyện và tỉnh, nên việc đền bù cho những người, những gia đình bị oan, sai của huyện Phú Bình có nhiều chuyển biến tích cực. Đến ngày 20-6-1958, huyện Phú Bình đã hoàn thành toàn bộ công tác sửa sai giảm tô và cải cách ruộng đất.

Thông qua công tác sửa sai, những người, những gia đình bị qui oan, qui sai đã được minh oan, phục hồi danh dự; những cán bộ, đảng viên bị xử trí oan, sai đã được phục hồi đảng tịch, phục hồi chức vụ, nên tin tưởng vào các đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ. Mâu thuẫn giữa những người bị qui oan, qui sai với những người tham gia đấu tố trong thời kì cải cách ruộng đất trên địa bàn huyện đã dần dần dịu đi, tình trạng căng thẳng trong thời kì sửa sai dần

dân được khắc phục. Những gia đình được minh oan đã yên tâm lao động sản xuất, tích cực xây dựng quê hương, các thanh niên là con em trong các gia đình bị qui sai thành phần, bị xử trí oan, sai đã sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân du kích, làm nhiệm vụ tuần tra, canh gác bảo vệ xóm, làng hoặc sẵn sàng tình nguyện thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

Vừa tiến hành cải cách ruộng đất, vừa sửa sai giảm tô, cải cách ruộng đất, quân và dân huyện Phú Bình vừa đẩy mạnh khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa, xã hội, nhằm ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân. Ngay sau ngày hòa bình lập lại, nhân dân và cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang Phú Bình đã tập trung khai hoang, mở rộng diện tích gieo cấy lúa và hoa màu; sửa chữa, khôi phục các công trình thủy lợi bị máy bay địch ném bom phá hỏng trong những năm cuối của thời kì kháng chiến chống Pháp (gồm sông Máng, cống Vạn Giã, đập Thác Huống). Cùng với quân và dân các huyện trong tỉnh, quân và dân huyện Phú Bình đã đóng góp hàng trăm cây gỗ, hàng ngàn cây tre và huy động hàng nghìn dân công lao động liên tục trong gần 3 tháng trên công trường sửa chữa đập Thác Huống và cống Vạn Giã, góp phần quan trọng vào việc khôi phục toàn bộ các công trình thủy lợi trên hệ thống sông Máng vào cuối năm 1954, đảm bảo cung cấp nước tưới cho hàng trăm héc ta đất canh tác của huyện Phú Bình và hàng ngàn héc ta đất của các huyện Đồng Hỷ (Thái Nguyên), Hiệp Hòa, Tân Yên (Bắc Giang). Để giúp nhau sản xuất, năm 1955, nhân dân

các xã trong huyện đã xây dựng được 1.066 tổ đổi công, với 6.618 hộ nông dân tham gia (bằng 37,97% tổng số tổ đổi công trong toàn tỉnh). Nhờ đẩy mạnh khai hoang, phục hóa; tích cực sửa chữa các công trình thủy lợi, xây dựng tổ đổi công, giúp nhau sản xuất, nên cả về diện tích, năng suất, sản lượng lúa và hoa màu của huyện đều không ngừng tăng cao: Năm 1955, diện tích gieo cấy lúa các loại toàn huyện đạt 10.307 héc ta, sản lượng đạt 12.697 tấn (bằng 23,19% tổng sản lượng lúa trong toàn tỉnh). Năm 1956, diện tích gieo cấy các loại lúa tiếp tục tăng so với năm 1955, sản lượng lúa tăng 4.344 tấn so với năm 1955.

Ngoài lúa, hằng năm sản lượng các loại cây hoa màu của huyện Phú Bình cũng đều tăng. Năm 1958, so với năm 1955, sản lượng ngô trong toàn huyện tăng 106,8 tấn, khoai tăng 929 tấn, sắn tăng 1.136 tấn, đỗ các loại (trừ đỗ tương) tăng 30 tấn.

Song song với trồng trọt, quân và dân huyện Phú Bình đẩy mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm: đàn trâu tăng nhanh, từ 3.092 con năm 1955 lên 6.187 con năm 1958; đàn bò tăng từ 3.990 con năm 1956, lên 6.435 con năm 1958; đàn lợn cũng tăng từ 6.029 con năm 1956, lên 12.453 con năm 1958⁽¹⁾.

Nhờ sản xuất nông nghiệp phát triển cả về trồng trọt và chăn nuôi, nên đời sống của nhân dân các dân tộc trong

⁽¹⁾ Theo số liệu thống kê 1955-1960 của Chi cục thống kê Thái Nguyên.

huyện được ổn định và từng bước được cải thiện. Năm 1955, các xã Hồng Phong, Thắng Lợi, Yên Thịnh đã cơ bản được khắc phục được nạn đói giáp hạt.

Sau hơn 3 năm thực hiện nhiệm vụ khôi phục kinh tế, từ những tháng cuối năm 1958, quân và dân huyện Phú Bình bước sang thực hiện nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa, trong đó nhiệm vụ trọng tâm là tập trung thực hiện cuộc vận động xây dựng hợp tác xã nông nghiệp theo Chỉ thị số 07 ngày 26-6-1958 của Tỉnh ủy Thái Nguyên. Khi bước vào thực hiện cuộc vận động xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, toàn huyện có 8.847 hộ nông dân. Cuối năm 1958, huyện xây dựng được 2 hợp tác xã nông nghiệp, với 32 hộ gia đình xã viên. Cuối tháng 12-1959, toàn huyện xây dựng được 121 hợp tác xã nông nghiệp, thu hút 4.207 hộ gia đình nông dân tham gia. Cuối năm 1960, toàn huyện đã có 210 hợp tác xã nông nghiệp, với 8.215 hộ xã viên, chiếm 92,87% số hộ nông dân trong toàn huyện. So với các huyện, thị xã trong tỉnh, Phú Bình là huyện có tỉ lệ số hộ nông dân vào hợp tác xã so với tổng số hộ nông dân trên địa bàn cao thứ hai (sau huyện Định Hóa đạt 92,94%)⁽¹⁾.

Năm 1960, trong toàn huyện, diện tích gieo, cấy lúa đạt 11.779 ha, sản lượng lúa đạt 18.382,7 tấn (so với năm 1957, diện tích gieo cấy lúa tăng 39,6 ha; sản lượng lúa tăng

⁽¹⁾Theo số liệu thống kê 1955-1960 của Chi cục thống kê Thái Nguyên.

1.253,7 tấn, sản tăng 920,7 tấn, đậu đỗ các loại tăng 159,9 tấn, rau tăng 1.893,2 tấn). So với tổng sản lượng rau toàn tỉnh, sản lượng rau của huyện Phú Bình chiếm 24,27%.

Tuy nhiên, trong chăn nuôi gia súc, năm 1960 so với năm 1958, đàn trâu của huyện giảm 235 con, đàn bò giảm 2.284 con, đàn lợn giảm 876 con. Sở dĩ đàn bò trong huyện giảm mạnh từ 6.435 con năm 1958, xuống 5.998 con năm 1959 và chỉ còn 4.151 con năm 1960 là do tình trạng giết mổ bò bừa bãi diễn ra khá phổ biến ở các xã nằm trên địa bàn huyện. Báo Nhân dân số 1922 ra ngày 22-6-1959 đã đăng bài “Chống mổ bò bừa bãi” của tác giả TL (bút danh của Chủ tịch Hồ Chí Minh) Bài báo nêu rõ: ở huyện Phú Bình (tỉnh Thái Nguyên) “Chỉ trong vài ba tháng đầu năm nay, xã Dương Thành đã mổ 23 con bò và xã Hương Sơn mổ 31 con; đồ đồng mỗi xã mổ 27 con. Bất kì hội nghị to hay là nhỏ, hễ có hội nghị là mổ bò” và yêu cầu các cơ quan lãnh đạo địa phương, trực tiếp là Đảng bộ, Ủy ban hành chính huyện và xã, cán bộ và đảng viên trong các tổ đổi công và hợp tác xã phải “kiểm thảo sâu sắc, sửa chữa kịp thời; phải lãnh đạo nông dân chống mổ bò bừa bãi, tăng cường việc chăn nuôi và thực hiện khẩu hiệu: Tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm”⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh toàn tập, tập 9, 1958-1959, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1996, trang 460, 461.

Sau khi Báo Nhân dân đăng bài “Chống mổ bò bừa bãi” của tác giả TL, cấp ủy và chính quyền các cấp từ huyện xuống các xã ở huyện Phú Bình, đặc biệt là hai xã Dương Thành và Hương Sơn, đã nghiêm khắc kiểm điểm, khắc phục việc “Giết mổ bò bừa bãi”. Từ đó, chăn nuôi gia súc của huyện tiếp tục tăng trưởng, phát triển⁽¹⁾.

Sau hơn sáu năm (1954-1960) thực hiện nhiệm vụ khôi phục kinh tế và cải tạo xã hội chủ nghĩa, ngoài các thành tựu về kinh tế, huyện Phú Bình còn giành được nhiều thắng lợi trên các lĩnh vực văn hóa, xã hội. Giáo dục phổ thông phát triển: So với năm 1958, năm 1960 số học sinh phổ thông cấp I tăng 131,4% (từ 2.530 học sinh, lên 5.855 học sinh), cấp II tăng 245,45% (từ 176 học sinh, lên 608 học sinh). Phong trào bổ túc văn hóa của huyện được giữ vững. Năm 1960 Phú Bình là một trong 5 huyện của tỉnh hoàn thành việc thanh toán nạn mù chữ trong toàn dân.

Công tác y tế có nhiều cố gắng trong việc tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện vệ sinh phòng bệnh. Năm 1960, so với năm 1958, số người được phát thuốc và điều trị bệnh tăng 55,66% (từ 4.910 người, lên 7.643 người). Từ năm 1957 đến năm 1960, trên địa bàn huyện không để xảy ra dịch bệnh lớn.

Công tác xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang địa phương được cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp trong huyện

⁽¹⁾ Năm 1962 so với năm 1960, đàn trâu tăng 2.681 con, đàn lợn tăng 5.975 con, đàn bò cơ bản được giữ vững.

quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Sau ngày hòa bình lập lại, Đại đội 224 bộ đội địa phương huyện được Ban chỉ huy Tỉnh đội Thái Nguyên điều đi nhận nhiệm vụ khác.

Thực hiện Nghị quyết (tháng 9-1954) của Tỉnh ủy Thái Nguyên “Chỉnh huấn chính trị, huấn luyện quân sự, kiện toàn tổ chức, biên chế các đơn vị bộ đội địa phương; tiếp tục củng cố lực lượng dân quân, du kích và bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ lực lượng vũ trang địa phương cơ sở”, Ban chỉ huy Huyện đội Phú Bình tổ chức cho cán bộ, chiến sĩ cơ quan Huyện đội học tập chính trị, quân sự. Thông qua học tập, chỉnh huấn chính trị, tư tưởng hòa bình chủ nghĩa, muốn nghỉ ngơi, giải ngũ về xây dựng gia đình, hậu phương của một số cán bộ, chiến sĩ trong cơ quan Huyện đội đã kịp thời được chấn chỉnh, phê phán; đa số cán bộ, chiến sĩ trong cơ quan an tâm công tác, tích cực học tập chính trị và luyện tập sẵn sàng chiến đấu.

Thực hiện nhiệm vụ “Tăng cường lực lượng quân sự” do Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (họp mở rộng từ ngày 15 đến ngày 17-7-1954) đề ra, Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện và Ban chỉ huy Huyện đội Phú Bình tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức giáo dục, nâng cao nhận thức cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương về vị trí, vai trò, nhiệm vụ của lực lượng dân quân, du kích, tự vệ. Qua giáo dục, học tập, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân huyện Phú Bình đã nhận thức được lực lượng dân quân, du kích, tự vệ là lực lượng chiến lược, không chỉ đóng vai trò trực tiếp sản xuất, xây dựng kinh tế, bảo vệ trị an xã hội ở cơ sở, mà còn là lực lượng cơ

động, chiến đấu và là nguồn bổ sung không bao giờ cạn cho lực lượng bộ đội thường trực.

Ban chỉ huy Huyện đội chỉ đạo các xã xây dựng tổ chức dân quân, du kích theo các xóm hoặc hợp tác xã, mỗi xóm hoặc hợp tác xã xây dựng một trung đội, mỗi đội sản xuất xây dựng một tiểu đội; 100% Đảng ủy, Chi ủy các xã trong huyện cử Đảng ủy viên, Chi ủy viên tham gia Ban chỉ huy Xã đội, trực tiếp làm Chính trị viên hoặc Xã đội trưởng. Năm 1959, thực hiện chỉ thị của Ban chỉ huy Tỉnh đội Thái Nguyên, Ban chỉ huy Huyện đội Phú Bình chỉ đạo xã Thượng Đình triển khai đợt thí điểm huấn luyện cán bộ dân quân, du kích. Toàn xã có 56,27% cán bộ xã đội, 54,22% cán bộ trung đội và 33% cán bộ tiểu đội dân quân, du kích tham gia huấn luyện.

Đối với nhiệm vụ xây dựng lực lượng bộ đội thường trực, ngày 16-2-1959, Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh Thái Nguyên ra Chỉ thị số 90/DQ giao cho huyện Phú Bình tuyển chọn 170 thanh niên vào bộ đội. Chỉ thị của Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh chỉ rõ yêu cầu thành phần thanh niên được tuyển chọn vào bộ đội, chủ yếu là nhân dân lao động, có ít nhất 20% là người dân tộc thiểu số để đảm bảo bình đẳng giữa các dân tộc và đào tạo cán bộ sau này. Về chất lượng phải đảm bảo từ 40% đến 60% là đoàn viên và 100% sức khỏe A1, hoặc A2; phải đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, tự giác của cả người nhập ngũ và gia đình người nhập ngũ. Chỉ thị nhấn mạnh: Trong khi tuyển chọn 170 thanh niên vào bộ đội, huyện Phú Bình phải chú ý đảm bảo giữ vững và củng cố được các phong trào ở địa phương.

Thực hiện Chỉ thị 90/DQ của Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh, Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện Phú Bình quyết định kiện toàn Hội đồng Nghĩa vụ quân sự huyện và Hội đồng Nghĩa vụ quân sự các xã. Hội đồng Nghĩa vụ quân sự huyện do đồng chí Nguyễn Đình Thăng (Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện) làm Chủ tịch, Ngô Văn Các (Huyện đội trưởng) làm Phó Chủ tịch. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Hội đồng Nghĩa vụ quân sự huyện, Phòng Y tế huyện tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự, thời gian hai ngày, cho 38 y tá các xã. Để đảm bảo giao quân đủ số lượng và chất lượng, Hội đồng Nghĩa vụ quân sự huyện quyết định gọi 521 thanh niên đi khám sức khỏe (tỉ lệ số người gọi khám so với chỉ tiêu tuyển quân là 3,06 trên 1. Được Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh đưa Đoàn cán bộ Y tế của tỉnh xuống trực tiếp khám tuyển, nên việc khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự của huyện đạt kết quả tốt. Trong số 521 thanh niên được gọi khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự, có 168 người đạt sức khỏe A1 (bằng 32,25%), 192 người đạt sức khỏe A2 (bằng 36,85%), 161 người sức khỏe B và C (bằng 30,9%).

Ngày 1-4-1959, huyện Phú Bình đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tuyển quân, giao đủ 170 tân binh cho tỉnh, đảm bảo tất cả các chỉ tiêu về chất lượng, đúng thời gian. Tính từ sau ngày hòa bình lập lại đến hết năm 1959, quân và dân huyện Phú Bình đã tuyển được 672 thanh niên vào bộ

đội⁽¹⁾, hoàn thành 100% chỉ tiêu tỉnh giao cả về số lượng và chất lượng.

Năm 1960, cấp ủy, chính quyền và Ban chỉ huy quân sự các cấp trong huyện lãnh đạo, chỉ đạo các lực lượng dân quân, du kích và tự vệ Phú Bình thực hiện phong trào thi đua “Ba tốt” do Ban chỉ huy Tỉnh đội Thái Nguyên phát động, với các nội dung cụ thể sau:

- 1 - Lao động sản xuất tập thể tốt.
- 2 - Học tập chính trị, quân sự tốt.
- 3 - Trì an, phòng thủ và sẵn sàng chiến đấu tốt.

Kết quả thực hiện phong trào “Ba tốt” của lực lượng dân quân, du kích và tự vệ huyện Phú Bình đã góp phần quan trọng cùng với Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong huyện hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ cải tạo kinh tế, văn hóa và bước đầu xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

II - Đẩy mạnh xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; chuẩn bị sẵn sàng phục vụ chiến đấu và chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (họp từ ngày 5 đến ngày 10-9-1960) đã đề ra hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới:

⁽¹⁾ Dẫn theo “Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Bình 1930-2005”, trang 132.

1 – Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

2 – Giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thống nhất nước nhà.

Về nhiệm vụ của lực lượng vũ trang, Đại hội xác định: bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công cuộc đấu tranh cách mạng giải phóng miền Nam và làm nhiệm vụ quốc tế... Tích cực xây dựng quân đội tiến lên chính qui, hiện đại, củng cố và phát triển dân quân, tự vệ, xây dựng lực lượng hậu bị, gắn liền xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng, bảo đảm cho quân đội sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ VI (họp từ ngày 10 đến ngày 18-3-1961) đã ra nghị quyết chỉ rõ nội dung, phương hướng, chỉ tiêu và những biện pháp thực hiện nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế của tỉnh trong kế hoạch 5 năm 1961-1965. Đối với nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ VI xác định: Đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng có tính quyết định đến việc hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương.

Thực hiện các nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI và hưởng ứng các chiến dịch “Phất cao cờ hồng, quyết thắng đông xuân, tiến quân toàn diện”, “Cờ hồng gió lộng Đại phong, vụ mùa toàn

thăng”, với các mục tiêu “Cót đầy thóc, bồ đầy khoai, đồi cỏ tốt tươi, trâu bò béo khỏe, ao hồ đầy tôm cá, để không ngừng nâng cao đời sống nhân dân”⁽¹⁾ do Ủy ban hành chính tỉnh Thái Nguyên phát động, từ năm 1961, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang huyện Phú Bình cùng với nhân dân các dân tộc trong huyện đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp với các phong trào thi đua khai hoang, phục hóa, mở rộng diện tích gieo trồng; làm thủy lợi, làm phân bón ruộng, làm bèo hoa dâu, làm ruộng thí nghiệm, phòng trừ sâu bệnh, áp dụng các biện pháp kỹ thuật, nhằm không ngừng tăng năng suất và sản lượng cây trồng (chủ yếu là các loại cây lúa và hoa màu). Năm 1962, quân và dân huyện Phú Bình đã hoàn thành việc xây dựng các hồ chứa nước ở hai xã Tân Hòa, Tân Kim và hoàn thành hệ thống mương, máng dẫn nước từ các hồ chứa nước vào đồng ruộng. Năm 1962 so với năm 1961, sản lượng lúa tăng 4.379 tấn, hoa màu tăng 3.444 tấn, diện tích trồng cây công nghiệp tăng 456 ha.

Về chăn nuôi, thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IX (họp tháng 2-1962), quân và dân huyện Phú Bình đã đẩy mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm. Năm 1962, trong toàn huyện, đàn trâu bò đạt 10.353 con (tăng 250 con so với năm 1960), đàn lợn đạt 17.552 con (tăng 5.995 con so với năm 1960), đàn gia cầm đạt 184.910 con (tăng 43,6% so với năm 1961).

⁽¹⁾ Nghị quyết ngày 14-10-1960 của Ủy ban hành chính tỉnh Thái Nguyên.

Tuy nhiên, phong trào hợp tác xã nông nghiệp của huyện trong thời kỳ này có nhiều khó khăn, sút kém. Từ một huyện dẫn đầu tỉnh về tỉ lệ số hộ nông dân trong các hợp tác xã so với tổng số hộ nông dân trong toàn huyện (93% năm 1960), tụt xuống hàng thứ 6 trong số các huyện, thành phố trên địa bàn Thái Nguyên (67% năm 1963). Sở dĩ có tình trạng trên là do sau 3 năm xây dựng hợp tác xã hợp nhất qui mô lớn, nông cụ và phương pháp sản xuất của các hợp tác xã nông nghiệp trong huyện vẫn dừng lại ở trình độ rất lạc hậu. Trình độ văn hóa của đội ngũ cán bộ xã, hợp tác xã và nhân dân mới ở mức độ thoát nạn mù chữ, cấp I và cấp II, do vậy khả năng tiếp thu và ứng dụng khoa học kĩ thuật nông nghiệp vào sản xuất có nhiều hạn chế. Năng lực, kiến thức, trình độ của đội ngũ cán bộ các cấp trong huyện, nhất là cán bộ các hợp tác xã nông nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu quản lí, điều hành hợp tác xã qui mô lớn; việc quản lí lao động, quản lí tài vụ thiếu chặt chẽ và khoa học, dẫn đến lãng phí công sức, tiền của của hợp tác xã, tạo kẽ hở cho một số cán bộ thoái hóa, biến chất lợi dụng tham ô. Việc quản lí lao động và công điểm trong hợp tác xã hết sức lỏng lẻo, hiện tượng “dong công, phóng điểm” diễn ra khá phổ biến trong các hợp tác xã, dẫn tới giá trị ngày công lao động thấp, thu nhập thực tế của gia đình xã viên ngày một giảm, xã viên không gắn bó với hợp tác xã, xin ra hợp tác xã hoặc bỏ hợp tác xã ra làm riêng, nhiều hợp tác xã bị tan vỡ.

Trước tình hình đó, việc củng cố phong trào hợp tác xã nông nghiệp trở thành nhiệm vụ cấp bách của các cấp ủy Đảng, chính quyền, quân và dân trong huyện. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh Thái Nguyên, Đảng bộ, chính quyền, nhân dân và cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang huyện Phú Bình liên tiếp mở 3 cuộc vận động cải tiến quản lí và củng cố hợp tác xã. Nhờ đó, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp của huyện đã từng bước được phục hồi và phát triển trở lại. Đến giữa năm 1964, tỉ lệ số hộ nông dân trong các hợp tác xã nông nghiệp so với tổng số hộ nông dân trong toàn huyện đã đạt 85,8%, tăng 18,8% so với năm 1963.

Cùng với những thành tích và tiến bộ đã đạt được trong công tác khôi phục, củng cố và phát triển phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, năm 1964, công tác xây dựng, củng cố tổ chức và huấn luyện sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân huyện cũng có những chuyển biến, tiến bộ mạnh cả về bề rộng, lẫn chiều sâu.

Ngay từ những ngày đầu năm 1964, Huyện ủy Phú Bình đã họp để nghiên cứu, quán triệt kĩ nội dung cuộc vận động xây dựng lực lượng hậu bị do Quân ủy Trung ương phát động. Huyện ủy ra nghị quyết phát động “Cuộc vận động toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong huyện tham gia xây dựng các lực lượng hậu bị và dân quân tự vệ”. Nghị quyết của Huyện ủy chỉ rõ mỗi chi bộ Đảng trong Đảng bộ phải lãnh đạo xây dựng được từ 1 tiểu đội đến 1 trung đội

dân quân, tự vệ tiên tiến và xác định đây là một trong những tiêu chuẩn để bình xét, công nhận “Chi bộ 4 tốt”. Nghị quyết của Huyện ủy cũng phát động cán bộ, chiến sĩ lực lượng dân quân, tự vệ tích cực tham gia phong trào thi đua lao động sản xuất; gắn phong trào thi đua lao động sản xuất với xây dựng, củng cố tổ chức và huấn luyện dân quân, tự vệ.

Thực hiện nghị quyết của Huyện ủy, ngày 28-1-1964, Ban chỉ huy Huyện đội Phú Bình tổ chức hội nghị triển khai công tác đăng kí, thống kê và quản lí quân dự bị năm 1964. Ngay từ, ngày mồng 4 Tết Nguyên đán, toàn bộ các đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện ủy (từ đồng chí Bí thư Dương Văn Thơ, các đồng chí Phó Bí thư Nguyễn Văn Bộ và Dương Đình Ninh, đến các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ phụ trách các ban, ngành của huyện) đã tham gia luyện tập quân sự⁽¹⁾. Trong công tác sẵn sàng chiến đấu “từ đồng chí Bí thư Huyện ủy, đồng chí Chủ tịch huyện trở xuống đều ba lô, quần áo, vũ khí gọn gàng, sẵn sàng cơ động chiến đấu”⁽²⁾.

Ngày 10-3-1964, Tỉnh ủy Thái Nguyên ra Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ công tác quân sự địa phương năm 1964 chỉ rõ: “Phải tiếp tục xây dựng lực lượng hậu bị, lực lượng dân quân, tự vệ lớn mạnh cả về ba mặt tư tưởng, tổ chức và trình độ kĩ, chiến thuật, cũng như về tinh thần lao động sản xuất, nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng

⁽¹⁾ Theo Báo cáo số 212 ngày 29-4-1964 của Ban chỉ huy Tỉnh đội Thái Nguyên.

⁽²⁾ Báo cáo số 27 ngày 22-1-1965 của Ban chỉ huy Tỉnh đội Thái Nguyên.

trước mắt và lâu dài. Nâng cao hơn nữa trình độ giác ngộ chính trị, tinh thần cảnh giác sẵn sàng chiến đấu cho lực lượng hậu bị và toàn dân, kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế với quốc phòng để hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ chiến đấu và sản xuất”.

Thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy Thái Nguyên về phương hướng, nhiệm vụ công tác quân sự địa phương năm 1964 và Nghị quyết của Huyện ủy Phú Bình về cuộc vận động xây dựng các lực lượng hậu bị và dân quân tự vệ, cấp ủy Đảng, chính quyền và cơ quan quân sự các cấp trong huyện đã coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nhằm làm cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương thấy rõ âm mưu và thủ đoạn phá hoại của địch, trên cơ sở đó nâng cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu. Ban chỉ huy Huyện đội phối hợp với Ban Tuyên giáo Huyện ủy và Phòng Văn hóa huyện tổ chức nói chuyện, tuyên truyền thời sự cho hàng ngàn lượt cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ.

Trong công tác xây dựng và củng cố tổ chức dân quân, tự vệ, nhờ cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp trong huyện nắm vững và bám sát phương châm lấy củng cố, nâng cao chất lượng là chủ yếu, đồng thời coi trọng kiện toàn đội ngũ cán bộ, nên chất lượng đội ngũ cán bộ dân quân, tự vệ các cấp trong huyện ngày càng được nâng cao. Năm 1964, toàn huyện có 58 đồng chí cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trung đội dân quân là Bí thư Chi bộ hoặc Chi ủy viên (trong đó

100% cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trung đội dân quân ở các xã Bảo Lý và Lương Phú là Bí thư Chi bộ hoặc Chi ủy viên). Ở nhiều xã trong huyện, 100% nữ đoàn viên Đoàn Thanh niên lao động Việt Nam tham gia lực lượng dân quân.

Hưởng ứng cuộc vận động “Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong huyện tham gia xây dựng các lực lượng hậu bị và dân quân, tự vệ” do Huyện ủy phát động, các đoàn thể các cấp trong huyện đã quyền góp, mua sắm được 2.500 giáo, mìn ủng hộ cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ làm vũ khí thô sơ luyện tập quân sự và sẵn sàng chiến đấu, trị giá 5.000 đồng. Hầu hết cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ trong huyện, từ các đồng chí Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện xuống các đồng chí chiến sĩ dân quân, tự vệ đều được trang bị vũ khí thô sơ.

Trong công tác huấn luyện dân quân, tự vệ, Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện và Ban chỉ huy Huyện đội coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo huấn luyện cán bộ. Kết quả huấn luyện cán bộ dân quân, tự vệ sáu tháng đầu năm 1964, cán bộ Xã đội dân quân đạt 100% chỉ tiêu, cán bộ Trung đội dân quân, tự vệ vượt 19,45% chỉ tiêu, cán bộ tiểu đội dân quân, tự vệ đạt 87% chỉ tiêu.

Công tác huấn luyện dân quân, tự vệ được triển khai rộng rãi. Các hợp tác xã đã tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và cơ sở vật chất đảm bảo cho công tác huấn luyện. Năm 1964, toàn huyện có 100% cơ sở dân quân và 83,88% cơ sở tự vệ hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện quân sự. Trong đó, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban chỉ huy Huyện đội, các xã Tân Thành, Tân Đức, Tân Hòa, Tân Kim đã kết hợp tốt

huấn luyện dân quân với luyện tập báo động sẵn sàng chiến đấu. Tại xã Tân Thành, 100% các trung đội dân quân đều có đầy đủ dụng cụ cứu thương (cáng, võng, bông băng, túi thuốc), mỗi cán bộ, chiến sĩ dân quân đều chuẩn bị sẵn sàng 3 kg gạo và đầy đủ quần áo, chăn màn, có thể sẵn sàng cơ động chiến đấu 3 ngày liền. Trung đội nữ dân quân Làng Vo, tuy có tới ba phần tư cán bộ, chiến sĩ là chị em có con mọn, có chị đã 52 tuổi, có chị có tới 10 người con, nhưng vẫn hoàn thành tốt nhiệm vụ huấn luyện quân sự và tuần tra canh gác bảo vệ xóm, làng. Tại xã Lương Phú, Trung đội dân quân xóm Việt Lương kết hợp tốt các nhiệm vụ huấn luyện quân sự, diễn tập sẵn sàng chiến đấu và bảo vệ trật tự trị an. Tại xã Xuân Phương, Trung đội dân quân xóm Xuân La đã vượt từ đơn vị yếu (những năm 1962, 1963), lên đơn vị tiên tiến (năm 1964). Tại xã Hồng Phong, các trung đội dân quân kết hợp tốt công tác huấn luyện quân sự với công tác thủy lợi (trong việc chuyển đất, đá xây dựng hồ, đập chứa nước, hợp tác xã khoán khối lượng công việc hết 600 công, dân quân làm hết 200 công, năng suất đạt gấp 3 lần so với định mức).

Đánh giá kết quả huấn luyện dân quân tự vệ năm 1964, Ban chỉ huy Tỉnh đội trực tiếp kiểm tra các xã Bảo Lý (huyện Phú Bình), Phấn Mễ (huyện Phú Lương), Bình Dân (huyện Đại Từ). Tại xã Bảo Lý, qua kiểm tra của Ban chỉ huy Tỉnh đội, 100% ủy viên trong cấp ủy xã đã nắm vững nhiệm vụ công tác quân sự địa phương năm 1964 của huyện và xã. Kết quả kiểm tra huấn luyện dân quân các môn: Chính trị kiểm tra 97 người, 100% đạt yêu cầu (có 50,52% khá, 28,86% giỏi); bắn đạn thật 58 người, 100% đạt yêu cầu

(có 20,69% khá, 68,97% giỏi); ném lựu đạn, kiểm tra 81 người, 100% đạt yêu cầu (có 18,52% khá và 55,56% giỏi); phòng hóa, kiểm tra 67 người, 70% đạt yêu cầu (có 32,84% khá và 26,87% giỏi); chiến thuật, kiểm tra 15 người 100% đạt yêu cầu (có 66,67% khá và 205 giỏi); Kiểm tra báo động sẵn sàng chiến đấu, 100% cán bộ, chiến sĩ dân quân xã Bảo Lý đều đảm bảo đủ 4 có (có quần áo chăn màn, có gạo, có ống nước, có dây thừng). Qua kiểm tra công tác huấn luyện dân quân năm 1964, xã Bảo Lý được Ban chỉ huy Tỉnh đội Thái Nguyên đánh giá là đơn vị đạt khá nhất.

Trong công tác tuyển quân, năm 1964, huyện Phú Bình được Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh giao tuyển chọn 130 thanh niên vào bộ đội, giao quân 2 đợt cho các Đoàn 210 và 600. Kết quả tuyển quân đợt I, toàn huyện giao quân vượt mức chỉ tiêu 13,5%; đợt II, toàn huyện tuyển được 37 thanh niên vào bộ đội. Kết thúc 2 đợt tuyển quân năm 1964, huyện Phú Bình giao quân đạt chỉ tiêu về quân số và vượt các chỉ tiêu về chất lượng. Phú Bình là huyện duy nhất trong tỉnh không có hiện tượng chống lệnh gọi nhập ngũ, đào ngũ hoặc giữ không cho chồng, con đi bộ đội⁽¹⁾.

Một trong những thành tựu nổi bật của quân và dân huyện Phú Bình trong công tác quân sự địa phương năm 1964 là hoàn thành xuất sắc đợt diễn tập kiểm tra động viên

⁽¹⁾ Dẫn theo Báo cáo của Tỉnh đội Thái Nguyên tại Hội nghị tổng kết phong trào thi đua quyết thắng năm 1964 do Tỉnh đội tổ chức ngày 15-2-1965. Tuy nhiên, theo Báo cáo tổng kết năm 1964 của Huyện đội Phú Bình, tuyển quân đợt I năm 1964, trong số 109 thanh niên được gọi khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự, còn có tới 17,5% không đi khám và còn 3 thanh niên người dân tộc Sán Chí không đi bộ đội.

quân dự bị. Cụ thể: 18 giờ ngày 11-9-1964, huyện Phú Bình nhận được lệnh của tỉnh động viên kiểm tra quân số 168 quân dự bị. Sau 1 giờ 50 phút làm công tác chuẩn bị, Ban chỉ huy Huyện đội bắt đầu phát lệnh động viên 230 quân dự bị (gồm 168 chính thức và 62 dự bị) xuống các xã. Xã Quyết Tiến nhận được lệnh sớm nhất (20 giờ 5 phút) và xã Tân Thành nhận được lệnh muộn nhất (21 giờ). Đến 23 giờ 50 phút cùng ngày, 100% quân dự bị được lệnh động viên đã nhận được lệnh. Từ 6 giờ 30 phút ngày 12-9-1964, toàn bộ các xã trong huyện đã hoàn thành việc giao quân cho Trạm nhận quân dự bị động viên của huyện (vượt thời gian 3 giờ so với qui định). Kết quả đã có 221 quân dự bị có mặt tại Trạm giao, nhận quân (đạt 96,09%); trong đó, số chính thức có mặt 163 người (đạt 97,2%), số dự phòng có mặt 58 người (đạt 93,55%). 100% quân dự bị nhận được lệnh động viên vắng mặt tại Trạm giao quân đều có lí do, không có quân dự bị chống lệnh động viên. Qua đợt diễn tập động viên này, trong lực lượng dự bị động viên của huyện đã xuất hiện nhiều tấm gương tiêu biểu. Đồng chí Hữu (xã Hương Sơn) đang học tại Trường Đảng của tỉnh, 23 giờ đêm ngày 11-9-1964 nhận được lệnh động viên đã khẩn trương thu xếp công việc, nghiêm túc chấp hành lệnh. Đồng chí Chưa (ở xã Cấp Tiến) có vợ yếu và 1 con nhỏ, sau khi nhận được lệnh đã khẩn trương ổn định tư tưởng cho vợ, con, thu xếp công việc gia đình lên đường nhận nhiệm vụ.

Sở dĩ quân và dân huyện Phú Bình hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ diễn tập động viên kiểm tra quân dự bị đợt

tháng 9-1964 là do Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện có quyết tâm cao trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo; các cấp ủy Đảng, chính quyền ở cơ sở và từng quân nhân dự bị chấp hành nghiêm túc lệnh động viên; cơ quan quân sự các cấp từ huyện, xuống các xã làm tốt công tác tham mưu và công tác chỉ huy. Công tác chuẩn bị và thực hành động viên được các cấp trong huyện tiến hành chu đáo, khẩn trương và nghiêm túc.

Tuy nhiên, trong đợt diễn tập kiểm tra quân dự bị động viên của huyện tháng 9-1964 cũng còn có những hạn chế. Đó là, việc chuẩn bị giấy chuyển sinh hoạt Đảng, Đoàn cho quân dự bị động viên còn chưa đầy đủ, chu đáo; công tác tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ truyền lệnh động viên cho giao thông viên (thông tin truyền đạt) còn chưa kỹ; năng lực xử lý, điều hành công tác động viên quân dự bị của đội ngũ cán bộ xã, nhất là cán bộ chỉ huy Xã đội còn lúng túng. Các hạn chế trên đã được cấp ủy Đảng, chính quyền, cơ quan quân sự các cấp trong huyện phát hiện, kịp thời đề ra nhiều biện pháp khắc phục.

Kết quả các mặt công tác quân sự địa phương năm 1964 (trong đó có kết quả đợt diễn tập kiểm tra quân dự bị động viên tháng 9-1964) của quân và dân huyện Phú Bình đã được Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh và Ban chỉ huy Tỉnh đội Thái Nguyên đánh giá cao, xếp loại đạt đơn vị giỏi. Trung đội nữ dân quân làng Vo (xã Tân Thành) và Trung đội

dân quân xóm Việt Lương (xã Lương Phú) vinh dự được Hội đồng Chính phủ tặng danh hiệu “Đơn vị Quyết thắng”⁽¹⁾.

Thành tựu của quân và dân huyện Phú Bình trong công tác quân sự địa phương những năm thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (từ 1961 đến 1965), đặc biệt là thành tích đạt đơn vị giỏi về công tác quân sự địa phương hai năm liền (1963, 1964), đã góp phần quan trọng vào việc giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn và là cơ sở để quân và dân trong huyện vững vàng bước vào cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ sau này.

Về phía địch, để cứu vãn nguy cơ phá sản hoàn toàn của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam, đế quốc Mỹ đã dựng lên “sự kiện Vịnh Bắc Bộ”. Tiếp đó, ngày 5-8-1964, chúng ngang nhiên huy động không quân và hải quân ném bom, bắn phá nhiều nơi thuộc các tỉnh Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Ninh, mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc nước ta. Từ tháng 2-1965, cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ mở rộng ra nhiều tỉnh, thành phố trên miền Bắc. Tại huyện Phú Bình và các huyện nằm trên địa bàn Thái Nguyên, máy bay Mỹ vào hoạt động trinh sát vùng trời tăng từ 25 lần tốp (năm 1964), lên 221 lần tốp (9 tháng đầu năm 1965).

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết phong trào thi đua quyết thắng năm 1964 của Tỉnh đội Thái Nguyên.

Để chủ động đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ, Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện Phú Bình đã lãnh đạo, chỉ đạo quân và dân trong huyện tập trung thực hiện tốt “Chỉ thị tăng cường công tác phòng không nhân dân, củng cố và tăng cường các tổ chức công an, dân quân, du kích và tự vệ” của Tỉnh ủy và “Chỉ thị về những biện pháp cơ bản của công tác phòng không nhân dân” của Ủy ban hành chính tỉnh.

Theo “Chỉ thị về những biện pháp cơ bản của công tác phòng không nhân dân” của Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái⁽¹⁾ ban hành ngày 8-7-1965, huyện Phú Bình nằm trong vùng ở trạng thái bị uy hiếp (vùng có thể bị máy bay địch ném bom, bắn phá). Nhiệm vụ của quân và dân huyện Phú Bình là “Phải chuẩn bị thật khẩn trương, chu đáo để chiến đấu, sản xuất tốt và lâu dài; kết hợp việc đào đắp công sự, che chắn kho tàng với việc sơ tán, phân tán, đảm bảo sản xuất và các hoạt động khác”.

Căn cứ các chỉ thị của Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh, ngày 27-12-1965, Huyện ủy Phú Bình họp ra Nghị quyết số 58/NQ-HU chỉ rõ: “Tổ chức phòng, tránh địch cũng rất quan trọng trong công tác phòng không sơ tán. Lãnh đạo bảo vệ được người và của của nhân dân và của Nhà nước, giảm được sự thiệt hại đến mức thấp nhất khi bị máy bay

⁽¹⁾ Theo Nghị quyết ngày 21-4-1965 của Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, từ ngày 1-7-1965, hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên hợp nhất thành tỉnh Bắc Thái. Huyện Phú Bình là một đơn vị hành chính thuộc tỉnh Bắc Thái.

địch đánh phá là nhiệm vụ rất trọng yếu”. Thực hiện các chỉ thị của Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh và Nghị quyết của Huyện ủy về công tác phòng không sơ tán, Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện Phú Bình đã quyết định thành lập Ban Phòng không nhân dân các cấp huyện và xã, làm nhiệm vụ giúp cấp ủy và chính quyền các cấp lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng không (bao gồm cả công tác phòng tránh, sơ tán và đánh địch). Ban Phòng không nhân dân huyện do các đồng chí Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện làm Trưởng ban, Trưởng Công an huyện làm Phó ban, Huyện đội trưởng làm Tham mưu trưởng. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Ban Phòng không nhân dân huyện, quân và dân các xã, các cơ quan đơn vị trên địa bàn huyện đã tập trung làm tốt công tác chuẩn bị chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Đến những tháng cuối năm 1965, quân và dân trong huyện đã đào được hơn 5.000 hầm hố phòng không, nhiều gia đình đã đào tới 2, 3 hầm, hố trú ẩn. Riêng ở các trục đường giao thông, các nơi tập trung đông người (nhà kho, sân phơi, trường học...), quân và dân ở 22 xã trong huyện⁽¹⁾ đã đào 22 km giao thông hào và trên 2.000 hầm, hố trú ẩn.

⁽¹⁾ Gồm các xã Tân Thành, Tân Khánh, Tân Kim, Tân Hòa, Tân Đức, Thượng Đình, Lương Sơn, Quyết Tiến, Nga My, Hà Châu, Trần Phú, Đồng Liên, Thắng Lợi, Yên Thịnh, Bảo Lý, Xuân Phương, Hồng Phong, Hương Sơn, Cấp Tiến, Lương Phú, Thanh Ninh, Dương Thành.

- Theo Quyết định số 136/NV ngày 7-4-1974 của Bộ Nội vụ, từ ngày 1-1-1975, các xã Quyết Tiến đổi thành Nhã Lộng, Trần Phú thành Diêm Thụy, Thắng Lợi thành Bàn Đạt, Yên Thịnh thành Đào Xá, Hồng Phong thành Úc Kỳ, Cấp Tiến thành Kha Sơn.

- Xã Lương Sơn nay thuộc thành phố Thái Nguyên.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Phòng không nhân dân huyện, Ban Y tế phòng không nhân dân huyện được thành lập. Bệnh xá của huyện được tăng cường thêm cán bộ y, bác sĩ; được trang bị thêm dụng cụ khám, chữa bệnh, nâng cấp thành bệnh viện đa khoa, vừa làm nhiệm vụ khám, chữa bệnh thường xuyên cho cán bộ và nhân dân, vừa làm nhiệm vụ cấp cứu phòng không tuyến 3 (cứu chữa người bị nạn khi bị máy bay địch đánh phá). Các trạm xá xã và các trạm y tế của các cơ quan, xí nghiệp có biên chế y sĩ làm nhiệm vụ cấp cứu phòng không tuyến 2; các đội cấp cứu phòng không, các y tá ở các hợp tác xã, đội sản xuất làm nhiệm vụ cấp cứu phòng không tuyến 1. Hầu hết các xã, hợp tác xã trên địa bàn huyện đã thành lập được các tổ chuyên môn (cứu thương, tải thương, đào bới hầm sập, chôn cất người bị chết), sẵn sàng giải quyết các hậu quả xảy ra khi máy bay địch đánh phá. Ban Y tế phòng không nhân dân huyện đã mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cứu thương, tải thương cho các nhân viên y tế và y tá ở cơ sở.

Sau cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp huyện và xã đầu năm 1965, Ban chỉ huy Huyện đội Phú Bình chỉ đạo các xã, cơ quan, đơn vị, xí nghiệp củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ dân quân, tự vệ, đảm bảo 100% các Ban chỉ huy Xã đội dân quân và Trung đội dân quân, tự vệ có cấp ủy viên hoặc đảng viên phụ trách. Lực lượng dân quân, du kích các xã và tự vệ các cơ quan, đơn vị trong huyện đẩy mạnh công tác huấn luyện sẵn sàng chiến đấu, thường xuyên luyện tập

diễn tập báo động phòng không, phục vụ chiến đấu và chiến đấu.

Sau ngày giặc Mỹ huy động máy bay ném bom, bắn phá cầu Gia Bảy, nằm trên địa bàn thành phố Thái Nguyên (17-10-1965), làm chết 80 người, bị thương 67 người, mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của chúng vào địa bàn Thái Nguyên, cấp ủy Đảng, Chính quyền, cơ quan quân sự các cấp trong huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quân và dân các xã, cơ quan, đơn vị trên địa bàn đẩy mạnh công tác phòng không nhân dân. Các cơ quan, đơn vị, kho tàng của Nhà nước và nhân dân ở gần các mục tiêu có thể bị máy bay địch đánh phá (Bến phà Mây, ga Lương Sơn, cầu Trà Vườn...) đều được phân tán, sơ tán. Toàn huyện tổ chức được 127 đội cứu hỏa, 81 đội đào, bới hầm sập, 86 đội cứu thương với 139 túi thuốc và khá đầy đủ các dụng cụ cứu thương (cáng, nẹp...). Quân và dân trong huyện đẩy mạnh việc xây dựng hầm, hào trú ẩn, nhằm bảo vệ tính mạng của mình và giảm thiệt hại về người và của xuống mức thấp nhất khi bị máy bay địch đánh phá. Qua đợt kiểm tra của tỉnh tháng 11-1965, quân và dân toàn huyện đã đào, đắp được 35,5 km giao thông hào và 7.650 hầm trú ẩn. Ban chỉ huy Huyện đội chỉ đạo các xã Quyết Tiến, Bảo Lý, Thượng Đình, Lương Sơn, Đồng Liên, Tân Khánh ... xây dựng được 8 trận địa phòng không, với 56 cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích trực chiến, làm nhiệm vụ phục kích, đón lõng bắn máy

bay địch bay thấp. Tại xã Đồng Liên⁽¹⁾; dưới sự lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp của các đồng chí Ngô Văn Định (Bí thư Đảng ủy xã kiêm Chính trị viên Xã đội), Nguyễn Văn Dục (Xã đội trưởng), Ban chỉ huy Xã đội tổ chức xây dựng được 2 trung đội dân quân⁽²⁾ sẵn sàng làm nhiệm vụ vác đạn, tiếp đạn, cứu thương, tải thương phục vụ Đại đội 103 (pháo cao xạ 100 li) thuộc Trung đoàn 210 chiến đấu trên địa bàn xã. Ban chỉ huy Xã đội Đồng Liên tổ chức thành lập 1 tiểu đội dân quân du kích làm nhiệm vụ trực chiến phòng không ban ngày. Tiểu đội có 10 cán bộ, chiến sĩ, do đồng chí Trần Văn Đệ (Trung đội trưởng dân quân xóm Đồng Ao) trực tiếp phụ trách. Cán bộ, chiến sĩ trong Tiểu đội trực chiến phòng không được Hợp tác xã đài thọ công, điểm; được trang bị 1 khẩu súng trung liên và 6 khẩu súng trường. Sau khi thành lập, Tiểu đội đã nhanh chóng triển khai xây dựng trận địa và tổ chức trực chiến phục kích, đón lõng bắn máy bay địch bay thấp tại các trận địa Núi Sứ và Rừng Chấn.

Trong một trận chiến đấu với máy bay Mỹ hoạt động trên vùng trời Thái Nguyên những tháng cuối năm 1965, cán bộ, chiến sĩ các trung đội dân quân xã Đồng Liên đã thể

⁽¹⁾ Xã Đồng Liên nằm trên địa bàn giáp ranh với Khu gang thép Thái Nguyên. Trên địa bàn xã có trận địa pháo cao xạ 100 li và súng máy cao xạ 12 li 7 của Trung đoàn 210 chủ yếu làm nhiệm vụ bảo vệ Khu gang thép Thái Nguyên; có 3 cầu gồm Trà Vườn, nằm trên tuyến đường sắt Kép – Lưu Xá; cầu Bo, cầu Ba Đa Tắc Cùn nằm trên tuyến đường đê sông Máng.

⁽²⁾ Gồm: 1 - Trung đội dân quân xóm Đồng Ao.

2 - Trung đội dân quân các xóm Bo, Đá Gân, Thùng Ong, Đồng Cảo.

hiện tinh thần dũng cảm, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ vác đạn, phục vụ bộ đội Đại đội 103 (Trung đoàn pháo cao xạ 210) chiến đấu. Giữa lúc máy bay Mỹ đang lồng lộn, gầm thét trên đầu, trong một tình thế đòi hỏi hết sức khẩn trương, đồng chí Đặng Văn Du (chiến sĩ Trung đội dân quân xóm Đồng Ao) đã nhảy ra khỏi giao thông hào, một mình vác một hòm đạn pháo cao xạ 100 li, nặng 80 kg lên trận địa, kịp thời phục vụ bộ đội chiến đấu.

Tại xã Tân Khánh, Ban chỉ huy Xã đội thành lập được 1 tiểu đội dân quân du kích tập trung, biên chế 12 cán bộ, chiến sĩ, thường xuyên làm nhiệm vụ trực chiến phòng không trên trận địa. Hầu hết các xã trong huyện đã xây dựng được phương án phối hợp phục vụ chiến đấu và chiến đấu với các cơ quan và đơn vị bộ đội đứng chân trên địa bàn.

Mọi hoạt động của quân và dân trong huyện đã từng bước được chuyển từ thời bình sang thời chiến; nếp sống quân sự hóa đã dần dần được hình thành trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện. Quân và dân trong huyện sẵn sàng đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ để vừa giữ vững và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; vừa chi viện sức người, sức của cho quân và dân miền Nam đánh Mỹ.

III – Trực tiếp phục vụ chiến đấu và chiến đấu, góp phần đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ, giữ vững và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Sau một thời gian cho máy bay tăng cường các hoạt động trinh sát trên bầu trời huyện Phú Bình, ngày 16-11-

1965, giặc Mĩ cho máy bay bắn đạn rốc két xuống xã Lương Sơn, làm chết 3 người và bắn đạn rốc két xuống khu vực Nông trường chăn nuôi của Khu gang thép Thái Nguyên nằm trên địa bàn xã Tân Khánh, làm bị thương 5 người, chết 1 con bò và bị thương 1 con trâu, mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của chúng vào địa bàn huyện. Hầu hết những người chết và bị thương trong trận máy bay Mĩ bắn đạn rốc két xuống các xã Lương Sơn và Tân Khánh ngày 16-11-1965 là do không vào hầm trú ẩn khi có máy bay địch hoạt động. Đây là bài học xương máu đầu tiên cho quân và dân huyện Phú Bình trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mĩ.

Đầu năm 1966, để đảm bảo cho bộ đội tên lửa đưa vũ khí, khí tài cơ động lên chiến đấu trên địa bàn huyện, Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện lãnh đạo, chỉ đạo Ban chỉ huy Huyện đội huy động lực lượng dân quân các xã Bảo Lý, Tân Kim, Tân Hòa, Tân Khánh, Xuân Phương, Lương Sơn, Hồng Phong, Cấp Tiến xây dựng trận địa tên lửa tại xã Lương Sơn. Mặc dù thời tiết rất khắc nghiệt (mưa dầm, gió bắc, giá rét), nhưng hàng trăm cán bộ, chiến sĩ dân quân huyện Phú Bình vẫn miệt mài lao động và sau 7 ngày đã đào, đắp được hơn 2.000 mét khối đất, đá, hoàn thành việc xây dựng trận địa tên lửa tại xã Lương Sơn, đảm bảo chất lượng tốt, vượt thời gian. So với chỉ tiêu khối lượng đào đắp đất, đá được giao, dân quân các xã Bảo Lý, đã làm vượt 25 mét khối, Lương Sơn làm vượt 15 mét khối. Trung đội dân quân xóm Hải Ninh (xã Tân Khánh), tuy chỉ có 22 cán bộ, chiến sĩ, nhưng

chỉ trong một đêm đã đốt đuốc, đào đắp được 51,5 mét khối, bình quân năng suất mỗi người đạt 2,34 mét khối. Trong suốt thời gian cán bộ, chiến sĩ dân quân trong huyện đến xây dựng trận địa tên lửa ở xã Lương Sơn, các cụ phụ lão xã Lương Sơn đã thay nhau nấu nước uống, mang ra tận công trường phục vụ.

Tuy là một nhiệm vụ đột xuất, nhưng nhờ cấp ủy Đảng, chính quyền và cơ quan quân sự các cấp trong huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy, nên quân và dân huyện Phú Bình đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng trận địa tên lửa tại xã Lương Sơn đảm bảo chất lượng tốt, vượt thời gian. Cuối tháng 2-1966, bộ đội tên lửa cơ động lên Thái Nguyên, đã có trận địa Lương Sơn để triển khai vũ khí, khí tài thường trực chiến đấu. Chiều ngày 14-3-1966, giặc Mỹ cho máy bay trinh sát vào hoạt động trên vùng trời huyện Phú Bình, thành phố Thái Nguyên và các huyện Phổ Yên, Đồng Hỷ, Võ Nhai. 14 giờ 54 phút, từ trận địa xã Lương Sơn, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn tên lửa bảo vệ Khu công nghiệp gang thép Thái Nguyên đã phóng đạn kịp thời, bắn 1 máy bay trinh sát của giặc Mỹ rơi xuống xã Hợp Tiến (huyện Đồng Hỷ). Trong năm 1966, đây là chiếc máy bay Mỹ đầu tiên bị bắn rơi trên địa bàn Thái Nguyên (đồng thời cũng là địa bàn tỉnh Bắc Thái). Trong chiến công này có sự đóng góp xứng đáng của quân và dân huyện Phú Bình.

14 giờ chiều ngày 24-4-1966, giặc Mỹ cho 4 tốp máy bay vào hoạt động trên vùng trời phía bắc và đông bắc huyện

Phú Bình, trong đó có 1 máy bay F105 bay từ hướng Đông Bắc xuống hướng Đông Nam đã bị trúng đạn phòng không của quân và dân tỉnh Hà Bắc, bốc cháy, rơi xuống xã Thanh Ninh. Tại hiện trường nơi máy bay Mĩ rơi có một mảnh đuôi máy bay bị văng ra, thân máy bay bốc cháy, tên giặc Mĩ lái máy bay bị chết cháy trong máy bay. Ngay sau khi máy bay Mĩ rơi xuống xã Thanh Ninh, Ban chỉ huy Huyện đội Phú Bình khẩn trương huy động lực lượng dân quân xã Thanh Ninh ra canh gác, bảo vệ hiện trường và dập lửa thu, giữ tang vật.

Từ cuối tháng 4-1966, đế quốc Mĩ tập trung máy bay, bom đạn, đánh phá ác liệt Khu công nghiệp gang thép Thái Nguyên - địa bàn giáp ranh với xã Đồng Liên, huyện Phú Bình. Liên tiếp hai ngày 21 và 22-6-1966, máy bay Mĩ ném 8 quả bom phá xuống khu vực cầu Trà Vườn, làm mố cầu phía xã Đồng Liên bị sập. Cùng ngày (22-6-1966), máy bay Mĩ ném 2 quả bom phá xuống khu vực đập Thác Huống, làm bị thương 2 công nhân thủy sản, hỏng một đoạn lan can cầu treo, lở bờ đê, hỏng trạm gác thủy lợi và nhà thủy sản. Ngày 28-6-1966, máy bay Mĩ tiếp tục bắn tên lửa xuống xóm Đình (xã Hương Sơn).

Ngày 6-7-1966, vào hồi 15 giờ 54 phút, máy bay Mĩ ném 6 quả bom phá xuống khu vực cầu Mây, 2 quả bom phá xuống khu vực cầu Bảo Lý và 2 quả bom phá xuống gần Kho gạo Cầu Mây. Tại khu vực cầu Mây, 1 quả bom Mĩ rơi trúng đê sông Đào, khoét thành 1 hố sâu 6 mét, rộng 8 mét, cắt đôi thân đê, nước từ sông Đào qua chỗ đê vỡ tràn vào tàn

phá làng mạc, ruộng đồng. Tại khu vực cầu Bảo Lý, bom Mĩ đã phá hỏng trụ sở Ủy ban hành chính xã và Cửa hàng hợp tác xã mua bán xã Bảo Lý. Tại khu vực Kho gạo Cầu Mây, bom Mĩ đã làm 1 cán bộ Phòng Lương thực huyện bị thương.

Tại xã Đồng Liên, chiều ngày 20-7-1966, máy bay Mĩ ném 4 quả bom phá xuống khu vực cầu Trần Quốc Bình, 2 quả rơi xuống sông, 2 quả rơi gần mố cầu, làm mố cầu bị hỏng. Ngày 25-7-1966, máy bay Mĩ ném tiếp 6 quả bom phá xuống khu vực cầu Trà Vườn (xã Đồng Liên) và 2 quả bom phá xuống xóm Pha (xã Lương Sơn). Tại xã Đồng Liên, cầu Trà Vườn bị hỏng, xe, tàu không qua lại được. Tại xóm Pha (xã Lương Sơn), 1 cụ già bị chết.

Ngày 7-8-1966, cùng một lúc máy bay Mĩ đánh phá ác liệt xuống 3 xã trong huyện. Tại xã Quyết Tiến, máy bay Mĩ ném 6 quả bom phá xuống xóm Triều Dương, làm hỏng 1 đoạn đường đi bến phà cầu Mây. Tại xã Trần Phú, máy bay Mĩ ném 6 quả bom phá xuống khu vực các trận địa pháo cao xạ và tên lửa của bộ đội ở các xóm Trạng, Hanh, Thuần Pháp, làm 3 cán bộ, chiến sĩ bộ đội bị thương, vong (có hai người chết). Tại xã Hà Châu, máy bay Mĩ ném 5 quả bom phá xuống xóm Hương Chúc, làm chết 3 người dân, bị thương 2 người dân khác, 2 con trâu, bò bị giết hại.

14 giờ chiều ngày 19-9-1966, máy bay Mĩ ném 6 quả bom phá xuống xã Tân Thành, phá hỏng 1 ngôi nhà và một số tài sản của nhân dân.



Ảnh 1 (trên), ảnh 2 (dưới): Lực lượng vũ trang nhân dân huyện huấn luyện sẵn sàng chiến đấu.



Ngày 28-9-1966, máy bay Mỹ ném 7 quả bom bị mẹ xuống khu vực trận địa của bộ đội Đoàn 250 ở xóm Việt Long (xã Thắng Lợi), làm 5 người dân bị thương.

Cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ diễn ra trên địa bàn huyện ngày càng mở rộng và ác liệt. Máy bay địch tăng cường ném bom, bắn phá các trận địa phòng không của bộ đội, các khu vực bộ đội huấn luyện tân binh, các cơ quan, xí nghiệp sơ tán đến ở và làm việc, gây cho nhân dân địa phương một số tổn thất về người và của. Bên cạnh “các xã, hợp tác xã tích cực vận động nhân dân giúp đỡ các đơn vị bộ đội, cơ quan, xí nghiệp sơ tán đến có nhiều kết quả tốt”⁽¹⁾, thì “trong một bộ phận nhân dân ở một số nơi lại xuất hiện tư tưởng cho rằng máy bay địch đánh phá, tổn thất nhiều là có bộ đội và cơ quan, xí nghiệp sơ tán đến”⁽²⁾, nên kết quả ủng hộ, giúp đỡ bộ đội và cơ quan, xí nghiệp còn hạn chế.

Trước tình hình đó, ngày 20-8-1966, Ban Thường vụ Huyện ủy Phú Bình chỉ thị cho các cấp ủy Đảng, chính quyền, cơ quan, ban, ngành, đoàn thể trong huyện tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng nhân dân tích cực giúp đỡ các đơn vị bộ đội và các cơ quan, xí nghiệp sơ tán đến địa bàn huyện. Chỉ thị của Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ rõ “Giúp đỡ bộ đội, cơ quan đến chiến đấu và công tác là tỏ rõ ý chí đoàn kết một lòng, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược của nhân dân huyện ta. Việc giúp đỡ bộ đội đến chiến đấu, huấn luyện;

(1) (2)(3) Chỉ thị số 46/CT-HU ngày 20-8-1966 của Ban Thường vụ Huyện ủy Phú Bình.

giúp đỡ các cơ quan, xí nghiệp sơ tán đến ở và làm việc là góp phần chống Mĩ cứu nước”⁽¹⁾.

Quán triệt và thực hiện chỉ thị của Ban Thường vụ Huyện ủy, tại các xã có bộ đội đến chiến đấu, công tác và huấn luyện, Đảng ủy, Ủy ban hành chính xã đã làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo cán bộ và nhân dân ủng hộ, giúp đỡ bộ đội rau xanh, lấy lá ngụy trang trộn địa, dẻ lau súng, đạn v.v. Sau mỗi trận chiến đấu, cán bộ, nhân viên nhiều cửa hàng Hợp tác xã mua bán xã đã mang bia, nước ngọt, hoa quả... lên tận trận địa phục vụ bộ đội.

Cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp trong huyện tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng củng cố lực lượng vũ trang. Cơ quan Huyện đội thường xuyên được chăm lo củng cố, kiện toàn về quân số và chất lượng. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy chủ chốt của cơ quan Huyện đội luôn được ổn định. Chi bộ Ban chỉ huy Huyện đội lãnh đạo cơ quan quân sự huyện hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Hai năm liên 1965, 1966, Chi bộ Huyện đội được Huyện ủy Phú Bình công nhận đạt Chi bộ 4 tốt.

Lực lượng dân quân, du kích và tự vệ trong huyện được cấp ủy Đảng, chính quyền và cơ quan quân sự các cấp chăm lo xây dựng, củng cố về mọi mặt. Toàn bộ 22 trên tổng số 22 xã trong huyện đã hoàn thành việc thống nhất các lực lượng dân quân, du kích và quân dự bị động viên. Các Ban chỉ huy Xã đội đều được củng cố và kiện toàn đủ 4 cán bộ (gồm 1

^{(1) (2)} Chỉ thị số 46/CT-HU ngày 20-8-1966 của Ban Thường vụ Huyện ủy Phú Bình.

Xã đội trưởng, 1 Xã đội phó, 1 Chính trị viên và 1 Chính trị viên phó). Trong tổng số 88 cán bộ chỉ huy Xã đội của 22 xã, có 64 đồng chí là Ủy viên Thường vụ hoặc Ủy viên Đảng ủy xã, 24 đồng chí còn lại đều là đảng viên. Về tổ chức, lực lượng dân quân được xây dựng theo hợp tác xã nông nghiệp. Trong toàn huyện, bình quân mỗi hợp tác xã nông nghiệp (liên xóm) xây dựng được từ 1 trung đội đến 1 đại đội, mỗi đội sản xuất (thôn, xóm) xây dựng được từ 1 tiểu đội đến 1 trung đội dân quân; hầu hết các đồng chí Trung đội trưởng (Đại đội trưởng) dân quân trong các hợp tác xã là Chủ nhiệm hoặc thành viên trong Ban Quản trị Hợp tác xã, là Chi ủy viên hoặc đảng viên trong Chi bộ Hợp tác xã, các đồng chí Chính trị viên Trung đội (Đại đội) là Bí thư Chi bộ Hợp tác xã⁽¹⁾.

Công tác huấn luyện sẵn sàng chiến đấu cho cán bộ, chiến sĩ dân quân; du kích, tự vệ được cấp ủy Đảng, chính quyền, cơ quan quân sự các cấp trong huyện coi trọng. Năm 1966, số cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích, tự vệ trong toàn huyện được huấn luyện chính trị đạt 95%, quân sự đạt 75%; kết quả huấn luyện cả về chính trị và quân sự đều đạt trên 80% khá, giỏi.

⁽¹⁾ Xã Trần Phú (nay là xã Diêm Thụy) có 2 Hợp tác xã Tam Sơn và Hội Lệnh, mỗi hợp tác xã xây dựng được 1 đại đội dân quân. Đại đội dân quân Hợp tác xã Tam Sơn có 3 trung đội ở 3 đội sản xuất (3 xóm) là Diêm Thụy, Ngọc Sơn, Thuận Pháp. Đại đội dân quân Hợp tác xã Hội Lệnh cũng có 3 trung đội ở 3 đội sản xuất (3 xóm) là Trang Bình, Hanh, Trang. Đại đội trưởng dân quân là đồng chí Chi ủy viên, Chủ nhiệm Hợp tác xã; Chính trị viên Đại đội dân quân là đồng chí Bí thư Chi bộ Hợp tác xã.

Do được lãnh đạo, chỉ huy và tổ chức chặt chẽ; được huấn luyện tốt cả về chính trị và quân sự, nên cán bộ, chiến sĩ các lực lượng dân quân, du kích và tự vệ huyện Phú Bình đã rất kiên cường, dũng cảm trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống lại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

✓ Tại xã Trần Phú, một xã mà trên địa bàn có 2 trận địa pháo cao xạ, 1 trận địa tên lửa, 1 kho lương thực và Đường 19, nay là Quốc lộ 39 đi qua, mỗi khi có báo động phòng không là hầu hết cán bộ, chiến sĩ Đại đội dân quân Hợp tác xã Tam Sơn và Đại đội dân quân Hợp tác xã Hội Lệnh đều có mặt ở các trận địa cao xạ, tên lửa để làm nhiệm vụ vác đạn, tiếp đạn, cứu thương, tải thương. Đồng chí Xã đội trưởng Hà Văn Lọ, các nữ chiến sĩ dân quân Dương Thị Thập, Hà Thị Bót, Trung đội phó dân quân xóm Trạng Hà Thị Sâm luôn dũng cảm xung phong cứu thương, tải thương, tiếp đạn phục vụ bộ đội chiến đấu. Qua phục vụ chiến đấu, Trung đội phó dân quân xóm Trạng Hà Thị Sâm đã được Chi bộ Hợp tác xã Hội Lệnh kết nạp vào Đảng. Đồng chí Hà Văn Độ, chiến sĩ dân quân xã Trần Phú “không sợ hi sinh, xung phong tiếp đạn cho bộ đội trong suốt thời gian chiến đấu”⁽¹⁾. Đồng chí Nguyễn Thị Hằng, chiến sĩ dân quân xã Quyết Tiến đã “dũng cảm lăn mình vào lửa đạn để làm công tác cứu thương”⁽²⁾, “hầu hết cán bộ, chiến sĩ Đại đội dân quân Hợp tác xã Yên Bình (xã Thượng Đình) đều có mặt tại

(1) (2) Báo cáo Chính trị của Huyện ủy Phú Bình tại Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII.

các trận địa phòng không phục vụ bộ đội chiến đấu”⁽¹⁾⁽¹⁾⁽²⁾⁾, “cán bộ, chiến sĩ dân quân xã Bảo Lý anh dũng chiến đấu với máy bay địch 11 trận”⁽²⁾.

Để khắc phục hậu quả do máy bay Mỹ ném bom làm vỡ đê sông Đào (ngày 7-6-1966), chấp hành chỉ thị của Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện, Ban chỉ huy Huyện đội Phú Bình cử cán bộ cơ quan Huyện đội trực tiếp xuống chỉ đạo các xã huy động lực lượng dân quân, du kích và nhân dân ra cùng với cán bộ, chiến sĩ 2 tiểu đoàn thuộc Đoàn 250 Quân khu Việt Bắc đào, đắp, vận chuyển đất, đá hàn khẩu chỗ đê bị vỡ. Tại chỗ đê vỡ, hơn 100 cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích huyện Phú Bình và cán bộ, chiến sĩ Đoàn 250 dũng cảm ngâm mình dưới dòng nước đục ngầu, chảy xiết, làm hàng rào ngăn đất, đá đưa xuống hàn khẩu khỏi bị trôi. Nhờ tinh thần lao động quên mình, dũng cảm của cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích huyện Phú Bình và cán bộ, chiến sĩ Đoàn 250 Quân khu Việt Bắc, mà đoạn đê vỡ đã nhanh chóng được hàn khẩu, kịp thời chặn đứng dòng nước hung dữ tràn vào tàn phá làng mạc, ruộng đồng.

Bước sang năm 1967, cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mỹ diễn ra ở cả hai miền Nam, Bắc nước ta ngày càng quyết liệt. Ở miền Nam, chúng mở cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai, nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và bộ đội chủ lực của ta. Ở miền Bắc, chúng leo thang mở rộng chiến tranh, cho máy bay ném

⁽¹⁾⁽²⁾ Báo cáo Chính trị của Huyện ủy Phú Bình tại Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII.

bom, bắn phá ra hầu hết các tỉnh, thành phố, nhằm làm tê liệt hệ thống giao thông vận tải miền Bắc, triệt đường tiếp viện từ các nước ngoài vào miền Bắc Việt Nam; ngăn chặn sự chi viện người và vật chất từ miền Bắc vào miền Nam; hủy diệt tiềm lực kinh tế và quốc phòng của miền Bắc. Chiến dịch đánh phá mang tên “Sấm rền” của không quân Mỹ được bổ sung nhiều mục tiêu mới. Tập đoàn không quân số 7 của quân đội Mỹ được quyền đánh phá vào toàn bộ các mục tiêu điện lực, công nghiệp, giao thông, kho nhiên liệu, cơ sở quân sự và trận địa phòng không...

Dự đoán năm 1967, máy bay Mỹ sẽ đánh phá địa bàn huyện ác liệt hơn, ngay từ ngày 27-12-1966, Huyện ủy Phú Bình đã ra Chỉ thị (số 58/CT-HU) “về việc gấp rút làm công tác phòng không”, chỉ rõ nhiệm vụ của cấp ủy, chính quyền, các cơ quan, ban, ngành của huyện và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, xí nghiệp Nhà nước sơ tán trên địa bàn huyện phải:

“1 – Gấp rút phát động ngay một đợt đào, đắp giao thông hào, hầm hố phòng không ở gia đình và các nơi công cộng với tinh thần hết sức khẩn trương, nhằm đảm bảo an toàn và hạn chế sự thiệt hại về người và của xuống mức thấp nhất khi bị máy bay địch đánh phá.

2 – Lấy Đảng, Đoàn và các lực lượng dân quân, tự vệ làm nòng cốt, phát động toàn dân đào, đắp, sửa sang hầm hố phòng không, chú ý các nơi công cộng (chợ búa, trường học, cửa hàng Hợp tác xã mua bán, các kho tàng...).

3 – Triệt để sơ tán nhân dân và các kho tàng ra xa các mục tiêu mà máy bay địch có thể sẽ đánh phá (cầu Ca, cầu Mây, cầu Trà Vườn, ga Lương Sơn, đập Thác Huống v.v.).

4 – Các cấp ủy, chính quyền từ huyện xuống cơ sở phải thành lập Ban Chỉ đạo, kiểm tra thực hiện Chỉ thị số 58/CT-HU ngày 27-12-1966 của Huyện ủy đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy cùng cấp⁽¹⁾.

Huyện ủy Phú Bình quyết định thành lập Ban Chỉ đạo kiểm tra huyện, thành phần gồm đại diện các cơ quan Huyện đội, Công an, Tòa án, Viện Kiểm sát, do đồng chí Dương Văn Cước (Huyện đội trưởng) làm Trưởng ban.

Chấp hành chỉ thị của Huyện ủy, đầu năm 1967, Ban chỉ huy Huyện đội Phú Bình làm tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện mở Hội nghị quán triệt tình hình, nhiệm vụ công tác quân sự địa phương năm 1967 và triển khai thực hiện Chỉ thị 58 của Huyện ủy cho các đồng chí là Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban hành chính và Ban chỉ huy Xã đội các xã; Bí thư cấp ủy Đảng, Thủ trưởng và Ban chỉ huy Tự vệ các cơ quan, đơn vị, xí nghiệp trong huyện.

Sau Hội nghị trên, Ban Chỉ đạo kiểm tra thực hiện Chỉ thị 58 huyện và Ban chỉ huy Huyện đội Phú Bình tập trung chỉ đạo quân và dân trong huyện thực hiện “Chỉ thị gấp rút làm công tác phòng không nhân dân” của Huyện ủy đạt kết quả tốt. Quân và dân toàn huyện đã tu sửa và đào mới được

⁽¹⁾ Chỉ thị số 58/CT-HU ngày 27-12-1966 của Huyện ủy Phú Bình, Tr 1, 2.

77.823 hăm trong nhà, 15.122 hăm ngoài đồng và nơi công cộng, 26.837 mét giao thông hào và 2.900 hố trú ẩn cá nhân ở dọc các trục đường giao thông. Nhờ đó mà sau này quân và dân trong huyện đã hạn chế được nhiều tổn thất do máy bay địch đánh phá⁽¹⁾

Từ giữa tháng 1-1967, lực lượng bộ đội phòng không bảo vệ yếu địa Thái Nguyên (bao gồm cả một số xã của huyện Phú Bình ở vị trí giáp ranh với thành phố Thái Nguyên) có sự thay đổi. Theo sự thỏa thuận giữa Đảng và Chính phủ hai nước Việt Nam, Trung Quốc, Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc đã lần lượt cử các đơn vị pháo cao xạ Chi đội 62, Chi đội 170, Chi đội 168 (chi đội tương đương với sư đoàn) sang bảo vệ các mục tiêu quan trọng ở Thái Nguyên, thay thế cho Trung đoàn pháo cao xạ 210 vào chiến đấu bảo vệ Quân khu IV và chiến trường miền Nam.

Thực hiện Chỉ thị ngày 9-1-1967 của Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái phải “Bằng mọi biện pháp tích cực nhất, đảm bảo vật chất phục vụ kịp thời, đầy đủ và an toàn” cho Quân giải phóng nhân dân Trung quốc, quân và dân huyện Phú Bình đã làm nhiều nhà ở, nhà kho, vận chuyển hàng hóa, kéo pháo, nguy trang trận địa và cử nhiều đoàn đại biểu các ngành, các giới đến thăm hỏi, động viên, tặng quà cho cán bộ, chiến sĩ Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc

⁽¹⁾ Năm 1967, tuy máy bay địch đánh phá huyện Phú Bình tới 62 trận, ném 760 quả bom phá, bom hơi và 58 quả bom bi mẹ, bắn nhiều loạt đạn rốc két, tên lửa, nhưng toàn huyện chỉ có 23 người chết, 49 người bị thương, 62 ngôi nhà bị cháy đổ, 56 con trâu và 8 con lợn bị chết.

sang chiến đấu trên địa bàn huyện. Đánh giá kết quả thực hiện Chỉ thị ngày 9-1-1967 của Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh của quân và dân huyện Phú Bình, Báo cáo tổng kết công tác năm 1967 của Huyện ủy Phú Bình khẳng định đối với “Các đồng chí Bạn sang giúp ta, một số đóng tại địa phương, chúng ta đã có quan hệ tốt với tinh thần hữu nghị. Quân và dân huyện ta đã phục vụ hàng ngàn ngày công xây dựng nhà cửa...”. Bên cạnh những thành tích và ưu điểm trên, Báo cáo tổng kết năm 1967 của Huyện ủy Phú Bình cũng thẳng thắn chỉ rõ các thiếu sót, khuyết điểm của quân và dân trong huyện trong việc thực hiện Chỉ thị ngày 9-1-1967 của Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái là “Công tác tuyên truyền, giáo dục chưa tốt, nên ở một vài cơ sở còn có hiện tượng một số ít người dân đã lợi dụng lòng tốt của Bạn”⁽¹⁾. Các thiếu sót, khuyết điểm trên đã kịp thời được cấp ủy, chính quyền các cấp trong huyện lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục.

Từ giữa tháng 1-1967, bộ đội pháo cao xạ Trung Quốc bắt đầu tiếp nhận trận địa của Trung đoàn 210 để triển khai chiến đấu. Trung đoàn 210 vừa phối hợp chiến đấu với bộ đội pháo cao xạ Trung Quốc, vừa rút dần từng đơn vị đi chiến đấu ở Quân khu IV và chiến trường miền Nam.

Thời gian này, không quân Mỹ tập trung đánh phá ác liệt yếu địa Thái Nguyên. Trên địa bàn huyện Phú Bình, ngày 17-1-1967, máy bay Mỹ ném nhiều bom phá xuống cầu Trà Vườn (xã Đồng Liên) và xóm Hanh (xã Trần Phú). Tiếp

⁽¹⁾ Báo cáo Tổng kết công tác năm 1967 của Huyện ủy Phú Bình, tr 17, 18.

đó, ngày 20-1-1967, máy bay Mĩ ném 6 quả bom phá xuống xóm Cầu (xã Thắng Lợi); ngày 22-1-1967, ném 4 quả bom bi mẹ xuống khu vực cầu Ca (xã Cấp Tiến), làm 9 người bị thương, vong (có 2 người chết), 2 ngôi nhà bị cháy đổ, 2 con gia súc và nhiều con gia cầm bị giết hại. Hai ngày 28 và 29-1-1967, máy bay Mĩ ném 10 quả bom bi mẹ xuống khu vực cầu Trà Vườn, có một số quả rơi xuống khu vực xóm Đồng Ao, xã Đồng Liên. Ngày 11-3-1967, máy bay Mĩ ném tiếp 12 quả bom phá, 5 quả bom bi mẹ xuống các khu vực cầu Thác Huống, xóm Cầu Giao (xã Đồng Liên), làm chết 1 người và bị thương 3 người, 4 ngôi nhà bị cháy, đổ. Ngày 10-4-1967, máy bay Mĩ ném 3 quả bom phá xuống xã Tân Khánh, làm 1 người chết, 2 người bị thương và 4 ngôi nhà bị đổ.

Để đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mĩ diễn ra trên địa bàn huyện ngày càng mở rộng và ác liệt, Đại hội Đảng bộ huyện Phú Bình lần thứ XII (họp từ ngày 21 đến ngày 24-4-1967) đã đề ra nhiệm vụ cho quân và dân trong huyện năm 1967 và các năm tiếp theo là: Phải tiếp tục quán triệt sâu sắc Lời kêu gọi chống Mĩ cứu nước ngày 17-7-1966 của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do, đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”. Đại hội ra Nghị quyết “Tích cực xây dựng lực lượng

vũ trang, bán vũ trang địa phương đảm bảo sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi” với các nội dung cụ thể như sau:

1 – Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục cho quân và dân trong huyện hiểu rõ âm mưu của đế quốc Mỹ và tay sai, để trên cơ sở đó mỗi người đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng, nâng cao ý chí, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

2 - Đẩy mạnh các phong trào thi đua “Ba sẵn sàng” trong thanh niên, “Ba đảm đang”⁽¹⁾ trong phụ nữ..., động viên mọi người hăng hái đi bộ đội, vào dân quân tự vệ, đi dân công phục vụ quốc phòng, đào hầm, hào trú ẩn; tích cực sản xuất, phục vụ chiến đấu và chiến đấu thắng lợi.

3 – Cấp ủy Đảng các cấp phải trực tiếp nắm vấn đề quân sự, kiện toàn các Ban chỉ huy Xã đội dân quân và Trung đội Tự vệ, đảm bảo yêu cầu Xã đội trưởng phải là đảng viên, Chính trị viên Xã đội phải là Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy xã phụ trách Tuyên huấn. Thực hiện chuyên môn hóa đội ngũ cán bộ chỉ huy quân sự. Xây dựng, củng cố lực lượng dân quân, tự vệ đảm bảo trong sạch về tổ chức, vững mạnh về tư tưởng và giỏi về quân sự.

⁽¹⁾ “Ba sẵn sàng” là: 1 – Sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu dũng cảm và sẵn sàng ra nhập các lực lượng vũ trang. 2 – Sẵn sàng khắc phục mọi khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, công tác và học tập trong bất kỳ tình huống nào. 3 – Sẵn sàng đi bất cứ nơi nào, làm bất cứ việc gì mà Tổ quốc cần đến.

“Ba đảm đang” là: 1 - Đảm đang sản xuất và công tác. 2 - Đảm đang gia đình. 3 - Đảm đang phục vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu.

4 – Nắm vững quân dự nhiệm, tổ chức khám sức khỏe, tuyển quân bổ sung cho quân thường trực đạt và vượt chỉ tiêu.

5 - Đẩy mạnh phong trào Thi đua Quyết thắng trong các lực lượng vũ trang địa phương.

Lực lượng vũ trang địa phương làm nòng cốt trong sản xuất, sẵn sàng chiến đấu và chiến thắng giặc Mĩ xâm lược⁽¹⁾.

Thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII, từ năm 1967, quân và dân huyện Phú Bình tập trung xây dựng, củng cố lực lượng dân quân, du kích và tự vệ rộng khắp, vững mạnh và sẵn sàng chiến đấu cao. Riêng năm 1967, toàn huyện phát triển thêm được 1595 dân quân, tự vệ, vượt 13,7% so với chỉ tiêu đề ra (trong đó, xã Hà Châu vượt 50%, các xã Bảo Lý, Tân Thành vượt trên 13,7%). Lực lượng dân quân, tự vệ toàn huyện có khoảng 7.000 cán bộ, chiến sĩ (đạt 11,73% so với tổng dân số). Trong số 7.000 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ, có 17,9% là nữ (thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra là 22,1%)). Tại các xã Lương Phú, Tân Đức, Hà Châu, Bảo Lý, Lương Sơn, Hồng Phong, hầu hết đảng viên đều tham gia lực lượng dân quân, du kích. Năm 1967, toàn huyện có 5.960 cán bộ, chiến sĩ dân quân du kích, tự vệ được huấn luyện chính trị, quân sự (đạt 85,14% quân số). Kết quả huấn luyện dân quân, du kích và

⁽¹⁾ Báo cáo phương hướng nhiệm vụ của Đảng bộ huyện Phú Bình tại Đại hội Đảng bộ khóa XII, tr 12, 13.

tự vệ của các xã và các cơ quan, đơn vị trong toàn huyện đạt từ yêu cầu trở lên 90% đến 95% (có 80% khá, giỏi). Trong đó, các xã Thanh Ninh, Lương Sơn kết quả huấn luyện dân quân, du kích: 100% đạt yêu cầu trở lên, có trên 80% khá, giỏi. Nhiều đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ các xã Lương Phú, Tân Đức, Hà Châu, Bảo lý, Lương Sơn, Hồng Phong trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và tham gia học tập, huấn luyện quân sự.

Về hoạt động của địch, từ cuối tháng 5-1967, máy bay Mĩ tăng cường đánh phá huyện Phú Bình. Ngày 21-5-1967, máy bay Mĩ ném 10 quả bom phá xuống xóm Thuần Pháp (xã Trần Phú), làm 14 người bị thương, vong (có 2 người chết).

Ngày 24-5-1967, máy bay Mĩ ném tiếp 32 quả bom phá và 8 quả bom bi mẹ xuống xóm Huống (xã Thượng Đình) và khu vực ga Lương Sơn (xã Lương Sơn), làm 4 người chết, 2 người bị thương, 3 con trâu, bò, 5 con lợn bị chết và 300 mét đường sắt bị phá hỏng.

Các ngày 7, 10, 11, 17, 18, 28, 29, 30 tháng 6 năm 1967, máy bay Mĩ ném 197 quả bom phá, 8 quả bom bi mẹ xuống các xã Thắng Lợi, Đồng Liên, Lương Sơn, gây cho quân và dân trong huyện một số tổn thất về người và của.

Trong các tháng 7 và 8-1967, máy bay Mĩ tiếp tục ném bom, bắn phá xuống nhiều địa điểm trên địa bàn huyện. Từ tháng 9 đến tháng 12-1967, cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mĩ diễn ra trên địa bàn huyện

ngày càng mở rộng và ác liệt hơn. Điển hình là ngày 10-9-1967, máy bay Mĩ ném 26 quả bom phá xuống các xã Quyết Tiến, Thượng Đình, Lương Sơn. Ngày 13-9-1967, máy bay Mĩ đánh phá huyện Phú Bình 5 trận, ném 42 quả bom phá xuống các xóm Ca, Trung Tâm, Vô Trù (xã Cấp Tiến), Hương Sơn (xã Hương Sơn) và xóm Ngược (xã Bảo Lý). Ngày 15-9-1967, máy bay Mĩ đánh phá 3 trận, ném 50 quả bom phá xuống các khu vực cầu Trà Vườn, cầu Trần Quốc Bình và đập Thác Huống (xã Đồng Liên). Ngày 17-12-1967, cùng một lúc máy bay Mĩ ném bom, bắn phá xuống 3 địa điểm khác nhau nằm trên địa bàn huyện là đập Thác Huống, cầu Bo và cầu Lũ Yên.

Tổng hợp tình hình hoạt động đánh phá của máy bay Mĩ trên địa bàn huyện năm 1967, Hội nghị tổng kết công tác năm 1967 của Huyện ủy Phú Bình chỉ rõ “Năm 1967, giặc Mĩ huy động 62 lần tốp máy bay, ném 760 quả bom phá, 51 quả bom bi mẹ và bắn 12 loạt đạn tên lửa rốc két xuống địa bàn huyện”⁽¹⁾. Đánh giá về kết quả công tác phòng không nhân dân, Báo cáo của Huyện ủy tại Hội nghị khẳng định: “Do quân và dân trong huyện làm tốt công tác phòng tránh, nên hoạt động đánh phá của máy bay địch không gây thiệt hại lớn. Toàn huyện chỉ có 23 người chết, 49 người bị thương, 56 con trâu, bò và 8 con lợn bị chết, 88 con trâu, bò bị thương, 62 ngôi nhà bị cháy đổ, 51 mẫu lúa và hoa màu bị phá hỏng”⁽²⁾.

(1) (2). Báo cáo Tổng kết công tác năm 1967 của Huyện ủy Phú Bình, tr 16.

Về kết quả công tác phục vụ chiến đấu và chiến đấu năm 1967 của quân và dân trong huyện, Báo cáo của Huyện ủy nhấn mạnh “Năm 1967, nhân dân và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương Phú Bình đã làm tốt công tác phục vụ chiến đấu và chiến đấu, góp phần cùng với các đơn vị bộ đội chủ lực đóng quân trên địa bàn huyện tiếp tục đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ”⁽¹⁾.

Bước sang năm 1968, trên chiến trường miền Nam, quân và dân ta liên tục tiến công và nổi dậy ở nhiều nơi. Đêm 30-1-1968 (tức đêm 29, rạng sáng 30 Tết Mậu Thân), quân và dân ta ở miền Nam mở cuộc Tổng tiến công vào 4 trên 6 thành phố, 37 trên 44 thị xã và hàng trăm quận lỵ, thị trấn, hỗ trợ cho nhân dân nổi dậy giành quyền làm chủ ở nhiều vùng nông thôn rộng lớn. Ở miền Bắc, cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ cũng bị thất bại nặng nề.

Trước những tổn thất nặng nề do cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta ở miền Nam Tết Mậu Thân 1968 và do cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của quân và dân ta ở miền Bắc, ngày 31-3-1968, Tổng thống Mỹ Giôn Xon buộc phải chính thức tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra; không ra tranh cử Tổng thống Mỹ nhiệm kỳ II vào tháng

⁽¹⁾ Báo cáo Tổng kết công tác năm 1967 của Huyện ủy Phú Bình, tr 16.

11-1968 và chấp nhận đàm phán với chính phủ ta tại thành phố Pari – Thủ đô nước Pháp. Cùng với quân và dân các địa phương trên miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, quân và dân huyện Phú Bình kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ.

Trải qua gần 2 năm, 4 tháng leo thang đánh phá huyện Phú Bình, kể từ ngày đầu tiên bắn rốc két xuống các xã Lương Sơn, Tân Khánh (16-11-1965), đến ngày cuối cùng bắn rốc két xuống xã Quyết Tiến (14-3-1968), giặc Mỹ đã huy động hơn một trăm lần tốp máy bay, ném 974 quả bom phá, bom hơi, 75 quả bom bi mẹ và bắn nhiều loạt đạn rốc két, tên lửa xuống hầu hết các mục tiêu giao thông, quân sự, kinh tế, dân cư trên địa bàn 12 trên tổng số 22 xã trong huyện, làm 36 người chết, 67 người bị thương, 157 con trâu, bò bị giết hại và bị thương, nhiều nhà cửa ruộng, vườn, lúa và hoa màu của nhân dân bị phá hỏng⁽¹⁾. So với tổng số bom máy bay Mỹ ném xuống địa bàn Thái Nguyên, số bom máy bay Mỹ ném xuống địa bàn huyện Phú Bình chiếm 9,6% (trong đó, bom phá và bom hơi bằng 9,74%, bom bi mẹ chiếm 8,17%), nhưng số người bị thương, vong ở huyện Phú Bình chỉ bằng 4,73% so với tổng số người bị thương vong trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Điều đó khẳng định do công tác phòng, tránh của quân và dân huyện Phú Bình có nhiều kết quả tốt, nên hạn chế được nhiều thương, vong.

⁽¹⁾ Năm 1965: 3 người chết, 5 người bị thương.

Năm 1966: 10 người chết, 13 người bị thương.

Năm 1967: 23 người chết, 49 người bị thương.

Phát huy truyền thống của quê hương đã từng là An toàn khu II của Trung ương Đảng và Xứ uỷ Bắc Kỳ trong Cách mạng Tháng Tám 1945, là Căn cứ địa trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp trường kì và anh dũng của dân tộc, quân và dân huyện Phú Bình đã nêu cao ý chí quyết tâm đánh Mĩ, làm tốt công tác chiến đấu và phục vụ chiến đấu, góp phần cùng với quân và dân Thái Nguyên và các lực lượng vũ trang của Quân khu Việt Bắc và Bộ Quốc phòng chiến đấu trên địa bàn Thái Nguyên bắn rơi 51 máy bay Mĩ, bắt sống và tiêu diệt được nhiều tên giặc Mĩ lái máy bay. Trong 2 năm, 4 tháng trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mĩ (11/1965 – 3/1968), nhân dân và lực lượng dân quân, du kích các xã Trần Phú, Thượng Đình, Hà Châu, Đồng Liên, Quyết Tiến, Bảo Lý, Lương Sơn đã lập nhiều thành tích về mọi mặt, trở thành những đơn vị khá, giỏi, dẫn đầu huyện về công tác quân sự địa phương. ✓

Đối với công tác động viên tuyển quân, chi viện chiến trường, hai năm 1965, 1966, quân và dân huyện Phú Bình đã tiến hành 6 đợt tuyển quân, huy động được 1.633 người vào bộ đội đánh Mĩ (trong đó, năm 1965 động viên được 644 người nhập ngũ, chiếm 15,93% số người toàn tỉnh vào bộ đội), dẫn đầu các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh về số người lên đường đánh Mĩ. Năm 1966, động viên được 989 người lên đường nhập ngũ, vượt chỉ tiêu trên giao 1,1%, tiếp tục dẫn đầu các huyện, thành phố trong tỉnh Bắc Thái (cũ) về công tác tuyển quân.

Đánh giá công tác động viên tuyển quân chi viện chiến trường hai năm 1965, 1966, Đại hội Đảng bộ huyện Phú Bình lần thứ XII (họp tháng 4-1967) biểu dương quân và dân trong huyện đã “Tích cực giáo dục, động viên thanh niên tham gia quân đội thường trực. Nhất là sau Lời kêu gọi chống Mĩ cứu nước ngày 17-7-1966 của Chủ tịch Hồ Chí Minh, khí thế chống Mĩ trong thanh niên nói riêng, nhân dân nói chung đã sôi sục, vượn lên. Có đoàn viên đã lấy máu viết đơn nhập ngũ chiến đấu. Có đoàn viên đã viết hàng chục lá đơn xin đi bộ đội. Có những người mẹ, người chị, người vợ đã đến Đảng ủy, Ủy ban hành chính xã xin cho chồng, con, em mình được đi bộ đội chống Mĩ. Kết quả 6 đợt tuyển binh, huyện chúng ta đã giao quân đạt và vượt mức chỉ tiêu trên giao. Những đoàn viên, thanh niên vào quân đội đều tỏ ra tinh thần hăng hái, phấn khởi”⁽¹⁾.

Năm 1967, quân và dân các xã trong huyện thực hiện tốt việc học tập, quán triệt Chỉ thị số 134 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác động viên tuyển quân, xây dựng lực lượng vũ trang, chi viện chiến trường trong tình hình mới. Ban Chấp hành Huyện Đoàn Phú Bình phát động đoàn viên, thanh niên đẩy mạnh phong trào thi đua “Ba sẵn sàng”, thu hút 12.900 đoàn viên, thanh niên viết đơn tình nguyện xung phong lên đường đánh Mĩ. Đồng chí Luyện (đoàn viên, thanh niên xã Xuân Phương), đồng chí Út, đồng chí Ngôn (đoàn viên, thanh niên xã Lương Phú) đã trích máu

⁽¹⁾ Báo cáo chính trị của Huyện ủy Phú Bình tại Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII, tr 15.

kí vào đơn xung phong nhập ngũ⁽¹⁾. Cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các xã Thanh Ninh, Bảo Lý, Lương Sơn, Thượng Đình, Trần Phú, Yên Thịnh, Hồng Phong, Tân Kim, Tân Thành, Tân Khánh..., lãnh đạo, chỉ đạo, động viên nhân dân làm tốt công tác tuyển quân. Nhờ đó, qua hai đợt tuyển quân năm 1967, quân và dân huyện Phú Bình đã động viên được 451 người vào bộ đội đánh Mĩ. Trong 3 năm (từ 1965 đến 1967), toàn huyện đã có 2.084 người (đa số là đoàn viên, thanh niên) lên đường đánh Mĩ (bằng 18% số người nhập ngũ ở các huyện, thành phố, cơ quan đơn vị trên địa bàn Thái Nguyên và bằng 3,21% dân số trong huyện). Số người nhập ngũ của huyện Phú Bình nhiều hơn số người nhập ngũ của các huyện Phổ Yên 1,41 lần, Định Hóa 2,76 lần, Đại Từ 1,36 lần, Đồng Hỷ 1,35 lần, Phú Lương 2,12 lần, Võ Nhai 3,06 lần và thành phố Thái Nguyên 1,9 lần. Hầu hết con, em nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình lên đường đánh Mĩ trong những năm từ 1965 đến 1967 đều vượt Trường Sơn, có mặt chiến đấu ở khắp các mặt trận trên chiến trường miền Nam (B). Một số người đã có mặt chiến đấu ở chiến trường các nước bạn Lào (C) và Campuchia (K). Một trong những nguyên nhân quan trọng giúp cho huyện Phú Bình giành được nhiều thành tựu trong công tác động viên tuyển quân trong những năm 1965, 1966, 1967 là do quân và dân trong huyện đã làm tốt công tác hậu phương quân đội. Các xã, hợp tác xã trên địa bàn huyện thực hiện tốt Nghị quyết của Huyện ủy về việc điều hoà lương thực cho thương binh, gia

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết năm 1967 của Huyện ủy Phú Bình, tr 16.

đình liệt sĩ và gia đình có người là bộ đội đang chiến đấu ở các chiến trường B, C, K. Các ngành, các cấp, các đoàn thể quần chúng quan tâm giúp đỡ các gia đình chính sách, gia đình bộ đội B, C, K. Nhờ đó, các gia đình bộ đội, gia đình liệt sĩ và thương binh yên tâm, phấn khởi lao động, sản xuất và chiến đấu, phục vụ chiến đấu; nhân dân các dân tộc trong huyện hăng hái động viên con, em mình xung phong vào bộ đội đánh Mỹ.

Trong công tác đảm bảo giao thông thời chiến, quân và dân huyện Phú Bình đã quán triệt sâu sắc Nghị quyết ngày 21-8-1965 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái “Đảm bảo giao thông vận tải thời chiến là một mặt trận chiến đấu, là công tác trọng tâm, đột xuất của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân...”. Thực hiện quyết tâm của Huyện ủy Phú Bình... “trong bất kì tình huống nào cũng phải đảm bảo giao thông vận tải trên địa bàn huyện kịp thời, thông suốt”, sau mỗi trận máy bay Mỹ đánh hỏng các cầu Mây, Bảo Lý, Thác Huống, Trà Vườn..., quân và dân trong huyện đã tập trung nhân lực, phương tiện ra sửa chữa, nên chỉ sau 1 đến 2 ngày đã đảm bảo giao thông thông suốt.

Trong công tác bảo vệ trật tự, trị an thời chiến, quân và dân huyện Phú Bình đã tích cực hưởng ứng phong trào thi đua “Toàn dân bảo vệ trị an” do Huyện ủy phát động từ đầu năm 1966. Các lực lượng dân quân, du kích, tự vệ phối hợp chặt chẽ với lực lượng công an các cấp xử lý kịp thời các vụ gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Điển hình là các

vụ địa chủ đốt nhà ở xã Yên Thịnh, học sinh đuổi thầy giáo ở xã Lương Phú, ăn cắp vải ở xã Hồng Phong, đánh bạc ở xã Phương Độ, tranh chấp tài sản ở các Hợp tác xã Thống Nhất, Cầu Thành (xã Lương Sơn). Các xã Quyết Tiến, Bảo Lý, Lương Phú, Lương Sơn, Tân Khánh, Tân Kim, Tân Hòa, Tân Đức, Cấp Tiến, Hồng Phong, Xuân Phương, có nhiều thành tích trong phong trào thi đua “Toàn dân bảo vệ trị an”, được Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII đánh giá cao. Năm 1967, lực lượng công an các cấp huyện và xã phối hợp với quân và dân trong huyện xử lý 18 vụ gây mất trật tự xã hội, bắt 48 đối tượng cướp của, ăn cắp, đánh bạc, làm giấy tờ giả, đưa ra truy tố trước Pháp luật 9 đối tượng, các đối tượng còn lại giáo dục, răn đe, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Trong đạn bom ác liệt của cuộc chiến tranh phá hoại do đế quốc Mỹ gây ra trên địa bàn huyện, quân và dân huyện Phú Bình đã luôn luôn cố gắng khắc phục khó khăn về thiên tai, địch họa, giữ vững và phát triển sản xuất.

Tuy năm 1967 là năm cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ diễn ra trên địa bàn huyện ác liệt nhất, nhưng các mặt sản xuất, văn hóa, xã hội của huyện vẫn được giữ vững và phát triển. Năng suất lúa bình quân toàn huyện đạt 16,2 tạ/ha (tăng 8,7% so với năm 1965 và tăng 15,7% so với năm 1966). Các Hợp tác xã Nga Mi và Hồng Kỳ, năng suất lúa bình quân đạt 5 tấn/ha. Tổng sản lượng lương thực toàn huyện đạt 24.517,4 tấn. Chăn nuôi gia súc phát triển, đàn

trâu, bò đạt 16.480 con (tăng 98 con so với năm 1965 và tăng 1.108 con so với năm 1966); đàn lợn đạt 18.850 con (tăng 5,9% so với năm 1965), trong đó, đàn lợn tập thể có 1.114 con. Đàn gia cầm tăng 31,8% so với năm 1966. Trong ba năm (1965-1967), quân và dân huyện Phú Bình thực hiện nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm cho Nhà nước được 10.389 tấn thóc, trên 76,5 tấn thịt lợn hơi, hơn 11,5 tấn thịt gia cầm, 200.000 quả trứng gà, vịt và các mặt hàng nông sản khác, trị giá 133.978 đồng. Các xã Tân Đức, Hồng Phong, Quyết Tiến, Lương Sơn, Nga Mi, Tân Kim, Dương Thành, Xuân Phương thực hiện tốt nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm cho Nhà nước.

Các hoạt động Giáo dục, Y tế của huyện vẫn luôn được giữ vững và phát triển. Xã Tân Thành được Chính phủ tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba về Giáo dục, xã Đồng Liên được Chính phủ tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba về Y tế. Các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế của huyện được giữ vững và phát triển là một thắng lợi có ý nghĩa rất quan trọng của quân và dân huyện Phú Bình, vì nó trực tiếp góp phần nâng cao nhận thức về quyền lợi, nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cho nhân dân, đặc biệt là cho thanh niên; trực tiếp bảo vệ sức khỏe và nâng cao thể lực cho nhân dân, nhất là cho những người trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ cầm súng bảo vệ Tổ quốc. Được giáo dục và học tập trong các nhà trường và ngoài xã hội, các thế hệ

thanh niên Phú Bình đã hiểu rõ hơn truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm kiên cường, bất khuất của dân tộc, thấy được vinh dự và trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Và trên cơ sở đó đã tích cực, hăng hái tham gia các phong trào thi đua “Ba sẵn sàng”, “Ba đảm đang”, xung phong lên đường đánh Mĩ và đẩy mạnh sản xuất, hoàn thành nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm cho Nhà nước, chi viện chiến trường.

IV - Đẩy mạnh động viên tuyển quân chi viện chiến trường; khôi phục và phát triển kinh tế – văn hóa – xã hội, góp phần đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mĩ (1968-1972).

Sau Tết Mậu Thân năm 1968, ở miền Nam, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta còn kéo dài thêm hai đợt nữa, đã tiêu diệt được một bộ phận lực lượng chiến lược Mĩ - ngụy, buộc Tổng thống Giôn Xon phải tuyên bố chấm dứt hoàn toàn cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc, chấp nhận Đoàn đại biểu của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam là một trong bốn thành viên chính thức tham gia cuộc đàm phán tại Hội nghị Pari. Tuy nhiên, ta cũng bị tổn thất nặng nề: Cán bộ, chiến sĩ nhiều đơn vị bộ đội chủ lực, tinh nhuệ, biệt động bị thương, vong gần hết; do bộc lộ lực lượng, nên nhiều cơ sở cách mạng trong các thành phố, thị xã bị tan vỡ, phong trào đấu tranh chính trị giảm sút; ở địa bàn nông thôn, ta bị mất đất, mất

dân... Tổn thất này đã làm giảm sút thế và lực của cách mạng miền Nam, gây hậu quả khó khăn, chồng chất kéo dài.

Tình hình đó đòi hỏi sự chi viện to lớn sức người, sức của của hậu phương miền Bắc cho chiến trường miền Nam trở nên cấp bách hơn bao giờ hết. Tại Hội-nghị giao chỉ tiêu tuyển quân năm 1968 cho các tỉnh, thành phố miền Bắc do Hội đồng Chính phủ tổ chức đầu năm 1968, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã chỉ thị “Công tác động viên tuyển quân là công tác trọng tâm số một, là vấn đề cấp bách phải được ưu tiên. Động viên lực lượng bổ sung cho chiến trường lúc này có tính chất quyết định”.

Năm 1968, huyện Phú Bình được Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh giao chỉ tiêu tuyển quân về số lượng lớn gấp 1,9 lần năm 1965, 1,24 lần so với năm 1966 và 2,71 lần năm 1967. Với chỉ tiêu về quân số lớn như vậy, công tác động viên tuyển quân trở thành nhiệm vụ lớn nhất trong công tác quân sự địa phương năm 1968 của huyện Phú Bình.

Cũng như các huyện, thành phố khác trên địa bàn Thái Nguyên, do chiến tranh diễn ra ngày càng ác liệt, kéo dài, nên qua các đợt tuyển quân từ năm 1965 đến năm 1967, lực lượng dự bị của huyện đã cạn dần. Mặt khác, tiêu chuẩn tuyển quân năm 1968 lại có những yêu cầu mới, cao hơn: đối tượng tuyển quân chủ yếu là thanh niên tuổi từ 18 đến 25; hạn chế tuyển những người trên 30 tuổi, những người có từ 3 con trở lên và những người gia đình có nhiều khó khăn. Trong khi đó, do chiến tranh ác liệt và kéo dài, nên trong

một bộ phận nhân dân, đặc biệt là trong thanh niên đã xuất hiện tư tưởng ngại gian khổ, sợ hi sinh, không muốn đi bộ đội, thậm chí “một số đi bộ đội lại bỏ về”⁽¹⁾. Các hiện tượng thanh niên “chống lệnh tổng quân, thủ đoạn trong khi khám sức khỏe, thoái thác nhiệm vụ trong khi nhập ngũ”⁽²⁾ đã xuất hiện. Hiện tượng một số cán bộ, đảng viên “không muốn cho con, cháu, anh, em đi bộ đội, mà muốn cho đi học chuyên nghiệp, đi làm cán bộ, đi học ở nước ngoài, thậm chí đã đi bộ đội rồi còn tìm cách xin về để đi học hoặc để làm công tác khác”⁽³⁾ gây suy bì, tị nạnh trong nhân dân cũng là những khó khăn của huyện trong công tác tuyển quân năm 1968.

Quán triệt chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và trước trách nhiệm, nghĩa vụ đối với đồng bào, đồng chí miền Nam, để khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm trong công tác tuyển quân những năm 1965, 1966, 1967, ngày 4-3-1968, Huyện ủy Phú Bình họp, ra nghị quyết lãnh đạo nhấn mạnh “Tăng cường giáo dục cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong huyện nâng cao ý chí quyết chiến, quyết thắng giặc Mĩ xâm lược, quyết tâm giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất Tổ quốc làm tốt công tác tuyển quân với khẩu hiệu “Gạo không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, “Bất kì trong hoàn cảnh nào cũng phải động viên tuyển quân đủ số lượng”.

⁽¹⁾ Báo cáo chính trị của Huyện ủy Phú Bình tại Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII, tr 17.

^{(2) (3)} Báo cáo tổng kết 4 năm chống Mĩ cứu nước (1965-1968) của Huyện ủy Phú Bình, tr 10, 11, 17.

Thực hiện nghị quyết của Huyện ủy, Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Huyện Đoàn Thanh niên, Huyện Hội Phụ nữ và Ban chỉ huy Huyện đội Phú Bình khẩn trương đề ra nội dung, kế hoạch hướng dẫn, giáo dục về tình hình nhiệm vụ mới, về nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc cho nhân dân, đặc biệt là cho đoàn viên, thanh niên. Phòng Văn hóa – Thông tin huyện đẩy mạnh công tác tuyên truyền, động viên thanh niên hăng hái lên đường nhập ngũ. Các ngành Y tế và Công an huyện làm tốt công tác khám tuyển và xét duyệt chính trị nghĩa vụ quân sự. Các ngành Lương thực, Thực phẩm, Thương nghiệp làm tốt công tác đảm bảo cơ sở vật chất cho công tác tuyển quân. Các cấp ủy Đảng, chính quyền từ huyện xuống các xã, cơ quan, đơn vị lãnh đạo, chỉ đạo cán bộ, nhân dân thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội; thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ, chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có người đi bộ đội, nhất là gia đình có người là bộ đội đang chiến đấu ở các chiến trường miền Nam, Lào và Campuchia. Hội đồng nghĩa vụ quân sự huyện do các đồng chí Nguyễn Văn Thiện (Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện) làm Chủ tịch đã họp, đề ra biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên và giao chỉ tiêu tuyển quân cho các xã, cơ quan, đơn vị.

Hưởng ứng phong trào thi đua “Ngày Hội thanh niên tòng quân chống Mĩ, cứu nước” do Tỉnh Đoàn Thanh niên Bắc Thái phát động, Ban Chấp hành Huyện Đoàn Phú Bình tổ chức ngày “Hội thanh niên tòng quân”, thu hút 3.500

đoàn viên, thanh niên tham gia. Ngành Thương binh – Xã hội huyện phát động phong trào thi đua “Toàn dân chấp hành chính sách hậu phương quân đội”, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục và quán triệt cho nhân dân nhận thức sâu sắc “anh em thương binh, gia đình liệt sĩ, anh em bộ đội đang chiến đấu ở chiến trường là những người con có công với nước, với dân, không thể để gia đình và bản thân anh em gặp khó khăn mà không được giúp đỡ”. Hưởng ứng phong trào thi đua “Toàn dân chấp hành chính sách Hậu phương quân đội” do Ngành Thương binh – Xã hội huyện phát động, các xã, hợp tác xã trong huyện đã điều hòa lương thực cho 95 gia đình thương binh, liệt sĩ, bộ đội B, C có nhiều khó khăn, mỗi gia đình 10 kg gạo. Huyện Hội Phụ nữ phối hợp với các ngành chức năng quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, bố trí công ăn, việc làm cho nhiều Hội viên là vợ liệt sĩ, vợ bộ đội đi B, C. Toàn huyện có hơn 100 chị được bố trí vào làm việc ở các trại giống cây trồng, các cửa hàng thương nghiệp..., có thu nhập ổn định; các hiện tượng “đi bộ đội rồi thì rút trâu, không điều hòa lương thực hoặc điều hòa lấy giá cao”⁽¹⁾ đã nhanh chóng được khắc phục, chấm dứt. Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền; sự giúp đỡ của các cơ quan, đoàn thể và nhân dân trong huyện đã tạo cho thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình bộ đội, nhất là gia đình bộ đội B, C giữ được cuộc sống sinh hoạt bình thường. Nhờ

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết 4 năm (1965-1968) của Huyện ủy Phú Bình, tr 10.

đó, các gia đình liệt sĩ, thương binh, gia đình bộ đội thấy rõ được sự ưu việt trong chính sách hậu phương quân đội của Đảng và Chính phủ, vui vẻ, phấn khởi động viên chồng, con, anh, em hăng hái lên đường đánh giặc. Ông Hoàng Văn Tư (ở xã Dương Thành) đã có một con đi thanh niên xung phong, nhưng vẫn trực tiếp làm đơn xin cho con trai là Hoàng Hà được lên đường đánh Mỹ. Bà Dương Thị Phách (ở xã Xuân Phương) tuy đã có chồng và hai con đang tại ngũ, nhưng vẫn tha thiết xin cho người con trai thứ ba là anh Dương Văn Tư lên đường chiến đấu. Hai anh em ruột Vũ Tăng (Phó ban Tuyên giáo Huyện ủy), Vũ Thịnh (Bí thư Đoàn Thanh niên xã Tân Kim) đều xung phong tình nguyện lên đường đánh Mỹ. Con đồng chí Chủ tịch Ủy ban hành chính xã Lương Sơn đã 7 lần viết đơn xin đi bộ đội. Các đoàn viên, thanh niên Dương Văn Liễu (xã Xuân Phương) Nguyễn Ngọc Dân (xã Dương Thành) đã trích máu kí vào đơn xung phong nhập ngũ.

Do quân và dân trong huyện thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, nên ở các chiến trường, cán bộ, chiến sĩ bộ đội là con em nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình càng thêm tin tưởng ở hậu phương, tăng thêm ý chí chiến đấu, quyết tâm giết giặc, lập công. Đồng chí Phạm Thanh Ngân (sinh năm 1939, quê xã Lương Phú, nhập ngũ năm 1959, sĩ quan lái máy bay tiêm kích Mic 21, thuộc Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không – không

quân), từ năm 1966, đến năm 1968, đã trực tiếp chiến đấu bắn rơi 8 máy bay Mỹ (gồm 3 máy bay F4, 2 máy bay F105, 1 máy bay RF101 và 1 máy bay F102). Ngoài ra, đồng chí Phạm Thanh Ngân còn chỉ huy biên đội bắn rơi 8 máy bay Mỹ khác. Với thành tích đặc biệt xuất sắc bắn rơi 8 máy bay Mỹ, đồng chí Phạm Thanh Ngân đã được Đảng, Chính phủ và Quốc hội tuyên dương danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”.

Đầu tháng 6-1968, Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện Phú Bình quyết định tạm hoãn tất các hội nghị trong huyện để tập trung cán bộ xuống các xã lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, vận động tuyển quân. Các đồng chí Dương Văn Thơ (Bí thư Huyện ủy), Ngô Quang Thành (Phó Bí thư Huyện ủy), Nguyễn Văn Thiện (Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện, Chủ tịch Hội đồng Nghĩa vụ quân sự huyện) phân công nhau trực tiếp xuống các xã nắm tình hình lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyển quân. Các đồng chí Đặng Tuấn Ngân (Chính trị viên Huyện đội), Dương Văn Cược (Huyện đội trưởng) phân công nhau xuống các xã vùng yếu (Hà Châu, Nga Mi, trong các đợt tuyển quân trước có ít người nhập ngũ, thậm chí có đợt còn không có người nhập ngũ hoặc một số người nhập ngũ đến đơn vị lại đào ngũ về địa phương), để lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, chính quyền xã làm công tác tuyển quân. Các đồng chí lãnh đạo Đảng ủy, Ủy ban hành chính các xã Hà Châu, Nga Mi phân công nhau trực tiếp xuống các hợp tác xã, các xóm chỉ đạo, hướng dẫn công tác tuyển quân và vận động thanh niên nhập

ngũ. Nhờ sự nỗ lực tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, vận động, động viên của Ban chỉ huy Huyện đội và cấp ủy, chính quyền cơ sở, mà các anh Quyên, Khuyên, Quyền (xã Nga Mi), Quảng (xã Hà Châu) đã nhận ra sai lầm, khuyết điểm đào ngũ của mình, tình nguyện trở lại quân đội.

Qua ba đợt động viên tuyển quân năm 1968, quân và dân huyện Phú Bình đã động viên được 1.227 người, đa số là thanh niên trẻ, khỏe vào bộ đội đánh Mĩ, vượt chỉ tiêu trên giao 0,75%, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tuyển quân cả năm 1968. Trong đó, đợt tuyển quân thứ ba năm 1968, toàn huyện giao quân vượt mức chỉ tiêu trên giao 1,37%, đứng thứ hai trong số các huyện, thành phố ở Thái Nguyên (sau thành phố Thái Nguyên vượt 1,61%).

Trong tổng số 1.227 con, em nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình lên đường đánh Mĩ năm 1968, có 16,8% là đảng viên, dẫn đầu các huyện, thành phố ở Thái Nguyên về tỉ lệ đảng viên nhập ngũ so với tổng số người vào bộ đội đánh Mĩ. Nếu tính từ năm 1965 đến hết năm 1968, tỉ lệ số người nhập ngũ so với tổng số dân trong toàn huyện Phú Bình là 5,1%, đứng thứ hai trong số các huyện, thành phố ở Thái Nguyên (sau huyện Đồng Hỷ 5,17%; xã Bảo Lý có tỉ lệ người nhập ngũ so với tổng dân số là 7%, cao nhất huyện).

Với thành tích hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyển quân năm 1968, quân và dân huyện Phú Bình đã được Thủ tướng Chính phủ tặng Giấy khen.

Tuy vậy, công tác động viên tuyển quân năm 1968 của quân và dân huyện Phú Bình cũng còn nhiều thiếu sót, khuyết điểm:

Một là, công tác điều tra, thống kê, nắm thực lực của các cấp trong huyện còn yếu, chuẩn bị chưa đầy đủ, nên tuy các đợt tuyển quân huyện đều đạt và vượt chỉ tiêu, nhưng rất vất vả.

Hai là, một số xã chưa quán triệt đầy đủ ý nghĩa, tầm quan trọng và yêu cầu cấp bách của công tác động viên tuyển quân trong thời kỳ mới, nên quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo chưa cao.

Ba là, sự phối hợp làm công tác tuyển quân giữa các ngành, các giới trong thời gian chuẩn bị chưa chặt chẽ; công tác tuyên truyền, giáo dục chưa thực sự có bề sâu.

Bốn là, do chiến tranh ngày càng ác liệt, kéo dài, số thương binh từ các chiến trường trở về hậu phương ngày càng nhiều, con số báo tử của huyện ngày một tăng, nên có tác động tiêu cực không nhỏ đến tư tưởng quần chúng.

Năm 1969, huyện Phú Bình được Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh giao chỉ tiêu tuyển 215 thanh niên vào bộ đội. So với kết quả giao quân của huyện những năm trước, tuy chỉ tiêu về số lượng chỉ bằng 33,39% năm 1965, 21,74% năm 1966, 47,67% năm 1967, 17,52% năm 1968, nhưng chỉ tiêu về chất lượng lại đòi hỏi cao hơn (chỉ tuyển những người trong độ tuổi từ 18 đến 25, sức khỏe A và B1, có lai lịch chính trị tốt và có tinh thần tự nguyện, tự giác).

Nhằm phát huy thành tích tuyển quân những năm trước, đặc biệt là thành tích tuyển quân năm 1968 (năm huyện được Thủ tướng Chính phủ tặng Giấy khen) và để kịp thời khắc phục các thiếu sót, khuyết điểm còn tồn tại, đầu năm 1969, Ban chỉ huy Huyện đội Phú Bình làm tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện mở hội nghị quán triệt chỉ thị của Ủy ban hành chính tỉnh về nhiệm vụ, tiêu chuẩn, chính sách và yêu cầu chất lượng công tác tuyển quân năm 1969 cho đại diện cấp ủy Đảng, chính quyền, công an, chỉ huy xã đội các xã và một số ngành của huyện liên quan đến công tác tuyển quân. Tiếp đó, Ban chỉ huy Huyện đội chỉ đạo các xã triển khai công tác thống kê, nắm thực lực công tác tuyển quân. Cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp trong huyện đặt công tác tuyển quân, chỉ viện chiến trường lên ngang hàng với công tác khác. Nhờ đó, “Công tác tuyển quân năm 1969 tuy có nhiều khó khăn, nhưng với quyết tâm hoàn thành tốt các chỉ tiêu trên giao, cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp trong huyện đã làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội; qua các đợt tuyển quân huyện đều tổ chức sơ kết, rút kinh nghiệm, động viên kịp thời”⁽¹⁾. Kết quả giao quân năm 1969, toàn huyện có 207 thanh niên lên đường nhập ngũ, đạt 96% chỉ tiêu về quân số và 100% chỉ tiêu về chất lượng “Tại các xã Lương Sơn, Bảo Lý, Tân Đức. v.v, có tới 1 phần 3 số gia đình có đơn xin cho con được nhập ngũ.

⁽¹⁾ Báo cáo số 32/BC-HU ngày 25-11-1969 của Huyện ủy Phú Bình, tr 10.

Đặc biệt, từ đầu năm đến nay, toàn huyện không có một quân nhân nào đào ngũ”⁽¹⁾.

Năm 1970, quân và dân trong huyện tập trung thực hiện “Cuộc vận động chấp hành chính sách hậu phương quân đội” do Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái phát động. Đây vừa là đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, vừa là một trong những nội dung, biện pháp quan trọng để huyện hoàn thành công tác động viên tuyển quân chi viện chiến trường.

Trong quá trình thực hiện “Cuộc vận động chấp hành chính sách hậu phương quân đội”, quân và dân trong huyện coi trọng việc bảo vệ hạnh phúc gia đình quân nhân đang chiến đấu ở các chiến trường, xử lý nghiêm khắc các cán bộ, đảng viên xâm phạm hạnh phúc gia đình bộ đội⁽²⁾. Một số xã trong huyện có sáng kiến lập tổ tương trợ gia đình bộ đội B, C. Các tổ này đã có tác dụng tốt trong việc động viên, giúp đỡ, bảo vệ hạnh phúc gia đình bộ đội. Tại xã Bảo Lý, khi anh Tăng đang chiến đấu ở chiến trường xa, ở nhà vợ bị ốm,

⁽¹⁾ Báo cáo số 32/BC-HU ngày 25-11-1969 của Huyện ủy Phú Bình, tr 10.

⁽²⁾ Chiến tranh ác liệt, kéo dài, cũng như ở các địa phương khác trong tỉnh, trên địa bàn huyện Phú Bình, một số chị em phụ nữ có chồng đi chiến đấu ở các chiến trường xa đã vì phạm phẩm chất đạo đức, sống thiếu chung thủy với chồng. Điều đó đã làm cho những người chồng đang chiến đấu ở các chiến trường xa không an tâm tư tưởng, những người chồng sắp lên đường nhập ngũ không tin tưởng vào người vợ ở hậu phương, ảnh hưởng tiêu cực đến công tác tuyển quân chi viện chiến trường. Điều nghiêm trọng là trong số đối tượng xâm phạm hạnh phúc gia đình bộ đội B, C có cả cán bộ, đảng viên, thậm chí có cả Ủy viên cấp ủy Đảng. Trước tình hình đó, Huyện đã xử lý khai trừ ra khỏi Đảng 1 Ủy viên Đảng ủy xã kiêm Bí thư chi bộ; truy tố 1 Chi ủy viên kiêm Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

gia đình gặp nhiều khó khăn, ngoài việc điều hòa lương thực, theo qui định chung, Hợp tác xã còn cho vay 300 kg thóc và huy động dân quân đến giúp đỡ làm nhà. Được sự quan tâm của cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong huyện, nhiều chị là vợ bộ đội đang chiến đấu ở các chiến trường xa đã “giỏi việc nước, đảm việc nhà”. Tại xã Tân Khánh, chị Thái có chồng đang chiến đấu ở chiến trường B, ở nhà một mình vừa làm tốt việc chăm sóc bố, mẹ chồng, vừa làm tốt nhiệm vụ của một Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính xã kiêm Chính trị viên Xã đội dân quân. Khi được tin chồng hi sinh ở ngoài mặt trận, chị đã nén đau thương, động viên, an ủi bố mẹ chồng “Anh ấy hi sinh còn có con”. Tại các xã Bảo Lý, Lương Phú, nhà trường đã ưu tiên giảm tiền học phí, tiền đóng góp xây dựng trường cho con bộ đội đang chiến đấu ở các chiến trường B, C. Nhân dịp Tết Nguyên đán Canh Tuất (1970), Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện tổ chức gặp mặt đại biểu các gia đình quân nhân đang chiến đấu ở các chiến trường B, C.

Do quân và dân trong huyện thực hiện tốt “Cuộc vận động chấp hành chính sách hậu phương quân đội” do Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái phát động, nên đã góp phần làm cho hậu phương Phú Bình ổn định, người Phú Bình yêu thương, đùm bọc nhau hơn trong nghĩa tình quê hương, làng xóm. Hậu phương Phú Bình vững chắc là chỗ dựa của hàng trăm, hàng nghìn người con thân yêu của nhân dân các dân tộc trong huyện đang chiến đấu ở các chiến trường xa; là

nguồn động viên, cổ vũ lớp lớp thanh niên Phú Bình tiếp tục, hăng hái lên đường đánh Mỹ.

Chiến tranh kéo dài và ngày càng ác liệt, trên địa bàn huyện đã có một số quân nhân giảm sút ý chí chiến đấu, đào ngũ trở về địa phương, gây cho huyện nhiều khó khăn trong việc giữ gìn an ninh, trật tự và động viên tuyển quân chi viện chiến trường. Trước tình hình đó, thực hiện Chỉ thị số 185 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết quân nhân đào, lạc ngũ, theo sự chỉ đạo của Ban chỉ huy Tỉnh đội, năm 1970, Ban chỉ huy Huyện đội Phú Bình tổ chức 2 lớp giáo dục tư tưởng và cải tạo lao động cho 64 quân nhân đào, lạc ngũ. Qua giáo dục tư tưởng và cải tạo lao động, 21 người (bằng 32,8%) đã tình nguyện trở lại đơn vị chiến đấu, 43 người tự giác đi lao động cải tạo trong các đội thủy lợi chủ lực của huyện. Nhờ kết hợp nhiều biện pháp tích cực, nên năm 1970, quân và dân huyện Phú Bình đã động viên được 290 người vào bộ đội, trong đó đợt tuyển quân tháng 8-1970, toàn huyện giao quân vượt chỉ tiêu quân số 3%.

Đánh giá kết quả công tác động viên tuyển quân năm 1970, Hội nghị tổng kết công tác năm 1970 của Huyện ủy Phú Bình đã phân tích, chỉ rõ “Với tinh thần quyết chiến, quyết thắng, các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, các cấp trong huyện đã nắm vững lực lượng dự bị, chú ý công tác giáo dục chính trị, động viên tư tưởng và chính sách hậu phương quân đội, đẩy mạnh các phong trào thi đua “Ba sẵn

sàng” trong thanh niên và “Ba đảm đang” trong phụ nữ. Qua các đợt tuyển quân năm 1970, huyện đều đạt chỉ tiêu cả về số lượng và chất lượng”⁽¹⁾ Huyện ủy biểu dương quân và dân các xã Lương Phú, Bảo lý, Hương Sơn đã làm tốt công tác động viên tuyển quân; đồng thời cũng thẳng thắn phê bình một số xã không hoàn thành nhiệm vụ tuyển quân, thậm chí có xã còn không có người nhập ngũ (xã trắng). Huyện ủy xác định “đây là một khuyết điểm rất lớn trong công tác chính trị tư tưởng, chúng ta phải nghiêm khắc kiểm điểm”⁽²⁾.

Năm 1971, huyện Phú Bình triển khai 3 đợt động viên tuyển quân. Tuy có rất nhiều cố gắng, nhưng quân và dân trong huyện cũng chỉ hoàn thành được 80% chỉ tiêu quân số (đợt I), và 86% chỉ tiêu quân số (đợt II). Cuối tháng 7-1971, Ủy ban hành chính huyện nhận được chỉ thị động viên tuyển quân đợt III của Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái. Cùng thời gian trên, Huyện ủy cũng nhận được chỉ thị của Tỉnh ủy về lãnh đạo công tác tuyển quân đợt III. Ngày 5-8-1971, Tỉnh ủy cử một Đoàn cán bộ gồm đại diện các cơ quan Tỉnh ủy, Tỉnh Đoàn, Tỉnh Hội Phụ nữ, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Tỉnh đội, Viện Kiểm sát và Tòa án tỉnh do đồng chí Lê Hoàng, Bí thư Tỉnh ủy, dẫn đầu trực tiếp xuống huyện Phú Bình lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyển quân. Được sự giúp đỡ của tỉnh, các đồng chí lãnh đạo Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện và Ban chỉ huy Huyện đội đã phân công nhau trực tiếp

(1) (2) Báo cáo số 100/BC-HU ngày 15-2-1971 của Huyện ủy Phú Bình.

xuống các xã nắm thực lực, tham gia xét duyệt, phân loại đối tượng, họp với các tổ chức quần chúng để giáo dục, động viên; đồng thời có biện pháp giáo dục kỹ đối với những gia đình và đối tượng lạc hậu.

Nhờ có sự trực tiếp chỉ đạo, giúp đỡ của Đoàn cán bộ Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh và sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung của Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện, với nhiều nội dung và biện pháp tích cực, nên tuyển quân đợt III năm 1971, quân và dân huyện Phú Bình đã giao quân vượt 2,3% chỉ tiêu quân số trên giao, trở thành một trong số 5 huyện của tỉnh Bắc Thái (cũ) giao quân vượt mức chỉ tiêu. Các xã Hà Châu, Cấp Tiến trong đợt I, đợt II tuyển quân có nhiều khó khăn, nhưng đợt III có nhiều cố gắng, giao quân đạt chỉ tiêu trên giao, được Hội nghị Sơ kết công tác động viên tuyển quân đợt III năm 1971 của Ủy ban hành chính tỉnh tổ chức ngày 5-10-1971 biểu dương, khen ngợi.

Qua 3 đợt động viên tuyển quân năm 1971, quân và dân huyện Phú Bình đã huy động được 377 con, em nhân dân các dân tộc trong huyện vào bộ đội đánh Mĩ. Từ kết quả các đợt động viên tuyển quân năm 1971, Báo cáo Tổng kết công tác quân sự năm 1971 của Ban chỉ huy Huyện đội Phú Bình đã rút ra kết luận. Để hoàn thành tốt công tác tuyển quân:

1 – Cấp ủy, chính quyền các cấp từ huyện xuống các xã, cơ quan, đơn vị phải có quyết tâm cao, phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, với nhiều nội dung và biện pháp tích cực.

2 – Phải tổ chức cho cán bộ, đảng viên, nhân dân, đặc biệt là cho thanh niên học tập kỹ về tình hình, nhiệm vụ, tiêu chuẩn, chính sách và Pháp luật của Nhà nước đối với công tác tuyển quân, về trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc của người công dân.

3 – Phải dựa vào nhân dân, để nhân dân bình xét và đề nghị những người nhập ngũ.

4 – Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thực hiện nhiệm vụ động viên tuyển quân. Phải đảm bảo công bằng trong công tác tuyển quân.

5 – Phải tổ chức thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

Vừa đẩy mạnh công tác động viên tuyển quân chi viện chiến trường, quân và dân huyện Phú Bình vừa tích cực xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang địa phương ngày càng rộng khắp, đảm bảo yêu cầu sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu thắng lợi. Sau ngày giặc Mỹ tạm ngừng ném bom, bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra (31-3-1968), để phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới, Ban chỉ huy Huyện đội Phú Bình điều chỉnh lực lượng dân quân, du kích trực chiến phòng không ở các xã từ 8 trận địa, 56 cán bộ, chiến sĩ, xuống còn 6 trận địa, 38 cán bộ, chiến sĩ. Về qui mô, lực lượng dân quân trong huyện được tổ chức lại ở mỗi Hợp tác xã hợp nhất (nhiều xóm) từ 1 đại đội, xuống còn 1 trung đội; ở mỗi Hợp tác xã nhỏ (1 xóm) từ 1 trung đội,

xuống còn 1 tiểu đội. Bình quân mỗi xã trong huyện có 1 đại đội dân quân; trong đó, mỗi Hợp tác xã có 1 trung đội, mỗi tổ (đội) sản xuất có 1 tiểu đội. Hai năm 1968, 1969, tuy trong huyện có tới 1.434 người lên đường nhập ngũ (trong đó, chủ yếu là dân quân, tự vệ), nhưng do quân và dân trong huyện thường xuyên làm tốt công tác củng cố tổ chức và phát triển lực lượng, nên cuối năm 1969, số lượng cán bộ, chiến sĩ dân quân toàn huyện lên tới 8.700 người, đạt tỉ lệ gần 13,5% so với dân số. Tỉ lệ dân quân so với dân số ở các xã Thắng Lợi, Tân Hòa đạt 15% (cao nhất các xã trong huyện). Toàn huyện có 70% số đảng viên và 95% số đoàn viên tham gia lực lượng dân quân, tự vệ; 100% Đảng bộ các xã cử đảng viên sang trực tiếp lãnh đạo, chỉ huy lực lượng dân quân, du kích. Do phong trào thi đua “Ba đảm đang” của phụ nữ trong huyện phát triển mạnh, nên tỉ lệ nữ trong lực lượng dân quân, tự vệ ngày một tăng. Trong tổng số trên 8.700 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ của huyện, lực lượng nữ chiếm 50%. Toàn huyện có 600 cán bộ dân quân, tự vệ là nữ (gồm 432 cán bộ tiểu đội, 112 cán bộ trung đội, 34 cán bộ xã đội. Trong số 146 cán bộ trung đội, xã đội dân quân là nữ, có 22 người là Chính trị viên). Tháng 10-1969, 100% cơ sở dân quân, tự vệ trong huyện (gồm 22 cơ sở dân quân xã và 8 cơ sở tự vệ các cơ quan, xí nghiệp) đã hoàn thành chương trình huấn luyện dân quân, tự vệ cả năm (trong đó, 90% cơ sở dân quân, tự vệ đạt kết quả huấn luyện khá). Các xã Tân Khánh, Tân Thành, Dương Thành có nhiều cố gắng trong xây dựng, củng cố tổ chức, phát triển lực lượng và

huấn luyện dân quân du kích, vươn từ đơn vị yếu năm 1968, lên đơn vị khá năm 1969, được Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV (họp tháng 4-1971) biểu dương; lực lượng dân quân xã Lương Phú và dân quân Hợp tác xã Xuân La (xã Xuân Phương) có nhiều thành tích xuất sắc về mọi mặt, được Chính phủ tặng danh hiệu Đơn vị Quyết thắng. Các năm 1970, 1971, trong các đơn vị dân quân, tự vệ của huyện, phong trào thi đua giành danh hiệu Đơn vị Quyết thắng diễn ra sôi nổi. Năm 1971, toàn huyện có 5 đơn vị dân quân, tự vệ được tặng danh hiệu Đơn vị Quyết thắng (tăng 3 đơn vị so với năm 1969).

Đối với nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, sau khi giặc Mĩ tạm ngừng ném bom, bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, tranh thủ thời gian máy bay địch tạm ngừng đánh phá, quân và dân huyện Phú Bình đẩy mạnh thực hiện cuộc động viên chính trị “Tất cả để đánh thắng giặc Mĩ xâm lược” theo tinh thần Nghị quyết 175 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Huyện ủy Phú Bình ra nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ của quân và dân trong huyện là phải đẩy mạnh “sản xuất nông nghiệp toàn diện, cân đối, mạnh mẽ; phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp địa phương phù hợp với khả năng và đặc điểm của huyện; xây dựng đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh”; đồng thời nhấn mạnh phải “làm tròn nhiệm vụ của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn”.

Thực hiện Nghị quyết của Huyện ủy, quân và dân huyện Phú Bình đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, trọng tâm

là sản xuất lương thực, thực phẩm, để vừa đảm bảo giữ vững và ổn định đời sống, sinh hoạt của quân và dân trong huyện, vừa làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước. Quân và dân các xã Đồng Liên, Thượng Đình, Quyết Tiến, Yên Thịnh tích cực đắp bờ, đắp đập giữ nước, khơi mương, tát nước chống hạn...; hàng nghìn cán bộ, chiến sĩ dân quân và nhân dân các xã Hồng Phong, Lương Phú, Tân Đức, Dương Thành, Thanh Ninh tích cực ra đồng làm cỏ, bón phân cho lúa và hoa màu, đồng thời đẩy mạnh diệt, trừ sâu, cứu lúa. Năm 1968, diện tích trồng trọt trong toàn huyện tăng 47,6% so với năm 1965, năng suất lúa mùa tăng 9,7%, tổng sản lượng lương thực qui thóc tăng 9,63% (trong đó, riêng sản lượng cây màu lương thực (ngô, khoai, sắn...) qui thóc tăng 110,16%)⁽¹⁾. Các mặt chăn nuôi gia súc, gia cầm và trồng cây, bảo vệ rừng đều phát triển.

Năm 1969, do hạn hán kéo dài, lũ lụt, sâu bệnh xảy ra liên tiếp trên diện rộng, nên tuy quân và dân trong huyện có nhiều cố gắng khắc phục phó khăn để sản xuất cây lương thực và cây thực phẩm, nhưng so với kế hoạch, năng suất lúa toàn huyện chỉ đạt 78,1%, tổng sản lượng lúa chỉ đạt 70%. So với năm 1968, tổng sản lượng lương thực toàn huyện giảm 580,7 tấn. Thành tích nổi bật của quân và dân huyện Phú Bình năm 1969 là chăn nuôi gia súc, gia cầm có chiều hướng phát triển. Đàn trâu, bò toàn huyện đạt 11.688 con (so

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết 4 năm chống Mĩ cứu nước của Huyện ủy Phú Bình, tr 2.

với năm 1968, đàn trâu, bò cày kéo tăng 16%); đàn lợn đạt 20.817 con (tăng 12,6% so với năm 1968).

Năm 1970, quân và dân trong huyện tập trung đẩy mạnh thực hiện Di chúc của Bác Hồ⁽¹⁾ và triển khai ba cuộc vận động lớn do các nghị quyết 195, 196, 197 của Trung ương đề ra là Cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp lớp đảng viên Hồ Chí Minh, Cuộc vận động lao động sản xuất, Cuộc vận động phát huy dân chủ và tăng cường chế độ làm chủ tập thể của quần chúng xã viên ở nông thôn.

Thực hiện Cuộc vận động lao động sản xuất, quân và dân trong huyện tập trung cấy, trồng ba loại cây chủ yếu là lúa, khoai lang và lạc. Tổng diện tích cấy, trồng cây lương thực, thực phẩm toàn huyện đạt 15.961,1 ha; trong đó, diện tích cấy lúa đạt 11.590,3 ha. So với năm 1969, diện tích cấy trồng cây lương thực, thực phẩm toàn huyện tăng 2,98% (462,2 ha); trong đó, diện tích cấy lúa tăng 235,2 ha (2,07%); tổng sản lượng lương thực qui ra thóc tăng 5,2%, riêng sản lượng lúa tăng 21,9% (2.273 tấn), khoai sọ tăng 73,2%, sắn tăng 16,9%, lạc tăng 12,2%, đậu đỗ các loại tăng 18,3%. Về năng suất lúa cả năm, các hợp tác xã Nga Mi (xã Nga Mi), Hồng Kỳ (xã Hồng Phong), Hồng Hà (xã Hà Châu) đạt năng suất 5 tấn thóc trên 1 ha; các hợp tác xã, Ninh Sơn (xã Lương Sơn), Hòa Sơn, Đình Sơn (xã Hương

⁽¹⁾ Ngày 2-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần, để lại cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta một bản Di chúc lịch sử.

Sơn), Phả Giàng, An Thành (xã Dương Thành), Xuân La (xã Xuân Phương), Đồng So, Đồng Tâm (xã Đồng Liên) đạt năng suất 4 tấn thóc trên 1 ha. Về chăn nuôi, năm 1970 so với năm 1969, toàn huyện, đàn trâu tăng 1.238 con (12,96%), đàn lợn tăng 2.182 con (10,5%).

Sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp có nhiều tiến bộ, việc đảm bảo ngày công, giờ công hữu ích được tăng hơn, ý thức lao động trong cán bộ, công nhân, viên chức có nhiều cố gắng vươn lên, tình trạng tùy tiện, tự do, làm bừa, làm ẩu đã giảm.

Đánh giá kết quả thực hiện Cuộc vận động lao động sản xuất của quân và dân trong huyện năm 1970, Hội nghị Tổng kết công tác năm 1970 của Huyện ủy đã khẳng định: Năm 1970, quân và dân trong huyện đã “Giành thắng lợi to lớn, toàn diện về khâu trồng trọt. Sản xuất lương thực vụ mùa năm 1970, toàn huyện đã giành thắng lợi chưa từng có trong vòng 10 năm nay”⁽¹⁾.

Từ năm 1971, phong trào lao động sản xuất của nhân dân và lực lượng vũ trang trong huyện có nhiều chuyển biến tiến bộ; ý thức tự giác lao động sản xuất của cán bộ, đảng viên và quần chúng được nâng cao. Vụ Xuân 1971, nhân dân trong huyện đưa giống lúa chiêm có năng suất cao vào gieo cấy trên diện tích 75,18 ha (bằng 49,73% diện tích cấy lúa vụ Xuân). Hợp tác xã Hồng Kỳ (xã Hồng Phong), gần 100%

⁽¹⁾ Dẫn theo Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Bình 1930-2005, tr 207.

diện tích cấy lúa vụ Xuân được xã viên đưa vào gieo cấy lúa xuân có năng suất cao. Năng suất lúa vụ Xuân bình quân toàn huyện đạt 890 kg/ha. Trong đó, năng suất lúa vụ Xuân bình quân các hợp tác xã thuộc xã Hà Châu đạt 2.800 kg/ha (cao nhất huyện). So với tổng sản lượng lúa vụ Xuân năm 1970, tổng sản lượng lúa vụ Xuân năm 1971, tăng 320 tấn.

Thực hiện “Cuộc vận động phát huy dân chủ và tăng cường chế độ làm chủ tập thể của xã viên ở nông thôn”, quyền làm chủ tập thể của xã viên ở nông thôn Phú Bình đã được mở rộng cả về kinh tế, chính trị, xã hội. Xã viên được phê bình cán bộ, đảng viên về cách làm ăn, cách quản lý hợp tác xã; được bàn bạc kế hoạch sản xuất, nên rất phấn khởi, ý thức làm chủ tập thể được phát huy. Các hợp tác xã Tân Sơn, Thượng Đình, Liên Ngọc, Phương Độ, Nam Hà, Toàn Thắng, Đồng Tâm có nhiều tiến bộ rõ rệt. Cuối năm 1970, đầu năm 1971, toàn huyện có 61 hợp tác xã nông nghiệp, với 10.181 hộ nông dân (đạt 85,45% số hộ nông dân trong toàn huyện).

Tuy nhiên, do trình độ quản lý hợp tác xã của một số cán bộ, đảng viên còn quá thấp; đất đai và các tài sản khác của hợp tác xã còn bị lấn chiếm nhiều; cơ sở vật chất của các hợp tác xã phát triển chậm; ý thức làm chủ tập thể của cán bộ, đảng viên và xã viên các hợp tác xã chưa cao; “Mặt nổi lên là đội ngũ cán bộ, đảng viên ở các hợp tác xã thiếu gương mẫu trong lao động sản xuất, trong chấp hành đường lối, chính sách, chế độ, nội quy của các hợp tác xã; còn quan liêu, mệnh lệnh; quyền làm chủ tập thể của quần chúng xã

viên chưa được tôn trọng”⁽¹⁾, nên trong một số hợp tác xã ở các xã Nga Mi, Diêm Thụy, Tân Thành, Tân Khánh..., nhiều xã viên viết đơn xin ra hợp tác xã; các Hợp tác xã Đồng Quan, Đá Bạc, Bờ Tốc, Phú Cường, Yên Thịnh..., tồn tại chỉ là hình thức.

Trong các hợp tác xã mua bán, do việc quản lý tài chính chưa tốt, nên phần lớn thiếu vốn, hụt vốn, thậm chí có một số hợp tác xã hết vốn kinh doanh, phải đóng cửa; việc khai thác, thu mua nông sản của các hợp tác xã mua bán còn yếu. Trong các hợp tác xã công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của huyện, công tác “ba quản” còn nhiều yếu kém, nên nhiều hợp tác xã tồn tại chỉ là hình thức. Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của huyện phát triển chậm và lúng túng.

Để khắc phục các yếu kém trên, từ năm 1971 Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện Phú Bình tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân và lực lượng vũ trang đẩy mạnh thực hiện “Cuộc vận động phát huy dân chủ và tăng cường chế độ làm chủ tập thể” với các nội dung cụ thể sau:

1 – Tập trung củng cố và xây dựng lại các hợp tác xã nông nghiệp bị tan vỡ.

2 – Thanh toán rành mạch, giải quyết xong những nợ nần trong các hợp tác xã (nợ của cán bộ, xã viên với hợp tác xã và ngược lại).

⁽¹⁾ Báo cáo ngày 15-2-1971 của Huyện ủy Phú Bình.

3 – Chấm dứt tình trạng lấn chiếm đất đai của hợp tác xã, trừ đất 5%, còn lại tất cả diện tích đất có sản lượng đều phải thu hồi, giao cho hợp tác xã quản lí.

4 – Thực hiện chế độ 3 khoán, có thưởng, phạt.

Trong việc thực hiện nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước, với tinh thần và quyết tâm “Thóc không thiếu một cân”, trong những năm từ 1968 đến 1971, quân và dân huyện Phú Bình có nhiều cố gắng. Năm 1968, quân và dân các xã Hồng Phong, Quyết Tiến, Tân Đức hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ đóng góp cho Nhà nước cả về lương thực và thực phẩm; quân và dân các xã Lương Phú, Thanh Ninh, Hương Sơn hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ đóng góp lương thực. Toàn huyện thực hiện nghĩa vụ thực phẩm đối với Nhà nước được 174,9 tấn thịt lợn hơi; 7,1 tấn gà, vịt (tăng 102% so với năm 1967), 79.900 quả trứng gà, vịt.

Năm 1969, toàn huyện thực hiện nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước được 1.200 tấn thóc. Về thực hiện nghĩa vụ thực phẩm, đến hết tháng 10-1969, quân và dân các xã trong huyện đã bán cho Nhà nước được 156,2 tấn thịt lợn hơi, 17,7 tấn thịt trâu, bò, 65.960 quả trứng gà, vịt và 1,8 tấn cá tươi, 231 tấn rau xanh. Tuy nhiên, so với chỉ tiêu, kế hoạch trên giao, cả hai năm 1968, 1969, quân và dân huyện Phú Bình đều không hoàn thành nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước.

Đánh giá về nguyên nhân của tình hình trên, Báo cáo kiểm điểm công tác lãnh đạo năm 1969 của Huyện ủy Phú

Bình chỉ rõ “Công tác giáo dục chưa tốt, việc tổ chức thu mua chưa chặt chẽ, dẫn đến tình trạng chấp hành chính sách tùy tiện, lạm sát lợn, trâu, bò bừa bãi, ăn uống lãng phí”⁽¹⁾.

Khắc phục các thiếu sót, khuyết điểm trên, năm 1970, quân và dân huyện Phú Bình đã thực hiện nghĩa vụ đóng góp cho Nhà nước về lương thực được 2.885 tấn thóc (tăng 140,42% so với năm 1969); về thực phẩm, bình quân các xã trong huyện đạt 41% chỉ tiêu thịt lợn hơi, 98% chỉ tiêu thịt trâu bò, 14% chỉ tiêu gà vịt, 11% chỉ tiêu cá tươi, 58% chỉ tiêu lạc vỏ, 39% chỉ tiêu đậu đỗ các loại v.v.

Phát huy thành tích hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ đóng góp lương thực cho Nhà nước năm 1970, từ năm 1971, quân và dân huyện Phú Bình tích cực khắc phục các thiếu sót, khuyết điểm trong việc thực hiện nghĩa vụ thực phẩm, nên kết quả đóng góp lương thực, thực phẩm chi viện tiền tuyến và xây dựng chủ nghĩa xã hội của quân và dân trong huyện có nhiều chuyển biến tiến bộ.

Đầu năm 1972, trước những thắng lợi to lớn trong cuộc tiến công chiến lược của quân và dân ta ở miền Nam, để cứu vãn tình thế thất bại của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, từ cuối tháng 3, đến đầu tháng 5-1972, đế quốc Mĩ đã chuẩn bị mở lại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc. Chúng điều sang Đông Dương 5 liên đội, gồm 337 máy bay chiến thuật, 50 máy bay

⁽¹⁾ Báo cáo số 69/BC-HU ngày 25-11-1969 của Huyện ủy Phú Bình.

ném bom chiến lược B52. Giữa tháng 5-1972, tổng số máy bay Mỹ ở Đông Dương lên tới 931 chiếc máy bay chiến thuật, 140 chiếc máy bay ném bom chiến lược B52. Đồng thời chúng nâng số tàu chiến ở ngoài vịnh Bắc Bộ lên 66 chiếc (bằng 60% tổng số tàu chiến đầu và tàu đổ bộ của Hạm đội 7).

Theo dõi sát âm mưu và hành động của đế quốc Mỹ, Bộ Tổng Tham mưu chỉ thị cho các lực lượng vũ trang miền Bắc sẵn sàng đánh trả nếu địch đánh phá trở lại miền Bắc lần thứ hai.

Để chuẩn bị đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân lần thứ hai của đế quốc Mỹ trên địa bàn huyện, Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện và Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình⁽¹⁾ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, củng cố lực lượng dân quân, tự vệ; thành lập lại các tổ dân quân, du kích cơ động chiến đấu, phục vụ chiến đấu; xây dựng lại các trận địa phục kích, đón lõng bắn máy bay địch bay thấp.

Để đối phó với tình huống máy bay địch đánh phá. đảm bảo giao thông, vận tải thời chiến luôn được kịp thời thông suốt, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện, Ban chỉ huy quân sự huyện chỉ đạo các xã Hồng Phong, Xuân Phương, Quyết Tiến, mỗi xã

⁽¹⁾ Từ cuối năm 1971, Ban chỉ huy Huyện đội đổi thành Ban chỉ huy quân sự huyện, các chức danh Huyện đội trưởng, Huyện đội phó đổi thành Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó; Chính trị viên Huyện đội, Chính trị viên phó Huyện đội đổi thành Chính trị viên, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự huyện.

thành lập 1 đội ứng cứu giao thông gồm 60 cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích. Các xã Bảo Lý, Xuân Phương, mỗi xã thành lập 1 tiểu đội dân quân công binh (Tiểu đội xã Bảo Lý có 10 cán bộ, chiến sĩ; Tiểu đội xã Xuân Phương có 8 cán bộ, chiến sĩ), làm nhiệm vụ nắm khu vực máy bay địch đánh phá và trinh sát bom do máy bay Mĩ ném xuống. Ngoài ra, các xã khác trong huyện cũng thành lập được 8 tổ dân quân công binh, gồm 32 cán bộ, chiến sĩ. Ban chỉ huy quân sự huyện thành lập hai đài quan sát báo động phòng không, 1 đài đặt ở huyện lỵ và 1 đài đặt ở khu vực cầu Mây. Ban chỉ huy quân sự huyện chỉ đạo các xã dọc Đường 19, cứ cách 5 km lại đặt 1 trạm gác báo động phòng không của lực lượng dân quân, du kích.

Ngày 6-4-1972, giặc Mĩ huy động hơn 100 lần chiếc máy bay chiến thuật và nhiều tàu chiến ném bom, bắn phá một số địa phương ven biển Quân khu IV và nhiều mục tiêu ở bắc Vĩ tuyến 20. Tiếp đó, chúng dùng máy bay ném bom chiến lược B52 ném bom rải thảm ở thành phố Vinh (Nghệ An), Thanh Hóa. Ngày 16-4-1972, giặc Mĩ huy động máy bay B52 và máy bay chiến thuật ồ ạt vào ném bom, bắn phá thành phố Hải Phòng. Cùng ngày, chúng huy động nhiều máy bay chiến thuật từ Thái Lan sang đánh phá Thủ đô Hà Nội. Bom, đạn do máy bay Mĩ ném xuống thành phố Hải Phòng và thủ đô Hà Nội đã làm hàng ngàn người dân vô tội của Hải Phòng và Hà Nội bị thương, vong; 12 trên tổng số 14 bể xăng và 7.000 phi dầu ở Kho xăng, dầu Đức Giang

(Gia Lâm - Hà Nội) bị phá hủy hoàn toàn. Gây chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai, giặc Mỹ huy động máy bay đánh phá ồ ạt ngay từ đầu, chứ không vừa đánh phá, vừa thăm dò như trong cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất. Bằng thủ đoạn đánh phá đó, giặc Mỹ hi vọng sẽ xoay chuyển cục diện chiến tranh, ép ta chấp nhận những điều kiện do chúng đặt ra tại Hội nghị Pari.

Hưởng ứng Lời kêu gọi ngày 16-4-1972 của Trung ương Đảng và Chính phủ ta “Các lực lượng vũ trang nhân dân hãy dũng cảm xông lên, liên tục chiến đấu, giết giặc cứu nước. Mỗi công dân phải là một chiến sĩ kiên cường chống Mỹ, cứu nước”, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện Phú Bình, quân và dân trong huyện đẩy mạnh công tác phòng không nhân dân. Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện tổ chức xây dựng, kiện toàn lại Ban Phòng không nhân dân và Ban Y tế phòng không nhân dân các cấp huyện và xã. Ban Y tế phòng không nhân dân huyện chia lực lượng thành 3 tuyến: Tuyến 1 là y tá, cứu thương các cơ quan, các đội sản xuất, các hợp tác xã, các tiểu đội, trung đội dân quân tự vệ; tuyến II là Trạm xá các xã; tuyến III là Bệnh viện huyện. Các tuyến cấp cứu phòng không đều được tăng cường thêm dụng cụ y tế, thuốc men cấp cứu. Trạm xá các xã và Bệnh viện huyện thường xuyên có người thường trực cấp cứu phòng không, sẵn sàng cấp cứu nạn nhân khi máy bay Mỹ đánh phá. Các cơ quan, đơn vị và nhân dân sơ tán ra xa các mục tiêu mà máy bay Mỹ có thể sẽ đánh phá (khu vực cầu Máy, cầu Trà Vườn, đập Thác

Huống, ga Lương Sơn). Tại xã Đồng Liên, Ban chỉ huy quân sự xã tổ chức hai tiểu đội dân quân du kích trực chiến phòng không, làm nhiệm vụ phục kích, đón lõng bắn máy bay địch bay thấp bằng súng bộ binh, mỗi tiểu đội được trang bị 1 khẩu súng máy cao xạ 12 li 7 và từ 5 đến 6 khẩu súng trường CKC và súng máy trung liên.

Ban chỉ huy quân sự xã Lương Sơn thành lập 2 tiểu đội dân quân trực chiến phòng không, 1 tổ trực ở trận địa Gò Cheo và 1 tổ trực ở trận địa Gò Cao; mỗi tổ trang bị một khẩu súng máy đại liên và một số súng trường...

Ngày 24-5-1972, giặc Mĩ huy động máy bay ném 12 quả bom phá có điều khiển bằng tia la de⁽¹⁾ xuống Nhà máy điện Cao Ngạn, mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai vào địa bàn Thái Nguyên. Để đối phó với loại bom có điều khiển bằng lade của địch, được Bộ Quốc phòng, Quân khu Việt Bắc và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh hướng dẫn kĩ thuật và cung cấp vũ khí, tháng 6-1972, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình thành lập Tiểu đội dân quân du kích xã Đồng Liên làm nhiệm vụ thả màn khói bảo vệ cầu Trà Vườn và đập Thác Huống, gồm 9 cán bộ, chiến sĩ (có 6 cán bộ, chiến sĩ do Ban chỉ huy quân sự huyện tăng cường xuống và 3 cán bộ, chiến sĩ dân quân du kích xã Đồng Liên), do đồng chí Phạm Tiến Phú (Tiểu đội trưởng dân quân xã Đồng Liên

⁽¹⁾ Bom lade là bom có gắn thiết bị tìm tia lade ở đầu quả bom. Khi đánh phá, giặc Mĩ sử dụng 1 máy bay chiếu chùm tia la de xuống mục tiêu. một máy bay khác cất bom có gắn thiết bị tìm lade. Bom theo chùm tia lade lao xuống mục tiêu. Thông thường khi hai máy bay bay ở độ cao từ 3,6km đến 4,6 km, thì 50% bom rơi cách mục tiêu xa nhất là 9 mét.

làm Tiểu đội trưởng). Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình cử 1 đồng chí Chỉ huy phó và 1 đồng chí cán sự trực tiếp xuống lãnh đạo, chỉ huy tiểu đội chiến đấu. Mỗi khi có máy bay địch hoạt động, cán bộ, chiến sĩ trong Tiểu đội lại trực tiếp ra cầu Trà Vườn, đập Thác Huống đốt mìn, tạo khói phủ kín cầu và đập, hạn chế được nhiều thiệt hại do máy bay địch ném bom lade gây ra. Hoạt động thả màn khói của Tiểu đội dân quân du kích xã Đồng Liên được Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái biểu dương, khen ngợi.

Do quân và dân huyện Phú Bình làm tốt công tác chuẩn bị phòng, chống chiến tranh phá hoại, nên trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ, tuy máy bay địch ném bom, bắn phá ác liệt các xã Đồng Liên, Thắng Lợi, Tân Khánh, nhưng toàn huyện chỉ có 12 người bị thương, vong (có 5 người chết). Trong đó, xã Thắng Lợi chết 2 người, bị thương 4 người, xã Đồng Liên chết 3 người, xã Tân Khánh bị thương 3 người. Nhân dân và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình làm tốt công tác chiến đấu, phục vụ chiến đấu, góp phần đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ trên địa bàn huyện; giữ vững và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, hoàn thành nhiệm vụ đóng góp sức người, sức của chi viện chiến trường.

Năm 1972, quân và dân huyện Phú Bình được Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh giao cho nhiệm vụ tuyển quân

có số lượng lớn thứ ba trong 8 năm trực tiếp chống Mỹ cứu nước (1965-1972)⁽¹⁾.

Trước tình hình tuyển quân đợt I năm 1972 (thực hiện trong tháng 1-1972), toàn huyện giao quân chỉ đạt 60% chỉ tiêu quân số, đứng thứ 7 trong số 8 huyện, thành phố ở Thái Nguyên, Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyển quân đợt II (tiến hành trong hai tháng 4 và 5-1972) ở các xã vùng yếu. Hội đồng Nghĩa vụ quân sự huyện quyết định gọi 180 quân dự bị ở các xã vùng yếu lên tập trung, vừa chữa bệnh ngăn ngừa, vừa bồi dưỡng nâng cao thể lực. Để hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân đợt II (số lượng gấp hai lần đợt I), huyện đã cử cán bộ phối hợp với 3 cán bộ của tỉnh tăng cường, trực tiếp xuống lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể các xã Nga Mi, Hà Châu, Yên Thịnh làm công tác tuyển quân. Được sự giúp đỡ, chỉ đạo của tỉnh và huyện, cấp ủy, chính quyền các xã Nga Mi, Hà Châu, Yên Thịnh tập trung làm dứt điểm công tác nắm thực lực, họp quán triệt nhiệm vụ, bình xét tuyển quân từ trong nội bộ cán bộ, đảng viên ra ngoài quần chúng. Nhờ đó, tuyển quân đợt II năm 1972, các xã Nga Mi tuyển được 58 người, Hà Châu tuyển được 37 người, Yên Thịnh tuyển được 11 người vào bộ đội. Tuyển quân đợt II năm 1972, toàn huyện giao quân đạt 96,5% chỉ tiêu, tăng 36,5% so với đợt I.

⁽¹⁾ Sau năm 1966 và 1968.

Tiếp đó, để chuẩn bị công tác tuyển quân đợt III, ngay từ tháng 5-1972, quân và dân huyện Phú Bình tập trung làm công tác hậu phương quân đội. Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện tổ chức Hội nghị sơ kết cuộc vận động chấp hành chính sách hậu phương quân đội⁽¹⁾.

Sau Hội nghị trên, Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện lãnh đạo, chỉ đạo quân dân trong huyện tiến hành một đợt học tập và chấp hành chính sách hậu phương quân đội. Thông qua học tập, các cấp ủy Đảng, chính quyền liên hệ, tự phê bình, thấy được các thiếu sót của mình là: Chưa quan tâm giải quyết khó khăn, ít thăm hỏi, động viên các gia đình bộ đội, thương binh, liệt sĩ. Các xã Tân Đức, Xuân Phương cấp phát tiền trợ cấp cho các gia đình quân nhân B, C chưa kịp thời. Tình hình vi phạm hạnh phúc gia đình quân nhân ở các xã trong huyện còn nhiều⁽²⁾ (thậm chí có xã còn diễn ra nghiêm trọng giữa Xã đội trưởng và vợ quân nhân đang chiến đấu ở chiến trường B; có xã còn xảy ra tranh chấp ruộng đất, dẫn tới đánh vợ bộ đội đi B...)⁽³⁾ Trong việc cấp phát trợ cấp gia đình quân nhân B, C, toàn huyện có 319

⁽¹⁾ Đầu năm 1972, toàn huyện có 13.270 hộ gia đình với 70.918 nhân khẩu, trong đó 27% số hộ gia đình có người là quân nhân đang chiến đấu ở các chiến trường, 203 hộ gia đình có người là thương binh, 256 hộ gia đình liệt sĩ chống Mĩ; 152 gia đình có 2 con, 13 hộ có 3 con, 4 hộ có 4 con và 3 hộ có 5 con đang tại ngũ; 4 hộ có 2 con là liệt sĩ. Toàn huyện có 3.059 gia đình đã được tặng Bằng gia đình vẻ vang, 36 gia đình được tặng Bằng vàng danh dự.

⁽²⁾ Toàn huyện phát hiện 86 trên tổng số 628 vợ quân nhân sống thiếu chung thủy với chồng (bỏ di lấy chồng khác, có con ngoài giá thú, nạo thai) chiếm tỉ lệ 13,67%. Tỉ lệ này ở các huyện Phổ Yên là 11,5%, Phú Lương 13,8%.

⁽³⁾ Xã Tân Thành và xã Yên Thịnh.

trường hợp sai sót, gây thiệt hại cho Nhà nước 40.801,6 đồng; 22 gia đình quân nhân B, C chưa được hưởng chế độ, chính sách. Các thiếu sót, khuyết điểm trên đã được cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp trong huyện sửa chữa, khắc phục. Sau một tháng phát động toàn dân chấp hành chính sách hậu phương quân đội, quân và dân trong huyện đã giúp đỡ các gia đình quân nhân được 641 công lao động sản xuất, 92 công làm nhà, sửa nhà, 39 công đào hầm. Xã viên trong các hợp tác xã ở Hương Sơn, Lương Phú, Hà Châu, Hồng Phong, Lương Sơn tổ chức được nhiều buổi lao động lấy công, điểm giúp đỡ gia đình quân nhân B, C.

Đánh giá kết quả đợt học tập, quán triệt và chấp hành chính sách hậu phương quân đội từ tháng 5 đến tháng 12-1972 của quân và dân trong huyện, Ban Thường vụ Huyện ủy Phú Bình khẳng định: Qua đợt học tập này, cán bộ, đảng viên trong huyện “đã xác định rõ thêm các đồng chí thương binh, liệt sĩ, bộ đội là những đồng chí, là con em của mình đã vì nghĩa vụ đối với Tổ quốc, trách nhiệm đối với nhân dân mà hi sinh để giành lấy độc lập, tự do cho dân tộc. Bởi vậy, chấp hành tốt chính sách hậu phương quân đội có tác động trực tiếp đến việc động viên quần chúng làm cách mạng, đến sức chiến đấu của các lực lượng vũ trang, đến việc củng cố hậu phương, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến đánh thắng giặc Mĩ xâm lược”⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Theo Báo cáo số 50/B-CS ngày 25-1-1973 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái về kết quả cuộc vận động chấp hành chính sách hậu phương quân đội ở các huyện Phổ Yên, Phú Bình, Phú Lương.

Đợt học tập và chấp hành chính sách hậu phương quân đội của quân và dân trong huyện đã có tác động tích cực đến công tác tuyển quân. Bà Hồ ở xã Nga Mi, có 2 con là liệt sĩ, qua đợt học tập và chấp hành chính sách hậu phương quân đội đã đăng kí cho người con trai thứ ba lên đường nhập ngũ.

Vừa đẩy mạnh đợt học tập, chấp hành chính sách hậu phương quân đội, Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện vừa lãnh đạo, chỉ đạo xử lí nghiêm minh các trường hợp chống lệnh gọi nhập ngũ và các trường hợp đào, bỏ ngũ về địa phương⁽¹⁾. Nhờ tiến hành nhiều biện pháp tích cực, nên giữa tháng 9-1972, quân và dân Phú Bình đã hoàn thành công tác tuyển quân các đợt III và IV năm 1972.

Qua 4 đợt động viên tuyển quân dồn dập năm 1972, quân, dân huyện Phú Bình đã huy động được 868 người vào bộ đội (đạt 76,8% chỉ tiêu tuyển quân nam và 88,2% chỉ tiêu tuyển quân nữ), kịp thời chi viện cho các chiến trường, góp phần cùng với quân, dân Thái Nguyên và quân, dân miền Bắc đánh thắng cuộc tập kích đường không chiến lược bằng máy bay-ném bom B52 của đế quốc Mỹ vào thủ-đô Hà Nội, thành phố Hải Phòng và một số tỉnh, thành phố khác trên miền Bắc (trong đó có Thái Nguyên), làm nên một Điện Biên Phủ trên bầu trời Thủ đô Hà Nội, buộc chúng phải kí

⁽¹⁾ Đưa ra truy tố trước Pháp luật 1 thanh niên chống lệnh gọi nhập ngũ, đưa 37 quân nhân đào, bỏ ngũ đi giáo dục lao động cải tạo bắt buộc.

Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

V – Tiếp tục xây dựng huyện Phú Bình trở thành hậu phương vững mạnh, dồn sức chi viện chiến trường đánh thắng hoàn toàn giặc Mĩ xâm lược (1973-1975).

Ngày 27-1-1973, việc đế quốc Mĩ buộc phải kí “Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam”, cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam; chấm dứt dính líu quân sự, rút hết quân Mĩ và quân các nước khác, không can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam là một thắng lợi rất to lớn của quân và dân ta. Quân và dân ta đã hoàn thành nhiệm vụ chiến lược “đánh cho Mĩ cút”, tạo điều kiện rất quan trọng để chuyển sang thực hiện chiến lược “đánh cho ngụy nhào”. Ở miền Bắc, cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai bằng không quân và hải quân của đế quốc Mĩ chấm dứt. Cũng như quân và dân các địa phương khác trên miền Bắc, quân và dân huyện Phú Bình được sống trong hòa bình.

Ở miền Nam, ngụy quân Sài Gòn ra sức phá hoại Hiệp định Pari, không chấp hành lệnh ngừng bắn, xua quân đi thực hiện kế hoạch “Tràn ngập lãnh thổ”. Nhiệm vụ của quân và dân ta ở miền Nam là còn phải tiếp tục chiến đấu, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ giải phóng miền Nam, tiến tới hòa bình, thống nhất đất nước.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “Ra sức phấn đấu để củng cố những thắng lợi đã

giành được, giữ vững hòa bình lâu dài, hoàn thành độc lập dân tộc, dân chủ ở miền Nam, tiến tới hòa bình, thống nhất Tổ quốc” và quán triệt Chỉ thị ngày 12-3-1973 của Tỉnh ủy Bắc Thái “Không ngừng đề cao cảnh giác, hoàn thành mọi nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trên tư thế sẵn sàng chiến đấu cao, làm tròn nghĩa vụ đối với tiền tuyến”, quân và dân huyện Phú Bình tập trung khắc phục khó khăn về phong trào hợp tác xã⁽¹⁾, đẩy mạnh các mặt xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; phấn đấu làm tròn nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước và động viên tuyển quân chi viện chiến trường.

Quán triệt Nghị quyết số 33 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái “Về xây dựng và củng cố phong trào hợp tác xã nông nghiệp”, Huyện ủy Phú Bình ra “Nghị quyết tăng cường củng cố, xây dựng Đảng và hợp tác xã nông nghiệp”, chỉ rõ “Phải gắn việc khôi phục, củng cố phong trào hợp tác xã nông nghiệp với việc củng cố chi bộ, giáo dục đảng viên,

⁽¹⁾ Từ những tháng cuối năm 1971, ở các hợp tác xã nông nghiệp trong huyện, việc quản lý, đặc biệt là việc chấp hành chính sách phân phối không nghiêm chỉnh, dẫn tới thiếu công bằng, bất hợp lý: ở nhiều xã tài sản của các hợp tác xã bị hư hao, mất mát; ruộng đất của hợp tác xã bị lấn chiếm dưới nhiều hình thức; kinh tế tập thể bị co hẹp lại, kinh tế cá thể tăng lên; số hộ xã viên xin ra hợp tác xã ngày càng tăng, số hợp tác xã bị tan vỡ ngày càng nhiều. Số hộ xã viên trong các hợp tác xã nông nghiệp của huyện liên tục giảm từ 87% (năm 1970), xuống 75% (cuối năm 1971), 62,2% (cuối năm 1972). Tháng 9-1972, các xã Trần Phú, Yên Thịnh trở thành “xã trắng”, không còn hợp tác xã. Tình hình đó dẫn đến sản xuất không phát triển, năng suất và sản lượng lương thực của huyện tăng giảm thất thường và có chiều hướng tụt dần, đời sống của một bộ phận nhân dân gặp nhiều khó khăn do thu nhập thấp, dẫn tới việc thực hiện các nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước và nghĩa vụ quân sự rất khó khăn, có đợt, có năm không hoàn thành.

tích cực động viên quần chúng tham gia khôi phục, củng cố hợp tác xã”.

Triển khai Nghị quyết của Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện cử 50 cán bộ các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể ở huyện trực tiếp xuống các xã chỉ đạo, giúp đỡ cấp ủy Đảng và chính quyền cơ sở lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và củng cố hợp tác xã. Kết quả năm 1973, toàn huyện khôi phục được 9 hợp tác xã bị tan vỡ, đưa 1.500 hộ gia đình nông dân trở lại con đường làm ăn tập thể, xóa “xã trắng” về hợp tác xã ở hai xã Trần Phú và Yên Thịnh. Tỷ lệ số hộ nông dân trong hợp tác xã nông nghiệp so với tổng số hộ nông dân trong huyện tăng từ 62,2,% (cuối năm 1972), lên 70% (cuối năm 1973). Toàn huyện có trên 30 hợp tác xã hoàn thành việc kiểm kê tài sản, quyết toán tài chính, được quần chúng xã viên phấn khởi, tin tưởng. Cuối năm 1974, huyện tổ chức Đại hội đại biểu nông dân tập thể toàn huyện đạt kết quả tốt, góp phần củng cố thêm lòng tin của nhân dân vào đường lối, chính sách hợp tác xã của Đảng.

Sau khi được khôi phục, củng cố, các hợp tác xã nông nghiệp trong huyện đẩy mạnh việc đưa các giống lúa mới, có năng suất cao vào sản xuất. Năng suất và sản lượng lương thực của huyện không ngừng tăng lên. Tổng sản lượng lương thực qui thóc, toàn huyện năm 1973 đạt 22.619 tấn, tăng 682 tấn (gần 3,11%) so với năm 1972; năm 1974 đạt 23.756 tấn, tăng 113 tấn so với năm 1973. Năm 1974, quân và dân huyện Phú Bình đạt tổng sản lượng lương thực cao nhất so

với các năm trước đó. Hợp tác xã Hồng Kỳ (xã Hồng Phong) đạt năng suất 5 tấn thóc trên 1 ha ba năm liền (1972, 1973, 1974), trở thành hợp tác xã dẫn đầu huyện về năng suất lúa. Năm 1974, toàn bộ các hợp tác xã ở xã Dương Thành đều đạt năng suất 5 tấn thóc trên 1 ha. Các hợp tác xã Nam Hà, Xuân La, Phương Độ, Định Sơn, Hòa Sơn, Lương Phú, Quyết Thắng, Cầu Thịnh là các hợp tác xã tiên tiến và khá của huyện. Năm 1974 so với năm 1973, diện tích trồng các loại cây thực phẩm của huyện tăng 10,6%. Ngành chăn nuôi có bước phát triển khá: đàn lợn năm 1973 đạt 23.970 con (tăng 0,7% so với năm 1972), năm 1974 đạt 24.304 con (tăng gần 1,4% so với năm 1973); đàn lợn tập thể tăng từ 897 con (năm 1973), lên 953 con (năm 1974). Năm 1974, so với năm 1973, đàn trâu, bò tăng 94 con. Chăn nuôi gia cầm được giữ vững. Nghề ương, nuôi cá phát triển ở nhiều nơi.

Giao thông vận tải được củng cố và phát triển. Năm 1973, toàn huyện sửa chữa và rải đá cấp phối xong 3 tuyến đường trục gồm: Cầu Ca đi Lữ Vân, cầu Mây đi Tân Kim và cầu Mây đi Yên Thịnh, với tổng chiều dài 24 km. Quân và dân các xã Lương Phú, Tân Hòa, Tân Khánh..., có nhiều cố gắng trong việc tu bổ và sửa chữa đường giao thông nông thôn.

Về công tác thủy lợi, trong các năm 1973, 1974 và những tháng đầu năm 1975, quân và dân trong huyện đã đào, đắp thêm 4 hồ, đập chứa nước, xây thêm 7 kè, cống mới; sửa chữa 34 hồ, đập và 34 mương máng dẫn nước cũ,

đảm bảo cung cấp nước tưới cho trên 50% diện tích trồng trọt vụ Đông Xuân hàng năm.

Đời sống của quân và dân trong huyện từng bước được cải thiện. Các mặt hàng thiết yếu (vải, dầu đốt, muối, thuốc chữa bệnh...) phục vụ đời sống hàng ngày của nhân dân được đảm bảo thường xuyên. Toàn bộ các xã trên địa bàn huyện đã cơ bản xóa được nạn đói giáp hạt hàng năm. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được coi trọng. Năm 1973, toàn huyện có 3.281 lượt người được khám bệnh, 2.665 lượt người được điều trị khỏi bệnh; so với năm 1972, số người được khám và chữa bệnh tăng 20%. Công tác giáo dục có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn về trường lớp và cơ sở vật chất, đảm bảo tốt việc dạy và học. Năm 1974, toàn huyện có 17.792 học sinh phổ thông (bằng 24% dân số và tăng 1,3% so với số học sinh phổ thông năm 1973), với 442 lớp học (gồm cấp I có 311 lớp, với 12.200 học sinh; cấp II có 115 lớp với 4.832 học sinh; cấp III có 16 lớp, với 7.600 học sinh).

Ngành Bưu điện luôn đảm bảo thông tin, liên lạc thông suốt, phục vụ kịp thời cho cấp ủy, chính quyền các cấp trong huyện lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; xây dựng lực lượng vũ trang địa phương và củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ trật tự - trị an và động viên sức người, sức của chi viện chiến trường.

Trong công tác xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang địa phương, thực hiện chỉ thị của Bộ chỉ huy quân sự

tỉnh “Xây dựng dân quân, tự vệ vững mạnh toàn diện, đi vào nền nếp, có chất lượng, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu và làm nòng cốt xung kích cho mọi công tác ở địa phương”⁽¹⁾, sáu tháng đầu năm 1973, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình tổ chức Hội nghị quán triệt tình hình, nhiệm vụ xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ cho cán bộ lãnh đạo, chỉ huy quân sự các xã, cơ quan, đơn vị trên địa bàn; hướng dẫn xây dựng chỉ tiêu, kế hoạch củng cố, phát triển lực lượng bán vũ trang địa phương cho từng cơ sở dân quân xã, tự vệ cơ quan, đơn vị.

Trên cơ sở giáo dục, nâng cao một bước nhận thức về chính trị, tư tưởng cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng bán vũ trang địa phương, Ban chỉ huy quân sự huyện chỉ đạo các xã, cơ quan, đơn vị trong huyện kiên quyết đưa ra khỏi cương vị chỉ huy các cán bộ dân quân, tự vệ thiếu tinh thần trách nhiệm trong công tác hoặc sa sút về phẩm chất đạo đức. Sau bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp huyện và xã (năm 1973), các xã, cơ quan, đơn vị trong huyện đã thay thế 46 cán bộ xã đội, đại đội dân quân và trung đội tự vệ. Toàn huyện có 17 trên tổng số 22 xã đội trưởng được thay thế; 18 trên tổng số 22 Ban chỉ huy quân sự xã được củng cố, kiện toàn cán bộ, có số lượng đủ, chất lượng cao, tinh thần trách nhiệm tốt. Số lượng dân quân, tự vệ toàn huyện đạt tỉ lệ 10% so với tổng dân số (trong đó, xã Lương Phú đạt tỉ lệ dân quân so với dân số 12%, cao nhất huyện; xã Hà Châu đạt khoảng 6%, thấp

⁽¹⁾ Báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 1973 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh.

nhất huyện)⁽¹⁾. Hàng năm, có ít nhất 80% quân số dân quân, tự vệ được huấn luyện quân sự, chính trị. Tuy vậy, giữa các xã trong huyện, tỉ lệ lực lượng du kích so với tổng số dân quân du kích không đồng đều. Ở xã Lương Phú, trong tổng số 353 cán bộ, chiến sĩ dân quân du kích, lực lượng du kích chỉ có 1 tiểu đội, 8 người; ngược lại, ở xã Tân Đức lại có tới 1 trung đội du kích (Trung đội Hợp tác xã Cầu Thịnh).

Được củng cố, kiện toàn cả về số lượng và chất lượng, cán bộ, chiến sĩ lực lượng dân quân, du kích trong huyện đã tích cực tham gia các phong trào xây dựng, củng cố hợp tác xã và làm nông cốt trong lao động sản xuất. Tiêu biểu cho phong trào thi đua Quyết thắng của lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình năm 1973 là lực lượng dân quân du kích xã Lương Phú, đơn vị từng đạt danh hiệu Quyết thắng các năm 1968, 1969, 1971, 1972; có 86,4% cán bộ, chiến sĩ là đảng viên, đoàn viên; 100% cán bộ và 89,6% chiến sĩ được huấn luyện quân sự, chính trị; kết quả huấn luyện 100% đạt yêu cầu, có 42% đạt khá, giỏi; tuyển quân vượt chỉ tiêu 8% phong trào hợp tác xã vững mạnh; trật tự trị an trên địa bàn xã ổn định. Trung đội du kích Hợp tác xã Cầu Thịnh (xã Tân Đức), đơn vị Quyết thắng năm 1972, có 87,1% cán bộ, chiến sĩ là đảng viên, đoàn viên; 100% cán bộ, chiến sĩ được huấn luyện quân sự, chính trị; kết quả huấn luyện đạt yêu cầu 100%, có 68% đạt khá, giỏi; tuyển quân vượt chỉ tiêu, 9,3%; hợp tác xã vững mạnh; trật tự, trị an tốt. Trung

⁽¹⁾ Tỉ lệ dân quân so với dân số của tỉnh trong thời kì này là 8,53%.

đội dân quân Hợp tác xã Đức Thịnh (xã Tân Đức), đơn vị 3 năm liền (1970, 1971, 1972) đạt danh hiệu đơn vị Quyết thắng, có 83% là đảng viên, đoàn viên; 100% cán bộ và 98% chiến sĩ được huấn luyện; kết quả huấn luyện 100% đạt yêu cầu trở lên, có 45% khá, giỏi, tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu hợp tác xã vững mạnh, an ninh, trật tự tốt. Trung đội dân quân Hợp tác xã Mai Sơn (xã Cấp Tiến), đơn vị đạt danh hiệu Quyết thắng năm 1972; có 52% cán bộ, chiến sĩ là đảng viên, đoàn viên; 100% quân số tham gia huấn luyện; kết quả huấn luyện 100% đạt yêu cầu trở lên, có 50% khá, giỏi; tuyển quân đạt 100% các chỉ tiêu; hợp tác xã vững mạnh. Trung đội dân quân du kích Hợp tác xã Xuân La (xã Xuân Phương), đơn vị đạt danh hiệu Quyết thắng 5 năm liền (từ năm 1968 đến năm 1972), có 93% đảng viên, đoàn viên; 100% cán bộ, 94% chiến sĩ được huấn luyện, kết quả huấn luyện 100% đạt yêu cầu, có 45% đạt khá, giỏi; tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu; hợp tác xã vững mạnh. Trung đội tự vệ Hạt Lâm nghiệp huyện, đơn vị đạt danh hiệu Quyết thắng năm 1972, có 80% cán bộ, chiến sĩ là đảng viên, đoàn viên; 100% cán bộ và 84% chiến sĩ tham gia huấn luyện; kết quả huấn luyện 100% đạt yêu cầu trở lên, có trên 50% đạt khá, giỏi; sản xuất vượt chỉ tiêu, kế hoạch. Trung đội tự vệ Phòng Lương thực huyện, có 100% cán bộ, chiến sĩ là đảng viên, đoàn viên; 100% cán bộ và 89% chiến sĩ tham gia huấn luyện, kết quả huấn luyện 100% đạt yêu cầu trở lên, có 66% đạt khá, giỏi. Căn cứ vào thành tích của các đơn vị nêu trên, ngày 27-5-1974, Bộ Quốc phòng, đã ra Quyết định số

80/QĐ-QP, tặng danh hiệu Đơn vị Quyết thắng năm 1973 cho 7 đơn vị thuộc huyện Phú Bình gồm:

- 1 – Dân quân du kích xã Lương Phú.
- 2 – Trung đội du kích Hợp tác xã Cầu Thịnh (xã Tân Đức).
- 3 – Trung đội dân quân Hợp tác xã Đức Thịnh (xã Tân Đức).
- 4 – Trung đội dân quân Hợp tác xã Mai Sơn (xã Cấp Tiến).
- 5 – Trung đội dân quân du kích Hợp tác xã Xuân La (xã Xuân Phương).
- 6 – Trung đội tự vệ Hạt Lâm nghiệp huyện.
- 7 – Trung đội tự vệ Phòng Lương thực huyện.

Đồng chí Dương Thị Diễm (Tiểu đội trưởng thuộc Trung đội dân quân du kích Hợp tác xã Xuân La, xã Xuân Phương) được tặng danh hiệu Chiến sĩ Quyết thắng. Ngoài ra, năm 1973, toàn huyện có 11 cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích, tự vệ được Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc tặng danh hiệu Chiến sĩ Thi đua⁽¹⁾.

Năm 1974 và những tháng đầu năm 1975, phong trào dân quân tự vệ của huyện tiếp tục được giữ vững và phát

⁽¹⁾ Xã Bảo Lý 4 đồng chí (Dương Văn Mùi, Bùi Thị Hiền, Dương Học, Chu Hồng Lê); xã Xuân Phương 1 đồng chí (Lương Minh Sơn); xã Tân Đức 3 đồng chí (Đào Đức Kinh, Thân Thị Xê, Dương Văn Tích); xã Lương Sơn 2 đồng chí (Trần Minh Đức, Lương Thị Chương); tự vệ Hạt Lâm nghiệp huyện 1 đồng chí (Chu Thị Thanh Cẩm).

triển, hoàn thành tốt các nhiệm vụ xây dựng và củng cố tổ chức, sẵn sàng chiến đấu, tuần tra canh gác, bảo vệ xóm, làng; giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn; làm nòng cốt trong khôi phục và phát triển kinh tế ở địa phương. Ngày 28-4-1975, Bộ Quốc phòng ra Quyết định (số 01/QĐ-QP) tặng danh hiệu Đơn vị Quyết thắng năm 1974 cho 6 đơn vị dân quân, du kích và 3 đơn vị tự vệ thuộc huyện Phú Bình gồm:

- 1 - Trung đội du kích Hợp tác xã Cầu Thịnh (xã Tân Đức).
- 2 - Trung đội dân quân Hợp tác xã Đức Thịnh (xã Tân Đức).
- 3 - Trung đội dân quân Hợp tác xã Vạn Già (xã Bảo Lý).
- 4 - Trung đội dân quân Hợp tác xã Đình Sơn (xã Hương Sơn).
- 5 - Trung đội dân quân Hợp tác xã Thống Nhất (xã Lương Sơn).
- 6 - Trung đội dân quân du kích Hợp tác xã Xuân La (xã Xuân Phương).
- 7 - Trung đội tự vệ Phòng Lương thực huyện.
- 8 - Trung đội tự vệ Hạt Lâm nghiệp huyện
- 9 - Trung đội tự vệ Chi điểm Ngân hàng huyện.

Các đồng chí Chu Thị Thanh Cẩm (Chính trị viên Trung đội tự vệ Hạt Lâm nghiệp huyện), Dương Minh Sơn (Trung đội trưởng Trung đội dân quân du kích Hợp tác xã Xuân La, xã Xuân Phương) năm 1973 được tặng danh hiệu Chiến sĩ Thi đua, năm 1974 được tặng danh hiệu Chiến sĩ Quyết thắng.

Nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lực lượng bán vũ trang địa phương, quý I năm 1975, Ban chỉ huy quân sự huyện mở 1 lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ huy cho 37 cán bộ Xã đội dân quân và Trung đội tự vệ.

Đối với công tác động viên tuyển quân, chi viện chiến trường, năm 1973, quân và dân huyện Phú Bình tiến hành hai đợt tuyển quân. Đợt I vào dịp đầu năm, toàn huyện giao được 30 tân binh, đạt 100% chỉ tiêu quân số. Đợt II, vào cuối tháng 8, đầu tháng 9, thời gian chuẩn bị ngắn, đúng vào dịp mưa, lũ và triển khai nhiều việc, nên Huyện ủy, Ủy ban hành chính và Ban chỉ huy quân sự huyện đã phải hoãn triển khai một số việc để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyển quân. Trong tuyển quân đợt II năm 1973, quân và dân các xã Nga Mi, Hà Châu vẫn giữ được khí thế tuyển quân sôi nổi của năm 1972; quân và dân các xã Quyết Tiến, Yên Thịnh, Thắng Lợi có nhiều cố gắng. Giao quân bước 1, đợt II (vào ngày 31-8-1973), toàn huyện có 345 người trên tổng số 625 người được phát lệnh gọi nhập ngũ có mặt tại trạm giao quân, bằng 52,2% so với tổng số người được phát lệnh gọi nhập ngũ. Giao quân bước 2, đợt II (vào ngày 15-10-1973), trong số 18 người có mặt tại Trạm giao nhận quân, có 8 người bị loại về sức khỏe, 3 người đào ngũ, huyện chỉ giao được cho đơn vị nhận quân 7 tân binh. Để hoàn thành dứt điểm nhiệm vụ tuyển quân đợt II năm 1973, Huyện ủy, Ủy ban hành chính Phú Bình tập trung cán bộ xuống các xã đôn đốc giao quân bước 3 (vào cuối tháng 10, đầu tháng 11-1973). Kết quả số người có mặt tại Trạm giao, nhận quân

vượt 16,9% so với chỉ tiêu giao quân bước 3 đợt II. Qua hai đợt tuyển năm 1973, quân và dân huyện Phú Bình huy động được 454 người vào bộ đội (đa số là thanh niên trong độ tuổi từ 18 đến 25, sức khỏe A và B1), đạt 94,58% so với chỉ tiêu tuyển quân số trên giao. Xã Lương Phú và Hợp tác xã Cầu Thịnh (xã Tân Đức) tuyển quân vượt chỉ tiêu từ 8% đến 9%.

Sở dĩ công tác động viên tuyển quân năm 1973 của huyện Phú Bình có nhiều khó khăn, vất vả là do công tác tuyên truyền, giáo dục, động viên tuyển quân của các cấp, các ngành trong huyện còn chưa thường xuyên. Cấp ủy Đảng, chính quyền ở một số xã lãnh đạo, chỉ đạo công tác động viên tuyển quân đợt II thiếu quyết tâm và không sát sao, nên tỉ lệ chống lệnh gọi nhập ngũ bước 1 đợt II của huyện rất cao (tới 44,8% số người được phát lệnh gọi nhập ngũ không có mặt tại Trạm giao, nhận quân, gấp 2,04 lần tỉ lệ vắng mặt chung của tỉnh). Nhận thức của một số cán bộ, nhân dân về việc chấp hành chính sách hậu phương quân đội từ sau ngày Hiệp định Pari được kí kết còn chưa thật đầy đủ. Mặt khác, do việc đấu tranh bảo vệ hạnh phúc gia đình quân nhân đi chiến đấu ở xa chưa thật sự được các cấp trong huyện quan tâm đầy đủ, nên đã có tác động không tốt tới tâm tư, tình cảm của gia đình quân nhân và nhân dân địa phương, ảnh hưởng xấu tới công tác động viên tuyển quân của huyện.

Để khắc phục các thiếu sót, khuyết điểm trên, tiếp tục phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ tuyển quân năm 1974 và các năm tiếp theo, quân và dân huyện Phú Bình tập trung thực

hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân chấp hành chính sách hậu phương quân đội” theo Nghị quyết tháng 10-1973 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái. Các gia đình thuộc diện hưởng chính sách hậu phương quân đội, được các xã, hợp tác xã điều hòa lương thực, được xét hoàn cảnh cụ thể để miễn hoặc giảm các nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước, được nhận tiền trợ cấp “Đến tay, đủ số, đúng kì”. Năm 1974 và những tháng đầu năm 1975, cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và các ngành chức năng các cấp trong huyện đã lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ công tác hậu phương quân đội, góp phần động viên hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ bộ đội là con em nhân dân các dân tộc trong huyện đang chiến đấu ở các chiến trường; động viên cán bộ và nhân dân trong huyện hăng hái đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến.

Năm 1974, huyện Phú Bình được Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh giao nhiệm vụ tiến hành hai đợt tuyển quân, đợt I vào thời kì giữa năm, với chỉ tiêu tuyển 140 người vào bộ đội. Để hoàn thành nhiệm vụ được giao, ngay từ đầu năm 1974, lãnh đạo Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện và Ban chỉ huy quân sự huyện đã trực tiếp họp với các ban, ngành chức năng bàn nội dung, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức tuyển quân. Ngành Y tế huyện tổ chức chữa bệnh ngăn ngừa cho những người trong diện nhập ngũ. Tuy vậy, kết quả công tác động viên tuyển quân đợt I năm 1974 của huyện còn rất nhiều hạn chế, huyện chỉ giao cho các đơn vị nhận quân được 128 tân binh, đạt 91,43% so với chỉ tiêu quân số, thấp nhất tỉnh.

Trong tháng 9 và tháng 10-1974, quân và dân huyện Phú Bình tiến hành tuyển quân đợt II. Tuy các cấp, các ngành, đoàn thể trong huyện đều tổ chức hội nghị bàn nội dung, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác động viên tuyển quân, coi công tác động viên tuyển quân là trách nhiệm của mình, nhưng kết quả giao quân đợt II năm 1974 của huyện vẫn hết sức hạn chế. Kết quả giao quân vòng 1, toàn huyện còn thiếu tới 80 tân binh so với chỉ tiêu; kết quả giao quân vòng 2, huyện vẫn thiếu tới 47 người. Trước tình hình đó, Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện tập trung cán bộ xuống các xã, đặc biệt là các xã vùng yếu, chỉ đạo, đôn đốc giao quân vòng 3. Qua hai đợt động viên tuyển quân năm 1974, quân và dân huyện Phú Bình động viên được 248 người vào bộ đội, đạt 85,5% chỉ tiêu trên giao (thấp nhất tỉnh).

Để khắc phục các yếu, kém trong công tác động viên tuyển quân, cuối tháng 12-1974, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình tổ chức Hội nghị tổng kết công tác quân sự địa phương năm 1974, bàn kế hoạch, nội dung, biện pháp tiến hành công tác quân sự địa phương, chủ yếu là công tác động viên tuyển quân năm 1975.

Đầu năm 1975, tình hình cách mạng miền Nam chuyển biến nhanh chóng. Những thắng lợi to lớn của quân và dân miền Nam đã tạo thời cơ giải phóng miền Nam, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta. Vì vậy, nhiệm vụ động viên sức người, sức của chi viện cho miền Nam lúc này vừa là nhiệm vụ hàng đầu, vừa là tình

cảm thiêng liêng của nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình đối với đồng bào, đồng chí miền Nam.

Theo chỉ thị ngày 18-2-1975 của Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc, cùng với quân và dân tỉnh Bắc Thái, quân và dân huyện Phú Bình phải hoàn thành nhiệm vụ động viên tuyển quân năm 1975 đợt I trước ngày 28-2-1975; đợt II trước ngày 15-3-1975; đợt III và cả năm trước ngày 15-4-1975. Thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, trong đợt tuyển quân thứ nhất, quân và dân huyện Phú Bình đã giao quân đạt 95,22% chỉ tiêu, giao quân nữ vượt 20% chỉ tiêu. Trong đó, các xã Diềm Thụy, Tân Thành giao quân nam vượt chỉ tiêu 28,57%, được Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái tặng Bằng khen.

Ngày 22-2-1975, Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái chỉ thị cho các huyện, thành phố trong tỉnh tiến hành tuyển quân đợt II năm 1975. Chỉ thị chỉ rõ “Công tác tuyển quân đợt II năm 1975 với số lượng lớn, phạm vi tuyển quân ở tất cả các khu vực, chất lượng cao, thời gian cả chuẩn bị và giao quân chỉ trong vòng 1 tháng, lại giữa lúc triển khai nhiều việc (sản xuất Đông Xuân, bầu cử Quốc hội, bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp huyện, xã ...). Trong thời gian động viên tuyển quân đợt II, các cấp, các ngành phải xác định là công tác quan trọng trước mắt, phải làm nhanh, gọn, giao quân đủ, đúng thời gian qui định của trên”.

Tuyển quân đợt II năm 1975, quân và dân huyện Phú Bình được Ủy ban hành chính tỉnh giao chỉ tiêu tuyển 425 thanh niên có tuổi đời từ 18 đến 25, có sức khỏe loại A và

B1. Thực hiện nhiệm vụ trên giao, trong công tác động viên tuyển quân đợt II “quân và dân huyện Phú Bình có nhiều cố gắng. Cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp phối hợp chặt chẽ trong công tác tuyên truyền, giáo dục, động viên thanh niên lên đường nhập ngũ. “Toàn huyện giao quân vượt chỉ tiêu số lượng 0,94%, đảm bảo, nhanh, gọn, tiết kiệm lương thực, thực phẩm”⁽¹⁾. Tuy kết quả giao quân đợt II của huyện Phú Bình còn rất khiêm tốn so với các huyện và thành phố khác trong tỉnh, nhưng so với kết quả các đợt tuyển quân của huyện trong năm 1974 và đợt I năm 1975 thì đây là một thành tích rất đáng khích lệ. Qua các đợt tuyển quân 6 tháng đầu năm 1975, quân và dân huyện Phú Bình huy động được 519 người (chủ yếu là thanh niên trẻ, khỏe, tuổi đời từ 18 đến 25) vào bộ đội, vượt chỉ tiêu quân số trên giao, được Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái tặng Bằng khen⁽²⁾.

Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước luôn được cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp trong huyện coi trọng. Năm 1973, quân và dân trong huyện thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước được 4.050 tấn lương thực và 223,7 tấn thịt lợn hơi. Ngoài ra, năm 1973 quân và dân trong huyện còn bán cho Nhà nước được gần 47,9 tấn hàng nông sản, thực phẩm.

⁽¹⁾ Báo cáo sơ kết công tác tuyển quân đợt II năm 1975 của Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình.

⁽²⁾ Quyết định số 15/QĐ-Uỷ ban nhân dân huyện ngày 2-6-1975.

Năm 1974, quân và dân trong huyện tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm cho Nhà nước, được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái tặng Bằng khen. Trong đó, quân và dân các hợp tác xã Hồng Kỳ (xã Hồng Phong), Xuân La (xã Xuân Phương), Đình Sơn (xã Hương Sơn) hoàn thành vượt mức nghĩa vụ đóng góp cả lương thực và thực phẩm; quân và dân xã Tân Đức hoàn thành vượt mức nghĩa vụ đóng góp thực phẩm 635 kg thịt lợn hơi, vượt thời gian trước 1 tháng, được Ủy ban hành chính tỉnh tặng Bằng khen.

Hưởng ứng đợt thi đua “Vì miền nam ruột thịt” theo Chỉ thị số 46 của Tỉnh ủy và Chỉ thị số 34 của Ủy ban hành chính tỉnh, chỉ trong hai tháng 3 và 4 năm 1975, quân và dân huyện Phú Bình đã nhập kho cho Nhà nước 183 tấn lương thực; ủng hộ đồng bào hai tỉnh Kon Tum, Khánh Hòa kết nghĩa được 11 con trâu và 12.200 đồng tiền mặt. Sáu tháng đầu năm 1975, so với sáu tháng đầu năm 1974, quân và dân Phú Bình thực hiện nghĩa vụ đóng góp lương thực tăng 16%. Các Hợp tác xã Đại Lễ, Thống Nhất, Liêm Ngọc, Hòa Nam, Phương Độ, Xuân La, Thạch Sơn, An Thành, Tân Lập, Mai Sơn, Ninh Sơn, An Cầu...., hoàn thành nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm sáu tháng đầu năm 1975 trước thời gian qui định.

Chi viện kịp thời của quân và dân huyện Phú Bình đã góp phần cùng với quân và dân cả nước làm nên một Đại thắng mùa Xuân năm 1975 lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Trải qua 21 năm vừa khôi phục, cải tạo, xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, vừa kháng chiến chống Mĩ cứu nước, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Đảng bộ và chính quyền các cấp trong huyện, quân và dân huyện Phú Bình đã giành được nhiều thắng lợi to lớn về mọi mặt. Chỉ tính riêng 10 năm trực tiếp kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1965-1975), quân và dân trong huyện đã thực hiện gần 40 chiến dịch động viên tuyển quân lớn, nhỏ, huy động được 6.274 con em nhân dân các dân tộc trong huyện (chủ yếu là thanh niên trẻ, khỏe) vào bộ đội đánh Mĩ (chiếm hơn 12,99% tổng số người nhập ngũ của các huyện, thành phố, nằm trên địa bàn Thái Nguyên và chiếm 8,4% dân số trong huyện. So với các huyện, thành phố ở địa bàn Thái Nguyên, trong 10 năm trực tiếp chống Mĩ cứu nước, Phú Bình là huyện có số người nhập ngũ nhiều nhất⁽¹⁾.

Toàn huyện có gần 60% gia đình có người đi bộ đội đánh Mĩ; trong đó, có hàng trăm gia đình có từ 3 con trở lên nhập ngũ. Tiêu biểu là gia đình các cụ Nguyễn Văn Để, Hà Thị Chắc (xã Lương Sơn), Lê Duy Hanh, Phạm Thị Hay (xã Quyết Tiến), Hoàng Văn Toàn, Nguyễn Thị Duyên (xã Bảo Lý), Lê Thị Ong (xã Dương Thành) v.v..., có 3, 4 người con lên đường tòng quân giết giặc, được Chính phủ tặng Huân chương Kháng chiến hạng Ba. Các xã Lương Phú, Tân Đức,

⁽¹⁾ Số người nhập ngũ của huyện Phú Bình so với số người nhập ngũ của các huyện Định Hóa gấp 2,01 lần; Đại Từ gấp 1,046 lần; Đồng Hỷ gấp 1,21 lần; Phổ Yên gấp 1,26 lần; Phú Lương gấp 1,56 lần; thành phố Thái Nguyên gấp 1,67 lần và huyện Võ Nhai gấp 3,59 lần.

Hương Sơn, Thượng Đình, Bảo Lý hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ động viên tuyển quân chi viện chiến trường, được Chính phủ tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba.

Con em nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình lên đường đánh Mĩ đã có mặt chiến đấu ở khắp các chiến trường ba nước Đông Dương và nhiều người đã lập công xuất sắc, được tặng thưởng nhiều danh hiệu vinh dự và huân, huy chương các loại. Trong số 6.274 con, em nhân dân các dân tộc trong huyện lên đường đánh Mĩ, đã có hơn 1.000 người vĩnh viễn nằm lại ở các chiến trường, được công nhận là liệt sĩ; gần 1.000 người để lại một phần xương, máu ngoài mặt trận, được công nhận là thương binh⁽¹⁾. Ngoài động viên 6.274 con em nhân dân các dân tộc trong huyện vào bộ đội đánh Mĩ, quân và dân Phú Bình còn huy động hàng trăm người gia nhập Đội 91 thanh niên xung phong chống Mĩ, cứu nước của tỉnh, làm nhiệm vụ đảm bảo giao thông vận tải tại các trọng điểm giao thông trên địa bàn tỉnh và làm các nhiệm vụ phục vụ chiến đấu khác. Chỉ tính riêng tháng 12-1965, toàn huyện đã huy động tới 200 thanh niên gia nhập Đội 91 Thanh niên xung phong chống Mĩ, cứu nước của tỉnh. Các cán bộ, đội viên Đội 91 Thanh niên xung phong là con, em nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình đã luôn có mặt làm nhiệm vụ đảm bảo giao thông vận tải ở các trọng điểm giao thông bị máy bay Mĩ đánh phá ác liệt nhất (cầu Gia Bẩy, bến phà Văn Thánh, cầu Đa Phúc, cầu Mây, đường ngầm Sơn Cẩm...). Hầu hết các trận địa cao xạ, tên lửa trên địa bàn tỉnh đều có sự đóng góp mồ hôi, công sức của cán

⁽¹⁾ Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, huyện Phú Bình có 1.340 liệt sĩ và 813 thương binh.

bộ, đội viên Đội 91 Thanh niên xung phong là con em nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình. Trong số 60 cán bộ, đội viên Đội 91 Thanh niên xung phong hi sinh trong khi làm nhiệm vụ giải tỏa lương thực, hàng hóa ở ga Lưu Xá đêm 24-12-1972, có 5 người là con em nhân dân các dân tộc trong huyện gồm Dương Thị Năm, Dương Thị Giang (quê xã Tân Đức), Dương Văn Tiến, Nguyễn Đức Lập, Dương Văn Hoạch (quê xã Lương Sơn).

Trong các thời kì trực tiếp chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ (từ tháng 11-1965, đến tháng 3-1968 và từ tháng 5 đến tháng 12-1972), quân và dân huyện Phú Bình đã vừa làm tốt công tác phục vụ chiến đấu và chiến đấu, vừa giữ vững phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, cơ bản làm tròn nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm cho Nhà nước, góp phần đánh thắng hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ trên địa bàn huyện; chi viện kịp thời sức người, sức của cho đồng bào, đồng chí miền Nam đánh Mỹ và thắng Mỹ.

Đóng góp to lớn của quân và dân trong huyện vào thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc, mãi mãi là niềm vinh dự, tự hào của nhân dân và cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang địa phương huyện Phú Bình. Những thành tích mà quân và dân huyện Phú Bình đã giành được trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước cũng chính là nguồn sức mạnh giúp nhân dân và cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân huyện vững vàng bước sang thời kì mới – thời kì đất nước thống nhất, cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Chương IV

LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN HUYỆN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI ĐỊA PHƯƠNG THAM GIA CHIẾN ĐẤU BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU ĐẤT NƯỚC THỐNG NHẤT (1975-1986)

I - Lực lượng vũ trang nhân dân huyện xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta. Đất nước thống nhất, hai miền Nam, Bắc sum họp một nhà. Sự kiện vĩ đại đó đã mở ra một bước ngoặt lịch sử, một giai đoạn mới cho cách mạng Việt Nam. Nước ta từ chỗ tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: Cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam và Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, chuyển sang thời kỳ cả nước cùng thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa.

Hoà cùng niềm vui chung của cả nước, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình vững bước tiến vào chặng đường cách mạng mới: tiếp tục xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh; tích cực tham

gia khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội trên địa bàn huyện.

Tình hình mới đã tạo cho đất nước, nhân dân ta nói chung, nhân dân và lực lượng vũ trang Phú Bình nói riêng những thuận lợi cơ bản, nhưng cũng đặt ra hàng loạt vấn đề mới phức tạp, khó khăn, đòi hỏi phải được giải quyết kịp thời, hiệu quả.

Để lãnh đạo cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh hoàn thành tốt nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới, trong hai ngày 19 và 23-5-1975, Đảng uỷ Tỉnh đội đã họp, đánh giá tình hình và đề ra nội dung phương hướng, nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 1975. Hội nghị nhấn mạnh: Từ chiến tranh chuyển sang hoà bình, đại đa số cán bộ, chiến sĩ, bộ đội địa phương, dân quân, du kích và tự vệ phấn khởi, tự hào với thắng lợi vĩ đại của dân tộc, ra sức phấn đấu vươn lên, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, từ chiến tranh chuyển sang hoà bình, công tác quân sự địa phương của tỉnh (trong đó có huyện Phú Bình) cũng gặp không ít khó khăn. Mặc dù đã trải qua 20 năm xây dựng, nhưng do hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, nên nhìn chung Phú Bình vẫn là một huyện nghèo, nền kinh tế chậm phát triển, sản xuất nhỏ, tự cung, tự cấp vẫn là chủ yếu. Đời sống của nhân dân nói chung, đời sống của các gia đình trong diện chính sách (gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình bộ đội) nói riêng vẫn hết sức khó khăn. Nhiều cán bộ, chiến sĩ trong cơ quan quân sự huyện nảy sinh tư tưởng nghỉ

ngôi, muốn phục viên, xuất ngũ về xây dựng kinh tế gia đình. Cán bộ dân quân, tự vệ ở các xã, các cơ quan, xí nghiệp có tư tưởng coi nhẹ công tác quân sự trong thời bình, nhất là nhiệm vụ huấn luyện và tuyển quân hàng năm. Việc thực hiện chính sách hậu phương quân đội cho các đối tượng chính sách còn nhiều bất cập, một số quân nhân tham gia chiến đấu ở các chiến trường miền Nam, Lào, Campuchia sau giải phóng chưa có tin tức đang là mối lo lắng, bức xúc trong nhiều gia đình, cần được sớm giải quyết.

Trước tình hình đó, Đảng uỷ Tỉnh đội ra Nghị quyết chỉ rõ nội dung, phương hướng nhiệm vụ công tác lãnh đạo của Đảng bộ trong thời gian trước mắt là:

- Tăng cường công tác lãnh đạo chính trị, tư tưởng, bằng việc mở các đợt giáo dục chính trị, tư tưởng sâu rộng trong cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương, làm cho mọi người nhận thức rõ hơn ý nghĩa to lớn và thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của dân tộc; quán triệt sâu sắc nhiệm vụ của lực lượng vũ trang nhân dân địa phương trong tình hình mới; đồng thời phê phán, đấu tranh với những tư tưởng, nhận thức lệch lạc, ngăn chặn những biểu hiện tự do, tùy tiện, nghỉ ngơi, giảm sút ý chí chiến đấu. Từ đó, xây dựng đội ngũ cán bộ, chiến sĩ luôn vững vàng, kiên định, đề cao trách nhiệm, nhiệt tình trong công tác; có ý thức tổ chức, kỷ luật cao, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

- củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ dân quân, tự vệ ở cơ sở sau các đợt tuyển quân, tuyển lao động và bầu cử Hội đồng nhân dân. Chú trọng kiện toàn tổ chức các tiểu đội, trung đội dân quân, tự vệ cơ động. Duy trì chặt chẽ các chế độ sinh hoạt, đưa mọi hoạt động của lực lượng dân quân, tự vệ vào nền nếp.

- Nhanh chóng ổn định tư tưởng và tổ chức cho cán bộ, chiến sĩ ở các cơ quan, đơn vị bộ đội địa phương.

- Tập trung lãnh đạo, bảo đảm hoàn thành tốt các chỉ tiêu huấn luyện dân quân, tự vệ, bồi dưỡng cán bộ, chú ý cán bộ chính trị và cán bộ ở những cơ sở yếu.

Thực hiện nghị quyết của Đảng uỷ Tỉnh đội, các cấp uỷ Đảng, cơ quan quân sự huyện và các xã trong huyện Phú Bình đã chủ động tiến hành liên tục các đợt sinh hoạt chính trị, học tập các chỉ thị, nghị quyết của trên, quán triệt tình hình, nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới, tình hình nhiệm vụ công tác quân sự địa phương. Từng bước giải quyết các vướng mắc về tư tưởng, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, chiến sĩ. Nhờ đó, ý chí, quyết tâm chiến đấu, tinh thần trách nhiệm công tác của cán bộ, chiến sĩ bộ đội địa phương, dân quân, tự vệ trong huyện được củng cố và nâng cao.

Thực hiện nhiệm vụ củng cố lực lượng dân quân, tự vệ sau các đợt tuyển quân, tuyển lao động và bầu cử Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 1975-1977, Ban chỉ huy quân sự huyện phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành chuyên môn của

huyện, các Đảng uỷ và Uỷ ban hành chính xã, bổ nhiệm, thay thế hàng chục cán bộ xã đội, trung đội dân quân, tự vệ (Trong đó, các xã Xuân Phương, Tân Đức, Tân Kim bổ nhiệm mới 100% cán bộ lãnh đạo, chỉ huy quân sự xã). Đến tháng 12 năm 1976, toàn huyện củng cố, kiện toàn đủ 100% cán bộ Xã đội trưởng và Chính trị viên Xã đội; 21/22 Xã đội phó, 20/22 Chính trị viên phó Xã đội; 15 Ban chỉ huy Đại đội dân quân, mỗi Ban chỉ huy đủ 3 cán bộ; 135 Ban chỉ huy Trung đội dân quân, tự vệ, với 396 cán bộ (thiếu 9 đồng chí)⁽¹⁾.

Cùng với việc củng cố đội ngũ cán bộ, đội ngũ chiến sĩ dân quân, tự vệ cũng được xây dựng không ngừng lớn mạnh. Trong năm 1976, toàn huyện đã phát triển được 816 chiến sĩ dân quân mới (Trong đó, có 161 đồng chí là bộ đội phục viên, 232 dân quân nữ). Tính đến cuối năm 1976, lực lượng dân quân toàn huyện có 6.033 đồng chí (bằng 8,91% dân số), lực lượng tự vệ có 239 đồng chí, chiếm 41,6% tổng số cán bộ, công nhân, viên chức trong huyện⁽²⁾

Nắm vững phương châm huấn luyện, nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ huy của đội ngũ cán bộ dân quân từ tiểu đội đến xã đội, làm cơ sở để tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền các cấp lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành tốt nhiệm vụ, công tác

⁽¹⁾ Mỗi Ban chỉ huy Xã đội có 3 cán bộ chỉ huy gồm: 1 Xã đội trưởng, 1 Xã đội phó, 1 Chính trị viên.

- Mỗi Ban chỉ huy Trung cũng có 3 cán bộ chỉ huy gồm: 1 Trung đội trưởng, 1 Trung đội phó và 1 Chính trị viên.

⁽²⁾ Báo cáo tổng kết năm 1976 của Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình.

quân sự địa phương, năm 1976, toàn huyện có trên 85% cán bộ xã đội, 100% cán bộ trung đội dân quân được cử đi dự các lớp tập huấn quân sự, chính trị do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh và Ban chỉ huy quân sự huyện tổ chức. Trên cơ sở đó, công tác huấn luyện cho lực lượng dân quân các xã cũng được bảo đảm về số lượng, chú trọng nâng cao về chất lượng. 100% cơ sở, 75% chiến sĩ dân quân, du kích ở các xã tham gia huấn luyện quân sự, kết quả huấn luyện đều đạt loại khá. Tuy nhiên, lực lượng tự vệ (cả cán bộ và chiến sĩ) tham gia học tập, huấn luyện quân sự còn yếu. Toàn huyện chỉ có 25% quân số tự vệ tham gia huấn luyện. Đặc biệt, 4 đơn vị tự vệ cơ sở không tổ chức huấn luyện quân sự năm 1976 là: Tự vệ Huyện uỷ, Tự vệ Uỷ ban nhân dân huyện, Tự vệ Hợp tác xã Mua bán và Tự vệ Ngành Lương thực huyện.

Thực hiện chủ trương kết hợp huấn luyện quân sự, với lao động sản xuất phát triển kinh tế, dân quân, du kích các xã thực sự là nòng cốt trong sản xuất lương thực. Với các phong trào thi đua “Mừng miền Nam hoàn toàn giải phóng”, “Mừng đất nước thống nhất”, mặc dù thời tiết diễn biến phức tạp và không thuận lợi, nhưng với sự nỗ lực vượt bậc của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân trong huyện, diện tích gieo cấy lúa vụ Mùa năm 1975, toàn huyện vẫn đạt 16.766 ha. Được đầu tư, chăm sóc tốt, nên năng suất lúa vụ Mùa năm 1975, bình quân toàn huyện đạt 21,78 tạ/ha.

Bước sang năm 1976, năm mở đầu kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976-1980), thực hiện các nghị quyết số 45 và số 46

của Tỉnh uỷ Bắc Thái về xây dựng, phát triển kinh tế địa phương; phấn đấu đạt và vượt mức kế hoạch sản xuất do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV đề ra, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, lực lượng dân quân, du kích trong huyện vừa huấn luyện quân sự, vừa tổ chức lao động, làm được gần 8.000 tấn phân xanh; đào, đắp, nạo vét gần 6.000 mét nương, máng; huy động 944 dân quân, biên chế thành 5 đại đội (gồm 20 trung đội), với gần 20 ngàn ngày công tham gia xây dựng công trình thủy nông Núi Cốc. Tại huyện Phú Bình, lực lượng dân quân các xã tu sửa gần 20 km đường giao thông liên thôn, liên xã; trồng và tu bổ 8 ha rừng; san lấp ao, thùng đấu làm ruộng được 3 mẫu. Tổ chức rà, phá bom đạn chưa nổ do máy bay Mỹ ném xuống trong thời kỳ chiến tranh phá hoại còn sót lại, giải phóng 4 mẫu đất, góp phần tích cực vào việc mở rộng diện tích gieo trồng, giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm, đáp ứng được cho nhu cầu tiêu dùng của địa phương và đóng góp cho Nhà nước.

Cùng với lao động sản xuất, công tác bảo đảm tác chiến, trị an, phòng chống bão lụt của huyện cũng có nhiều chuyển biến tốt. Năm 1976, huyện đã tổ chức báo động diễn tập bảo vệ trị an ở các xã được 21 lần; diễn tập phòng chống bão lụt 2 lần ở 3 xã Hà Châu, Nga Mi và Đồng Liên.

Thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Quân khu 1 và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái về công tác xây dựng, đăng ký, quản lý quân dự bị, nhằm xây dựng lực lượng dự bị hùng hậu, chuẩn bị sẵn sàng cho tuyển quân trong thời bình, động

viên trong thời chiến, ngay từ đầu năm 1977, Ban chỉ huy quân sự huyện đã chỉ đạo, tổ chức cho 30 đơn vị cơ sở dân quân, tự vệ trong toàn huyện đăng ký quân dự bị trong độ tuổi từ 18 đến 25 được 2.376 người, từ 26 đến 30 được 3.584 người; dự bị hạng 1 được 335 người, dự bị hạng 2 được 5.625 người.

Do làm tốt công tác xây dựng, quản lý, đăng ký quân dự bị và công tác giáo dục, động viên, nên kết quả tuyển quân năm 1976 của huyện đạt kết quả tốt. Toàn huyện có 329 thanh niên ưu tú lên đường nhập ngũ, vượt chỉ tiêu quân số được giao 1,5% (Trong đó, các xã Xuân Phương vượt 33%, Thanh Ninh vượt 28%, Tân Đức và Tân Hoà vượt 9%). Tổng kết phong trào dân quân, tự vệ năm 1976, huyện Phú Bình được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đánh giá là đơn vị khá, được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Giấy khen.⁽¹⁾

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, để làm dịu bớt nỗi đau thương, mất mát trong chiến tranh, thực hiện đạo lý "Uống nước nhớ nguồn", với chức năng nhiệm vụ của mình, Cơ quan Quân sự các cấp trong huyện tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các ngành, đoàn thể, tổ chức tốt các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa. Dân quân các xã Tân Thành, Nga Mi, Hương Sơn, Tân Đức, Xuân Phương..., thường xuyên tổ chức lao động tu sửa nhà cửa, giúp đỡ các gia đình thương binh, liệt sĩ. Nhân ngày Thương

¹ Báo cáo tổng kết 2 năm 1975, 1976 của Chi bộ Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình ngày 23/2/1977.

binh - Liệt sĩ 27-7-1976, dân quân, du kích 22 xã trong toàn huyện đã tổ chức tu sửa Nghĩa trang Liệt sĩ, Đài Tưởng niệm Liệt sĩ; Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện tổ chức mít tinh kỷ niệm thành kính, trang nghiêm. Việc giải quyết chế độ, mà trọng tâm là điều hoà lương thực cho các gia đình chính sách, tạo điều kiện học tập, tạo việc làm cho con em liệt sĩ, thương binh, việc làm cho thương binh và bộ đội phục viên tiếp tục được các cấp uỷ Đảng, chính quyền và Cơ quan Quân sự các cấp trong huyện quan tâm giải quyết ngày càng tốt hơn. Việc xác minh những đồng chí bộ đội tham gia chiến đấu ở các chiến trường miền Nam, Lào và Campuchia còn vắng tin tiếp tục được triển khai. Đến cuối tháng 9-1976, toàn huyện đã xác minh được 223 đồng chí. Những trường hợp chiến đấu, hy sinh trên các chiến trường đều được huyện tổ chức báo tử và giải quyết chế độ kịp thời, đầy đủ, chu đáo.

Một yếu tố trong công tác quân sự địa phương của huyện Phú Bình năm 1976 là việc quản lý vũ khí của các lực lượng dân quân, tự vệ còn khá lỏng lẻo. Có chiến sĩ tự vệ Ủy ban nhân dân huyện còn mang súng đi bắn chơi, có chiến sĩ dân quân xã Đồng Liên còn dùng súng bắn cá; thậm chí một số dân quân xã Thượng Đình còn mang súng đi gây rối với công nhân, buộc Công an tỉnh phải thu giữ 3 khẩu súng. Các mặt yếu kém, hạn chế trên đã được Huyện ủy, Ủy ban nhân dân và Ban chỉ huy quân sự huyện lãnh đạo, chỉ đạo chấn chỉnh, khắc phục kịp thời.

Bước sang năm 1977, sau đợt học tập chính trị quán triệt tình hình nhiệm vụ mới, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ

trang nhân dân huyện Phú Bình tiếp tục đẩy mạnh hoạt động xung kích trên mặt trận sản xuất. Hưởng ứng “Chiến dịch ra quân thi công hệ thống kênh mương hồ Núi Cốc” do Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Bắc Thái phát động, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo Ban chỉ huy quân sự huyện huy động được 4.303 cán bộ, chiến sĩ, dân quân tự vệ và dân công tham gia chiến dịch. Lực lượng dân quân, tự vệ và dân công tham gia “Chiến dịch thi công hệ thống kênh mương hồ Núi Cốc” được Ban chỉ huy quân sự huyện tổ chức theo mô hình quân sự hoá, mỗi xã biên chế thành 1 đại đội, 3 xã thành 1 tiểu đoàn, cả huyện thành 1 sư đoàn. Trong 10 ngày đầu chiến dịch (từ ngày 15, đến ngày 25-3-1977), Sư đoàn dân quân, tự vệ huyện Phú Bình đã đào, đắp được 18.920 mét khối đất đá, tương đương với 35.247 công định mức, vượt 55% công định mức về khối lượng đào, đắp và 50% công định mức về ngày công.

Đại đội dân quân xã Lương Phú (thuộc Tiểu đoàn 7) gồm 156 cán bộ, chiến sĩ, trong 10 ngày đầu chiến dịch đã đào, đắp được 1.000 mét khối đất đá; trồng được 448 mét vuông cỏ bờ kênh, vượt năng suất 26%, được xếp loại là đại đội xuất sắc nhất khối nông thôn, được Ban chỉ huy Công trường biểu dương và thưởng 400 đồng. Trong thời gian tham gia chiến dịch, thực hiện sự chỉ đạo của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh về kết hợp lao động sản xuất, với huấn luyện quân sự, Sư đoàn dân quân, tự vệ huyện Phú Bình đã tổ chức thực hiện nếp sống quân sự hoá, với 8 nội dung quân sự bắt buộc gồm: tổ chức biên chế, quản lý quân số, tập thể dục

buổi sáng, tập hợp thành đội ngũ cả khi đi lao động cũng như khi về, kiểm tra điểm danh quân số, duy trì sinh hoạt, tuần tra canh gác. Đồng thời, tổ chức huấn luyện điều lệnh đội ngũ và lý thuyết bắn súng CKC cho cán bộ, chiến sĩ tham gia chiến dịch.

Sau đợt ra quân đầu năm, liên tiếp các quý II, III, IV năm 1977, lực lượng dân quân huyện Phú Bình còn tham gia tiếp 3 đợt lao động nữa trên công trường hồ Núi Cốc. Phát huy kết quả đợt ra quân đầu năm, đợt ra quân thứ 3 toàn huyện có 1816 người tham gia (trên 80% là dân quân, tự vệ) tổ chức thành 7 đại đội. Với tinh thần lao động khẩn trương tích cực, thi đua hoàn thành vượt mức chỉ tiêu được giao, toàn đơn vị đã đào đắp được gần 14.000mét khối đất, đá, vượt định mức hơn 30%, được xếp thứ 3 toàn tỉnh.

Thực hiện kế hoạch ra quân đợt II của Ủy ban nhân dân tỉnh (đợt 4 của huyện), trong “Chiến dịch thủy lợi xây dựng hệ thống kênh, mương hồ Núi Cốc”, từ ngày 15/9 đến ngày 31-12-1977, Trung đoàn dân quân tự vệ huyện Phú Bình (gồm 2620 cán bộ, chiến sĩ) vừa lao động xây dựng hệ thống kênh mương, vừa kết hợp tổ chức huấn luyện quân sự. Trong thời gian lao động trên công trường, 100% cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ tham gia chiến dịch đã hoàn thành chương trình huấn luyện quân sự. Kết quả huấn luyện 100% xã đạt yêu cầu trở lên, trong đó có 10 xã đạt loại khá và 6 xã (gồm Hương Sơn, Bảo Lý, Tân Đức, Thanh Ninh, Kha Sơn, Lương Phú) đạt loại giỏi. Về kết quả lao động, nhờ thực hiện

nếp sống quân sự hoá, công tác quản lý, điều hành khoa học, nên với 13.000 ngày công, 2.620 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ huyện Phú Bình đã hoàn thành việc đào, đắp 6 km kênh cấp II. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ tham gia chiến dịch xây dựng hệ thống kênh mương hồ Núi Cốc, cán bộ, chiến sĩ dân quân xã Tân Hoà còn tiếp tục kết hợp huấn luyện quân sự với lao động, sản xuất, làm mới trên 300 mét đường giao thông nông thôn tại địa bàn xã; cán bộ, chiến sĩ dân quân xã Hương Sơn, kết hợp huấn luyện quân sự với làm phân bón ruộng, góp phần thiết thực nâng cao năng suất lúa của hợp tác xã.

Tổng kết cả 4 đợt tham gia “Chiến dịch thi công hệ thống kênh, mương hồ Núi Cốc”, huyện Phú Bình đã huy động được hơn 10.000 lượt cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ và dân công, với trên 300.000 ngày công, đào, đắp được 240.000 mét khối đất đá, góp phần quan trọng vào việc hoàn thành kế hoạch xây dựng hệ thống thuỷ lợi của tỉnh năm 1977.⁽¹⁾

Ngoài việc tập trung lực lượng lớn tham gia các chiến dịch làm thuỷ lợi của tỉnh, huyện, cán bộ, chiến sĩ dân quân các xã còn là lực lượng sản xuất chủ yếu trên đồng ruộng. Các chỉ tiêu thi đua chuyển dịch cơ cấu mùa, vụ, đưa giống lúa mới, có năng suất cao vào gieo cấy, cải tạo đất, cấy đúng kỹ thuật, cấy hết diện tích và bảo đảm thời vụ được các đơn

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết công tác chính trị năm 1977 của Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình.

vị dân quân sôi nổi hưởng ứng. Để tăng nguồn phân bón cho đồng ruộng, cùng với chiến dịch làm phân bón tại cơ sở, dân quân xã Thanh Ninh còn cử người về tận các tỉnh Thái Bình, Nam Hà lấy được 50kg bèo hoa dâu giống về ương, làm phân bón. Đến cuối tháng 12-1977, trên địa bàn xã Thanh Ninh, số bèo giống đã được nhân rộng, phủ kín 144 ha ruộng lúa chiêm, xuân. Nhờ những nỗ lực to lớn của lực lượng dân quân, du kích trong huyện, nên mặc dù thời tiết diễn biến phức tạp, khắc nghiệt, cơ sở vật chất (chủ yếu là phân đạm, thuốc trừ sâu) đảm bảo cho sản xuất thường xuyên thiếu hụt, nhưng huyện Phú Bình vẫn căn bản đảm bảo được sản lượng lương thực, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nhân dân và thực hiện nghĩa vụ đóng góp đối với Nhà nước.

Tại Cơ quan Quân sự huyện, thực hiện nghị quyết của Đảng uỷ Bộ chỉ huy quân sự tỉnh về tăng gia sản xuất, nhằm tự túc một phần lương thực, thực phẩm, cán bộ, chiến sĩ đã tận dụng mọi khả năng, tranh thủ thời gian để sản xuất và chăn nuôi. Ban chỉ huy quân sự huyện đã mượn ruộng của hợp tác xã nông nghiệp để cấy lúa; tận dụng đất trong khu vực doanh trại để đào ao thả cá, trồng rau, nuôi lợn, nuôi gà, đạt kết quả khá. Năm 1977, Cơ quan Quân sự huyện đã thu hoạch được 650 kg thóc (bình quân 30kg/người), 242kg thịt, cá; 2,5 tấn rau xanh, góp phần thiết thực cải thiện bữa ăn và tăng cường sức khoẻ cho cán bộ chiến sĩ.

Từ kinh nghiệm tuyển quân những năm trước, năm 1977, huyện Phú Bình tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục về quyền lợi và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc cho các

tầng lớp nhân dân, đặc biệt là cho thanh niên. Do đó, chỉ trong một đợt tuyển quân tháng 7-1977, toàn huyện đã động viên được 321 thanh niên các dân tộc lên đường nhập ngũ, đạt 91% chỉ tiêu trên giao (Trong đó, các xã Lương Phú giao quân vượt chỉ tiêu 30%, Thanh Ninh vượt 18%, Hương Sơn và Bảo Lý vượt 11%). Bên cạnh đó, một số xã kết quả tuyển quân đạt quá thấp (Trong đó, các xã Tân Thành chỉ đạt 15%, Bàn Đạt chỉ đạt 46%).

Công tác hậu phương quân đội, tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm giải quyết; 23 trường hợp quân nhân chiến đấu trên các chiến trường còn vắng tin tiếp tục được điều tra, xác minh cụ thể, lập hồ sơ báo tử và giải quyết chính sách chu đáo.

Sở dĩ công tác quân sự địa phương năm 1977 các huyện Phú Bình đạt kết quả cao, trước hết là do có sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của các cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp từ huyện xuống các xã, trong đó có sự đóng góp quan trọng của Chi bộ Ban chỉ huy quân sự huyện. Chi bộ đã giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên trong cơ quan nhận rõ tình hình, nhiệm vụ, nêu cao ý thức trách nhiệm trong công tác, khắc phục khó khăn, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Tổng kết công tác năm 1977, 100% đảng viên trong Chi bộ đạt tiêu chuẩn phấn đấu tốt, Chi bộ đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh. Công tác cán bộ trong lực lượng vũ trang địa phương huyện được cấp uỷ các cấp quan tâm lãnh đạo. Sau đợt bầu cử Hội đồng nhân dân xã, một số

vị trí cán bộ quân sự chuyển công tác hoặc nghỉ việc đã được bổ sung kịp thời. Cuối năm 1977, mỗi xã trong huyện đã xếp đủ 4 cán bộ chỉ huy xã đội, trong đó 100% Xã đội trưởng là Ủy viên Ủy ban nhân dân xã, 100% Chính trị viên Xã đội là cấp Ủy viên hay Thường vụ Đảng ủy xã, 100% Chính trị viên phó Xã đội là Bí thư Đoàn xã; 100% đại đội, và 100% trung đội dân quân, tự vệ được sắp xếp, kiện toàn đủ cán bộ chỉ huy.

Bước sang năm 1978, đời sống của cán bộ và nhân dân trong huyện gặp nhiều khó khăn; phong trào hợp tác xã trong huyện phát triển không ổn định. Toàn bộ các xã trong huyện đều có các hộ gia đình nông dân làm ăn cá thể. Xã Bảo Lý ít nhất là 3 hộ, các xã nhiều gồm Kha Sơn (311/693 hộ), Hà Châu (467/711 hộ), Nga My (481/994 hộ). Trong bối cảnh đó, thực hiện “Chiến dịch làm đường Bắc Chợ Rã” do Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái phát động, từ cuối tháng 2 đến cuối tháng 4-1978, dưới sự chỉ huy, điều hành của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình đã huy động được 274 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ tham gia Chiến dịch (vượt chỉ tiêu 74 đồng chí), do đồng chí Nguyễn Văn Chỉ (Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự huyện) phụ trách. Nhờ tổ chức và thực hiện tốt nền nếp, chế độ quân sự hoá, quản lý, duy trì kỷ luật lao động chặt chẽ và tích cực cải tiến công cụ lao động, nên sau hai tháng tham gia Chiến dịch, lực lượng dân quân, tự vệ huyện Phú Bình đã đào, đắp được 12.460 mét khối đất, đá, tương đương với 25.700 công

định mức, góp phần cùng toàn tỉnh hoàn thành kế hoạch thi công 16 km nền đường, vượt thời gian một tháng. Tại Lễ tổng kết Chiến dịch làm đường Bắc Chợ Rã (do Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức ngày 1-5-1978), huyện Phú Bình được xếp thứ nhất toàn đoàn, được Uỷ ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen và nhiều phần thưởng có giá trị.

Ngoài làm đường Bắc Chợ Rã, năm 1978, nhân dân và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình còn tiếp tục đóng góp trên 210.000 ngày công xây dựng hệ thống kênh cấp I, cấp II trên công trình thuỷ lợi Núi Cốc; tập trung gần 17.000 ngày công, đào, đắp và xây, lắp hoàn chỉnh hệ thống thủy nông ở 7 xã vùng sông Máng; đào đắp, xây lắp 16 công trình tiểu thủy nông ở các xã khác. Song song với công tác thuỷ lợi, hai năm 1977 và 1978, lực lượng dân quân, tự vệ trong huyện còn tham gia hàng chục ngàn ngày công, làm mới và tu sửa 17 cầu, 96 tuyến đường giao thông nông thôn liên thôn, liên xã, với tổng chiều dài trên 100km, thiết thực phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn huyện.

Để bù đắp sự thiếu hụt về lương thực do sản lượng lúa hai năm 1976, 1977 đạt thấp, mỗi năm, quân và dân trong huyện tổ chức khai hoang được từ 300 ha đến 500 ha đất đồi, bãi đưa vào trồng màu. Đầu năm 1978, Ban chỉ huy quân sự huyện phối hợp với Ban Chấp hành Huyện Đoàn Thanh niên huy động 3.000 thanh niên là dân quân các xã, cùng với 600 cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 312 và 2.400 giáo viên, học sinh

các trường phổ thông cấp II, cấp III trong huyện, tham gia chiến dịch trồng sắn, được 550 ha. Tuy nhiên, do công tác bảo vệ, chăm sóc cây sắn sau khi trồng không được chú trọng, nên hiệu quả kinh tế đạt được trong chiến dịch trồng sắn không cao.

II – Khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân huyện rộng khắp và lớn mạnh, kịp thời chi viện các tỉnh phía trước chiến đấu bảo vệ biên cương Tổ quốc.

Giữa lúc cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc trong huyện đang ra sức khắc phục khó khăn, đẩy nhanh tốc độ xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, từng bước cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, thì từ giữa năm 1978, tình hình an ninh chính trị trên dọc các tuyến biên giới Việt Nam – Campuchia và Việt Nam – Trung Quốc diễn ra ngày càng phức tạp. Chính quyền Campuchia tăng cường chiến tranh xâm lược nước ta trên toàn tuyến biên giới Tây Nam. Trên địa bàn huyện, ở những nơi có đồng bào Hoa sinh sống, một số phần tử xấu đã tuyên truyền, xuyên tạc đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với người Hoa. Chúng lừa gạt, xúi dục, cưỡng ép người Hoa rời Việt Nam về Trung Quốc. Vừa nhẹ dạ, cả tin, vừa hoang mang, lo sợ trước sự lừa gạt, cưỡng ép của kẻ xấu, 11 gia đình người Hoa đang sinh sống nhiều năm trên địa bàn huyện đã từ bỏ nhà, cửa, ruộng vườn, kéo nhau về Trung Quốc.

Trước tình hình đó, được sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình đã phối hợp với lực lượng Công an huyện theo dõi chặt chẽ, xử lý kịp thời những hành động tuyên truyền, phá hoại của kẻ địch. Ban Tuyên giáo Huyện ủy cùng với các đoàn thể quần chúng tổ chức tuyên truyền để đồng bào người Hoa hiểu rõ đường lối đoàn kết các dân tộc của Đảng và Nhà nước, động viên đồng bào người Hoa yên tâm ở lại làm ăn, sinh sống.

Thực hiện chủ trương củng cố, xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh, rộng khắp, sẵn sàng chiến đấu đánh bại mọi âm mưu và hành động phá hoại của các thế lực thù địch, triển khai Quyết định số 21/QĐTW ngày 17-6-1978 của Bộ Chính trị và Nghị quyết ngày 5-8-1978 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, từ cuối tháng 8 đến cuối tháng 9-1978, Ban Thường vụ Huyện ủy Phú Bình tập trung lãnh đạo các cấp từ huyện xuống các xã, thị trấn hoàn thành việc thành lập Ban chỉ huy quân sự thống nhất các cấp đảm bảo đúng thành phần theo quy định của Bộ Chính trị và Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Nhiệm vụ của Ban chỉ huy quân sự thống nhất các cấp là thống nhất lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy, phối hợp chặt chẽ lực lượng vũ trang nhân dân địa phương, lực lượng công an và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn làm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu, xây dựng lực lượng vũ trang, huy động sức người, sức của kịp thời chi viện cho các tỉnh biên giới bảo vệ vững chắc biên cương Tổ quốc. Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ định và phân công các đồng chí

Nguyễn Khắc Chín (Bí thư Huyện uỷ) trực tiếp làm Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện; Dương Như Thi (Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện) làm Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện; Nguyễn Văn Chỉ (Ủy viên Uỷ ban Thường vụ Huyện uỷ, Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự huyện) làm Chính trị viên phó và Nguyễn Văn Chè (Huyện uỷ viên, Trưởng Công an huyện) làm Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện. Đối với Ban chỉ huy quân sự thống nhất các xã, đồng chí Bí thư Đảng uỷ xã trực tiếp làm Chính trị viên, phụ trách công tác Đảng, công tác chính trị; đồng chí Xã đội trưởng làm Chỉ huy trưởng, các đồng chí Trưởng Công an xã và Chính trị viên Xã đội làm Chỉ huy phó và Chính trị viên phó.

Sau khi Ban chỉ huy quân sự thống nhất các cấp huyện và các xã, thị trấn được thành lập, công tác xây dựng lực lượng vũ trang địa phương trên địa bàn huyện được triển khai nhanh chóng và đạt kết quả cao. Ban chỉ huy quân sự thống nhất các xã xây dựng được ở mỗi xã từ 1 đại đội, đến 1 tiểu đoàn dân quân chiến đấu tại chỗ, từ 1 đến 2 đại đội dân quân chiến đấu cơ động. Các đơn vị này thường xuyên được huấn luyện theo các phương án tác chiến đã đề ra, sẵn sàng làm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu, bảo vệ địa bàn. Chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Huyện uỷ, sự chỉ đạo về chuyên môn của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình vừa làm tham mưu cho Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo công tác quân sự địa phương, vừa tích cực chủ động phối hợp với các

ngành, các cấp đẩy mạnh công tác giáo dục nhân dân và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện không ngừng nâng cao cảnh giác, nhận rõ âm mưu, thủ đoạn kích động, phá hoại, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quân, dân của các thế lực thù địch, tăng cường công tác xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, đẩy mạnh huấn luyện theo phương án tác chiến, sẵn sàng phục vụ chiến đấu và chiến đấu thắng lợi.

Căn cứ vào tình hình, nhiệm vụ quân sự năm 1978, để chuẩn bị cho công tác tuyển quân, trong những ngày đầu năm 1978, Ban chỉ huy quân sự huyện xây dựng kế hoạch, hướng dẫn các xã tổ chức đăng kí nghĩa vụ quân sự, đăng kí quản lí quân dự nhiệm đối với những người từ 18 đến 45 tuổi. Số thanh niên từ 16 đến 17 tuổi cũng được rà soát, đăng ký, quản lí để chuẩn bị lực lượng kế tiếp cho những năm tiếp theo, tạo điều kiện cho các cấp nắm chắc từng đối tượng, lứa tuổi. Kết quả, toàn huyện đã đăng kí, quản lí được 2.814 người (Trong đó, số người từ 18 đến 25 tuổi đủ điều kiện tham gia quân đội thường trực là 1.021 người). Trên cơ sở nắm vững thực lực, Ban chỉ huy quân sự huyện phối hợp chặt chẽ với Phòng Y tế và Bệnh viện huyện tổ chức khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự được 2.136 người (có 220 nữ). Do làm tốt các khâu chuẩn bị, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc, nên năm 1978, toàn huyện đã động viên 920 thanh niên là con, em nhân dân các dân tộc trong huyện lên đường nhập ngũ (có 80 nữ), đạt 100% các chỉ tiêu trên giao.

Cùng với công tác động viên tuyển quân, công tác xử lý quân nhân đảo ngũ, xử lý thanh niên chống khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự, chống lệnh gọi nhập ngũ cũng được thực hiện một cách nghiêm minh, bảo đảm công bằng trong việc duy trì và thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân bảo vệ Tổ quốc. Những quân nhân đảo ngũ trước năm 1975, được tập trung học tập, lao động cải tạo bắt buộc tại các cơ sở của huyện một thời gian, rồi cho về gia đình. Những quân nhân đảo ngũ sau năm 1975, sau khi được tập trung học tập, lao động cải tạo, tiếp tục được bổ sung vào bộ đội. Những thanh niên chống khám nghĩa vụ quân sự, chống lệnh gọi nhập ngũ được tập trung giáo dục, kiểm điểm tại huyện và chuẩn bị nhập ngũ những đợt tiếp theo.

Để chi viện cho các tỉnh Biên giới ngăn chặn địch hoạt động xâm lấn lãnh thổ nước ta, thực hiện chỉ thị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái, chỉ trong 20 ngày cuối tháng 9-1978, với tinh thần toàn dân góp sức đánh giặc, giữ nước, nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình đã vót được 12 vạn cây chông tre giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chuyển lên cho quân và dân các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn rào biên giới, góp phần xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân vùng biên giới.

Ban chỉ huy quân sự huyện thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng (Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Huyện Hội Phụ nữ, Huyện Đoàn Thanh niên) chỉ đạo, động viên lực lượng vũ trang và nhân dân trong huyện thực hiện tốt chính sách

hậu phương quân đội. Việc chăm sóc thương binh, gia đình liệt sỹ tiếp tục được chú trọng; con em thương binh, liệt sỹ được các cấp, các ngành tạo điều kiện thuận lợi để học tập, khi đến tuổi lao động được ưu tiên sắp xếp việc làm... Ngày 31-5-1978, đồng chí Nguyễn Thị Định (Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội), khi về thăm huyện Phú Bình, đã nhiệt liệt biểu dương, khen ngợi nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình đã làm tốt công tác hậu phương quân đội.

Tháng 12-1978, quân và dân ta ở các tỉnh phía Tây Nam đẩy mạnh tấn công và phản công, đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược biên giới của tập đoàn phản động Pôn-pốt, Iêng-xa-ri. Đầu tháng 1-1979, lực lượng vũ trang cách mạng và nhân dân Campuchia (có bộ đội tình nguyện Việt Nam giúp đỡ) đã đánh đổ chế độ diệt chủng Pôn-pốt, Iêng-xa-ri, nước Cộng hòa nhân dân Campuchia ra đời. Tình hình đó đã làm cho các thế lực thù địch quốc tế phản ứng, chống lại ta. Trong những ngày cuối năm 1978, đầu năm 1979, tình hình an ninh, trật tự trên vùng biên giới Việt - Trung ngày càng trở nên hết sức căng thẳng và phức tạp. Đối phương thường xuyên tăng cường các hoạt động xâm lấn biên giới, gây xung đột vũ trang ngày càng nhiều và trầm trọng. Trước tình hình đó, thực hiện Chỉ thị ngày 6-1-1979 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, ngày 8-1-1979, Bộ chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh Bắc Thái họp phiên bất thường, quán triệt và triển khai thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Sau khi phân tích, đánh giá tình hình, Bộ chỉ huy quân sự thống

nhất tỉnh quyết định chuyển toàn bộ lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh vào sẵn sàng chiến đấu. Ngày 12-1-1979, Ủy ban nhân dân tỉnh ra chỉ thị cho các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị trong tỉnh triển khai ngay công tác chuẩn bị, đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương và các lực lượng cơ động chiến đấu của Quân khu I và Bộ Quốc phòng trên địa bàn; sẵn sàng chi viện cho các tỉnh phía trước khi có lệnh.

Một giờ sáng ngày 17-2-1979, địch mở cuộc chiến tranh xâm lược trên toàn tuyến biên giới phía Bắc nước ta. Ngay trong ngày 17-2-1979, mệnh lệnh chiến đấu của Bộ Tư lệnh Quân khu I và Bộ chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh Bắc Thái được chuyển xuống tất cả các huyện, thành phố trong tỉnh. Thực hiện mệnh lệnh chiến đấu của Quân khu và Bộ chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh, Ban Thường vụ Huyện ủy, Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện Phú Bình triệu tập hội nghị, quyết định khẩn cấp chuyển toàn bộ lực lượng vũ trang nhân dân huyện vào sẵn sàng chiến đấu; tổ chức thành lập Tiểu đoàn dân quân cơ động, sẵn sàng lên phía trước phối hợp với quân và dân vùng biên giới phía Bắc chiến đấu. Song song với việc thành lập Tiểu đoàn dân quân cơ động, Ban chỉ huy quân sự huyện lựa chọn 150 cán bộ, chiến sĩ tiêu biểu trong lực lượng bộ đội địa phương dân quân, du kích thành lập 1 đại đội bộ binh (gồm 104 cán bộ, chiến sĩ), 1 trung đội thông tin (gồm 21 cán bộ, chiến sĩ), 1 tiểu đội trinh sát (gồm 8 cán bộ, chiến sĩ) và cơ quan Tiểu đoàn bộ (gồm 17 cán bộ, chiến sĩ) giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh để cùng với lực

lượng bộ đội địa phương, dân quân du kích các huyện Phổ Yên, Đồng Hỷ và thành phố Thái Nguyên thành lập Tiểu đoàn dân quân du kích 736 (gồm 416 cán bộ, chiến sĩ) làm nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu ở mặt trận biên giới. Tiếp theo, đầu tháng 3-1979, Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện tổ chức thành lập 1 tiểu đoàn dân quân tự vệ đi làm nhiệm vụ xây dựng tuyến chiến đấu phòng thủ ở phía trước; thành lập khung cán bộ Tiểu đoàn dân quân cơ động (dự bị), gồm 5 đại đội (Trong đó, các xã Tân Hoà, Tân Đức thành lập 1 đại đội; Thanh Ninh, Xuân Phương thành lập 1 đại đội; Hương Sơn, Nhã Lộng thành lập 1 đại đội; Úc Kỳ, Thượng Đình thành lập 1 đại đội; Lương Phú, Hà Châu thành lập 1 đại đội), sẵn sàng đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng vũ trang trong tình hình mới. Trong tháng 4-1979, trong các ngày từ 14 đến 17 và ngày 20/4, Ban Thường vụ Huyện uỷ Phú Bình họp, đánh giá tình hình, bàn và chỉ đạo giải quyết các công tác trọng tâm của huyện, trong đó tập trung chủ yếu vào việc xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Ban Thường vụ Huyện uỷ quyết định phát động “Chiến dịch toàn dân tham gia xây dựng tuyến phòng thủ huyện Phú Bình”, thành lập Ban Chỉ đạo Chiến dịch, gồm các đồng chí Nguyễn Văn Nhạc (Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện) Trưởng ban; Dương Như Thi (Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện) và Nguyễn Văn Chè (Trưởng Công an huyện) Phó ban; Nguyễn Văn Bằng (Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự huyện) Chính trị viên. Được sự chỉ đạo

chặt chẽ của Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện, Ban chỉ huy “Chiến dịch toàn dân tham gia xây dựng tuyến phòng thủ huyện Phú Bình” đã huy động gần 6.000 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ các cơ quan, xí nghiệp, học sinh Trường phổ thông cấp III và giáo viên các cấp trong huyện tham gia xây dựng tuyến phòng thủ trên địa bàn. Trên Quốc lộ 19 (đoạn từ thành phố Thái Nguyên xuống xã Hà Châu), tại khu vực chợ Hanh, 800 cán bộ, chiến sĩ dân quân các xã Thượng Đình, Bảo Lý xây dựng được 1 trận địa chiến đấu liên hoàn cấp tiểu đoàn. Tại các khu vực núi Căng, Ngọc Sơn và Hội Lệnh, hơn 2000 cán bộ, chiến sĩ dân quân các xã Diêm Thụy, Nga My, Úc Kỳ, Tân Kim, Tân Khánh, Tân Thành, Xuân Phương, Hương Sơn, Nhã Lộng, Hà Châu xây dựng được 3 trận địa. Trên trục lộ sông Máng (đoạn từ Thác Huống xuống giáp huyện Nhã Nam, tỉnh Bắc Giang) tại các khu vực đập Thác Huống, cầu Trần Quốc Bình, Trạm điện Lương Trình và núi Đốt, dân quân các xã Đồng Liên, Tân Đức, Bàn Đạt, Đào Xá, Tân Hoà, Dương Thành, Thanh Ninh, Kha Sơn xây dựng được 4 trận địa.

Do Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy, nên các đồng chí Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch các xã đều trực tiếp ra công trường quản lý quân số, động viên, đôn đốc, giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc nảy sinh, nên chỉ trong 8 ngày (từ ngày 22, đến ngày 30-4-1979), các lực lượng dân quân, du kích, tự vệ, giáo viên học sinh toàn huyện đã đào, đắp được hàng chục ngàn mét khối đất,

đá, xây dựng hoàn chỉnh 8 trận địa chiến đấu phòng thủ với hàng trăm công sự, hầm chỉ huy, hầm trú ẩn, hố bắn và hàng ngàn mét giao thông hào, bảo đảm cho chỉ huy chiến đấu và cơ động chiến đấu thắng lợi khi có chiến sự xảy ra.

Cùng với việc xây dựng trận địa phòng thủ, Ban chỉ huy quân sự huyện làm tham mưu cho Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện tổ chức quy hoạch, xây dựng các Cụm chiến đấu liên hoàn, xây dựng Phương án tác chiến của các cụm và các đơn vị theo tinh thần Chỉ thị số 62 và Nghị quyết số 83 của Hội đồng Chính phủ. Về tổ chức, mỗi Ban chỉ huy Cụm chiến đấu liên hoàn có từ 3 đến 10 cán bộ gồm: 1 Cụm trưởng (thường do một đồng chí cán bộ chỉ huy hoặc sỹ quan trong Ban chỉ huy quân sự huyện đảm nhiệm), 1 Chính trị viên cụm do 1 đồng chí Thường vụ Huyện uỷ, hoặc lãnh đạo các Ban Đảng, Trưởng phòng cấp huyện phụ trách. Các Cụm phó, Chính trị viên phó Cụm thường do các đồng chí Uỷ viên Ban Thường vụ Đảng uỷ xã hoặc cán bộ chỉ huy các trung đội, đại đội dân quân, tự vệ đảm nhiệm.

Tuy có nhiều cố gắng, song do cơ cấu, số lượng, thành phần tập hợp cán bộ của nhiều cơ quan, nhiều cấp vào Ban chỉ huy Cụm chiến đấu liên hoàn; mặt khác, do cán bộ Ban chỉ huy Cụm chiến đấu liên hoàn thiếu tính chuyên trách, nên trong quá trình hoạt động gặp nhiều khó khăn. Một số đồng chí trong Ban chỉ huy Cụm chiến đấu liên hoàn xác định trách nhiệm chưa cao, sự hiểu biết về tình hình nhiệm vụ và tổ chức chỉ huy còn nhiều hạn chế, nên không phát

huy được chức năng của một cụm chiến đấu. Do hoạt động của đại bộ phận các Ban chỉ huy Cụm đều phụ thuộc vào vai trò của đồng chí Cụm trưởng, nên về thực chất, chức năng chỉ huy của Ban chỉ huy Cụm chỉ là hình thức.

Hưởng ứng cuộc vận động "Ủng hộ đồng bào Cao Bằng" khắc phục hậu quả tàn phá nặng nề của chiến tranh do Ban Thường vụ Tỉnh ủy phát động, chỉ sau hơn một tháng triển khai, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình đã đóng góp, ủng hộ đồng bào Cao Bằng được 16.920 đồng tiền mặt, hàng chục tấn thóc, khoai lang giống, cùng nhiều bát, đĩa, xoong, nồi, chăn, chiếu. Riêng sư cụ Đàm Hình (chùa Đào Xá) đã ủng hộ đồng bào Cao Bằng 1 con bò, 1 con lợn và 100 đồng tiền mặt (tương đương 100 kg gạo).

Sự giúp đỡ tận tình và kịp thời của nhân dân và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân địa phương huyện Phú Bình đã góp phần giúp nhân dân Cao Bằng sớm khắc phục khó khăn và phát triển sản xuất, từng bước ổn định đời sống.

Động viên tuyển quân, bổ sung lực lượng cho bộ đội chủ lực trong điều kiện chiến tranh là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của các địa phương. Rút kinh nghiệm từ kết quả công tác, huy động lực lượng sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu và tuyển quân những năm 1977, 1978, ngay từ đầu năm 1979, công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là cho thanh niên được các cấp ủy Đảng và chính

quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, đẩy mạnh. Như vậy, trong năm 1979, qua 3 đợt tuyển quân liên tiếp, với số lượng lớn, trong điều kiện chiến tranh, thời gian lại chỉ tập trung trong 6 tháng đầu năm, nhưng quân và dân huyện Phú Bình vẫn giao quân vượt 1% chỉ tiêu quân số được giao.⁽¹⁾

Bên cạnh các thành tích trên, trong huyện vẫn còn một số cấp uỷ Đảng và chính quyền cơ sở coi nhẹ lãnh đạo, chỉ đạo công tác quân sự địa phương. Việc tổ chức học tập, huấn luyện cho lực lượng dân quân, tự vệ hàng năm ở những đơn vị này đạt kết quả thấp. Về công tác động viên tuyển quân, bên cạnh những xã đạt kết quả cao như Lương Phú, Thanh Ninh, Hương Sơn, Bảo Lý, Tân Đức, Dương Thành..., cũng còn 50% số xã kết quả thấp, một số xã hai, ba năm liền không đạt chỉ tiêu (Hà Châu, Bàn Đạt, Tân Thành...).

Tuy nhiên, trong công tác xây dựng lực lượng, chi viện sức người, sức của cho mặt trận biên giới, cũng như công tác lãnh đạo, chỉ đạo, giáo dục, tuyên truyền cho nhân dân và cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích về âm mưu, thủ đoạn của địch còn nhiều hạn chế. Từ chủ quan, khinh địch, nên công tác chuẩn bị đối phó với một cuộc chiến tranh qui mô lớn còn nhiều bất cập. Lực lượng dân quân, du kích của huyện chi viện cho phía trước trong giai đoạn chiến tranh xảy ra chất lượng chiến đấu và công tác đạt hiệu quả chưa cao. Do chưa được chuẩn bị tinh thần sẵn sàng chuyển sang quân

⁽¹⁾ Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ huyện Phú Bình tại Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ 17.

đội, nên khi có quyết định của trên chuyển các đơn vị dân quân, tự vệ thành bộ đội chủ lực, thì cán bộ chiến sỹ Tiểu đoàn 736 (bao gồm dân quân du kích các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Đồng Hỷ và thành phố Thái Nguyên) đảo ngũ tới 50%. Đến tháng 4-1979, cả Tiểu đoàn 736 chỉ còn 143 đồng chí trên tổng số 407 cán bộ, chiến sỹ lúc đi chiến đấu...

Chấp hành các chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Quân uỷ Trung ương về mở cuộc vận động “Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân”⁽¹⁾, căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quyết định phát động cuộc vận động “Quân với dân một ý chí”. Thực hiện cuộc vận động này, sau khi cuộc chiến tranh biên giới kết thúc, Trung đoàn 12 (Sư đoàn 431 thuộc Quân khu I) đóng trên địa bàn huyện đã cùng với cấp uỷ, chính quyền và các đoàn thể địa phương tuyên truyền, giáo dục cho nhân dân các dân tộc trong huyện nhận thức sâu sắc Nghị quyết số 04 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IV), nhận rõ hơn nữa bản chất, âm mưu thâm độc của các thế lực thù địch. Trung đoàn 12 còn cử nhiều cán bộ xuống các xã giúp Ban chỉ huy Xã đội huấn luyện quân sự, xây dựng phương án tác chiến

(1) Tháng 11-1978, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra chỉ thị mở cuộc vận động “Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân”, nhằm mục đích không ngừng nâng cao chất lượng của lực lượng vũ trang; phát huy truyền thống, cách mạng của quân đội. Cuộc vận động thực hiện ba nội dung lớn: rèn luyện, xây dựng, nâng cao sức mạnh chiến đấu; phát huy truyền thống quân với dân một ý chí, nêu gương tốt của người quân nhân cách mạng trên mọi lĩnh vực; nêu cao tinh thần quốc tế vô sản.

của từng xã, phương án tác chiến hợp đồng cụm xã, giúp 500 công lao động xây dựng cụm chiến đấu. Tuy nhiên, do công tác chỉ huy của Ban chỉ huy quân sự ở nhiều xã yếu, kém, nên sau 9 tháng triển khai xây dựng cụm chiến đấu (từ tháng 6-1979 đến tháng 3-1980), toàn huyện mới có 25% đơn vị hoàn thành việc xây dựng phương án chiến đấu cụm (thấp nhất tỉnh). Trong khi đó việc huấn luyện, tổ chức diễn tập theo kế hoạch cũng chưa được triển khai (Phú Bình và Đồng Hỷ là 2 đơn vị yếu kém trong tỉnh).

Về nhiệm vụ sản xuất, trong vụ Mùa 1979, các đơn vị trong Trung đoàn 12 đã giúp các hợp tác xã hàng ngàn ngày công làm phân bón, làm thủy lợi, trồng rau mầu. Ngược lại, với trách nhiệm của mình, các cấp uỷ Đảng, chính quyền, các ngành, các cấp cũng coi trọng công tác giáo dục nhân dân phát huy truyền thống của những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chăm lo, đùm bọc giúp đỡ bộ đội về đóng quân tại địa phương. Nhân dân các dân tộc trong huyện đã ủng hộ các đơn vị đóng trên địa bàn: Quân đoàn 3 đóng tại xã Diêm Thụy, Trung đoàn 12 (thuộc Sư đoàn 431), đóng tại xã Hương Sơn, Trung đoàn 29 thông tin (thuộc Quân đoàn 3) đóng tại xã Thượng Đình, hơn 3.000 cây tre, 150 cây bạch đàn, cùng hàng trăm công thợ làm doanh trại. Mặc dù đất chật, người đông, diện tích canh tác bình quân đầu người thấp, nhân dân Phú Bình vẫn dành ra 10 ha để các đơn vị bộ đội tăng gia, cải thiện bữa ăn cho cán bộ, chiến sĩ. Tình đoàn kết quân dân, ý chí quân dân thống nhất, là điều kiện

quan trọng để nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình hoàn thành nhiệm vụ công tác quân sự địa phương.

Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, lực lượng dân quân, du kích các xã tiếp tục giữ vai trò nòng cốt, đi đầu trong lao động sản xuất mà trung tâm là sản xuất lương thực, thực phẩm, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nhân dân. Tuy nhiên, cũng như hầu hết các địa phương khác trong và ngoài tỉnh, phong trào hợp tác xã nhiều nơi sa sút, công tác chỉ đạo, quản lý sản xuất không hiệu quả, nên cả 3 chỉ tiêu diện tích, năng suất, sản lượng đều không đạt kế hoạch đề ra. Tình trạng ăn chia phân phối không công bằng gây bất bình trong nhân dân. Nhìn chung, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn.

Thực hiện chỉ tiêu tăng gia tự túc lương thực, thực phẩm, Cơ quan Quân sự huyện tiếp tục tổ chức cấy lúa, trồng ngô, sắn, rau xanh, chăn nuôi lợn, gà, cá. Bình quân mỗi cán bộ, chiến sĩ trong năm 1979 tự túc được hơn 30 kg lương thực, 30 kg rau xanh, 5 kg thịt cá.

III – Tiếp tục xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân huyện vững mạnh, góp phần phòng chống có hiệu quả cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch.

Trong những năm đầu thập kỷ 80 của thế kỷ XX, đất nước ta vẫn ở trong tình trạng vừa có hoà bình, vừa có thể

xảy ra chiến tranh. Tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội nhìn chung còn gặp nhiều khó khăn. Tại huyện Phú Bình, đời sống nhân dân nói chung, đời sống các cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân địa phương nói riêng còn nhiều thiếu thốn. Đội ngũ cán bộ xã đội ở một số xã yếu kém cả từ nhận thức đến năng lực chuyên môn, nhiệt tình công tác giảm sút do bị chi phối bởi những khó khăn chung.

Trước thực tế đó, được sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện và sự chỉ đạo trực tiếp về chuyên môn của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình từng bước khắc phục khó khăn, triển khai công tác quân sự trên địa bàn huyện đạt kết quả tốt. Thực hiện Nghị quyết ngày 29-5-1979 của Thường vụ Quân uỷ Trung ương⁽¹⁾ và Quyết định (số 180/QĐ-QP ngày 30-9-1980) của Bộ Quốc phòng, từ ngày 1-10-1980, cùng với các đơn vị trong toàn quân từ cấp đại đội trở lên, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình thực hiện chế độ một người chỉ huy. Thực hiện chế độ một người chỉ huy, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình có các đồng chí Dương Văn Giáp (Chỉ huy trưởng), Nguyễn Văn Bàng (Chỉ huy phó Chính trị). Việc xây dựng, củng cố tổ chức dân quân, tự vệ thường xuyên được cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp

⁽¹⁾ Nghị quyết ngày 29-5-1979 của Thường vụ Quân uỷ Trung ương về tổ chức thực hiện chế độ thủ trưởng trong Quân đội nhân dân Việt Nam chỉ rõ “Chế độ thủ trưởng thực hiện trong toàn quân từ đại đội trở lên”. Ở mỗi cấp có các Chỉ huy phó giúp Chỉ huy trưởng về các mặt công tác quân sự, chính trị, hậu cần, kỹ thuật...

trong huyện quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Năm 1980, lực lượng dân quân toàn huyện đạt tỉ lệ 15% so với dân số nông thôn, tăng 0,7% so với năm 1979; lực lượng tự vệ đạt tỉ lệ 59% so với tổng số cán bộ, công nhân, viên chức, tăng 18,8% so với năm 1979⁽¹⁾. Chất lượng đội ngũ cán bộ, chiến sĩ lực lượng dân quân, tự vệ cũng không ngừng được nâng cao. Lực lượng dân quân, tự vệ trong huyện được tổ chức biên chế thành bộ phận: chiến đấu, bộ phận phục vụ chiến đấu và bộ phận giúp đỡ nhân dân sơ tán khi có chiến sự xảy ra trên địa bàn. Ban chỉ huy quân sự huyện chỉ đạo triển khai hoàn thành phương án chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu, quán triệt và bổ sung kế hoạch phòng thủ bảo vệ địa phương, đồng thời tích cực tổ chức các đợt huấn luyện quân sự tương đối nhanh, gọn. Đến cuối tháng 10-1980, toàn huyện đã hoàn thành chương trình huấn luyện cả năm, đạt chất lượng khá, kết quả hội thao kỹ thuật quân sự cấp tỉnh, Đoàn huyện Phú Bình được xếp thứ ba trên tổng số 15 đơn vị tham gia.

Từ năm 1981, tình hình biên giới phía Bắc tiếp tục có nhiều diễn biến căng thẳng, phức tạp. Đối phương thường xuyên gây ra các vụ xâm canh, xâm cư; tung thám báo, biệt kích vào sâu trong đất ta để dò la tin tức, bắt cóc cán bộ, bắn, giết bộ đội và nhân dân ta ở vùng giáp biên. Chiến tranh cục bộ đã diễn ra ở một số nơi. Trước tình hình đó, việc xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh, sẵn sàng

⁽¹⁾ Bản nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị năm 1980 và giao chỉ tiêu năm 1981 ngày 13/1/1981 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh.

chiến đấu bảo vệ quê hương và chi viện cho các tỉnh biên giới, bảo vệ an ninh chính trị và chủ quyền lãnh thổ vừa là nhiệm vụ thường xuyên lâu dài, vừa là nhiệm vụ cấp bách của Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang tỉnh Bắc Thái.

Thực hiện Chỉ thị số 320A-DQTV ngày 3-4-1981 của Bộ Tư lệnh Quân khu I và Chỉ thị số 11 ngày 13-10-1981 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ “Về xây dựng huyện thành pháo đài quân sự”, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, Ban chỉ huy quân sự huyện được kiện toàn về tổ chức và quân số, với đủ 3 ban Tham mưu, Chính trị, Hậu cần. Lực lượng dân quân, du kích toàn huyện có 10.396 cán bộ, chiến sĩ, trong đó lực lượng sẵn sàng chiến đấu là 4.745 cán bộ chiến sĩ, biên chế thành 119 trung đội. Cao nhất là xã Kha Sơn có 673 dân quân, du kích, trong đó các lực lượng chiến đấu có 312 cán bộ, chiến sĩ, phục vụ chiến đấu 361 cán bộ, chiến sĩ. Khối tự vệ toàn huyện có 427 đồng chí, biên chế thành 13 trung đội, 100% tham gia lực lượng chiến đấu. Vũ khí trang bị cho dân quân tự vệ cũng được tăng cường. Riêng vũ khí bộ binh, khối dân quân toàn huyện được trang bị 420 khẩu súng K44, 105 khẩu K63; khối tự vệ được trang bị 83 khẩu súng K44, 70 khẩu súng K63, với hàng chục ngàn viên đạn các loại.⁽¹⁾

Tiếp tục triển khai cuộc vận động “Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân”, do Ban Bí thư Trung ương Đảng phát động,

⁽¹⁾ Báo cáo số 17 ngày 25/9/1981 của Ban Chỉ huy quân sự huyện Phú Bình.

tháng 4/1982, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành Chỉ thị “Tăng cường đoàn kết quân dân”. Thực hiện chỉ thị của tỉnh, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình làm tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền huyện tổ chức tốt công tác giáo dục tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, dân quân, du kích và tự vệ về tình hình nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Tiếp tục duy trì mối quan hệ đoàn kết quân dân bằng việc kí kết giao ước thi đua giữa các đơn vị bộ đội đóng quân trên địa bàn với dân quân, du kích và bộ đội địa phương, làm cơ sở cho việc phát triển kinh tế kết hợp với củng cố lực lượng vũ trang vững mạnh.

Kế hoạch “chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu” với 4 nội dung: sẵn sàng chiến đấu thường xuyên; sẵn sàng chiến đấu tăng cường; sẵn sàng chiến đấu cao và sẵn sàng chiến đấu toàn bộ của lực lượng vũ trang nhân dân huyện được Ban chỉ huy quân sự huyện xây dựng cụ thể, chi tiết và được tổ chức diễn tập thực hành bảo đảm triển khai, hiệp đồng tác chiến tốt khi có chiến sự xảy ra.

Trên cơ sở tình hình chung của cả nước, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV (2-1983) đã xác định “Tỉnh ta là tỉnh hậu phương trực tiếp của các tỉnh biên giới Cao Bằng, Lạng Sơn; là lá chắn phía Bắc của Thủ đô Hà Nội, vì vậy trong khi phấn đấu hoàn thành thắng lợi những mục tiêu kinh tế trên địa bàn, cần phải luôn luôn đề cao cảnh giác, chuẩn bị sẵn sàng cùng quân và dân cả nước đánh thắng mọi cuộc chiến tranh xâm lược, kiên quyết đập tan kiểu chiến

tranh phá hoại nhiều mặt của địch, giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội”.

Để thực hiện mục tiêu trên, nghị quyết Tỉnh uỷ xác định, nhiệm vụ công tác quân sự địa phương trong thời gian tới cần phải đạt được những yêu cầu cụ thể là:

1 - Kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế ở từng cơ sở, trên địa bàn huyện và toàn tỉnh.

2 - Kết hợp chặt chẽ quốc phòng với an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội để đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt và sẵn sàng đập tan kiểu chiến tranh xâm lược qui mô lớn.

Thực hiện sự chỉ đạo của tỉnh, từ năm 1983 đến năm 1985, mọi quy hoạch, kế hoạch hàng năm của huyện, của xã về phát triển kinh tế, văn hoá đều gắn với nhiệm vụ phát triển lực lượng, củng cố quốc phòng an ninh. Các phương án phát triển sản xuất, tổ chức đời sống cho nhân dân ở từng xã đều gắn với phương án bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân; phương án phát triển kinh tế, văn hoá trong điều kiện bình thường; đồng thời có phương án dự phòng khi có chiến tranh xảy ra. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Quân với dân một ý chí”, các cấp uỷ Đảng, chính quyền chủ động chỉ đạo Ban chỉ huy quân sự các cấp phối hợp chặt chẽ với các đơn vị đóng quân trên địa bàn và lực lượng Công an xây dựng kế hoạch hiệp đồng bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố vùng xung yếu, xoá nhiều tụ điểm tệ nạn xã hội. Trong các đợt phối hợp với lực lượng Công an truy quét các tụ điểm tệ nạn xã hội, làm trong sạch địa bàn,

dân quân xã Thượng Đình đã kiểm tra, thu giữ một số súng quân dụng tàng trữ trái phép trong nhân dân. Trong 3 năm (1983 – 1985), toàn huyện đã tổ chức 2 đợt học tập Nghị quyết 03 của Bộ Chính trị sâu rộng trong quần chúng; tổ chức đấu tranh xử lý 1.470 tội phạm hình sự; tiến hành tổng điều tra hộ tịch, hộ khẩu, quản lý chặt chẽ các đối tượng có tiền án, tiền sự... Nhờ đó, số lượng các vụ phạm pháp giảm đi rõ rệt.

Tranh thủ sự giúp đỡ của các đơn vị bộ đội, trong 2 năm 1984 và 1985, công tác huấn luyện dân quân, tự vệ tiếp tục được triển khai nhanh gọn, quân số tham gia huấn luyện hàng năm đều đạt trên 80%. Kết quả huấn luyện 100% đạt yêu cầu, từ 70 đến trên 90% đạt khá, giỏi.

Kết hợp kinh tế với quốc phòng, lực lượng dân quân tự vệ tiếp tục đi đầu trong các đợt ra quân làm thủy lợi, giao thông. Những tháng đầu năm 1984, huyện Phú Bình mở chiến dịch gia cố đê Hà Châu và xây dựng hệ thống kênh mương hồ Núi Cốc. Mặc dù đời sống còn gặp nhiều khó khăn, thời tiết khắc nghiệt, mưa rét kéo dài, nhưng nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân trong huyện vẫn ra quân đúng kế hoạch, bảo đảm quân số, lao động tích cực, hoàn thành vượt khối lượng và thời gian lao động. Trong đó, công trình kênh mương Núi Cốc, toàn huyện đã đào đắp 17.000 mét khối đất đá vượt 1.800 mét khối, vượt trước thời gian 12 ngày. Công trình đê Hà Châu đã đào đắp được 16.923 mét khối vượt chỉ tiêu 1.923 mét khối ... Trong khí thế thi đua sôi nổi, dân quân các xã Tân Đức, Thanh Ninh, Nga My tổ chức ra quân, lao động đạt năng suất cao hoàn thành vượt

mức từ 30% đến 40% khối lượng so với chỉ tiêu được giao. Tuy vậy, 3 xã Đồng Liên, Xuân Phương, Bàn Đạt lại không tổ chức huy động được lực lượng dân quân lên công trường.

Năm 1985, thực hiện sự chỉ đạo của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, công tác huấn luyện dân quân, tự vệ trên địa bàn huyện có sự đổi mới về nội dung và phương pháp. Đối tượng dân quân, tự vệ huấn luyện năm thứ nhất và dân quân tự vệ ở các đơn vị trực tiếp chiến đấu sẽ có thời gian huấn luyện dài hơn, nội dung huấn luyện đi sâu vào các môn kỹ thuật, chiến thuật. Cũng trong năm 1985, huyện đã hoàn thành động viên hơn 2.000 quân dự nhiệm tham gia diễn tập theo kế hoạch Z85A đạt kết quả tốt. Công tác hiệp đồng chiến đấu giữa các đơn vị dân quân, tự vệ, các cụm chiến đấu, với các đơn vị bộ đội chủ lực đóng trên địa bàn được duy trì tốt; kế hoạch tác chiến thường xuyên được bổ sung, điều chỉnh với tình hình thực tế từng xã, trong từng thời kỳ, vừa đáp ứng yêu cầu đánh địch tại chỗ, vừa có khả năng cơ động chi viện cho các đơn vị bạn. Công tác quản lý, bảo quản vũ khí ngày càng chặt chẽ hơn. Tình trạng dùng súng quân dụng, sử dụng thuốc nổ đánh cá bừa bãi đã được ngăn chặn.

Mặc dù trong điều kiện hoà bình, nhưng nhiệm vụ động viên tuyển quân vẫn được các cấp, các ngành coi trọng. Ngay từ đầu năm 1985 các bước triển khai đăng ký, quản lý những người trong độ tuổi nhập ngũ, quản lý quân dự nhiệm được tiến hành thường xuyên, chặt chẽ. Được sự quan tâm sát sao của Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện, sự phối hợp chặt chẽ của các ngành, đoàn thể từ huyện xuống cơ sở, công tác giáo dục ý thức trách nhiệm công dân đối với việc

xây dựng và bảo vệ Tổ quốc tiếp tục được duy trì thường xuyên. Công tác tập trung, cải tạo quân nhân đảo ngũ, xử lý những thanh niên trốn tránh nghĩa vụ quân sự được triển khai đồng bộ, kiên quyết, được nhân dân đồng tình ủng hộ. Nhờ đó, trên cơ sở chỉ tiêu được giao hàng năm, công tác gọi thanh niên khám tuyển và nhập ngũ thường xuyên được chủ động, bảo đảm chính sách và Luật Nghĩa vụ quân sự, bảo đảm sự công bằng. Vì vậy huyện Phú Bình luôn luôn hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân. Trong 6 năm (1981 – 1986) toàn huyện đã động viên được 3.521 thanh niên là con em nhân dân các dân tộc lên đường làm nghĩa vụ quân sự.

Trải qua hơn 11 năm (từ 1975 đến 1986), làm nhiệm vụ xây dựng lực lượng, huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, phục vụ chiến đấu trong điều kiện vừa có hoà bình, vừa có chiến tranh, với muôn vàn gian khổ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Đảng bộ địa phương, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình đã kiên trì phấn đấu, từng bước tháo gỡ khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ quê hương, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở thực tiễn sản xuất, chiến đấu và công tác, Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình đã đúc rút được nhiều kinh nghiệm quý, chuẩn bị những tiền đề quan trọng để cùng cả nước bước vào thời kỳ xây dựng theo đường lối đổi mới của Đảng.

Chương V

LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI, CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC CỦA ĐẢNG (1987-2000).

I - Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình trong những năm đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng.

Qua hơn 11 năm (1975-1986) cùng quân và dân cả nước thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, quân và dân huyện Phú Bình đạt được nhiều thành tích to lớn trên tất cả các lĩnh vực. Bên cạnh những thành tích đã đạt được, đất nước ta nói chung, huyện Phú Bình nói riêng vẫn trong tình trạng kinh tế - xã hội khủng hoảng, lạc hậu về mọi mặt.

Trong bối cảnh đó, từ ngày 15 đến ngày 18-12-1986, tại Thủ đô Hà Nội, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam được tiến hành. Đại hội nghiêm túc đánh giá tình hình đất nước, kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước trong 10 năm đầu cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội và đề ra đường lối đổi mới đất nước. Đại hội khẳng định “Toàn Đảng, toàn dân,

toàn quân ta cần đoàn kết một lòng, quyết tâm đem hết tinh thần và lực lượng tiếp tục thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng chế độ làm chủ tập thể, nền kinh tế mới và con người mới xã hội chủ nghĩa”⁽¹⁾.

Đối với nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang, Đại hội ra nghị quyết chỉ rõ: “Xây dựng quân đội nhân dân chính quy, ngày càng hiện đại, có chất lượng tổng hợp ngày càng cao, có tổ chức hợp lý, cân đối, gọn và mạnh, có kỷ luật chặt chẽ, có trình độ chiến đấu ngày càng cao, tiếp tục phát triển dân quân, tự vệ với số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới. Tăng cường lực lượng hậu bị.... Thực hiện đầy đủ chính sách hậu phương quân đội”⁽²⁾.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, phát huy thành tích đã đạt được trong những năm từ 1975 đến 1986, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện và của Đảng ủy, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình đẩy mạnh công tác xây dựng, củng cố, phát triển và huấn luyện lực lượng vũ trang nhân dân địa phương; bảo đảm tốt công tác động viên - tuyển quân.

⁽¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Trang 37, 38 và 40.

⁽²⁾ Dẫn theo “ 60 năm Quân đội nhân dân Việt Nam “ Tr 455.

Ngay từ đầu năm 1987, thực hiện chủ trương của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình đã cử các đồng chí cán bộ, lãnh đạo chỉ huy chủ chốt tham gia tập huấn quân sự và quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI. Tiếp đó, Ban chỉ huy quân sự huyện mở một đợt giáo dục quốc phòng kết hợp học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI cho cán bộ, chiến sĩ Cơ quan Quân sự huyện và các cán bộ dân quân, tự vệ chủ chốt trên địa bàn. Thông qua học tập Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và các vấn đề về chủ trương, đường lối, quan điểm, chính sách của Đảng về quốc phòng, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện đã nhận thức đầy đủ về yêu cầu, năng lực, phẩm chất của người cán bộ, chiến sĩ trong gia đoạn cách mạng mới.

Năm 1987, năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Cơ quan Quân sự huyện có 30 cán bộ, chiến sĩ, biên chế thành 3 ban Tham mưu, Chính trị và Động viên - Tuyển quân, do đồng chí Nguyễn Văn Chung làm Chỉ huy trưởng.

Thực hiện nhiệm vụ động viên - tuyển quân năm 1987⁽¹⁾, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện và Đảng ủy, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình phối hợp với các ngành, các cấp trong huyện tổ chức khám sức khỏe, lập hồ sơ, xét duyệt chính trị gọi thanh niên lên đường nhập ngũ.

⁽¹⁾ Theo Quyết định (số 50/QĐ-UB ngày 26-1-1987) của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái giao cho huyện Phú Bình năm 1987 tuyển 550 thanh niên vào bộ đội.

Nhờ làm tốt công tác nắm nguồn, tuyên truyền Luật Nghĩa vụ quân sự, động viên thanh niên lên đường nhập ngũ, nên huyện Phú Bình tuy là đơn vị có số lượng người nhập ngũ đứng thứ hai các huyện, thành phố trong tỉnh Bắc Thái, nhưng đã hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân cả năm ngay trong đợt tuyển quân đầu năm.

Tiếp theo, thực hiện Chỉ thị của Bộ Tư lệnh Quân khu I và Mệnh lệnh của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái, trong hai ngày 28 và 29-11-1987, huyện Phú Bình tổ chức tốt cuộc diễn tập động viên quân dự bị Z87 Đ. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tiến hành kiểm tra tại chỗ. Kết quả, 670 trên tổng số 1094 quân dự bị được phát lệnh động viên có mặt tại vị trí tập trung, đạt 61,1%; kiểm tra đối chiếu danh sách với cơ sở được 3.130 trường hợp, đạt gần 90%. Tuy nhiên, qua diễn tập Z87Đ công tác động viên của Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình còn bộc lộ một số thiếu sót “có trường hợp chết, khi đối chiếu danh sách, cơ sở mới biết, đó là điều đáng tiếc trong khâu quản lý, chưa chú trọng thường xuyên”⁽¹⁾. Các thiếu sót đó đã được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chỉ rõ và Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình đã kịp thời rút kinh nghiệm trong công tác nắm nguồn dự bị động viên những năm tiếp theo.

Lực lượng dân quân, tự vệ trong huyện luôn được duy trì đảm bảo chỉ tiêu về số lượng và tỷ lệ; được biên chế đến

⁽¹⁾ Báo cáo Tổng kết diễn tập động viên Z87Đ ngày 16/1/1988 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái, Tr 7.

cấp đại đội đối với lực lượng dân quân và trung đội đối với lực lượng tự vệ. Toàn huyện có 8.310 cán bộ, chiến sĩ dân quân, được biên chế thành 50 đại đội. Số lượng dân quân các xã đạt tỉ lệ từ 7% đến 8% so với dân số. Lực lượng tự vệ toàn huyện có 240 cán bộ, chiến sĩ, được biên chế thành 8 trung đội.

Công tác xây dựng Đảng trong Cơ quan Quân sự huyện luôn được coi trọng. Hàng tháng Chi bộ Ban chỉ huy quân sự huyện đều ra nghị quyết lãnh đạo; mỗi quý đều tổ chức cho đảng viên tự kiểm điểm, phê bình, kịp thời đấu tranh, phòng chống những hiện tượng tiêu cực. Năm 1987, 100% đảng viên Chi bộ Ban chỉ huy quân sự huyện được xếp loại là đảng viên đủ tư cách, Chi bộ Ban chỉ huy quân sự huyện được Huyện ủy Phú Bình xếp loại là đạt Chi bộ khá trong Đảng bộ huyện.

Trên cơ sở kết quả đạt được năm 1987, ngay từ đầu năm 1988, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình đã triển khai xây dựng Quyết tâm phòng thủ cơ bản của huyện trong thế phòng thủ chung của tỉnh giai đoạn 1988-1995. Trên cơ sở đánh giá đặc điểm thuận lợi, khó khăn về các điều kiện tự nhiên, xã hội, Ban chỉ huy quân sự huyện tập trung xây dựng các ý định, biện pháp tác chiến trong xây dựng khu vực phòng thủ huyện. Toàn huyện tổ chức xây dựng 5 cụm chiến đấu liên hoàn trong khu vực phòng thủ huyện:

- Cụm 1 gồm các xã Tân Khánh, Tân Thành, Tân Kim.
- Cụm 2 gồm các xã Dương Thành, Thanh Ninh, Tân Hòa, Tân Đức, Lương Phú.

- Cụm 3 gồm các xã Xuân Phương, Hương Sơn, Kha Sơn, Bảo Lý.
- Cụm 4 gồm các xã Thượng Đình, Diêm Thụy, Nhã Lộng, Hà Châu, Nga Mi, Úc Kỳ.
- Cụm 5 gồm các xã Đồng Liên, Bàn Đạt, Đào Xá.

Quyết tâm phòng thủ cơ bản của huyện xác định rõ ý định xây dựng lực lượng trong khu vực phòng thủ, trong đó tỷ lệ dân quân chiếm 7% dân số. Hàng năm, lực lượng dân quân, tự vệ được huấn luyện theo chương trình cơ bản, chú trọng đến việc nâng cao chất lượng, kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế; mục tiêu đến năm 1995 mỗi xã có 1 trung đội binh chủng (có các tiểu đội hỏa lực, trinh sát, thông tin); toàn huyện có 2 tiểu đoàn dự bị, có đủ trình độ chiến đấu.

Thực hiện nhiệm vụ xây dựng khu vực phòng thủ, năm 1988, Ban chỉ huy quân sự huyện tập trung kiện toàn về tổ chức, tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân địa phương về mọi mặt. Sáu tháng đầu năm 1988, Ban chỉ huy quân sự huyện lần lượt cử các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy dự 5 lớp tập huấn về chỉ huy quân sự và tập huấn về công tác dân quân, tự vệ do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức. Tiếp đó, Ban chỉ huy quân sự huyện tổ chức lớp tập huấn cho 29 cán bộ dân quân các xã và tự vệ các cơ quan trên địa bàn huyện.

Đối với công tác tuyển quân, ngay đầu năm 1988, Ban chỉ huy quân sự huyện đã phối hợp các ban, ngành, đoàn thể

chỉ đạo các xã, thị trấn, tổ chức đợt tuyên truyền Luật Nghĩa vụ quân sự, phát lệnh, gọi khám nghĩa vụ quân sự 1.000 đối tượng trong độ tuổi nhập ngũ. Kết quả, năm 1988, quân và dân trong huyện động viên được 398 thanh niên (380 nam, 18 nữ) lên đường nhập ngũ, đạt 100% chỉ tiêu trên giao về tất cả các mặt quân số, sức khỏe, chính trị, văn hóa. Sau đợt tuyển quân, Ban chỉ huy quân sự huyện tổ chức tốt Hội nghị sơ kết gọi thanh niên nhập ngũ năm 1988 và tiến hành rà soát, tổ chức giáo dục cải tạo được 52 quân nhân đào ngũ ở 22 xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

Để kịp thời rút kinh nghiệm công tác huấn luyện dân quân, tự vệ những năm trước đây, năm 1988, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình làm tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện tổ chức Hội nghị bàn chủ trương kết hợp công tác huấn luyện quân sự với lao động gây quỹ quốc phòng; tổ chức tập huấn quân sự, chính trị cho 40 cán bộ dân quân, tự vệ chủ chốt. Nhờ quán triệt tốt tình hình, nhiệm vụ, xác định rõ công tác quân sự là một trong những công tác trọng tâm của địa phương, nên cấp ủy Đảng, chính quyền và các cán bộ quân sự chủ chốt đã phát huy, giữ vững phong trào xây dựng, củng cố lực lượng dân quân, tự vệ ở địa phương, chủ động tổ chức thực hiện các chỉ thị của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện về công tác huấn luyện dân quân, tự vệ tại địa phương. Trong công tác huấn luyện dân quân, tự vệ, năm 1988, các xã: Dương Thành, Lương Phú, Tân Khánh, Xuân Phương, Tân Hòa, Úc Kỳ, Thanh Ninh,

Điễm Thụy và các đơn vị Tự vệ Ngân hàng, Tự vệ Lâm trường đã tổ chức các đợt huấn luyện tốt, đảm bảo quân số cao, đạt đơn vị khá. Thực hiện chủ trương kết hợp huấn luyện quân sự với lao động sản xuất, lực lượng dân quân các xã Dương Thành, Kha Sơn vừa tổ chức tốt việc huấn luyện quân sự, vừa nạo vét kênh mương và làm đường giao thông nông thôn, phục vụ cho phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương. Tuy nhiên, trong quá trình huấn luyện, một số đơn vị cơ sở dân quân, tự vệ của huyện chưa quản lý được nhân lực, chưa mạnh dạn áp dụng các biện pháp cụ thể giữa huấn luyện quân sự và lao động gây quỹ quốc phòng; thậm chí các xã Đồng Liên, Đào Xá, Tân Đức, Nhã Lộng không tổ chức huấn luyện được lực lượng dân quân.

Thành tích nổi bật của lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình năm 1988 là đã thực hiện tốt cuộc diễn tập phòng thủ mang tên Z88Đ. Nhận thức rõ cuộc diễn tập phòng thủ Z88Đ là cuộc diễn tập phòng thủ đầu tiên của huyện theo tinh thần Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị (Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, các cơ quan Quân sự, Công an và các ban, ngành chức năng làm tham mưu), là dịp để nâng cao tri thức quân sự cho cán bộ lãnh đạo và chỉ huy quân sự các cấp trong huyện, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo. Huyện ủy ra nghị quyết, Ủy ban nhân dân huyện ra các chỉ thị lãnh đạo, chỉ đạo diễn tập Z88Đ. Nghị quyết của Huyện ủy và Chỉ thị của Ủy ban nhân dân huyện chỉ rõ nhiệm vụ của nhân dân và lực lượng

vũ trang toàn huyện là phải thực hiện tốt cuộc diễn tập Z88Đ theo phương châm “Thực tế, an toàn, tiết kiệm”.

Sau một thời gian làm công tác chuẩn bị tích cực và chu đáo về mọi mặt, từ ngày 9-11-1998, các cấp, các ngành trong huyện đã tham gia cuộc diễn tập Z88Đ. Các đồng chí Hồ Đình Điều (Bí Thư Huyện ủy), Đồng Huy Xuyên (Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện) đã trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và tham gia diễn tập Z88Đ. Mặc dù còn nhiều trở ngại, nhưng các cơ quan Quân sự, Công an và các ban, ngành đoàn thể đã chủ động làm tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện xây dựng các kế hoạch phòng thủ khu vực, hoàn thành các nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, tăng cường lực lượng bổ sung cho quân đội, được Bộ Tư lệnh Quân khu I kiểm tra, đánh giá là đơn vị hoàn thành diễn tập ở mức khá.

Tuy nhiên, trong công tác quân sự địa phương năm 1988, theo thông báo kết quả thi đua khen thưởng (số 08 ngày 6-11-1988) của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái trong phong trào thi đua năm 1988, huyện Phú Bình mới đạt ở mức trung bình, yếu về công tác quản lý trang bị và quản lý tài chính.

Một trong những nguyên nhân quan trọng để lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình hoàn thành các nhiệm vụ củng cố tổ chức và huấn luyện sẵn sàng chiến đấu là do Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện phối hợp chặt chẽ với Đảng ủy, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Cơ quan Quân sự huyện làm tốt công tác tham mưu, giúp việc cho

Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện về công tác quân sự địa phương. Trong 3 năm (1986-1988), Chi bộ Cơ quan Quân sự huyện đẩy mạnh công tác đấu tranh phê bình và tự phê bình, nghiêm túc kiểm điểm công tác lãnh đạo, trách nhiệm của từng đảng viên, do đó nhận thức trách nhiệm của đảng viên được nâng lên, ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Trong 3 năm liên tục, toàn Chi bộ Ban chỉ huy quân sự huyện có 100% đảng viên đủ tư cách, Chi bộ đạt Chi bộ khá. Lực lượng vũ trang toàn huyện có 30 lượt đơn vị, 225 lượt cán bộ, chiến sĩ được tặng thưởng giấy khen, bằng khen các loại.

Bên cạnh những mặt đã đạt được, công tác xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang huyện Phú Bình vẫn còn bộc lộ một số mặt hạn chế, thiếu sót. Từ năm 1987 đến năm 1988, số đảng viên vi phạm khuyết điểm, bị thi hành kỷ luật vẫn còn 2 đồng chí; công tác động viên có lúc chưa được chú trọng đi sâu, đi sát thực tế.

Để phát huy những thành tựu đã đạt được và khắc phục những hạn chế, thiếu sót, đẩy mạnh công tác lãnh đạo xây dựng, củng cố tổ chức, huấn luyện cho lực lượng vũ trang nhân dân huyện, đầu năm 1989, Chi bộ Cơ quan Quân sự huyện tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 1989-1990. Đại hội xác định 4 nhiệm vụ cơ bản cần tập trung thực hiện trong nhiệm kỳ tới là:

1. Hoàn thành tốt chức năng làm cơ quan tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, thực hiện thắng

lợi đường lối quân sự của Đảng trong cơ chế mới. Hướng dẫn tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, xây dựng phương án tác chiến phòng thủ, xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ và dự bị động viên, kết hợp huấn luyện lực lượng dân quân với lao động gây quỹ quốc phòng.

2. Thường xuyên đăng ký, quản lý, nắm chắc số lượng lực lượng dự bị động viên, hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân đảm bảo chất lượng và thời gian.

3. Xây dựng cơ sở vật chất, từng bước cải thiện đời sống cho cán bộ chiến sĩ, công nhân viên; giữ nghiêm kỷ luật quân đội, Pháp luật của Nhà nước.

4. Xây dựng chi bộ vững mạnh, trong sạch, đơn vị khá, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ trên giao.

Tiếp đó, tháng 2-1989, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Bình lần thứ XX được tổ chức đã xác định phương hướng, nhiệm vụ chính trị, các mục tiêu kinh tế, xã hội, đẩy mạnh việc củng cố trật tự, an ninh xã hội, xây dựng tiềm lực quốc phòng trên địa bàn huyện.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện và Nghị quyết nhiệm kỳ 1989-1990 của Chi ủy, Chi bộ Cơ quan Quân sự huyện, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang huyện Phú Bình nỗ lực phấn đấu củng cố, xây dựng tổ chức, đẩy mạnh huấn luyện sẵn sàng chiến đấu đạt được nhiều kết quả.

Năm 1989, Ban chỉ huy quân sự huyện tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đẩy mạnh công tác huấn luyện dân

quân, tự vệ. Kết thúc năm 1989, toàn huyện có 91% cơ sở dân quân và 75% cơ sở tự vệ hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện. Số cơ sở dân quân hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện năm 1989, giảm 1 đơn vị so năm 1988. Kết quả kiểm tra công tác huấn luyện ở 25 cơ sở, có 8 cơ sở đạt loại giỏi, 8 đơn vị đạt loại khá, còn lại 9 đơn vị đạt yêu cầu. Qua huấn luyện “trình độ kỹ, chiến thuật của dân quân, tự vệ, tổ chức thao trường, bãi tập của cán bộ cơ sở được nâng lên một bước, biết sử dụng các loại vũ khí được trang bị, nắm được yếu lĩnh động tác, biết cơ động qua các địa hình và chiến đấu được trong đội hình trung đội, tiểu đội, bảo vệ làng bản, bảo vệ cơ quan”⁽¹⁾. Các xã Dương Thành, Thanh Ninh, Diêm Thụy và các đơn vị tự vệ Lâm trường, Ngân hàng, Lương thực là những đơn vị có phong trào huấn luyện khá. Bên cạnh công tác xây dựng lực lượng, 100% cán bộ xã đội và tự vệ của 29 đơn vị dân quân, tự vệ đã được tập huấn về các mặt công tác xây dựng, huấn luyện; toàn huyện có 7 trên 21 xã hoàn thành việc xây dựng kế hoạch phòng thủ và tổ chức lực lượng thường xuyên phối hợp với lực lượng công an tuần tra, canh gác, giữ gìn trật tự, an ninh khu vực, giải quyết các vụ việc liên quan đến lĩnh vực quân sự, giữ vững sự ổn định về an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện.

Song song với việc tập trung xây dựng, củng cố tổ chức và huấn luyện nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu cho lực

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết công tác quân sự địa phương năm 1989 của Ban CHQS huyện Phú Bình, Tr 4

lượng bộ đội địa phương, dân quân, tự vệ, trong 3 năm (1987-1989), huyện Phú Bình đã tuyển được 1.313 thanh niên vào bộ đội, hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân, do Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh giao. Công tác khám tuyển, gọi thanh niên nhập ngũ hàng năm đảm bảo đúng nguyên tắc và công bằng xã hội. Trong đó, riêng năm 1989, Ban chỉ huy quân sự huyện tổ chức phối hợp với Ngành Y tế chỉ đạo các xã, thị trấn gọi khám 704 trường hợp, tuyển được 365 thanh niên (360 nam, 5 nữ) nhập ngũ vào các đơn vị, hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân được giao. Một số xã giao quân vượt chỉ tiêu như Bàn Đạt vượt 20%, Kha Sơn vượt 14%. Bên cạnh đó còn 13 xã giao quân chỉ đạt từ 75 % đến 95% chỉ tiêu được giao. Ngoài việc hoàn chỉnh quân số Tiểu đoàn dự bị động viên của huyện là 420 người, huyện còn động viên bổ sung quân dự bị động viên cho Lữ đoàn 243 là 280 người, cho Quân khu là 284 người, cho Bộ Tổng Tham mưu là 397 người và sắp xếp được 1.496 người cho lực lượng dự trữ chiến lược.

Năm 1989, Đảng và Nhà nước ta đề ra nhiều chủ trương, biện pháp xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân. Tháng 5-1989, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) ra chỉ thị mở cuộc vận động chính trị thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội và củng cố quốc phòng tại địa phương trong cả nước. Đến đầu tháng 12-1989, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra chỉ thị tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với nhiệm vụ xây dựng lực lượng dự bị động viên và dân quân, tự vệ trong tình hình

mới, chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội ở cơ sở.

Thực hiện chủ trương, đường lối của Trung ương Đảng, Chính phủ và các chỉ thị, nghị quyết, hướng dẫn của Quân khu và tỉnh, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, Cơ quan Quân sự các cấp phối hợp với các ngành, đoàn thể của huyện đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, chiến sĩ, nhân dân thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội và xây dựng lực lượng vũ trang rộng khắp.

Trong công tác chính sách, hai năm 1990 – 1991, Ban chỉ huy quân sự huyện đã tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội và giải quyết chế độ cho các gia đình thương binh, liệt sĩ. Năm 1990, Ban chỉ huy quân sự huyện đề nghị cơ quan chính sách cấp trên kịp thời khen thưởng trên 100 huân, huy chương các loại cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu và xây dựng lực lượng vũ trang theo Chỉ thị 57; trợ cấp thường xuyên cho 14 trường hợp, trợ cấp đột xuất cho 3 trường hợp, tổ chức cho 37 cán bộ quân đội nghỉ hưu đi nghỉ dưỡng, hoặc ăn dưỡng tại gia đình, xác minh 2 trường hợp quân nhân mất tin, mất tích và đề nghị trợ cấp chính sách 47 cho 1 cán bộ tại cơ quan. Năm 1991, Ban chỉ huy quân sự huyện tham mưu cho Huyện ủy tổ chức thành công Đại hội Cựu chiến binh huyện lần thứ nhất, góp phần tích cực mở rộng

khối đoàn kết toàn dân, đã được sự ủng hộ tích cực của cán bộ quân đội nghỉ hưu đối với công tác xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang địa phương. Ngoài ra, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân trong huyện còn quyên góp tiền của, công sức xây dựng 1 nhà tình nghĩa tặng thương binh nặng ở xã Thượng Đình, phối hợp với Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện tham mưu cho cấp ủy, chính quyền tổ chức thăm hỏi gia đình thương binh, liệt sĩ trong các dịp lễ, tết. Riêng dịp kỷ niệm 44 năm ngày Thương binh Liệt sĩ (27/7/1947 – 27/7/1991), Ban chỉ huy quân sự huyện, phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở huyện tổ chức thăm hỏi, trợ cấp khó khăn và tặng quà cho 46 gia đình thương binh, liệt sĩ, trị giá 460.000 đồng; đồng thời tổ chức tiếp nhận 2 thương binh nặng về địa phương nuôi dưỡng, hoàn chỉnh danh sách liệt sĩ trên địa bàn huyện. Nhìn chung, công tác chính sách đã “hoàn thành được các nhiệm vụ cơ bản, thể hiện được sự quan tâm của Đảng đối với lực lượng vũ trang thường trực cũng như những đồng chí đã hoàn thành nhiệm vụ trở về địa phương và những đồng chí đã anh dũng hy sinh vì Tổ quốc”⁽¹⁾. Kết quả công tác hậu phương quân đội của nhân dân và lực lượng vũ trang huyện Phú Bình đã góp phần củng cố nền quốc phòng toàn dân, tạo điều kiện để cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang toàn huyện hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao.

⁽¹⁾ Báo cáo Tổng kết công tác Đảng - Công tác chính trị năm 1991 của Ban chỉ huy quân sự huyện, Tr 6.

Năm 1990, đội ngũ cán bộ, chiến sĩ Ban chỉ huy quân sự huyện được kiện toàn, gồm 48 cán bộ, chiến sĩ. Các đồng chí chỉ huy đơn vị gồm: Nguyễn Văn Chung Chỉ huy trưởng, Dương Doãn Đối Chỉ huy phó về Chính trị, Lý Chấn Dính Chỉ huy phó - Tham mưu trưởng, Dương Quang Tập - Chỉ huy phó Động viên. Cũng trong năm 1990, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã tăng cường cho Ban chỉ huy quân sự huyện 22 cán bộ về làm nhiệm vụ xây dựng cơ sở ở các xã, thị trấn. Trên cơ sở các cán bộ được tỉnh tăng cường, Ban chỉ huy quân sự huyện sắp xếp 17 cán bộ về các xã, thị trấn và các cơ quan trong huyện làm nhiệm vụ đẩy mạnh xây dựng, củng cố lực lượng dân quân, tự vệ, tuyên truyền nâng cao nhận thức về âm mưu thủ đoạn “Diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch cho cán bộ, nhân dân và chiến sĩ lực lượng dân quân, tự vệ. Do làm tốt các mặt công tác tại cơ sở nên kết quả củng cố, xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ tại các địa phương trong huyện không ngừng được tăng lên, kịp thời tham mưu cho Huyện kiện toàn được 11 Xã đội trưởng, đề bạt bổ sung được 11 Xã đội phó, 100% các cơ sở dân quân, tự vệ, đã có Chính trị viên và củng cố, sắp xếp được 615 cán bộ từ cấp tiểu đội, đến đại đội. Năm 1990, toàn huyện hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện cả năm cho 100% cơ sở dân quân, tự vệ; trong đó, có 3 đơn vị đạt loại giỏi. Qua kiểm tra bắn đạn thật của 1.129 chiến sĩ dân quân, tự vệ, có 33% đạt loại giỏi, 29% đạt loại khá. Đặc biệt, 2 đơn vị Tự vệ Huyện ủy và Tự vệ Ủy ban nhân dân huyện các năm trước không tổ chức huấn luyện được, đến năm 1990 tổ chức huấn

luyện xong chương trình, đạt kết quả tốt. Kết thúc năm 1990, lực lượng vũ trang Phú Bình có 23 đơn vị và 38 cá nhân được tặng Bằng khen; 12 đơn vị, 125 cá nhân được tặng Giấy khen.

Quán triệt Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị, Ban cán sự Đảng Quân sự huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch tác chiến phòng thủ huyện, xã, thị trấn. Ban chỉ huy quân sự huyện chỉ đạo 10% các xã, thị trấn và đơn vị tự vệ xây dựng, hoàn chỉnh kế hoạch tác chiến - trị an và bảo vệ cơ quan.

Thực hiện các chỉ thị của Bộ Tư lệnh Quân khu I và Tỉnh ủy, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái về việc giao cho huyện thực hiện cuộc diễn tập phòng thủ và động viên quân dự bị (gọi tắt là ZT90Đ), Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện tổ chức quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Quân khu và Tỉnh; ra nghị quyết lãnh đạo, giao nhiệm vụ cho các cấp, các ngành trong huyện triển khai công tác chuẩn bị diễn tập khu vực phòng thủ và động viên quân dự bị theo cơ chế Nghị quyết 02 Bộ Chính trị đề ra: là Huyện ủy lãnh đạo; Ủy ban nhân dân huyện điều hành; các cơ quan Quân sự, Công an và các ban, ngành chức năng của huyện làm tham mưu.

Từ ngày 24 đến ngày 25-10-1990, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, các ngành, các cấp trong huyện đã tích cực tham gia cuộc diễn tập ZT90Đ. Ở các giai đoạn diễn tập, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện luôn bám sát các tình huống để lãnh đạo, chỉ đạo các ngành,

phân công các thành viên trong Hội đồng Nghĩa vụ quân sự huyện theo dõi, chỉ đạo, đề ra các phương án giải quyết, xử lý các tình huống đạt hiệu quả, kịp thời tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện xử lý các tình huống tác chiến đề ra.

Qua hơn 2 ngày diễn tập, được sự chỉ đạo, chỉ huy của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện đã lãnh đạo, chỉ đạo lực lượng vũ trang và các ban, ngành chức năng ân thủ đúng các chỉ thị, mệnh lệnh được giao; các phương án, kế hoạch tác chiến được điều chỉnh kịp thời, đảm bảo huy động cơ sở vật chất, tài chính, phương tiện giao thông phục vụ diễn tập. Huyện đã huy động 8 triệu đồng, các xã huy động 5 triệu đồng phục vụ cho công tác đảm bảo diễn tập. Trong đợt diễn tập này, toàn huyện huy động 14 xe ô tô, hàng trăm xe máy phục vụ diễn tập. Đối với việc động viên quân dự bị, huyện đã động viên được 1 tiểu đoàn bộ binh quân dự bị đạt tỷ lệ 97% quân số. Ngoài ra, huyện còn huy động 1.052 quân dự bị động viên (gồm 97 sĩ quan, 955 hạ sĩ quan, chiến sĩ) sẵn sàng làm nhiệm vụ, đạt tỷ lệ 93% quân số. Kết hợp với diễn tập, lực lượng vũ trang huyện huy động 300 công lao động, đào, đắp 200 mét khối đất, đá làm công sự, trận địa. Các xã, ngành kịp thời tổ chức quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện và ra nghị quyết, chỉ thị lãnh đạo, chỉ đạo lực lượng vũ trang trên địa bàn. Trong diễn tập, xã Hương Sơn động viên được 194 quân dự bị, đạt 96%. Trung đội dân quân thực binh diễn tập đổ bộ đường không đánh chiếm vào địa bàn

được Ban Chỉ đạo diễn tập đánh giá đạt loại khá; các xã Tân Hòa huy động đảm bảo 95% quân dự bị; Tân Đức đảm bảo giao đủ 100% chỉ tiêu quân dự bị cho Tiểu đoàn dự bị động viên của huyện; Thượng Đình tổ chức tốt diễn tập, chỉ đạo lực lượng dân quân phối hợp với công an làm trong sạch địa bàn, xử lý 2 trường hợp phạm pháp; Hà Châu kịp thời truy quét xử lý các đối tượng cờ bạc, trộm cắp và đảo ngũ; Tân Kim hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được đề nghị tặng Bằng khen Cuộc diễn tập ZT90Đ của Huyện Phú Bình đã thể hiện đúng tinh thần Cơ chế 02 của Bộ Chính trị, góp phần nâng cao sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân địa phương theo cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, các cơ quan, ban, ngành làm tham mưu. Tuy nhiên, cuộc diễn tập này vẫn còn một số hạn chế, thiếu sót. Đó là, công tác phối hợp giữa các ban, ngành chưa chặt chẽ, việc huy động lực lượng dự bị động viên còn thiếu và chậm.... Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện kịp thời rút kinh nghiệm và khắc phục hạn chế, thiếu sót sau diễn tập.

Bên cạnh các thành tích về huấn luyện, xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang và sẵn sàng chiến đấu, công tác hậu cần, kỹ thuật của Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình cũng thường xuyên được đẩy mạnh và đạt được nhiều thành tích quan trọng. Trong 2 năm (1989, 1990), kết quả tăng gia của Ban chỉ huy quân sự huyện, lương lương thực quy ra gạo hàng năm được 24 kg/người, đạt 495% kế hoạch; thực phẩm thịt, cá các loại được 7,14 kg/người, đạt 119%, rau xanh đạt 50kg/người. Ngoài ra, các hoạt động trồng cây gây rừng, xây

dụng doanh trại chính quy thường xuyên được quan tâm. Năm 1990, cán bộ, chiến sĩ Ban chỉ huy quân sự huyện tham gia trồng 17,8 ha rừng (đạt 358% chỉ tiêu); trồng phân tán được 2.500 cây lấy gỗ và cây ăn quả, đóng 6 vạn viên gạch, xây mới và củng cố 780 mét vuông nhà ở (đạt 133% chỉ tiêu), thu gom được 30 kg dược liệu khô đưa vào chữa bệnh tại cơ quan..... Nhờ có nhiều cố gắng trong công tác hậu cần, nên đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, chiến sĩ được cải thiện, quân số khỏe đạt 98,7%. Công tác quản lý, sử dụng vũ khí, trang bị kỹ thuật được lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên và tổ chức phân loại, bảo quản, phục vụ tốt cho huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu.

Bước sang những năm đầu Thập kỷ 90, tình hình thế giới có những diễn biến phức tạp, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch quốc tế chống phá các nước xã hội chủ nghĩa quyết liệt. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu lâm vào tình trạng khủng hoảng toàn diện và tan rã, chế độ chính trị thay đổi. Tình hình Campuchia đã được giải quyết từng bước; quan hệ Việt Nam - Trung Quốc tuy đã được bình thường hóa, song vẫn còn diễn biến phức tạp. Mặc dù đạt được nhiều thành tựu kinh tế, xã hội và mở rộng mối quan hệ với nhiều nước trên thế giới, trong những năm đầu đổi mới, nhưng tình hình kinh, tế xã hội nước ta vẫn còn nhiều khó khăn; các thế lực thù địch quốc tế và bọn phản động trong nước tiếp tục chống phá ta về nhiều mặt, hòng vô hiệu hóa chức năng lãnh đạo của Đảng ta, vô hiệu

hóa nhiệm vụ bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền của các lực lượng vũ trang, tiến tới xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Trên địa bàn huyện, tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội còn nhiều diễn biến phức tạp. Tình hình tranh chấp đất đai, khiếu kiện, đánh người gây thương tích, trộm, cướp tài sản vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi. Bên cạnh đó, tình hình thiên tai, lũ lụt ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế và chi phối đến việc hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện. Nhiệm vụ của quân đội ta nói chung, lực lượng vũ trang huyện Phú Bình nói riêng là phải tiếp tục xây dựng kinh tế, củng cố tiềm lực quốc phòng vững mạnh về mọi mặt, xây dựng, củng cố khu vực phòng thủ vững chắc, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Để kịp thời ổn định tư tưởng, nâng cao bản lĩnh chính trị cho cán bộ, chiến sĩ bộ đội địa phương và dân quân, tự vệ, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, Ban chỉ huy quân sự huyện đẩy mạnh việc giáo dục chính trị tư tưởng. Sáu tháng đầu năm 1991, Ban chỉ huy quân sự huyện tổ chức tốt đợt học tập chính trị cho cán bộ, chiến sĩ cơ quan. Nội dung gồm các chuyên đề theo chương trình huấn luyện, học tập, nghe nói chuyện thời sự về nguyên nhân, bài học kinh nghiệm từ sự đổ vỡ của Liên Xô và nhiệm vụ bảo vệ xã hội chủ nghĩa của quân, dân ta. Qua học tập, tư tưởng, lập trường cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện không ngừng được

củng cố, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, trung thành với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của đất nước ta. Kết quả bình xét chất lượng đảng viên ở Chi bộ Cơ quan Quân sự huyện mức 1 đạt 70%, mức 2 đạt 30%, Chi bộ được công nhận là Chi bộ trong sạch vững mạnh, không có đảng viên vi phạm kỷ luật. Lực lượng dân quân, tự vệ thường xuyên được học tập, bồi dưỡng, không ngừng nâng cao nhận thức chính trị; 100% đầu mỗi dân quân, tự vệ đã được học tập các nội dung về Nghị quyết 02 Bộ Chính trị, Điều lệ dân quân, tự vệ; Vai trò, vị trí của dân quân, tự vệ trong chống gây rối, bạo loạn...v.v. Cũng trong 6 tháng đầu năm 1991, Huyện Phú Bình tuyển được 348 người vào bộ đội, đảm bảo đúng nguyên tắc, pháp luật. Ngoài ra, Ban chỉ huy quân sự huyện còn chỉ đạo các xã Đào Xá, Úc Kỳ kiên quyết xử lý 12 công dân chống lệnh gọi nhập ngũ; tổ chức lao động cải tạo 22 lượt người đào ngũ tại địa phương, khai thác 320 mét khối đất, đá, cát, sỏi làm đường từ Úc Kỳ đến cầu Mây.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy, mặc dù điều kiện cơ sở vật chất, đời sống nhân dân còn nhiều thiếu thốn, nhưng trong 3 năm (1989-1991), toàn huyện đã động viên được 1.003 thanh niên lên đường nhập ngũ. Các mặt công tác hậu phương quân đội, xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang, sẵn sàng chiến đấu..., đáp ứng được yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Trên cơ sở kết quả đạt được sau 5 năm đổi mới (1987-1991), để kịp thời lãnh đạo đất nước tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới, từ ngày 24 đến ngày 27-6-1991, Đại hội Đảng

toàn quốc lần thứ VII được triệu tập tại Hà Nội. Tiếp đó, từ ngày 28 đến ngày 31-10-1991, Đảng bộ huyện Phú Bình tổ chức Đại hội lần thứ XXI. Đại hội đã phân tích, đánh giá những mặt đã đạt được, chỉ ra một số mặt hạn chế, thiếu sót cần khắc phục, ra Nghị quyết lãnh đạo nhiệm kỳ mới. Đánh giá kết quả công tác quân sự nhiệm kỳ XX, Đại hội khẳng định “ Công tác quân sự địa phương huyện Phú Bình trong 3 năm qua luôn chấp hành nghiêm túc mệnh lệnh của trên, tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trên giao và Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX đề ra như tuyển quân, xây dựng phương án phòng thủ, huấn luyện chiến đấu, diễn tập phòng thủ khu vực, cải tạo quân nhân đảo ngũ, chống lệnh luôn hoàn thành tốt, 3 năm qua luôn được trên công nhận là đơn vị khá, xong vẫn còn một số khuyết điểm, đó là:

1- Một số cơ sở Đảng, Chính quyền chưa nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò của công tác quân sự địa phương trong tình hình mới, đặc biệt là trước những diễn biến phức tạp của đời sống chính trị, kinh tế quốc tế và trong nước chưa thực sự quan tâm đến công tác quân sự địa phương, quản lý lực lượng và sử dụng lực lượng, tổ chức biên chế, chuẩn bị phương án chiến đấu, động viên tuyển quân.

2 - Dân quân chưa được củng cố thường xuyên, một số cơ sở lực lượng dân quân nhiều, lực lượng cơ động được trang bị vũ khí, song chưa mạnh, chưa đưa được dân quân vào hoạt động làm các nhiệm vụ bảo vệ an toàn địa phương, chưa gắn được kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế”.

Đại hội Đảng bộ huyện Phú Bình lần thứ XXI tiếp tục khẳng định “giữ vững an ninh, chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn để ổn định phát triển sản xuất, thực hiện chính sách xã hội, nhiệm vụ an ninh, quốc phòng”. Tiếp đó, tháng 3-1992, Huyện ủy họp, ra Nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ “Phải triển khai tốt đợt sinh hoạt chính trị, học tập các văn kiện của Đảng đến toàn thể cán bộ, đảng viên, quần chúng. Trong học tập các đơn vị phải liên hệ để xây dựng chương trình hành động cách mạng và kiểm tra đảng viên chấp hành điều lệ Đảng”⁽¹⁾.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XXI, cuối năm 1991 và 6 tháng đầu năm 1992, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, Ban chỉ huy quân sự huyện tổ chức quán triệt sâu rộng nội dung các Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện. Qua nghiên cứu, học tập, hầu hết cán bộ, đảng viên trong lực lượng vũ trang nhân dân huyện đã quán triệt được nhiệm vụ “Đẩy mạnh xây dựng, củng cố các khu vực phòng thủ chủ yếu trong thế trận chiến tranh nhân dân, kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế với quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân với quân số thường trực hợp lý, có chất lượng và sức mạnh chiến đấu cao; đồng thời xây dựng lực lượng dự bị động viên, dân quân, tự vệ rộng khắp, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối

⁽¹⁾ Thông báo số 21/TB-HU ngày 6/3/1992 của Huyện ủy Phú Bình.

với quân đội và sự nghiệp Quốc phòng”, do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII đề ra, nhằm “Tiếp tục xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân; xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc; nâng cao hơn nữa năng lực chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh, nhất là lực lượng dân quân, tự vệ, quân dự bị động viên và trình độ làm tham mưu cho cấp ủy, chính quyền về công tác quân sự địa phương của cơ quan quân sự các cấp; phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng vũ trang nhân dân trong việc bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, giữ vững an ninh, trật tự tại địa phương” do Đại hội Đảng bộ Quân sự tỉnh đề ra.

Quán triệt nhiệm vụ lãnh đạo do Đại hội Đảng các cấp đề ra, nhận thức rõ bản chất, âm mưu, thủ đoạn chiến lược “Diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch và những vấn đề phức tạp trên địa bàn, Ban chỉ huy quân sự huyện thường xuyên đề cao cảnh giác, thực hiện nghiêm các chế độ trực ban, trực sẵn sàng chiến đấu, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chiến đấu phòng thủ. Đầu năm 1992, Ban chỉ huy quân sự huyện đã xây dựng xong kế hoạch A2 được các cấp phê chuẩn và áp dụng vào thực tế. Ngoài ra, Ban chỉ huy quân sự huyện chỉ đạo lực lượng vũ trang huyện phối hợp với lực lượng công an tăng cường tuần tra, bảo vệ địa bàn, kịp thời giải quyết các vụ việc mới nảy sinh, hoàn thành giải tỏa khu vực tụ tập họp chợ trái phép tại Úc Sơn.

Mặc dù còn nhiều khó khăn, để đáp ứng nhiệm vụ công tác tổ chức, củng cố, xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ với phương châm lấy chất lượng làm chính, Ban chỉ huy quân sự huyện tổ chức kiện toàn, củng cố lực lượng ở 22 đầu mối dân quân và 6 đơn vị tự vệ. Sáu tháng đầu năm 1992, huyện Phú Bình điều chỉnh, kiện toàn 8 Xã đội trưởng mới được bổ nhiệm sau Đại hội Đảng các cấp. Tổng số lực lượng dân quân, tự vệ toàn huyện tính đến hết năm 1992 là 2.952 người được biên chế thành 16 đại đội, 46 trung đội, 78 tiểu đội và 128 tiểu đội binh chủng (Trong đó, lực lượng dân quân cơ động là 16 trung đội). Tỷ lệ dân quân nòng cốt đạt 2,5% dân số, tự vệ đạt 10% đến 15% cán bộ, công chức. 100% các đơn vị hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện (Trong đó, kiểm tra bắn đạn thật cho đối tượng dân quân năm thứ hai và thứ ba được 795 người, có 283 người đạt loại giỏi, 253 người đạt loại khá). Năm 1992, các xã Thanh Ninh, Lương Phú, Tân Đức, Hương Sơn xếp loại giỏi, Tân Kim, Tân Khánh, Úc Sơn, Xuân Phương, Diềm Thụy đạt loại khá, toàn huyện xếp loại khá về huấn luyện dân quân, tự vệ. Trong huấn luyện, Ban chỉ huy quân sự huyện đã chỉ đạo các Ban chỉ huy Xã đội phối hợp với các ngành ở địa phương triển khai các kế hoạch hiệp đồng phòng chống bão lụt với các đơn vị đóng quân trên địa bàn; tổ chức phân công lực lượng và phương tiện diễn tập thực hành. Lực lượng dân quân ở các xã Tân Thành, Tân Khánh, Úc Sơn vừa tổ chức huấn luyện, vừa làm các công trình kinh tế (giao thông, thủy lợi).

Năm 1992, công tác tuyển quân bước sang năm thứ hai thực hiện theo Luật Nghĩa vụ quân sự mới, có nhiều đòi hỏi về chất lượng, số lượng và tiến độ giao, nhận quân. Để thực hiện tốt công tác tuyển quân, ngay từ đầu năm 1992, Ban chỉ huy quân sự huyện đã lập kế hoạch chuẩn bị gọi thanh niên nhập ngũ thông qua Hội đồng Nghĩa vụ huyện hướng dẫn các đơn vị, chỉ rõ đối tượng, tuổi đời, sức khỏe, văn hóa tiêu chuẩn chính trị, ấn định thời gian giao quân và yêu cầu các đơn vị tự kiểm điểm nghiêm túc công tác gọi thanh niên nhập ngũ năm 1991, rút ra bài học cho công tác gọi thanh niên nhập ngũ năm 1992 đạt kết quả cao nhất; tổ chức tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động; tổ chức chặt chẽ việc nắm nguồn, khám sức khỏe, kịp thời xử lý các trường hợp chống lệnh.... Do chủ động trong công tác tuyển quân, thực hiện tốt phương châm “Ba gặp, bốn biết”⁽¹⁾, nên năm 1992 công tác tuyển quân của Phú Bình hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao, kết quả giao đủ 380 người cho các đơn vị huấn luyện; nắm danh sách được 5.435 quân dự bị động viên biên chế vào các đơn vị dự trữ chiến lược.

Kết thúc năm 1992, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình, xã Lương Phú và thị trấn Úc Sơn được cấp trên tặng danh hiệu Đơn vị quyết thắng. Do đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang, sẵn sàng chiến đấu, nên dân quân các xã Diêm Thụy, Tân Khánh, Tân

⁽¹⁾ Ba gặp: Gặp người nhập ngũ, gặp chính quyền, gặp gia đình người nhập ngũ. Bốn biết: Biết hoàn cảnh gia đình, biết trình độ văn hóa, biết sức khỏe, biết đạo đức của người nhập ngũ.

Kim, Tân Đức, Tân Hòa, Xuân Phương và Tự vệ Huyện ủy cùng với 26 cá nhân có thành tích xuất sắc được tặng Bằng khen, 80 cá nhân được tặng Giấy khen.

Ngày 28-01-1993, Huyện ủy Phú Bình họp ra Nghị quyết số 09/NQ-HU về phương hướng nhiệm vụ năm 1993, chỉ rõ: Tiếp tục thực hiện Nghị quyết lần thứ 6 của Huyện ủy về công tác Quốc phòng trong tình hình mới. Các cấp ủy Đảng, chính quyền điều hành sát sao, trong đó lực lượng công an, quân sự địa phương tiếp tục làm nòng cốt bảo vệ thành tích đã đạt được.

Thực hiện Nghị quyết của Huyện ủy về phương hướng nhiệm vụ công tác năm 1993, lực lượng vũ trang huyện Phú Bình tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức, đẩy mạnh các hoạt động về công tác chính trị, huấn luyện chiến đấu. Đầu năm 1993, quân số của Cơ quan Quân sự huyện gồm 39 cán bộ, chiến sĩ. Năm 1993, trên địa bàn huyện xảy ra một số vụ việc phạm pháp hình sự, gây mất ổn định trật tự an toàn xã hội, làm thiệt hại tài sản chung khoảng 18 triệu đồng. Trước tình hình đó, lực lượng Công an đã phối hợp với lực lượng dân quân, tự vệ triệt phá 22 vụ phạm pháp hình sự, bắt và cải tạo 42 đối tượng, xóa các tụ điểm nghiện hút ma túy ở hai xã Đào Xá và Kha Sơn, tụ điểm cờ bạc ở xã Nhã Lộng, bắt 4 đối tượng buôn bán phụ nữ ... Trong 6 tháng đầu năm 1993, 100% đơn vị dân quân, tự vệ trên địa bàn huyện đã xây dựng, bổ sung, hoàn chỉnh các Kế hoạch A2, Tác chiến phòng thủ, Phương án chống “gây rối, bạo loạn, lật đổ”,

nhằm bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, quyết tâm xử lý các tình huống xảy ra bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ ở mức độ cao nhất. Kết thúc năm 1993, với phương châm huấn luyện, xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ lấy chất lượng làm chính, huyện Phú Bình đã tổ chức kiện toàn lực lượng dân quân theo các cụm dân cư, giảm các đầu mối cấp đại đội, tăng đầu mối cấp trung đội, tiểu đội; thành lập lực lượng dân quân cơ động ở các xã. Theo đó, cấp đại đội dân quân chỉ còn 7 đại đội (giảm 11 đại đội so với năm 1992), 63 trung đội (tăng 17 trung đội so với năm 1992). Toàn huyện đã bổ nhiệm thêm 2 cán bộ xã đội, 12 cán bộ cấp đại đội, 172 cán bộ cấp trung đội, 196 cán bộ tiểu đội. Công tác củng cố tổ chức, xây dựng lực lượng được các cấp chính quyền quan tâm đúng mức, nên lực lượng dân quân, tự vệ hoạt động ngày càng có hiệu quả. Các xã Khả Sơn, Dương Thành, Nhã Lộng đã tổ chức tốt việc diễn tập từng mặt và diễn tập toàn diện, trong đó tập trung diễn tập chống “gây rối, bạo loạn”; kết hợp diễn tập quân sự với truy quét các đối tượng phạm pháp hình sự, làm trong sạch địa bàn, giải phóng hành lang giao thông, thu thuế nông nghiệp còn tồn đọng, được các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân địa phương khen ngợi, hưởng ứng.

Năm 1993, nhân dân và lực lượng vũ trang huyện Phú Bình huy động được 440 thanh niên lên đường nhập ngũ, hoàn thành 100% chỉ tiêu do Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh giao. Ban chỉ huy quân sự huyện đẩy mạnh công tác

giáo dục chính trị, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội. Ngoài việc tập trung giáo dục Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, các nghị quyết của Đảng ủy Quân khu và Đảng ủy Quân sự tỉnh về công tác quốc phòng - quân sự địa phương cho cán bộ, chiến sĩ Cơ quan Quân sự huyện, Ban chỉ huy quân sự huyện còn tổ chức huấn luyện cho 100% đầu mối dân quân, tự vệ. Qua giáo dục chính trị, ý thức về nhiệm vụ của cán bộ, chiến sĩ bộ đội địa phương, dân quân, tự vệ được nâng lên rõ rệt. Bên cạnh đó, các chính sách hậu phương quân đội cũng được quan tâm đúng mức. Ngoài việc đóng góp ủng hộ, thăm hỏi, tặng quà các gia đình chính sách, Ban chỉ huy quân sự huyện còn tổ chức khen thưởng kịp thời cho 62 tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác quân sự địa phương. Kết quả của công tác hậu phương quân đội đã góp phần củng cố mối đoàn kết quân, dân và tạo được niềm tin trong nhân dân, tạo điều kiện cho cán bộ, chiến sĩ yên tâm công tác, hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Tổng kết phong trào và nhiệm vụ thi đua năm 1993, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình được xếp đơn vị đạt loại I, đạt 7,9 điểm là đơn vị loại khá toàn diện, xếp thứ 2 của tỉnh (sau thành phố Thái Nguyên), được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái đánh giá “là đơn vị giữ được thành tích, có nhiều mặt vươn lên, đặc biệt là các mặt quân sự và hậu cần; công tác tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương đạt khá. Bên cạnh đó vẫn còn một số mặt hạn chế

nhất định, đặc biệt là nắm chất lượng thanh niên nhập ngũ còn chưa chắc, tỷ lệ dự phòng còn cao (từ 8% đến 9%)”.

Sau 7 năm (1987-1993) thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, tình hình kinh tế, xã hội của huyện Phú Bình có nhiều đổi mới quan trọng, nền kinh tế có mức tăng trưởng cao và đều qua từng năm. Tốc độ phát triển kinh tế tăng từ 9,5% (năm 1992) lên 10% (năm 1993) và 11% (năm 1994). Tổng thu nhập ngân sách năm 1993 đạt 3,66 tỷ đồng. Ngành Giáo dục đạt được một số thành tích đáng kể, hệ thống trường lớp và trang thiết bị dạy học được quan tâm đầu tư, số học sinh thi đỗ tốt nghiệp các cấp đạt ở mức cao (bậc tiểu học đạt 97,5%, bậc trung học cơ sở đạt 98,1%). Hoạt động giáo dục, đặc biệt là giáo dục trung học phổ thông gắn liền với giáo dục quốc phòng cho học sinh được chú trọng. Ngành Y tế của huyện đảm bảo tốt việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân và công tác khám tuyển nghĩa vụ quân sự. Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Những kết quả đạt được trong các mặt kinh tế - xã hội đã có tác động tích cực đến việc xây dựng, củng cố, huấn luyện lực lượng vũ trang nhân dân huyện, góp phần xây dựng huyện thành pháo đài phòng thủ vững chắc và thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược “xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”.

II- Xây dựng Đảng bộ Quân sự huyện trong sạch, vững mạnh, tiếp tục lãnh đạo lực lượng vũ trang nhân dân huyện thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới của Đảng.

Nhằm tăng cường hơn nữa vai trò lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang địa phương, căn cứ vào Quyết định số 72/QĐ-TW của Ban Bí thư Trung ương và Hướng dẫn số 01/HĐ-CT, ngày 26-01-1994 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, tháng 5-1994, Ban chỉ huy quân sự huyện, Ban Thường vụ Huyện ủy Phú Bình ra Nghị quyết thành lập Đảng bộ Quân sự huyện trực thuộc Huyện ủy và chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự huyện (lâm thời) gồm 5 đồng chí do đồng chí Đồng Huy Xuyên (Bí thư Huyện ủy) làm Bí thư, Dương Doãn Đối (Chỉ huy phó Chính trị Ban chỉ huy quân sự huyện) làm Phó Bí thư. Tiếp theo, Đảng ủy Quân sự huyện ra quyết định thành lập và chỉ định cấp ủy các chi bộ Tham mưu, Chính trị, Hậu cần - Kỹ thuật.

Đảng ủy Quân sự huyện họp đề ra Quy chế làm việc cụ thể của Đảng ủy gồm các nội dung:

Chấp hành nghiêm ngặt những nguyên tắc cơ bản trong quy chế làm việc của Đảng ủy các cấp trong quân đội “Đảng ủy thực hiện sự lãnh đạo của mình thông qua hệ thống tổ chức Đảng các cấp, hoạt động về tư tưởng, tổ chức của cơ quan chính trị và trên cơ sở bảo đảm sự lãnh đạo tập thể của tổ chức Đảng, thực hiện chế độ một người chỉ huy”

Công tác lãnh đạo của Đảng bộ Quân sự huyện giữa hai kì đại hội do Đảng ủy Quân sự huyện quyết nghị về chủ trương và biện pháp thực hiện; không có nhiệm vụ nào, lĩnh vực nào trong công tác quốc phòng – quân sự địa phương của huyện lại không có sự lãnh đạo của Đảng ủy Quân sự

huyện. Đảng ủy Quân sự huyện quán triệt và chấp hành nghiêm chỉnh nguyên tắc “Tập trung dân chủ, lãnh đạo tập thể đi đôi với cá nhân phụ trách”

Qui chế của Đảng ủy chỉ rõ những vấn đề lớn nhất thiết phải đưa ra tập thể Đảng ủy Quân sự huyện thảo luận và quyết định là:

- Các kế hoạch phòng thủ, sẵn sàng chiến đấu, quyết tâm tác chiến.

- Chủ trương, biện pháp xây dựng, củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng của lực lượng vũ trang nhân dân huyện về mọi mặt và kế hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ lực lượng vũ trang nhân dân huyện (cả bộ đội địa phương và dân quân, tự vệ).

- Chủ trương, chỉ tiêu và những biện pháp lớn về sản xuất, nâng cao đời sống cán bộ, chiến sĩ và xây dựng cơ sở vật chất.

- Phương hướng và biện pháp công tác Đảng, công tác chính trị.

- Những chủ trương và biện pháp chấp hành chính sách hậu phương quân đội.

Tháng 6-1994, Đảng bộ Quân sự huyện Phú Bình họp Đại hội Đảng bộ Quân sự huyện lần thứ nhất, nhằm đánh giá kết quả lãnh đạo của cấp ủy, chi bộ Cơ quan quân sự huyện trong thời gian vừa qua, ra nghị quyết phương hướng lãnh đạo trong thời gian tới. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ

Quân sự huyện gồm các đồng chí Đồng Huy Xuyên (Bí thư Huyện ủy) làm Bí thư, Dương Doãn Đối (Chỉ huy phó Chính trị Ban chỉ huy quân sự huyện) làm Phó Bí thư, các đồng chí Dương Huy Bách (Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện), Nguyễn Văn Chung (Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện), Lý Chấn Dính (Chỉ huy phó – Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện) làm Ủy viên.

Ngày 20-8-1994, Ban Thường vụ Huyện ủy Phú Bình họp, ra Chỉ thị số 12/CT-HU, về việc huấn luyện quân sự năm 1994 và sẵn sàng ứng phó thắng lợi với tình huống trên địa bàn. Bản Chỉ thị của Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ rõ các cấp, ngành phải thực hiện tốt một số yêu cầu, nhiệm vụ sau:

1- Đảng ủy, chính quyền các xã, thị trấn; cấp ủy và thủ trưởng các cơ quan phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo huấn luyện dân quân, tự vệ; nhất thiết không để một đơn vị nào không tham gia huấn luyện.

2- Các xã, thị trấn được chỉ định diễn tập A2 phải chuẩn bị tốt công tác diễn tập, bảo đảm an toàn, tiết kiệm và hiệu quả.

3- Tổ chức phát động thi đua trong toàn bộ lực lượng vũ trang nhân dân huyện lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn trong năm, tổ chức huấn luyện và diễn tập đạt kết quả cao.

Ban Thường vụ Huyện ủy Phú Bình cũng kịp thời biểu dương các đơn vị Tự vệ Huyện ủy, Tự vệ Ủy ban nhân dân huyện, Tự vệ Bệnh viện và dân quân các xã Xuân phương, Diêm Thụy, Dương Thành, Lương Phú, thị trấn Úc Sơn đã

có nhiều cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ huấn luyện quân sự 6 tháng đầu năm 1994. Tiếp đó, ngày 15-11-1994, Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình ra kế hoạch về hoạt động tuyên truyền giáo dục truyền thống của Quân đội nhân dân Việt Nam, của Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh, huyện, hướng tới kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1944 – 22/12/1994) và 5 năm ngày Hội Quốc phòng toàn dân (22/12/1989 – 22/12/1994).

Thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, Đảng ủy và Ban chỉ huy quân sự huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện nỗ lực phấn đấu, hoàn thành tốt công tác quân sự địa phương 6 tháng cuối năm 1994.

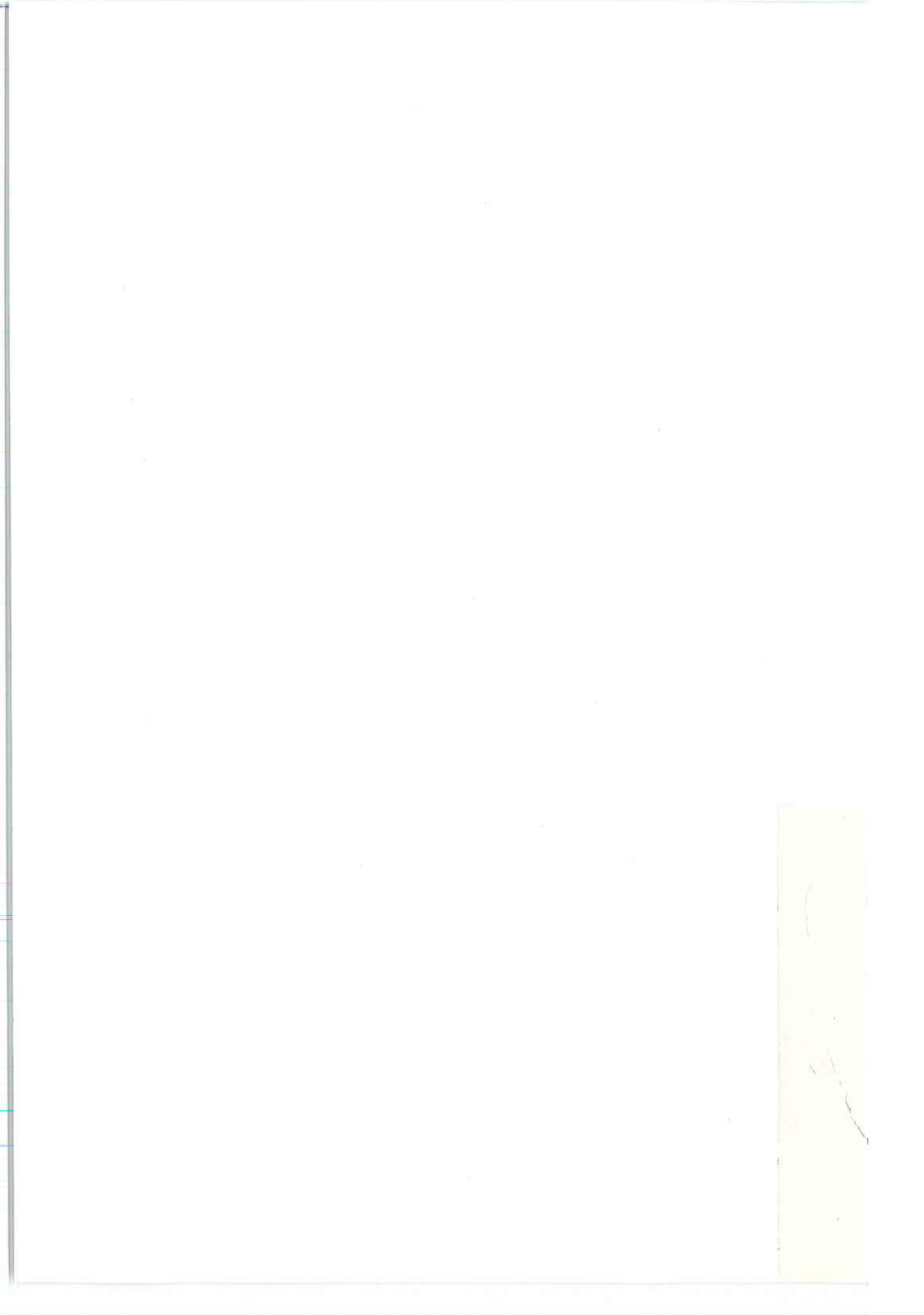
• Kết thúc năm 1994, lực lượng dân quân, tự vệ huyện Phú Bình được củng cố, kiện toàn, với quân số 3.261 đồng chí, được tổ chức biên chế thành 110 trung đội và 121 tiểu đội theo cụm dân cư. 100% các đầu mối dân quân, tự vệ trong huyện đã hoàn thành chương trình huấn luyện (Trong đó, các xã Thanh Ninh, Lương Phú, Tân Đức, Diêm Thụy giữ vững nền nếp huấn luyện và tổ chức huấn luyện sớm. Đặc biệt, xã Đào Xá từ một xã nhiều năm có kết quả huấn luyện trung bình, năm 1994, được các cấp uỷ Đảng, Chính quyền quan tâm đã tổ chức huấn luyện tập trung; mỗi ngày huấn luyện xã bảo đảm cho cán bộ, chiến sĩ dân quân tham gia huấn luyện một bữa ăn, do đó kết quả huấn luyện đạt chất lượng tốt. Đây là một nhân tố mới thể hiện sự chăm lo



Lễ ra mắt Phân đội dân quân tập trung làm nhiệm vụ quân sự tại huyện.



Cán bộ Cơ quan quân sự huyện giúp dân gặt lúa.



xây dựng lực lượng được các ngành, các cấp nghiên cứu học tập). Đến ngày 25-10-1994, toàn huyện đã kết thúc huấn luyện lực lượng dân quân, tự vệ, kết quả kiểm tra toàn diện đạt loại khá, hoàn thành chương trình huấn luyện sớm trước gần 1 tháng. Trong công tác giáo dục quốc phòng cho học sinh phổ thông trung học, năm 1994, Ban chỉ huy quân sự huyện đã hoàn thành huấn luyện quốc phòng cho 1.080 học sinh, đạt tỷ lệ 100%. Bên cạnh công tác huấn luyện lực lượng dân quân, tự vệ và giáo dục quốc phòng, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình phối hợp với các ngành, chỉ đạo các đơn vị tổ chức hội thao quốc phòng các cấp lựa chọn đoàn tuyển thủ 8 vận động viên đi dự Hội thao quốc phòng toàn tỉnh, do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức đạt loại khá.

Để đánh giá thực trạng, tình hình, chất lượng huấn luyện và khả năng của lực lượng dân quân, tự vệ, thực hiện chỉ lệnh của trên trong năm 1994, Ban chỉ huy quân sự huyện chỉ đạo thị trấn Úc Sơn diễn tập, chiến đấu theo phương án A2. Qua diễn tập, việc xử lý các tình huống đảm bảo nhanh, dứt khoát, kiên quyết, điều động kịp thời; thứ tự các bước tiến hành, phương pháp làm việc của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân thị trấn rõ ràng, rành mạch. Kết hợp với huấn luyện, diễn tập lực lượng dân quân thị trấn Úc Sơn phối hợp với lực lượng công an, Viện Kiểm sát, Đoàn Thanh niên ... thực hiện có hiệu quả truy quét tội phạm, các ổ nhóm tiêu cực, giải tỏa hành lang được các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương khen ngợi.

Chấp hành nghiêm mệnh lệnh tuyển quân của cấp trên, năm 1994, Phú Bình đã tuyển được 400 thanh niên nhập ngũ, đảm bảo 100% chỉ tiêu trên giao; hoàn chỉnh, bổ sung thêm 285 quân dự bị, 100 quân dự bị chiến lược; xử lý cải tạo lao động bắt buộc 59 quân nhân đảo ngũ tại địa phương. Ban chỉ huy quân sự huyện phối hợp với các tổ chức quần chúng, đoàn thể ở huyện chỉ đạo Ban chỉ huy các xã đội, thi đội đẩy mạnh tuyên truyền, thi đua phát huy truyền thống xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam ngày càng chính quy, tinh nhuệ và hiện đại; tổ chức gặp mặt các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, các đồng chí cán bộ quân đội nghỉ hưu nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam.

Kết thúc năm 1994, Đảng ủy quân sự huyện được Đảng bộ cấp trên công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh, có 100% Chi bộ đạt trong sạch vững mạnh. Toàn huyện có 9 tập thể, 25 cá nhân được tặng bằng khen, 13 tập thể, 64 cá nhân được tặng giấy khen vì đã có nhiều thành tích trong thực hiện công tác quân sự địa phương, 1 đơn vị được công nhận là đơn vị quyết thắng. Những thành tích trong công tác quân sự địa phương năm 1994 của huyện Phú Bình thể hiện sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang huyện lập thành tích chào mừng 50 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22-12-1944 – 22-12-1994).

Công tác quân sự địa phương của Phú Bình trong 2 năm (1993-1994) còn những hạn chế nhất định. “Chất lượng dân

quân, tự vệ hoạt động chưa thật cao, chưa đồng đều và phát huy được hết vai trò nòng cốt của mình ở địa phương; một số cơ sở Đảng, chính quyền chưa thực sự quan tâm đến phong trào, xã đội trưởng chưa đi sâu vào những việc chính của mình; đội ngũ cán bộ xã đội và chỉ huy tự vệ nhìn chung năng lực còn hạn chế; lực lượng cơ động tuy đã được xây dựng nhưng nhìn chung còn yếu do:

- Nhận thức công tác quân sự địa phương trong cơ chế thị trường còn nhiều bất cập.

- Một số cơ sở Đảng, chính quyền chưa thực sự quan tâm đến hoạt động quân sự địa phương.

- Trình độ, năng lực công tác quân sự địa phương của cán bộ cơ sở còn hạn chế, tự giác của người công dân còn thấp⁽¹⁾.

Trên cơ sở kết quả đã đạt được của những năm trước, khắc phục các mặt yếu kém, đầu năm 1995, Ban chỉ huy quân sự huyện đã hoàn chỉnh, xây dựng kế hoạch công tác năm và xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện được Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh phê chuẩn. Đứng trước những diễn biến mới của tình hình thế giới và khu vực, để kịp thời đối phó với các âm mưu, thủ đoạn “Diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch, thực hiện mệnh lệnh của Thủ trưởng Bộ Tư lệnh quân khu I và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh,

⁽¹⁾ Tổng kết công tác Quân sự địa phương của Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình năm 1994.

Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình tập trung hoàn chỉnh kế hoạch tác chiến phòng thủ. Các kế hoạch huấn luyện, kế hoạch A, A2 của các xã, thị trấn và lực lượng tự vệ được bổ sung, hoàn chỉnh, phù hợp với thực tiễn địa phương.

Năm 1995, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định tổ chức cuộc diễn tập phòng thủ PT95 quy mô toàn tỉnh. Thực hiện chủ trương của trên, Ban Thường vụ Huyện ủy Phú Bình thành lập Ban Chỉ đạo diễn tập do các đồng chí Dương Huy Bách (Phó Bí thư Huyện ủy – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện) làm Trưởng ban, Nguyễn Văn Chung (Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện) làm Phó ban. Từ ngày 2 đến ngày 5-8-1995, quân và dân toàn huyện bước vào cuộc diễn tập PT 95. Đây là cuộc diễn tập có quy mô lớn, vừa tập xử lý một số tình huống theo kế hoạch phòng chống biểu tình, gây rối bạo loạn, vừa tập trung xử lý một số vấn đề kinh tế - xã hội, nên có tác dụng to lớn và thiết thực được quân và dân trong huyện nhiệt tình ủng hộ. Thông qua diễn tập, các xã, thị trấn và các đơn vị được nâng cao trình độ về các mặt, trình độ sẵn sàng chiến đấu, chất lượng vận hành theo cơ chế 02 của Bộ Chính trị được nâng lên một bước. Toàn huyện đã huy động 981 quân dự bị tham gia diễn tập, bảo đảm 100% quân số. Tuy cuộc diễn tập còn bộc lộ một số hạn chế về tư tưởng, việc xử lý một số tình huống ở các cấp và sự phối hợp điều hành của chính quyền chưa được chặt chẽ, nhưng về cơ bản cuộc Diễn tập PT 95 của huyện Phú Bình đã hoàn thành thắng lợi, đạt mục đích yêu cầu đề ra.

Kết thúc năm 1995, công tác huấn luyện cho lực lượng thường trực và dân quân, tự vệ trong huyện đạt loại khá. Ban chỉ huy quân sự huyện tập trung việc rà soát độ tuổi, đăng ký độ tuổi thanh niên nhập ngũ, sơ tuyển trước khi gọi khám. Qua rà soát đã kịp thời Tham mưu cho Hội đồng nghĩa vụ quân sự các cấp, phối hợp với phòng văn hóa thông tin, tuyên truyền giáo dục Luật Nghĩa vụ quân sự, tiêu chuẩn, chế độ chính sách làm cho đội ngũ thanh niên nhập ngũ ý thức được trách nhiệm của mình đối với việc nhập ngũ; toàn huyện tuyển được 316 người giao cho các đơn vị huấn luyện đảm bảo 100% quân số được giao.

Tuy nhiên, công tác tuyển quân của Phú Bình trong những năm 1990-1995 vẫn còn hạn chế. Riêng năm 1995, Huyện phát lệnh gọi khám 1372 người, nhưng chỉ có 1081 người đến khám, còn lại là chống lệnh hoặc vắng mặt, chiếm tỷ lệ 7,9%. Trong số 316 thanh niên giao cho các đơn vị huấn luyện có 14 trường hợp đảo ngũ trở về địa phương. Trước tình hình đó, Ban chỉ huy quân sự huyện phối hợp với các cơ sở chỉ đạo Ban chỉ huy quân sự các xã, thị trấn tiến hành tích cực và cương quyết bằng hình thức giáo dục cải tạo cưỡng bức lao động tập trung tại huyện và phân tán tại các xã đối với 91 quân nhân đảo ngũ tồn đọng từ các năm trước, nhưng vẫn còn tồn đọng 70 trường hợp chưa cải tạo được. Đối với quân nhân mới đảo ngũ về địa phương, Ban chỉ huy quân sự huyện phối hợp với các tổ chức đoàn thể như Hội phụ nữ, Đoàn Thanh niên vận động trở về đơn vị. Những việc làm cương quyết, có tình có lý đó đã góp phần

đẩy mạnh việc tuyển quân theo đúng quy định của Nhà nước, tạo nên sự công bằng xã hội, được nhân dân đồng tình ủng hộ, thúc đẩy lực lượng vũ trang huyện hoàn thành tốt hơn chỉ tiêu động viên những năm tiếp theo.

Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy Phú Bình, công tác củng cố, nâng cao chất lượng đảng viên và các tổ chức cơ sở đảng trong toàn Đảng bộ huyện được chú trọng. Ủy ban kiểm tra Huyện ủy và Ủy ban kiểm tra Đảng bộ các cấp xây dựng được quy chế phối hợp, làm việc chặt chẽ, góp phần nâng cao chất lượng của đảng viên và các tổ chức cơ sở Đảng trong Đảng bộ. Trong 5 năm (1991-1995), Đảng bộ huyện kiểm tra 9.059 đảng viên, kịp thời phát hiện xử lý kỷ luật 96 đảng viên, khai trừ khỏi Đảng 69 đảng viên... góp phần làm trong sạch đội ngũ đảng viên và nâng cao sức chiến đấu trong Đảng bộ. Kết quả đó góp phần quan trọng đến việc xây dựng, củng cố tiềm lực quốc phòng an ninh trên địa bàn huyện. Tháng 9-1995, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy đã tiến hành kiểm tra Đảng ủy và các Đảng ủy viên trong Đảng bộ quân sự huyện Phú Bình đánh giá: “việc chấp hành nguyên tắc, tổ chức sinh hoạt Đảng và giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng của đảng viên ở Đảng ủy quân sự huyện Phú Bình đã được thực hiện nghiêm. Từng bước tăng cường được vai trò lãnh đạo và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng quân sự địa phương”⁽¹⁾.

⁽¹⁾- Kết luận kiểm tra của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Phú Bình đối với Đảng bộ quân sự huyện.

Năm 1995, sau khi đồng chí Nguyễn Văn Chung (Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện) nghỉ chờ hưu, đồng chí Lý Chấn Dính (Chỉ huy phó – Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện) được bổ nhiệm giữ chức Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình. Ban chỉ huy quân sự huyện gồm các đồng chí Lý Chấn Dính (Chỉ huy trưởng), Dương Doãn Đối (Chỉ huy phó Chính trị), Đào Duy Đáp (Chỉ huy phó - Tham mưu trưởng), Hoàng Hiệp (Chỉ huy phó động viên).

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, công tác quốc phòng, quân sự địa phương của huyện Phú Bình trong những năm 1990-1995 còn nhiều hạn chế. Công tác giáo dục quốc phòng toàn dân, giáo dục ý thức cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân các dân tộc trên địa bàn còn chưa sâu rộng. Kế hoạch tác chiến trị an của các xã, thị trấn tuy đã được kiện toàn và thường xuyên bổ sung, song chất lượng còn thấp, việc tổ chức luyện tập theo phương án còn ít. Một số bộ phận cán bộ trong cơ quan quân sự các cấp năng lực làm công tác tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền còn hạn chế, nên hiệu suất công tác và chất lượng công việc chưa cao. Việc huấn luyện lực lượng dân quân, tự vệ ở cơ sở còn mang nặng tính hình thức thậm trí có nơi còn “ghi tên huấn luyện cho xong chương trình”, không hoạt động hoặc hoạt động chưa gắn với việc giữ gìn trật tự, trị an trên địa bàn. Công tác động viên, tuyển quân còn chưa chắc, tỷ lệ chống lệnh khám tuyển còn cao, số lượng đảo ngũ còn nhiều, công

tác quản lý lực lượng dự bị động viên có lúc, có nơi chưa chặt chẽ.

Từ ngày 25 đến ngày 27-11-1996, Đảng bộ huyện Phú Bình tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XXII. Đồng chí Dương Văn Lương (Bí thư Huyện ủy) thay mặt Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXI đọc báo cáo chính trị và kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXI, nêu bật các thành tích lãnh đạo kinh tế, xã hội của Đảng bộ trong nhiệm kỳ vừa qua. Về vấn đề an ninh, quốc phòng, báo cáo chính trị của Huyện ủy tại Đại hội chỉ rõ “ Phong trào bảo vệ an ninh, xây dựng nền quốc phòng toàn dân được các cấp bộ Đảng, chính quyền và toàn thể nhân dân tích cực hưởng ứng. Trong đó, lực lượng quân sự và công an làm nòng cốt đã ngăn chặn làm thất bại các thủ đoạn dùng chiến lược “Diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch. Ổn định được chương trình, kế hoạch huấn luyện, xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, quân dự bị động viên và tuyển quân cho lực lượng thường trực hàng năm đều hoàn thành tốt. Các phương án tác chiến, phương án phòng thủ thường xuyên được xem xét, bổ sung phù hợp với diễn biến tình hình. Biết gắn công tác quốc phòng với công tác an ninh, quốc phòng với phát triển kinh tế”.

Trong nhiệm kỳ lần thứ XXI, Báo cáo khẳng định: Đảng bộ lãnh đạo nhân dân và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương xây mới được 6 Nghĩa trang Liệt sĩ, 1 Đài tưởng niệm Liệt sĩ của huyện, tổ chức làm nhà tình nghĩa,

tặng vườn cây tình nghĩa, tặng sổ tiết kiệm, tổ chức ngày thương binh, liệt sĩ; thăm hỏi và tặng quà cho 20.000 lượt đối tượng chính sách, các gia đình thương binh, liệt sĩ gặp nhiều khó khăn, trị giá 700 triệu đồng.

Đại hội ra Nghị quyết về phương hướng lãnh đạo phát triển kinh tế, an ninh, quốc phòng trên địa bàn. Đối với công tác quân sự địa phương Nghị quyết Đại hội chỉ rõ “Tiếp tục thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan quân sự làm công tác tham mưu”, luôn củng cố nền quốc phòng toàn dân vững mạnh; trong công tác xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ lấy chất lượng làm chính, chú trọng nâng cao năng lực chiến đấu, làm nòng cốt trong việc bảo vệ Đảng, chính quyền, giữ gìn trật tự ở cơ sở. Mỗi xã, thị trấn phải xây dựng được một trung đội dân quân cơ động mạnh, đủ sức ứng phó kịp thời khi có tình huống gây rối, biểu tình, bạo loạn xảy ra. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, hàng năm đưa lực lượng thanh niên có đủ tiêu chuẩn vào xây dựng lực lượng thường trực, kiên quyết xử lý những người vi phạm Luật Nghĩa vụ quân sự”. Đại hội bầu Ban chấp hành Đảng bộ do đồng chí Dương Văn Lương làm Bí thư Huyện ủy.

Tiếp theo Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI, ngày 12-12-1995, Đảng bộ Quân sự huyện Phú Bình tổ chức Đại hội Đảng bộ lần thứ II. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ quân sự huyện khóa, gồm 7 đồng chí, do các đồng chí Dương Văn Lương (Bí thư Huyện ủy) làm Bí thư, Dương

Doãn Đối (Chỉ huy phó Chính trị Ban chỉ huy quân sự huyện) làm Phó Bí thư và các đồng chí Dương Vương Thử (Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện), Lý Chấn Dính (Chỉ huy trưởng), Lê Thanh Ngọc (Chỉ huy phó - Tham mưu trưởng), Nguyễn Văn Tòng (Chỉ huy phó Động viên), Nguyễn Văn Toàn (phụ trách Hậu cần) làm ủy viên. Sau khi được kiện toàn về tổ chức, Đảng ủy quân sự huyện Phú Bình tập trung lãnh đạo lực lượng vũ trang huyện đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ quân sự địa phương trên địa bàn.

Cũng trong năm 1996, Đại hội Đảng bộ quân sự tỉnh lần thứ XV họp ra Nghị quyết trong đó xác định phương hướng nhiệm vụ trong nhiệm kỳ 1996-2000 là: “Tăng cường nhiệm vụ giáo dục quốc phòng toàn dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc, nâng cao chất lượng và sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang. Trong đó, lực lượng thường trực xây dựng chính quy, lực lượng dân quân, tự vệ, dự bị động viên đủ sức cơ động chiến đấu theo kế hoạch phòng thủ của tỉnh, thường xuyên làm nòng cốt trong hoạt động tác chiến trị an ở cơ sở. Tích cực tăng gia sản xuất, làm kinh tế, nâng cao đời sống bộ đội, quản lý vũ khí trang bị, khí tài trang bị kỹ thuật, an toàn tuyệt đối. Tập trung xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện làm cho lực lượng vũ trang luôn có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối, tin tưởng vào sự nghiệp lãnh đạo của Đảng, bảo vệ đảng, bảo vệ nhân dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, luôn sẵn sàng chiến đấu, hoàn thành nhiệm vụ trong mọi tình

huống”⁽¹⁾. Tháng 5 - 1996, Đại hội đảng toàn quốc lần thứ VIII đề ra phương hướng lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước, khẳng định “Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của hệ thống chính trị, tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh của đất nước, xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân gắn với nền an ninh nhân dân và thế trận an ninh nhân dân, nâng cao chất lượng của các lực lượng vũ trang, bảo vệ vững chắc độc lập, an ninh, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ đất nước, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa”⁽²⁾;

Bước vào thực hiện Nghị quyết đại hội đảng bộ huyện lần thứ XXII, lực lượng vũ trang huyện Phú Bình có nhiều thuận lợi: Tình hình kinh tế xã hội có nhiều chuyển biến, Đảng, Nhà nước và quân đội đã ban hành nhiều chính sách phát triển kinh tế, xã hội, củng cố an ninh quốc phòng trong tình hình mới. Bên cạnh đó, lực lượng vũ trang huyện cũng gặp một số khó khăn do những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và khu vực, các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ hòng chống phá Đảng, Nhà nước và vô hiệu hóa chức năng bảo vệ Đảng và chính quyền của các lực lượng vũ trang nhân dân ta.

Ngay sau khi Đại hội Đảng các cấp kết thúc, thực hiện chủ trương của Đảng bộ cấp trên, Ban chỉ huy quân sự huyện

⁽¹⁾ Báo cáo chính trị của Đảng bộ quân sự tỉnh tại đại hội Đại biểu nhiệm kỳ 1996-2000, tr 23-24

⁽²⁾ Văn kiện Đại hội đảng toàn quốc lần thứ VIII – NXB Chính trị QGHN, 1996

Phú Bình cử các cán bộ lãnh đạo, chỉ huy chủ chốt tham gia tập huấn quân sự và quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và Đại hội Đảng toàn quốc. Sau đó, Ban chỉ huy quân sự huyện mở một đợt giáo dục, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp cho cán bộ, chiến sĩ cơ quan Ban chỉ huy quân sự huyện và cán bộ chỉ huy chủ chốt lực lượng dân quân, tự vệ trong huyện. Qua học tập Nghị quyết, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang huyện đã nhận thức đầy đủ về chủ trương, đường lối, quan điểm, chính sách của Đảng về quốc phòng và yêu cầu năng lực phẩm chất của người cán bộ, chiến sĩ trong tình hình mới.

Năm 1996, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình thường xuyên quán triệt các chỉ thị mệnh lệnh, nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, duy trì nghiêm chế độ trực chỉ huy, trực ban, trực tác chiến. Hệ thống văn bản kế hoạch, quyết tâm phòng thủ khu vực, các Kế hoạch A, A2 và các văn kiện kế hoạch bảo vệ mục tiêu, kế hoạch tác chiến tại chỗ, kế hoạch phòng chống bão lụt, phòng chống cháy nổ, kế hoạch bảo đảm năm đầu chiến tranh các cấp trong huyện được hoàn thành, điều chỉnh và bổ sung phê chuẩn theo phân cấp. Ban chỉ huy quân sự huyện chỉ đạo các xã đội, thị đội (thị trấn) và lực lượng tự vệ thường xuyên tổ chức lực lượng cơ động phối hợp với lực lượng công an tổ chức diễn tập quân sự, tuần tra, canh gác đảm bảo an ninh, trật tự, truy quét tội phạm, giải tỏa hành lang giao thông và các điểm tệ nạn xã hội trên địa bàn huyện.

Ban chỉ huy quân sự huyện tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện tổ chức Hội thi chỉ huy trưởng xã, thị trấn giỏi, thu hút 17 đồng chí ở các cơ sở tham gia lựa chọn được 3 đồng chí tham gia Hội thi cấp tỉnh, do Bộ chỉ huy quân sự tổ chức giành giải nhì toàn đoàn. Đồng chí Lý Chấn Dính – Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện tham gia dự Hội thi Chỉ huy trưởng giỏi do Bộ Tư lệnh Quân khu I tổ chức đạt Chỉ huy trưởng giỏi. Ngoài việc hoàn chỉnh các kế hoạch tuyển quân giai đoạn 1996 – 2000, được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền huyện Phú Bình hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân do tỉnh giao. Ban chỉ huy quân sự huyện còn giao 3 đợt quân dự bị động viên được 594 người giao cho các đơn vị của Quân khu I và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức huấn luyện.

Trong công tác xây dựng, củng cố huấn luyện lực lượng dân quân, tự vệ của huyện Phú Bình cũng có nhiều chuyển biến. Ban chỉ huy quân sự huyện tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, cử 8 đồng chí Xã đội trưởng, 19 đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đi dự các lớp tập huấn nâng cao năng lực về công tác quân sự địa phương do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức. Đồng thời, Ban chỉ huy quân sự huyện mở lớp tập huấn cho 103 cán bộ dân quân, tự vệ về công tác quân sự địa phương. Lực lượng dân quân rộng rãi toàn huyện phát triển đạt 13.122 người, đạt tỷ lệ 9,8% dân số toàn huyện; lực lượng tự vệ được tổ chức làm 6 đơn vị (Tự vệ Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, Ngân hàng, Bệnh viện, Lâm trường, Văn phòng) tỷ lệ đạt

10% tổng số cán bộ cơ quan trên địa bàn huyện. Lực lượng cơ động được tổ chức ở 100% đầu mối dân quân các xã với tổng quân số đạt 525 người, biên chế làm 24 trung đội (trong đó lực lượng cơ động trực thuộc của huyện là 2 trung đội bố trí làm nhiệm vụ ở 2 xã Kha Sơn và Tân Đức) chiếm tỷ lệ 2,6% dân số. Đến ngày 27-9-1996, 100% các cơ sở dân quân, tự vệ của Phú Bình đã tổ chức hoàn thành chương trình huấn luyện, đạt loại khá. Được sự quan tâm của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, Ban chỉ huy quân sự huyện chỉ đạo các xã, thị trấn trên địa bàn kết hợp chặt chẽ giữa công tác huấn luyện với việc làm đường giao thông, thủy lợi. Lực lượng dân quân, tự vệ toàn huyện đào đắp được 3161 m³ đất đá, làm mới được 12,6 km đường liên thôn, liên xã và sửa chữa, gia cố hàng chục km kênh mương phục vụ cho sản xuất, hoàn thành huấn luyện trước 33 ngày. Ngoài ra, Ban chỉ huy quân sự huyện chỉ đạo 100% các cơ sở đầu mối dân quân, tự vệ tổ chức Hội thao quân sự. Tiếp đó, Ban chỉ huy quân sự huyện tổ chức Hội thao Quốc phòng toàn huyện, thu hút 98 tuyển thủ ở các đơn vị tham gia. Sau Hội thi cấp huyện, Ban chỉ huy quân sự huyện thành lập đoàn tuyển thủ gồm 8 người thi đấu 3 môn quân sự phối hợp tại Hội thao Quốc phòng toàn tỉnh (tổ chức từ ngày 28 đến ngày 31-8-1996), đạt giải nhì đồng đội.

Thực hiện Chỉ thị số 14/CT-UB (ngày 22/6/1996), của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái về tổ chức thi điểm Dân quân làm nhiệm vụ quân sự và lao động tập trung ở huyện, ngày 16/10/1996, Ủy ban nhân dân huyện ra Quyết định số

277/QĐ-UB thành lập Phân đội dân quân làm nhiệm vụ quân sự và lao động tập trung, gồm 12 chiến sĩ dân quân, biên chế thành 2 tiểu đội, mỗi tiểu đội gồm 6 người, vừa huấn luyện, vừa lao động tập trung tại Khu Tăng gia của Ban chỉ huy quân sự huyện ở xã Bàn Đạt. Sau khi được trang bị vũ khí và ổn định nơi ăn, ở qua 2 tháng huấn luyện, kết hợp với lao động, trung đội đã hoàn thành tốt nội dung huấn luyện, được cấp ủy Đảng, chính quyền đánh giá cao.

Để đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu, củng cố thể trận phòng thủ, thực hiện các nhiệm vụ phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng và kinh tế, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình, các ngành, các cấp phối hợp với cơ quan quân sự các cấp tổ chức tốt cuộc diễn tập quân sự năm 1996 gọi tắt là “KB-GT 96”. Qua thực hành diễn tập quân sự KB-GT 96: “Lực lượng dân quân đã làm được nhiều việc, nổi bật là mở đường giao thông đã đem lại hiệu quả thiết thực, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đặt ra, được các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân tin tưởng”⁽¹⁾. Lực lượng dân quân hai xã Nga Mi và Diêm Thụy đã huy động được 50 cán bộ, chiến sĩ phối hợp với Sư đoàn 346 diễn tập, được Bộ Tư lệnh Quân khu I đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Song song với các biện pháp củng cố, xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, hoàn thành chỉ tiêu động viên tuyển

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết công tác quân sự địa phương năm 1996 của Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình.

quân, tổ chức diễn tập phòng thủ, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình thường xuyên đẩy mạnh phong trào thi đua “Ngành Hậu cần làm theo lời Bác Hồ dạy”. Trong 2 năm (1995-1996), dưới sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo “Ngành Hậu cần làm theo lời Bác Hồ dạy” do đồng chí Dương Doãn Đối (Chỉ huy phó Chính trị) làm Trưởng ban, toàn thể cán bộ, chiến sĩ Cơ quan Quân sự huyện và dân quân, tự vệ hăng hái thi đua xây dựng Ngành Hậu cần theo phương châm “Người người làm hậu cần, ngành ngành làm hậu cần”. Riêng năm 1996, cán bộ, chiến sĩ Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình đã cấy được 1, 1 ha lúa, trồng được 0,8 ha cây hoa màu, 90 cây vải, 70 cây đu đủ, nuôi 3 con bò, 1 con trâu, 2 con lợn lái, chăm sóc 69 ha rừng; thả được 10 ha ao hồ, với 5 vạn con cá. Kết quả thu hoạch từ tăng gia được 660 kg thịt lợn, 3 tạ lợn giống, 800 kg cá giống, 2 tấn thịt, 3 tấn thóc và gần 800 kg rau xanh, lạc, đậu tương, khai thác được 34 mét khối gỗ, 60 mét khối củi, tổng trị giá tăng gia đạt gần 100 triệu đồng, góp phần đưa thêm vào bữa ăn của bộ đội được 350 đồng/người/ngày.

Với những thành tích đã đạt được trong năm 1996, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình được cấp trên ghi nhận và tặng thưởng: 1 danh hiệu Chiến sĩ Thi đua, 5 Bằng khen, Giấy khen, cho các cá nhân cơ quan Ban chỉ huy quân sự huyện; đồng chí Xã đội trưởng xã Tân Đức và Ban chỉ huy Xã đội xã Tân Đức được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong đổi mới công tác huấn luyện. Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình

được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái đánh giá là đơn vị khá toàn diện, đứng thứ hai toàn tỉnh về hoàn thành công tác quốc phòng – quân sự địa phương. Cũng trong năm 1996, Ban chỉ huy quân sự huyện đã trích 390 nghìn đồng kịp thời khen thưởng cho Lực lượng dân quân các xã Lương Phú, Thanh Ninh, Thượng Đình, Trung đội dân quân cơ động các xã Hương Sơn, Tân Khánh, Diềm Thụy, Nga Mi. Các đồng chí Hoàng Quốc Hùng (Xã đội trưởng xã Lương Phú), Nguyễn Xuân Nhang (Xã đội trưởng xã Thanh Ninh), Dương Văn Lập (Xã đội trưởng xã Thượng Đình) được khen thưởng vì đã có những đóng góp xuất sắc trong công tác huấn luyện năm 1996.

III- Lực lượng vũ trang nhân dân huyện thực hiện đường lối của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trên địa bàn huyện.

Thực hiện Nghị quyết kỳ họp thứ II (Quốc hội khóa X), từ ngày 01-01-1997, tỉnh Bắc Thái được tách làm hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên. Bước vào năm đầu tiên tái lập tỉnh Thái Nguyên, cũng là năm diễn ra nhiều sự kiện quan trọng (Bầu cử Quốc hội khóa XI, Kỷ niệm 50 năm ngày Thương binh Liệt sĩ và 50 năm ngày Truyền thống của lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh), trong điều kiện đất nước và trên địa bàn tiếp tục ổn định và phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, an ninh chính trị được giữ vững, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện và nâng cao, công tác quân sự địa phương có nhiều điều kiện

thuận lợi để phát triển. Bên cạnh đó, mặc dù nền kinh tế có bước phát triển, xong Phú Bình vẫn gặp nhiều khó khăn, do nền sản xuất vẫn là nông nghiệp, các tệ nạn xã hội tuy có giảm, nhưng vẫn còn nảy sinh một số vụ việc phức tạp làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, chính trị và công tác quốc phòng trên địa bàn huyện.

Nhằm tiếp tục xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân huyện, góp phần giữ vững an ninh, chính trị và trật tự xã hội để xây dựng phát triển kinh tế, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trên địa bàn, Đảng ủy và Ban chỉ huy Quân sự huyện triển khai thực hiện Pháp lệnh Dân quân - Tự vệ; đẩy mạnh vận động cán bộ, chiến sĩ và nhân dân trên địa bàn tích cực xây dựng lực lượng vũ trang về mọi mặt, thực hiện tốt công tác hậu phương quân đội.

Sáu tháng đầu năm 1997, cùng với việc tập trung hoàn chỉnh các kế hoạch chiến đấu A, A2 phù hợp với điều kiện tái lập tỉnh, đẩy mạnh công tác xây dựng, củng cố về mọi mặt, Đảng ủy và Ban chỉ huy Quân sự huyện Phú Bình tích cực đẩy mạnh công tác về xây dựng tổ chức cơ sở Đảng. Hàng tháng, Đảng ủy Quân sự huyện đều ra Nghị quyết lãnh đạo lực lượng vũ trang huyện thực hiện nhiệm vụ huấn luyện, tăng cường giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ cơ quan quân sự huyện và lực lượng dân quân, tự vệ, xác định phương hướng xây dựng Đảng đến năm 2000. Bình xét 6 tháng đầu năm 1997, Đảng bộ Quân sự huyện có 27/28 đảng viên đủ tư cách mức 1 (chiếm tỷ lệ 96,5%), 100% chi bộ đạt

Chi bộ trong sạch vững mạnh. Công tác giáo dục chính trị cũng được Ban chỉ huy quân sự huyện duy trì tốt. Ban chỉ huy quân sự huyện đã tổ chức quán triệt các Nghị quyết của Đảng ủy Quân sự các cấp, nhiệm vụ đơn vị năm 1997, Pháp lệnh Dân quân - Tự vệ và các mệnh lệnh, chỉ thị của cấp trên tới 100% cán bộ, chiến sĩ tại cơ quan; chế độ đọc báo, nghe thời sự được duy trì nghiêm túc. Ngoài ra, Ban chỉ huy quân sự huyện chỉ đạo Ban Chính trị phối hợp với Ngành Văn hóa, Đài Truyền thanh, truyền hình huyện tổ chức tuyên truyền truyền thống cách mạng của quân đội và truyền thống của lực lượng vũ trang huyện, tích cực động viên con em các dân tộc trong huyện hăng hái lên đường nhập ngũ, thực hiện chính sách hậu phương quân đội.

Nhờ làm tốt công tác tuyên truyền, trong 6 tháng đầu năm 1997, khắp nơi trên địa bàn huyện đã dấy lên phong trào thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh (15/4/1947 – 15/4/1997). Tiêu biểu cho phong trào thi đua đó là các xã Thanh Ninh, Lương Phú, Thượng Đình, Tân Đức, Hương Sơn, Bảo Lý, thị trấn Úc Sơn, Tự vệ Huyện ủy, Tự vệ Trại phong. Toàn huyện có 15/28 cơ sở đã hoàn thành xong chỉ tiêu huấn luyện năm 1997. Kết hợp với huấn luyện lực lượng dân quân, tự vệ Phú Bình đóng góp 850 ngày công tham gia lao động, đào đắp 273 mét khối đất, đá làm 15 km đường liên thôn, liên xã, nạo vét 10 km kênh mương, phục vụ sản xuất. Trong năm 1997, Ban chỉ huy quân sự huyện đã chỉ đạo 2 xã Nhã Lộng và Tân Khánh diễn tập quân sự đạt kết quả khá.

Nhân dịp kỉ niệm 50 năm Ngày Thương binh Liệt sĩ (27/7/1947 – 27/7/1997), Ban chỉ huy quân sự huyện phối hợp với các ngành chức năng tổ chức-tuyên truyền cho cán bộ, chiến sĩ hiểu rõ ý nghĩa của công tác hậu phương quân đội và làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ; phát động cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị mỗi người ủng hộ một ngày lương, đồng thời tổ chức thăm hỏi tặng sổ tiết kiệm cho 5 đối tượng chính sách với tổng số tiền là 1,5 triệu đồng; cùng với các ban ngành trong huyện tổ chức thăm hỏi, tặng quà vào dịp lễ, tết cho các gia đình thương binh, liệt sĩ, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, mỗi suất quà trị giá 100 nghìn đồng. Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các ngành, các cấp tổ chức gặp mặt các gia đình thương binh, liệt sĩ tiêu biểu, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, chuyển 114 suất quà của Chủ tịch nước tặng các gia đình thương binh, liệt sĩ trị giá gần 10 triệu đồng. Huyện trích quỹ 46.120.000 đồng, nhân dân toàn huyện đóng góp được 50 triệu đồng xây dựng quỹ tình nghĩa và tặng quà nhân dịp ngày Thương binh - Liệt sĩ. Ngoài ra, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện còn xây mới và tu sửa 5 nghĩa trang, nhà bia ghi tên các liệt sĩ đã hi sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, trị giá 293 triệu đồng; tổ chức quy tập một mộ liệt sĩ về nghĩa trang quê hương... Những việc làm tình nghĩa của Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình làm tăng thêm tình đoàn kết trong nhân dân, thể hiện sự quan tâm, biết ơn tới những hi sinh xương máu của các thế hệ đi trước cho sự nghiệp chiến



Cán bộ Cơ quan quân sự huyện và đại diện Bà mẹ Việt Nam Anh hùng tại Lễ kỷ niệm lần thứ 55 ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1944 - 22/12/1999).



Các đồng chí lãnh đạo huyện thăm hỏi, động viên con, em nhân dân các dân tộc trong huyện nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc.

tranh giải phóng dân tộc, thúc đẩy cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nỗ lực phấn đấu, đẩy mạnh công tác xây dựng, củng cố quốc phòng an ninh trên địa bàn.

Thực hiện Chỉ thị 55/CT của Bộ Quốc phòng và hướng dẫn của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, năm học 1996-1997, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình phối hợp với Phòng Giáo dục huyện, Ban Giám hiệu Trường Trung học phổ thông Phú Bình tổ chức đăng ký số lượng học sinh các khối, các lớp để thống nhất nội dung huấn luyện quân sự. Đồng thời tổ chức giáo dục quốc phòng cho 1.271 học sinh theo chương trình huấn luyện giáo dục quốc phòng bắt buộc. Qua kiểm tra, 100% đạt yêu cầu (trong đó 90 em đạt loại giỏi, 472 em đạt loại khá). Tiếp theo, đầu năm học 1997-1998, Ban chỉ huy quân sự huyện và Trường phổ thông trung học huyện đã tổ chức giáo dục quốc phòng cho 1.220 học sinh.

Tháng 2-1998, đồng chí Dương Doãn Đối (Chỉ huy phó Chính trị Ban chỉ huy quân sự huyện) nghỉ chờ hưu. Đồng chí Trung tá Đào Hồng Phong (cán bộ Trường Quân sự Quân khu I) được trên điều về giữ chức Chỉ huy phó Chính trị Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình. Lúc này, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình có 40 cán bộ, chiến sĩ (trong đó có 2 đồng chí nghỉ chờ hưu). Chỉ huy đơn vị gồm các đồng chí Lý Chấn Dính (Chỉ huy trưởng), Đào Hồng Phong (Chỉ huy phó Chính trị), Lê Thanh Ngọc (Chỉ huy phó – Tham mưu trưởng), Nguyễn Văn Tòng (Chỉ huy phó Động viên).

Thực hiện chương trình “Quân dân một ý chí”, 6 tháng đầu năm 1998, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình phối

hợp với Trường Quân sự Quân khu I, Trung tâm Y tế huyện tổ chức cho 45 quân nhân là học viên lớp y tá vùng sâu, vùng xa đi thực tế một số xã vùng sâu, vùng xa trên địa bàn huyện. Qua 15 ngày xâm nhập thực tế, các học viên đã nêu cao phẩm chất “Anh bộ đội Cụ Hồ”, với tinh thần trách nhiệm của người “Thầy thuốc như mẹ hiền” đã tổ chức khám bệnh, phát thuốc, hướng dẫn nhân dân phòng trừ dịch bệnh, được nhân dân địa phương khen ngợi. Trong 2 năm (1997-1998), hoạt động của Đoàn Thanh niên địa phương và các đơn vị bộ đội có nhiều tiến bộ. Lực lượng đoàn viên đã vận động được các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt các chủ trương của Đảng và Pháp luật của Nhà nước, động viên thanh niên trong độ tuổi sẵn sàng lên đường nhập ngũ, hoàn thành 100% chỉ tiêu trên giao. Hai năm (1997-1998), lực lượng thanh niên Phú Bình lên đường nhập ngũ, không có trường hợp nào đảo ngũ về địa phương, hết nghĩa vụ quân sự trở về đều tham gia tích cực các phong trào của Đoàn thanh niên ở cơ sở và dân quân, tự vệ. Thanh niên ở 4 xóm và 2 trường phổ thông cơ sở xã Thượng Đình đã tổ chức kết nghĩa với đoàn viên, thanh niên Trường Quân sự Quân khu I, làm 1 km đường giao thông, tu sửa nghĩa trang liệt sĩ và thăm hỏi, tặng quà các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình chính sách, làm tốt công tác hậu phương quân đội. Đoàn Thanh niên Cơ quan Quân sự huyện và Chi đoàn dân quân tập trung của huyện đã kết nghĩa với các Chi đoàn khối cơ quan Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện và xóm Bầu (xã Tân Khánh), đi sâu vào truyền truyền phòng chống các tệ nạn xã

hội, xây dựng làng, xóm văn hóa, chi đoàn không có đoàn viên yếu kém, đạt Chi đoàn Quyết thắng. Các hoạt động của Đoàn Thanh niên có tác dụng tích cực đối với việc củng cố tình đoàn kết quân dân, thúc đẩy các mặt công tác của lực lượng vũ trang huyện ngày càng có nhiều chuyển biến rõ rệt.

Ban chỉ huy quân sự huyện cũng thường xuyên tổ chức, trao đổi với các đoàn thể Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh đẩy mạnh các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa, vận động quần chúng tích cực xây dựng lực lượng vũ trang. Ngày 20-10-1998, Ban chỉ huy quân sự huyện phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả 3 năm thực hiện chương trình phối hợp giữa 2 ngành Quân đội và Phụ nữ trên địa bàn. Sau 3 năm, Ban chỉ huy quân sự huyện và Hội Liên hiệp Phụ nữ đã mở được 36 lớp tuyên truyền, thu hút 1.619 người tham gia học tập về truyền thống của lực lượng vũ trang, trách nhiệm của các cá nhân, đoàn thể với xây dựng củng cố lực lượng vũ trang địa phương. Qua công tác tuyên truyền, nhận thức của cán bộ, hội viên Phụ nữ và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện nắm chắc được yêu cầu, nhiệm vụ, phối hợp chặt chẽ, nêu cao ý thức cảnh giác, xác định tốt chức năng nhiệm vụ vừa là đội quân thường trực chiến đấu, vừa là đội quân trực tiếp lao động sản xuất. Các cán bộ tăng cường cơ sở đã kết hợp tốt với Hội Liên hiệp Phụ nữ các xã, thị trấn đẩy mạnh xây dựng, huấn luyện lực lượng dân quân, bảo vệ trật tự tại địa phương. Tiêu biểu trong công tác tuyên truyền là

Hội Liên hiệp Phụ nữ các xã Thanh Ninh, Lương Phú, Tân Khánh, Hà Châu, Tân Hòa.

Phát huy truyền thống trung hậu, đảm đang lực lượng hội viên phụ nữ các cấp vừa tích cực công tác, lao động sản xuất, vừa vận động các hội viên làm tốt chính sách hậu phương quân đội. Hội Phụ nữ cơ sở các xã Tân Đức, Bảo Lý, Dương Thành, Thanh Ninh, Tân Kim, Kha Sơn trung bình mỗi Hội đóng góp được 250.000 đồng mua đường, chanh ủng hộ quân dự bị của đơn vị mình huấn luyện. Thực hiện chương trình “Đền ơn, đáp nghĩa”, trong 3 năm (1996-1998), Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp, ngành đóng góp ủng hộ quỹ tình nghĩa được 28.982.000 đồng, tặng 142 sổ tiết kiệm cho các đối tượng chính sách, gia đình thương binh, liệt sĩ mỗi sổ trị giá 200.000 đồng, nhận đỡ đầu 29 mẹ liệt sĩ; quyên góp, trồng được 159 vườn cây tình nghĩa, xây dựng 3 nghĩa trang.... Riêng Hội viên Phụ nữ Úc Kỳ nhận đỡ đầu được 9 mẹ liệt sĩ. Hoạt động phối hợp giữa Hội Liên hiệp Phụ nữ và Ban chỉ huy quân sự huyện góp phần củng cố mối đoàn kết quân dân, đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang, thực hiện chính sách hậu phương quân đội, được nhân dân các dân tộc trong huyện đồng tình ủng hộ. Hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ và Ban chỉ huy quân sự huyện tham gia tích cực vào phát triển sản xuất, thực hiện xóa đói, giảm nghèo. Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp đã đứng ra tín chấp, vay vốn cho các hội viên được gần 3 tỷ đồng để đầu tư sản

xuất, cải thiện đời sống cho các gia đình hội viên. Nhờ đó, đời sống của các hội viên và gia đình ngày một nâng lên, giúp họ yên tâm sản xuất, tích cực hưởng ứng xây dựng, huấn luyện dân quân, bảo vệ trị an, tham gia các đợt động viên huấn luyện quân dự bị, diễn tập quân sự và vận động con em trong độ tuổi nhập ngũ, hăng hái xung phong nhập ngũ. Kết hợp với huấn luyện, Ban chỉ huy quân sự huyện chỉ đạo Ban chỉ huy quân sự các xã tích cực phối hợp với Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên cơ sở tổ chức lao động làm đường giao thông, thủy lợi, phát triển kinh tế, xã hội, dân sinh trên địa bàn. Với vai trò là lực lượng quan trọng trong gia đình, địa phương, Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp Phú Bình tích cực vận động ủng hộ vật chất, tinh thần cho con em lên đường nhập ngũ, huấn luyện dân quân, tự vệ, quân dự bị. Trung bình mỗi năm Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Phú Bình ủng hộ 2 triệu đồng mua quà tặng tân binh nhập ngũ, 1,5 triệu đồng mua đường, chanh ủng hộ dân quân huấn luyện, đồng thời tổ chức thăm hỏi động viên, giúp đỡ các gia đình bộ đội neo đơn, gặp nhiều khó khăn ổn định cuộc sống. Hội Phụ nữ xã Kha Sơn tổ chức thăm hỏi vợ bộ đội làm nhiệm vụ ngoài quân đảo Trường Sa bị ốm, viết thư động viên chồng chị yên tâm công tác. Huyện Hội Phụ nữ tổ chức thăm những gia đình bộ đội khó khăn.... Sự phối hợp hoạt động giữa Hội Liên hiệp Phụ nữ và Ban chỉ huy quân sự các cấp của huyện Phú Bình đã góp phần tích cực thực hiện

thắng lợi các mục tiêu kinh tế, chính trị, xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII đã đề ra.

Đến năm 1998, tình hình kinh tế, xã hội Phú Bình luôn duy trì mức độ ổn định và phát triển khá, đời sống của nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương được cải thiện. Tình hình an ninh, chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn huyện tuy có ổn định, song vẫn còn xảy ra một số vụ việc, do tác động tiêu cực xã hội và âm mưu “Diễn biến hòa bình”, “Bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch chống phá. Để đối phó với các thủ đoạn của kẻ thù, nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang huyện, năm 1998, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện ra nhiều quyết định, chỉ thị về củng cố, xây dựng, huấn luyện của lực lượng vũ trang địa phương.

Thực hiện chỉ thị của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chỉ thị (số 100/1998/A-CT, ngày 31-3-1998) của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh về việc diễn tập khu vực phòng thủ năm 1998, ngày 15-11-1998, đồng chí Nguyễn Quang Hùng – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ký Quyết định (số 482/1998/QĐ-UB) thành lập Ban Chỉ đạo diễn tập phòng thủ huyện Phú Bình năm 1998, gồm các đồng chí: Nguyễn Quang Hùng (Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện), Trưởng ban; Lý Chấn Dính (Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện) Phó ban; Nguyễn Phong Phú (Trưởng Công an huyện) Phó ban; Lê Thanh Ngọc (Chỉ huy phó – Tham mưu trưởng Ban chỉ huy

quân sự huyện) Tham mưu trưởng; Trưởng các Ban, Ngành trong huyện làm Ủy viên Ban Chỉ đạo diễn tập. Cuối tháng 11-1998, cuộc diễn tập được tiến hành. Do quán triệt tốt Chỉ thị của Ban Thường vụ Huyện uỷ về công tác diễn tập và sự tích cực chuẩn bị của các ban, ngành các cấp, nên khi nhận lệnh phát ra, 100% cơ sở đều ra quân thực hiện ngay. Thực hiện mục tiêu “Chuẩn bị và tổ chức cuộc diễn tập đạt kết quả cao, kết hợp giữa nhiệm vụ quốc phòng - an ninh với nhiệm vụ kinh tế - xã hội tại địa phương” theo tinh thần chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện, trong diễn tập, việc xây dựng các yếu tố bảo đảm trong khu vực phòng thủ được tiến hành khẩn trương, 100% các cơ sở huy động được sức người, sức của phục vụ diễn tập và tiến hành một số vấn đề cấp bách làm trong sạch địa bàn, làm giao thông, thủy lợi.... Trong đợt diễn tập này, toàn huyện đã huy động 27.559 người, 129 phương tiện (8 ô tô, 17 công nông, 48 xe ngựa và cải tiến...) và hàng nghìn dụng cụ lao động phục vụ diễn tập. Kết hợp diễn tập quân sự với việc giải quyết một số vấn đề xã hội bức xúc, lực lượng dân quân, tự vệ các xã, thị trấn và các cơ quan, ban, ngành đã phối hợp với lực lượng công an giải quyết, xử lý 2 vụ nghiện hút, 2 vụ trộm cắp, bắt 1 đối tượng có lệnh truy nã, thu 2 bộ bàn đèn, một số dụng cụ cờ bạc; đồng thời kiểm tra phát hiện 47 trường hợp cư trú bất hợp pháp góp phần làm trong sạch địa bàn, duy trì ổn định trật tự, an ninh xã hội. Lực lượng dân quân, tự vệ huyện tổ chức lao động làm mới và sửa chữa giao thông, thủy lợi, đào đắp 13.726 mét khối đất đá, tu sửa đường liên thôn, liên xã, phát

quang hành lang giao thông được 92,5km; đào, đắp, nạo vét 9.535 mét khối đất, đá tu sửa 91,7 km kênh, mương dẫn nước phục vụ sản xuất, làm lợi trong diễn tập cho nhà nước được 352 triệu đồng. Trong diễn tập, một số địa phương còn tổ chức truy thu thuế tồn đọng từ những năm 1991-1998, được 7,5 tấn thóc, 12 triệu đồng tiền mặt. Tính chung giá trị thu được từ huy động diễn tập làm giao thông, thủy lợi, thu thuế, làm lợi cho Nhà nước 264 triệu đồng, được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đánh giá cao. Cũng trong năm 1998, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân và Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình đã tổ chức Hội nghị tổng kết rút kinh nghiệm và trao quyết định công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự cho 12 đồng chí thuộc phân đội dân quân tập trung làm nghĩa vụ quân sự và lao động tập trung tại huyện từ cuối năm 1996.

Ngày 11-9-1998, Đảng bộ Quân sự huyện tổ chức Đại hội Đảng bộ lần thứ III, nhằm kiểm điểm, đánh giá kết quả công tác lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng - quân sự địa phương trong nhiệm kỳ vừa qua và đề ra phương hướng, nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng bộ nhiệm kỳ 1998-2000. Đại hội đánh giá "Kết quả huấn luyện chiến đấu trong nhiệm kỳ qua đã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn, 100% các đầu mối đã được tham gia huấn luyện, chất lượng được nâng lên vững chắc. Trong huấn luyện đã kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế và bảo vệ trị an. Qua diễn tập, các cấp chỉ đạo tốt việc thực hiện, mang lại

hiệu quả thiết thực cho địa phương. Công tác động viên, tuyển quân, hàng năm hoàn thành các chỉ tiêu, giao đủ số lượng, chất lượng năm sau cao hơn năm trước. Bốn năm liên Đảng bộ Quân sự huyện được cấp trên công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh và cũng bốn năm liên Ban chỉ huy quân sự huyện được cấp trên tặng danh hiệu Đơn vị Quyết thắng"⁽¹⁾. Đại hội cũng chỉ ra 6 khuyết điểm cần khắc phục và đề ra phương hướng lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quân sự địa phương từ năm 1998 đến năm 2000; trong đó, chú trọng vào các nhiệm vụ: Tập trung lãnh đạo đơn vị hoàn thành chức năng tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ quân sự địa phương theo Cơ chế 02 của Bộ Chính trị; đẩy mạnh huấn luyện xây dựng khu vực phòng thủ huyện vững chắc, xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ hoàn thành nhiệm vụ động viên tuyển quân; đẩy mạnh công tác xây dựng, củng cố nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên; hoàn thành các chỉ tiêu về công tác hậu cần, kỹ thuật. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự huyện khóa mới, gồm 7 đồng chí, do các đồng chí Phạm Bình Nguyên (Bí thư Huyện ủy) làm Bí Thư, Đào Hồng Phong (Chỉ huy phó Chính trị Ban chỉ huy quân sự huyện) làm Phó Bí thư; các đồng chí: Nguyễn Quang Hùng (Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện), Lý Chấn Dính (Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện), Lê Thanh Ngọc (Chỉ huy phó – Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân

⁽¹⁾ Báo cáo Chính trị của tại Đại hội bộ Quân sự huyện lần thứ III nhiệm kỳ 1998-2000

sự huyện), Đinh Văn Ứng (Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự huyện) và Nguyễn Văn Tòng (Chỉ huy phó Động viên Ban chỉ huy quân sự huyện) làm Ủy viên.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân sự huyện lần thứ III, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy Quân sự và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình; tinh thần nỗ lực, cố gắng khắc phục khó khăn của cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang huyện, được sự ủng hộ tích cực của các cơ quan chức năng, các ban ngành, đoàn thể, nhân dân địa phương, kết thúc năm 1998, lực lượng vũ trang huyện Phú Bình đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên thưởng Cờ thi đua đơn vị xuất sắc năm 1998. Phát huy thành tích đã đạt được, trong 2 năm (1999-2000), lực lượng vũ trang huyện Phú Bình hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao.

Nhằm tổng kết và kịp thời rút ra các bài học kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo công tác Quốc phòng - quân sự địa phương, ngày 16-6-1999, Ủy ban nhân dân huyện tổ chức Hội nghị tổng kết 5 năm thực hiện Nghị định 19/CP của Thủ tướng Chính phủ về công tác quốc phòng ở Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương. Hội nghị khẳng định: Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, sau 5 năm thực hiện Nghị định 19/CP của Chính phủ, huyện Phú Bình đạt được nhiều kết quả quan trọng. “Ban chỉ huy quân sự huyện căn cứ vào các quy định của

Chính phủ, Bộ Quốc phòng, Quân khu I và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh để xây dựng kế hoạch nhằm thực hiện các mặt công tác quốc phòng từng năm; tham mưu, đề xuất các biện pháp tổ chức thực hiện với Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện. Từng nhiệm vụ quân sự địa phương có hướng dẫn cụ thể về nội dung, thời gian, phương pháp, biện pháp tiến hành để các cơ sở thực hiện"⁽¹⁾. Ban chỉ huy quân sự huyện đã kết hợp với các ban, ngành, đoàn thể ở địa phương tổ chức tốt việc tuyên truyền, giáo dục ý thức quốc phòng cho nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân trên địa bàn. Kết hợp giữa bồi dưỡng nghiệp vụ công tác quốc phòng cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quân sự cơ sở, với huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, quán triệt nhiệm vụ quốc phòng cho lực lượng dân quân, tự vệ và dự bị động viên được 20.270 lượt người, trong đó có 360 lượt cán bộ các cấp, 780 lượt cán bộ dự bị động viên, 14.380 lượt cán bộ, chiến sĩ lực lượng dân quân, tự vệ, 4.750 lượt cán bộ, giáo viên học sinh trung học. Thông qua tuyên truyền đã nâng cao ý thức nhiệm vụ cho cán bộ, chiến sĩ, nhân dân trên địa bàn những nội dung cơ bản về công tác tuyển quân, tuyển sinh, huấn luyện sẵn sàng chiến đấu, động viên, diễn tập quân sự, tác chiến trị an, phòng chống thiên tai, hỏa hoạn, góp phần quan trọng đối với việc ổn định, giữ vững tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

⁽¹⁾ Báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình tại Hội nghị.

Kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế, xã hội, với củng cố quốc phòng an ninh, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo Ban chỉ huy quân sự huyện thực hiện có hiệu quả việc kết hợp xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang, với phát triển kinh tế xã hội. Trong huấn luyện, tổ chức diễn tập, lực lượng dân quân, tự vệ và dự bị động viên đã mở nhiều đợt làm giao thông, thủy lợi, trồng và bảo vệ rừng. Qua 5 năm (1994-1999), lực lượng vũ trang nhân dân huyện đã làm mới, sửa chữa và tu bổ nâng cấp 243 km đường giao thông, hàng trăm km kênh mương phục vụ sản xuất, sửa 87 cầu các loại, lắp 150 ống thoát nước, huy động trên 3.000 xe vận tải các loại. Riêng lực lượng dân quân, tự vệ đóng góp 112.000 công làm giao thông thủy lợi. Thực hiện Dự án PAM, Chương trình 327, lực lượng vũ trang địa phương kết hợp với nhân dân trồng và bảo vệ được 5.541 ha rừng, trong đó có 300 ha cây ăn quả các loại, mang lại hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường tự nhiên tại địa phương.

Trong huấn luyện, diễn tập quân sự, các lực lượng dân quân, tự vệ, dự bị động viên đã phối hợp với lực lượng công an, các ban, ngành, đoàn thể và nhân dân, giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội tồn đọng, vi phạm pháp luật ở địa phương. Từ năm 1994 đến năm 1998 lực lượng vũ trang nhân dân huyện đã phối hợp với lực lượng công an và các ban, ngành chức năng xử lý 20 điểm vi phạm hành lang giao thông, 6 điểm vi phạm hành lang kênh, mương; bắt và xử lý 1.252 đối tượng vi phạm tệ nạn xã hội và vi phạm hành chính. Riêng trong các đợt diễn tập quân sự kết hợp với kinh

tế xã hội, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện đã làm lợi cho ngân sách địa phương 998.000.000 đồng. Ban chỉ huy quân sự huyện đã tổ chức tốt việc phối hợp với Trường Quân sự Quân khu I, xây dựng các Phương án tác chiến trong kế hoạch phòng thủ khu vực huyện, Kế hoạch phòng chống lụt bão, phòng chống cháy nổ, bảo vệ rừng, đê điều, kho trạm; làm tốt công tác dân vận và chấp hành tốt chính sách hậu phương quân đội.

Cán bộ, chiến sĩ Ban chỉ huy quân sự huyện đã tặng 5 sổ tiết kiệm tình nghĩa trị giá 1 triệu đồng, tổ chức tặng quà, trợ cấp cho các đối tượng chính sách, các gia đình thương binh, liệt sĩ, Bà mẹ Việt Nam anh hùng trị giá 25 triệu đồng, quyên góp Quỹ tình nghĩa 4 triệu đồng, huy động hàng ngàn ngày công, phương tiện làm mới, tu sửa Nghĩa trang và Đài tưởng niệm liệt sĩ. Thực hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, huyện Phú Bình đã đề nghị và Nhà nước đã phong tặng, truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng cho 21 mẹ liệt sĩ; tặng 1.000 sổ tiết kiệm tình nghĩa trị giá 100 triệu đồng, 150 vườn cây tình nghĩa trị giá 30 triệu đồng, 3.000 gói quà trị giá 300 triệu đồng, xây dựng Quỹ tình nghĩa được 426.329.000 đồng, tu sửa và làm mới các nghĩa trang, đài tưởng niệm liệt sĩ trị giá gần 1 tỷ đồng.

Thực hiện Pháp lệnh Dân quân - Tự vệ, lực lượng dân quân, tự vệ luôn được kiện toàn đủ về số lượng, không ngừng được nâng cao về chất lượng. Toàn huyện có 22 cơ sở dân quân và 6 cơ sở tự vệ, với 63.429 lượt cán bộ, chiến sĩ; trong đó, có 16.694 lượt cán bộ, chiến sĩ nòng cốt. Số lượng

cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ gồm các lực lượng cơ động 2.572 lượt, chiến đấu tại chỗ 8.701 lượt, bình chủng 3.421 lượt và rộng rãi 48.735 lượt. Toàn huyện đã kết nạp thêm được 2.840 người có đủ điều kiện vào lực lượng; chúng nhận cho 1.968 người hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện dân quân, tự vệ. Huyện thường xuyên chú trọng huấn luyện cán bộ, chiến sĩ lực lượng dân quân, tự vệ, đồng thời cử 99 lượt cán bộ đi tập huấn tại tỉnh, 487 lượt cấp huyện, có 10.217 lượt chiến sĩ được huấn luyện về quân sự, chính trị, luyện tập các phương án chiến đấu. Kết hợp với huấn luyện, diễn tập quân sự, toàn huyện huy động được 112.000 lượt cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ tham gia làm giao thông, thủy lợi. Lực lượng dân quân, tự vệ trở thành lực lượng nòng cốt trong thực hiện Kế hoạch A2. Nhằm thực hiện tốt công tác động viên, tuyển quân, ngoài hoàn chỉnh, xây dựng các kế hoạch tuyển quân từng năm, từng giai đoạn, Ban chỉ huy quân sự huyện còn phối hợp với các ban, ngành tổ chức tuyên truyền, chỉ đạo các cơ sở thường xuyên kiểm tra, phúc tra số lượng, chất lượng, nắm nguồn, tổ chức huấn luyện phục vụ cho công tác động viên, tuyển quân đạt kết quả tốt, sắp xếp nguồn được 6.326 lượt. Quân dự bị động viên, huấn luyện được 3.734 người. Về động viên kỹ thuật, đã đăng ký quản lý 9 xe ô tô, động viên 59 xe ô tô chở quân, 38 xe ô tô phục vụ diễn tập; tổ chức khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự cho 4.846 thanh niên, giao quân nhập ngũ được 1.313 thanh niên, đảm bảo 100% chỉ tiêu trên giao; hoàn chỉnh hồ sơ tuyển sinh cho có 279 học sinh đủ tiêu chuẩn dự thi vào các Học viện, Nhà trường quân đội (có 21 em thi đỗ). Quản lý, cải tạo 51 quân

nhân đào, bỏ ngũ, có 44 quân nhân đào, bỏ ngũ cải tạo tốt được nhập khẩu về địa phương. Công tác quản lý quân nhân vi phạm kỷ luật và cải tạo đào ngũ được tiến hành chặt chẽ, bảo đảm giữ nghiêm Pháp luật của Nhà nước và kỷ luật quân đội, được nhân dân đồng tình, ủng hộ.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình luôn chấp hành tốt các chỉ thị, mệnh lệnh của Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Quân khu I, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, tổ chức tốt các cuộc diễn tập phòng thủ huyện, xã theo Cơ chế 02. Qua diễn tập, các thành phần trong khu vực phòng thủ nâng cao trình độ về mọi mặt trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành địa phương thực hiện các nhiệm vụ thời bình và thời chiến theo đúng tinh thần “Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan quân sự làm tham mưu”. Các ban, ngành, đoàn thể cấp huyện và cơ sở đã nắm được chức năng, nhiệm vụ, kịp thời đề xuất các nội dung công tác, biện pháp với cấp ủy, chính quyền để tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Lực lượng vũ trang các cấp phát huy vai trò trong tổ chức thực hiện các hoạt động công tác quốc phòng gắn với kinh tế xã hội, luôn bảo đảm mọi mặt cho sẵn sàng chiến đấu, duy trì an ninh, trật tự, thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế xã hội tại địa phương..., được nhân dân đồng tình ủng hộ, cấp trên đánh giá cao.

Trong 5 năm thực hiện Nghị định 19/CP của Chính phủ, được sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của cấp ủy Đảng, chính

quyền các cấp, sự ủng hộ, giúp đỡ của các ban, ngành, đoàn thể và các đơn vị đóng quân trên địa bàn, của nhân dân, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, nỗ lực phấn đấu, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Các xã Lương Phú, Hương Sơn, Thanh Ninh và Ban chỉ huy quân sự huyện được Bộ Tư lệnh Quân khu I, Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tặng Bằng khen. Đồng chí Lý Chấn Dĩnh (Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện), Nguyễn Văn Huấn (Chính trị viên Xã đội Lương Phú), Dương Đình Bình (Xã đội trưởng Hương Sơn), Nguyễn Công Đức (Ban chỉ huy quân sự huyện), Dương Viết Đường (Chỉ huy trưởng quân sự thị trấn Úc Sơn) hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được Thủ trưởng Bộ Tư lệnh Quân khu I, Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tặng Bằng khen.

Năm 1999, Đảng ủy Quân sự huyện tổ chức sơ kết 6 năm xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh và phân tích chất lượng đảng viên (1993-1999). Từ năm 1993 đến năm 1999, toàn Đảng bộ có 5 năm liên tục 100% đội ngũ cán bộ cấp ủy, chi bộ đạt đảng viên đủ tư cách mức 1, 100% các Ủy viên trong Ban Chấp hành Đảng bộ đủ tư cách mức 1; 6 năm liên tục Đảng bộ Quân sự huyện đạt trong sạch vững mạnh. Đội ngũ cán bộ cấp ủy luôn được kiện toàn, bảo đảm đủ sức lãnh đạo đơn vị hoàn thành nhiệm vụ. Chất lượng đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ Quân sự huyện không ngừng được nâng lên. Hai năm liên tục (1998-1999), 100% đảng viên trong Đảng bộ đủ tư cách mức 1.

Tháng 8-1999, Đảng ủy Quân sự huyện đã xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần II, khóa VIII), tập trung lãnh đạo xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, lãnh đạo cơ quan thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ quân sự địa phương.

Trong 3 năm (1997-1999), được sự giúp đỡ, lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy Quân sự và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, của Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình, Ban chỉ huy quân sự huyện đã đẩy mạnh phong trào Thi đua Quyết thắng, hoàn thành tốt các mục tiêu sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện. 100% các đơn vị đã xây dựng hoàn chỉnh, đảm bảo tốt chất lượng các Kế hoạch A, A2, B, Tác chiến trị an ở cơ sở, Bảo vệ Sở chỉ huy, Phòng chống cháy nổ, Bão lụt, hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện cấp huyện, xã ở mức khá, chất lượng huấn luyện không ngừng được nâng lên (năm 1997 có 27/28 cơ sở dân quân, tự vệ huấn luyện đạt khá, tăng 8 cơ sở so với năm 1996; 100% các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đã xây dựng được trung đội dân quân cơ động, riêng huyện xây dựng được 2 trung đội trực thuộc và kiện toàn về quân số cho 1 tiểu đoàn dự bị động viên, hoàn thành 100% các chỉ tiêu về động viên, tuyển quân. Ban chỉ huy quân sự huyện thường xuyên đẩy mạnh các mặt công tác hậu cần, kỹ thuật, đẩy mạnh phong trào thi đua thực hiện Cuộc vận động 50 “Quản lý, khai thác vũ khí trang bị kỹ thuật tốt, bền, an toàn tiết kiệm và an toàn giao thông” và phong trào “Ngành Hậu cần làm theo lời Bác Hồ dạy” và được cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện nhiệt tình hưởng ứng.

Qua phong trào thi đua thực hiện Cuộc vận động 50, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang huyện thường xuyên được huấn luyện, nâng cao trình độ sử dụng vũ khí, trang bị kỹ thuật, đáp ứng tốt yêu cầu bảo đảm sẵn sàng chiến đấu. Công tác quản lý, bảo quản vũ khí trang bị, bảo đảm đúng nguyên tắc; duy trì chặt chẽ việc đăng ký, thống kê, xuất, nhập kho, không để xảy ra mất mát, hư hỏng; đảm bảo an toàn hệ thống kho tàng, không xảy ra cháy, nổ. Năm 1999, Ban chỉ huy quân sự huyện đầu tư 3 triệu đồng mua vũ khí tự tạo phục vụ huấn luyện xử lý các tình huống A2. Được sự giúp đỡ của Cơ quan Kỹ Thuật Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Ban chỉ huy quân sự huyện đã tiến hành tốt việc bảo quản, niêm cất, phân loại vũ khí của đơn vị. Ngoài ra, cán bộ, chiến sĩ Ban chỉ huy quân sự huyện còn xây dựng hoàn chỉnh và nâng cấp hệ thống kho tàng, nhà xe, nâng cao khả năng tự bảo quản, sửa chữa vũ khí, trang bị kỹ thuật. Các phương tiện ô tô, xe máy của đơn vị luôn bảo đảm hoạt động tốt, an toàn tuyệt đối và sẵn sàng cơ động chiến đấu.

Ngành Hậu cần hàng năm đều đảm bảo tốt việc thực hiện các Kế hoạch A, A2, B, phục vụ đời sống bộ đội và tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền địa phương bảo đảm tài chính cho công tác huấn luyện và động viên. Cán bộ, chiến sĩ Cơ quan Quân sự huyện đẩy mạnh tăng gia sản xuất, đưa thêm vào bữa ăn cho bộ đội được 400 đồng/người/ngày; bếp ăn của đơn vị đạt tiêu chuẩn bếp nuôi quân giỏi, quân số khỏe đạt 99,2%. Từ năm 1997 đến năm 1999, cán bộ, chiến sĩ Cơ quan Quân sự huyện đã tăng gia, sản xuất được 1.020

kg thịt lợn, 700 kg lợn giống, 5,5 tấn cá thịt, 400kg cá giống, 13 tấn lương thực, 5 tấn rau; trồng 10 ha cây ăn quả, trồng và bảo vệ 5,9 ha rừng, tổng giá trị kinh tế thu được đạt 86.950.000 đồng. Ban chỉ huy quân sự huyện đầu tư gần 8 triệu đồng, sửa chữa được 10 gian nhà cấp 4 và đầu tư gần 5 triệu đồng lắp đặt, cải tạo công trình nhà ở và nhà làm việc cho bộ đội. Riêng năm 1999, đầu tư gần 10 triệu đồng làm sân, đường bê tông, tu sửa cảnh quan đơn vị.

Ngày 10-5-1999, Ban chỉ huy quân sự huyện tổ chức Hội nghị tổng kết phong trào Thi đua Quyết thắng 3 năm 1996-1999. Hội nghị khẳng định “Trong 3 năm qua, phong trào Thi đua Quyết thắng trong lực lượng vũ trang huyện Phú Bình đã góp phần làm chuyển biến mọi mặt, động viên cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên quốc phòng và lực lượng dân quân, tự vệ, dự bị động viên phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc, của quân đội và quê hương căn cứ địa cách mạng, phát huy cao độ tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tăng cường phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, đoàn kết, nhất trí với cấp ủy, chính quyền, nhân dân các dân tộc trên địa bàn, ra sức phấn đấu xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân vững mạnh, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương có bước tiến bộ vững chắc theo hướng chính quy, từng bước hiện đại, nâng cao chất lượng tổng hợp xây dựng đơn vị từ huyện xuống các cơ sở vững mạnh toàn diện, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ, giữ vững an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền địa phương và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”

Tiếp theo, ngày 25-12-1999, Ban chỉ huy quân sự huyện tổ chức Hội nghị tổng kết công tác quân sự địa phương năm 1999. Hội nghị đề ra phương hướng thực hiện nhiệm vụ năm 2000 “Tập trung quán triệt sâu sắc, triển khai thực hiện toàn diện, nghiêm túc, triệt để Nghị quyết của các cấp ủy Đảng. Tập trung xây dựng các tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh, gắn với việc xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện; xây dựng nền nếp chính quy và rèn luyện kỷ luật; phát huy hơn nữa vai trò nòng cốt của lực lượng vũ trang địa phương, trong xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, huyện ngày càng vững chắc; đẩy mạnh hoạt động tác chiến trị an của dân quân, tự vệ ở cơ sở, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đánh bại mọi âm mưu “Diễn biến hòa bình”, “Bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch, giữ vững sự ổn định về chính trị, góp phần cùng với địa phương đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. Hội nghị nhấn mạnh: Trước mắt tập trung chủ yếu vào các biện pháp chính sau đây:

1. Tổ chức chỉ đạo cơ sở tiến hành công tác giáo dục nâng cao nhận thức về tình hình nhiệm vụ năm 2000 của lực lượng vũ trang Quân khu, Tỉnh, Huyện, nâng cao trách nhiệm của lực lượng vũ trang nhân dân huyện, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.
2. Phát huy dân chủ, tập trung, xây dựng kế hoạch sát với tình hình thực tế và nhiệm vụ của đơn vị.
3. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, phải tiến hành kiểm tra, đôn đốc thường xuyên, kiểm tra phải có nhận xét, đánh giá cụ thể và hướng chỉ đạo kịp thời.

4. Đẩy mạnh các phong trào thi đua, các nội dung thi đua tập trung vào việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị tại đơn vị, thiết thực lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn trong năm.

Bước sang năm 2000 – năm cuối cùng của thế kỉ XX, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, nhân dân và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình nỗ lực phấn đấu, đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trên địa bàn. Nền kinh tế của huyện đã có nhiều chuyển biến quan trọng về chất và lượng. Sản xuất Nông – Lâm nghiệp từng bước được đầu tư, cơ giới hóa sản xuất. Toàn huyện sửa chữa được 32 công trình thủy lợi (hồ, đập), sửa chữa 7 trạm bơm điện, lắp thêm 16 trạm bơm mới; xây dựng xong 2 hồ chứa nước, 24 km kênh, mương kiên cố, trị giá 8,6 tỷ đồng. Nhân dân mạnh dạn đầu tư nhiều tiền, của để đưa các thành tựu khoa học nông nghiệp hiện đại vào sản xuất (cả chăn nuôi và trồng trọt), mang lại hiệu quả kinh tế cao; sản xuất nông nghiệp hàng năm bình quân toàn huyện tăng trưởng 5%, tổng sản lượng lương thực quy thóc tăng từ 49.475 tấn (năm 1999), lên 56.711 tấn (năm 2000); bình quân lương thực đầu người tăng từ 364 kg (năm 1996), lên 416 kg (năm 2000). Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp có bước phát triển mới về quy mô và hiệu quả kinh tế. Năm 1997 tổng giá trị sản xuất công nghiệp, đạt gần 10 tỷ đồng, năm 2000 đạt gần 11 tỷ đồng; toàn huyện có 1.001 cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.

So với 5 năm (1992-1996), 5 năm (1996-2000), cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được tăng cường về máy móc, thiết bị, chuyển dần từ thủ công sang bán cơ khí và cơ khí hóa sản xuất.

Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông ở nông thôn được đầu tư sửa chữa xây dựng. Cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương đã cùng với nhân dân các dân tộc trong huyện nâng cấp, sửa chữa được 613,9 km đường giao thông nông thôn, 16 cầu, dải nhựa, hoặc đổ bê tông 10 km đường giao thông; 100% các xã, thị trấn có đường giao thông đảm bảo xe ô tô đi lại đến trung tâm. Các công trình Y tế từ huyện xuống cơ sở được xây dựng cơ bản, được đầu tư thêm trang thiết bị khám, chữa bệnh, bảo đảm tốt việc khám và chữa bệnh cho nhân dân. Toàn huyện có 100% các xã, thị trấn với 95% số hộ được dùng điện lưới quốc gia phục vụ sinh hoạt và sản xuất. Toàn huyện đã huy động được 131 tỷ đồng đầu tư thực hiện 46 chương trình dự án phát triển Nông – Lâm nghiệp, Giao thông – Xây dựng, Y tế, Giáo dục, Thủy lợi. Hệ thống Thông tin Liên lạc được mở rộng, đáp ứng tốt yêu cầu xây dựng và phát triển kinh tế – xã hội, củng cố và tăng cường tiềm lực an ninh, quốc phòng tại địa phương.... Kết quả to lớn đó có sự đóng góp quan trọng của cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện. Cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện vừa huấn luyện, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, vừa tích cực tham gia sản xuất; kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, góp phần thúc đẩy kinh tế, xã hội ngày càng phát

triển. Tuy nhiên, Phú Bình vẫn là một huyện có nhiều khó khăn của tỉnh Thái Nguyên. Trên địa bàn huyện, tình hình an ninh, chính trị cơ bản ổn định, song vẫn còn xảy ra một số vụ vi phạm Pháp luật. Mặt khác, các thế lực phản động lợi dụng các chính sách về tự do tôn giáo, dân chủ của Đảng, Nhà nước ta để thực hiện một số hoạt động “Diễn biến hòa bình” “Bạo loạn lật đổ” làm ảnh hưởng xấu tới sự ổn định về trật tự trị an tại địa phương.

Các mặt thuận lợi, khó khăn đó vừa là tiền đề, vừa là những rào cản đòi hỏi cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang huyện Phú Bình nêu cao truyền thống của quê hương anh hùng, nỗ lực phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ được giao, góp phần xây dựng huyện Phú Bình giàu về kinh tế, ổn định về chính trị, xã hội, mạnh về an ninh, quốc phòng; xây dựng huyện trở thành pháo đài phòng thủ vững chắc, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Ngày 15-01-2000, Đảng ủy Quân sự huyện Phú Bình họp bàn biện pháp lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ năm 2000, tập trung vào 5 nội dung chính:

1- Các cấp ủy Đảng thường xuyên nêu cao vị trí, vai trò lãnh đạo, nắm chắc nhiệm vụ trong năm; đội ngũ cán bộ, đảng viên luôn phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của mình là tấm gương sáng để quần chúng noi theo.

2- Đề cao vai trò tổ chức thực hiện của chỉ huy các cấp. Thực hiện nghiêm túc mệnh lệnh của trên giao, phát huy chức

năng của các cơ quan, tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn đến cơ sở thực hiện nhiệm vụ.

3- Cấp ủy và chỉ huy các cấp thực hiện tốt việc phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể của địa phương, phát huy sức mạnh tổng hợp của lực lượng vũ trang nhân dân huyện để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ trong năm.

4- Chỉ đạo các cấp bám nắm cơ sở, tham mưu đề xuất cho cấp ủy chính quyền về công tác quân sự địa phương đúng và trúng, đạt hiệu quả cao.

5- Đẩy mạnh hoạt động thi đua, tạo thành phong trào thi đua rộng rãi, phấn đấu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ công tác quân sự địa phương.

Thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy Quân sự huyện, Ban chỉ huy quân sự huyện duy trì nghiêm túc chế độ thường trực, sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm trực đủ quân số theo quy định. Sáu tháng đầu năm 2000, Ban chỉ huy quân sự huyện đã hướng dẫn chỉ đạo 22 xã, thị trấn và 6 cơ sở tự vệ tổ chức Hội nghị sơ kết Pháp lệnh Dân quân - Tự vệ của Chính phủ; đồng thời tiến hành kiểm tra các kế hoạch, phương án A, A2, và công tác sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm chiến đấu của các đơn vị cơ sở. Qua kiểm tra, hai xã Xuân Phương và Thanh Ninh đều được xếp loại khá. Đến năm 2000, lực lượng dân quân, tự vệ nòng cốt của huyện được xây dựng theo đúng Pháp lệnh Dân quân - Tự vệ, với tổng quân số toàn huyện là 2.846 cán bộ, chiến sĩ (gồm 2.749 cán bộ, chiến sĩ dân quân và 98 cán bộ, chiến sĩ tự vệ. Trong lực

lượng dân quân, tự vệ có 237 đảng viên, 1.861 đoàn viên và 918 nữ; được tổ chức thành 3 lực lượng: lực lượng cơ động 586 người, chiến đấu tại chỗ 1.585 người, binh chủng 675 người. Số lượng dân quân năm thứ nhất 817 người, còn lại là từ năm thứ 2 trở lên. Năm 2000, huyện mở 2 lớp tập huấn quân sự, chính trị trong thời gian 7 ngày cho các cán bộ cấp Xã đội phó, Tiểu đội trưởng sát và Trung đội trưởng. Qua kiểm tra các môn trình sát, chính trị, bắn súng, điều lệnh đạt loại khá. Ban chỉ huy quân sự huyện làm tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện cử 26 đồng chí Xã đội trưởng, Trung đội trưởng súng máy phòng không 12 ly 7, Trung đội trưởng trình sát, Khẩu đội trưởng cối 60 đi dự các lớp tập huấn do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức, kết quả đạt loại khá. Đến ngày 31-5-2000; toàn huyện đã tổ chức huấn luyện xong 100% đầu mối cơ sở dân quân, tự vệ, kết quả huấn luyện đạt loại khá.

Thực hiện kế hoạch tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, năm 2000, toàn huyện tuyển được 172 thanh niên vào bộ đội, đảm bảo 100% các chỉ tiêu do Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh giao. Tính từ năm 1996 đến năm 2000, toàn huyện có 1.034 thanh niên lên đường nhập ngũ. Hết tháng 11-2000, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình đã hoàn thành các chỉ tiêu huấn luyện cho lực lượng thường trực và giáo dục quốc phòng cho các đối tượng tại địa phương. Kết quả kiểm tra cán bộ Cơ quan Quân sự huyện bắn súng ngắn K54 đạt 82,3% khá; giáo dục chính trị đạt 89% khá,.

Nhằm nâng cao chất lượng của đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ, Đảng ủy Quân sự huyện tiến hành sơ kết Nghị quyết số 73 của Ban Thường vụ Huyện ủy và Nghị quyết Trung ương VI (lần II). Qua phân tích chất lượng đảng viên, 6 tháng đầu năm 2000, toàn Đảng bộ có 33 trên 34 đảng viên đủ tư cách mức 1; Đảng bộ Quân sự huyện được công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh, với 100% chi bộ đạt trong sạch vững mạnh. Tính từ năm 1998 đến năm 2000, toàn Đảng bộ Quân sự huyện có 97% đảng viên được đào tạo qua các trường trong quân đội, trong đó có 82% được đào tạo ở các trường trung cấp, cao cấp, 12% bổ túc, trong số đó có 1/3 cán bộ chỉ huy đã qua các cấp chỉ huy cơ sở.

Nhằm đánh giá kết quả 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân sự huyện lần thứ III, đề ra phương hướng nhiệm vụ lãnh đạo trong thời gian tiếp theo, tháng 8-2000, Đảng bộ Quân sự huyện tổ chức Đại hội Đảng bộ lần thứ IV (nhiệm kỳ 2000-2002). Đại hội khẳng định “Nhiệm kỳ vừa qua, Đảng bộ Quân sự huyện đã thực sự phát huy vai trò lãnh đạo đơn vị, tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trên giao. Lực lượng vũ trang nhân dân huyện có sự chuyển biến tiến bộ, đồng đều trên tất cả các mặt sẵn sàng chiến đấu, củng cố, xây dựng lực lượng, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân, chất lượng huấn luyện, xây dựng nền nếp, tác phong chính quy, rèn luyện kỷ luật, đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần đơn vị hoàn thành nhiệm vụ ở mức khá. Trong những năm vừa qua, Đảng bộ Quân sự huyện luôn đạt trong sạch vững mạnh, đơn vị đạt vững mạnh toàn diện”.

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ quốc phòng – quân sự địa phương trong thời gian tiếp theo, Đại hội ra 3 biện pháp lãnh đạo chính:

1- Đảng ủy, hệ thống chỉ huy phải thường xuyên quán triệt, nắm vững các đường lối chính sách, nghị quyết của Đảng. Giáo dục cho đảng viên, cán bộ, chiến sĩ toàn đơn vị thấu suốt, nhất trí cao, quyết tâm thực hiện thắng lợi các nghị quyết đó.

2- Phát huy sức mạnh và hiệu lực Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan quân sự làm tham mưu ở các cấp trên địa bàn trong công tác quân sự địa phương, làm cho mọi ngành, mọi tổ chức, cơ quan đều thấy được vai trò, trách nhiệm của mình trong công tác xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận chiến tranh nhân dân.

3- Xây dựng tinh thần đoàn kết, nhất trí cao trong toàn Đảng bộ, toàn cơ quan thống nhất ý chí và hành động; xóa bỏ định kiến, cố chấp, cục bộ.

Một trong những thành tích nổi bật của nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình năm 2000 là đã thực hiện thắng lợi cuộc diễn tập quân sự gọi tắt là “Q.S 2000”. Mục đích cuộc diễn tập nhằm: Tổ chức huy động mọi lực lượng cùng tham gia, lấy lực lượng dân quân, tự vệ làm nòng cốt, tập trung vào việc làm trong sạch địa bàn, làm giao thông, thủy lợi, củng cố hóa kênh mương, thực hiện một số nhiệm vụ chính trị của địa phương; thực hành diễn tập đầy đủ nội dung theo Cơ chế 02/BCT của Bộ Chính trị về hoạt động tác chiến trị an của 6: xã Diêm Thủy, Đồng Liên, Bàn Đạt, Dương Thành, Tân Hòa, Tân Kim.

Theo sự chỉ đạo của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Ban Thường vụ Huyện ủy Phú Bình đã họp, quán triệt nhiệm vụ, ra Chỉ thị lãnh đạo diễn tập. Ngày 4-12-2000, Ủy ban nhân dân huyện ra Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo diễn tập, gồm các đồng chí: Nguyễn Quang Hùng (Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện) Trưởng ban, Thượng tá Lý Chấn Dính (Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện) và Nguyễn Phong Phú (Trưởng Công an huyện) Phó Ban; các đồng chí Ủy viên gồm Nguyễn Kim Môn (Trưởng Phòng Giao thông huyện), Nguyễn Văn Gia (Trưởng phòng Thương binh - Xã hội huyện), Thái Quang Khải (Quyền Trưởng Phòng Nông nghiệp huyện), Nguyễn Văn Châm (Phó Công an huyện), Dương Văn Lực (Trưởng Ban Tài chính huyện), Lê Thanh Ngọc (Chỉ huy phó – Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện), Đào Hồng Phong (Chỉ huy phó Chính trị Ban chỉ huy quân sự huyện). Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, sau một thời gian chuẩn bị tích cực của Ban Chỉ đạo, các Ban, Ngành, Đoàn thể và nhân dân địa phương, từ ngày 10 đến ngày 13-12-2000, cuộc diễn tập được tổ chức. Chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Ban Thường vụ Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện và mệnh lệnh diễn tập của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện, quân và dân huyện Phú Bình đồng loạt ra quân truy quét các tệ nạn xã hội làm trong sạch địa bàn, làm giao thông, thủy lợi. Cấp uỷ, chính quyền, đoàn thể, lực lượng vũ trang và nhân dân các xã Đông Liên, Bàn Đạt, Diêm Thụy, Dương Thành, Tân Kim, Tân Hòa, tổ chức diễn tập đầy đủ nội dung, 100% đạt yêu cầu, trong đó hai xã Tân Kim và Tân Hòa đạt loại khá.

Qua 3 ngày thực hành diễn tập “QS 2000”, toàn huyện đã đào, đắp được 12.401 mét khối đất, đá; làm và sửa chữa 90 km đường giao thông; sửa chữa, nạo vét 89,4 km kênh, mương thuỷ lợi phục vụ cho sản xuất, khai thác 305 mét khối cát, sỏi. Để đạt được kết quả trên, toàn huyện đã huy động được 21.126 ngày công của cán bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang (có 15.395 công của lực lượng dân quân), 3 xe ủi, 3 xe ô tô, 66 xe công nông, 223 xe ngựa, 226 xe cải tiến phục vụ cho diễn tập. Trong diễn tập, quân và dân các xã Dương Thành đã tổ chức diệt được 1.700 con chuột, bảo vệ mùa màng; Tân Khánh cứng hóa được 800 mét kênh, mương nội đồng. Cuộc diễn tập QS 2000 của quân và dân huyện Phú Bình bảo đảm vận hành theo đúng Cơ chế 02 của Bộ Chính trị.

Kết thúc năm 2000, Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình quyết định tặng 8 Giấy khen cho các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác quân sự năm 2000 (Đó là, các xã Kha Sơn, Bảo Lý, Nhã Lộng, Lương Phú và các đồng chí Lê Thanh Tâm, Dương Văn Vệ, Nguyễn Xuân Viết, Hoàng Quốc Hùng; cán bộ chỉ huy quân sự các xã trên); Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho 3 cán bộ chỉ huy Xã đội và lực lượng dân quân 3 xã Xuân Phương, Thanh Ninh, Hương Sơn.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy Quân sự và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình qua 14 năm (1987-2000) thực hiện đường lối đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của Đảng trên địa bàn huyện, được sự giúp đỡ và ủng hộ của các tổ chức đoàn thể các ban, ngành và nhân dân các dân tộc trong

huyện, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình đã thường xuyên được củng cố về mọi mặt. Các tổ chức lãnh đạo, chỉ huy của Cơ quan Quân sự huyện Phú Bình thường xuyên được củng cố, kiện toàn đủ về số lượng, từng bước nâng cao về chất lượng. Công tác huấn luyện sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương đảm bảo tốt cả về nội dung và thời gian. Lực lượng dân quân, tự vệ được duy trì đảm bảo quân số hợp lý và không ngừng được nâng cao chất lượng. Cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện hoàn thành tốt các chỉ tiêu động viên tuyển quân, tổ chức tốt các đợt diễn tập phòng thủ khu vực, xây dựng huyện trở thành pháo đài phòng thủ vững chắc. Các mặt công tác hậu cần, kỹ thuật luôn đảm bảo các yêu cầu nhiệm vụ, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội...., góp phần quan trọng vào việc giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa trên địa bàn. Những thành tựu quân và dân huyện Phú Bình đã đạt được trong thời kỳ từ năm 1987 đến năm 2000 cơ sở, tiền đề để Đảng ủy, Ban chỉ huy quân sự và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình nỗ lực phấn đấu, vươn lên hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ, tiếp tục thực hiện thắng lợi công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, xây dựng Phú Bình thành huyện giàu về kinh tế, ổn định về chính trị, vững mạnh về an ninh quốc phòng, cùng toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong những năm đầu của thế kỉ XXI.

CÁC ĐỒNG CHÍ CHỈ HUY QUÂN SỰ HUYỆN (1947 - 2006)



Đ/c Nguyễn Hữu Tài
Huyện đội trưởng
1947 - 1951.



Đ/c Nguyễn Thế Đạt
Chính trị viên
1947 - 1948.



Đ/c Phạm Tân Minh
Chính trị viên
1949 - 1951.



Đ/c Đặng Việt Hồ
Huyện đội phó
1949 - 1950.



Đ/c Mai Văn Sửu
Chính trị viên
1951 - 1952.



Đ/c Vũ Tính
Huyện đội trưởng
1954 - 1955.



Đ/c Đào Quang Thông
Chính trị viên 1957 -
1960, 1963 - 1965.



Đ/c Ngô Quang Các
Huyện đội trưởng
1957 - 1960.



Đ/c Dương Anh Đề
Huyện đội trưởng
1961 - 1965.





Đ/c Lê Minh Đức
Chính trị viên
1961 - 1962.



Đ/c Dương Văn Cuộc
Huyện đội trưởng
1965 - 1966.



Đ/c Đặng Đình Cử
Huyện đội trưởng
1966 - 1968.



Đ/c Đặng Tuấn Ngân
Chính trị viên phó
1967 - 1970.



Đ/c Nguyễn Văn Trọng
Chính trị viên phó
1967 - 1968.



Đ/c Nguyễn Văn Thiêm
Huyện đội trưởng
1968 - 1969.



Đ/c Trần Văn Thù
Chính trị viên phó
1968 - 1975.



Đ/c Nguyễn Văn Chỉ
Chính trị viên 1968 -
1970, 1978 - 1980.



Đ/c Trần Văn Tĩnh
Huyện đội phó 1967-
1969, Quyền Huyện đội
trưởng 1969 - 1970.





Đ/c Nguyễn Ngọc Diện
Chính trị viên
1970 - 1974.



Đ/c Dương Xuân Mai
Chính trị viên
1974 - 1978.



Đ/c Dương Văn Giáp
Chỉ huy phó 1972 -
1978, Chỉ huy trưởng
1979 - 1985.



Đ/c Nguyễn Văn Bằng
Chính trị viên
1978 - 1980.



Đ/c Dương Như Thi
Chỉ huy trưởng
1978 - 1979.



Đ/c Phạm Huân
Chỉ huy phó Chính trị
1980 - 1985.



Đ/c Hoàng Hiệp
Chỉ huy phó Động viên
1981 - 1984.



Đ/c Đào Duy Đáp
Chỉ huy phó - Tham
mưu trưởng 1982 - 1985.



Đ/c Dương Quang Tập
Chỉ huy phó Động viên
1984 - 1994.



Đ/c Nguyễn Văn Chung
Chỉ huy trưởng
1985 - 1995.



Đ/c Dương Văn Tạ
Chỉ huy phó Chính trị
1985 - 1988.



Đ/c Nguyễn Tiến Nhuận
Chỉ huy phó
Tham mưu trưởng
1985 - 1987.



Đ/c Dương Doãn Đối
Chỉ huy phó Chính trị
1988 - 1998.



Đ/c Lý Chấn Dĩnh
Chỉ huy phó Tham
mưu trưởng 1987 -
1995, Chỉ huy trưởng
1995 - 2003.



Đ/c Lê Thanh Ngọc
Chỉ huy phó
Tham mưu trưởng
1995 - 2003.



Đ/c Nguyễn Văn Tông
Chỉ huy phó Động
viên 1995 - 2000.



Đ/c Đinh Văn Ứng
Chỉ huy phó
1997 - 2003.



Đ/c Đào Hồng Phong
Chỉ huy phó Chính trị
1998 - 2006, Chính
trị viên từ năm 2006.





Đ/c Dương Đình Dũng
Chỉ huy phó
từ năm 2001.



Đ/c Vũ Đại Hưng
Chỉ huy phó Động
viên từ năm 2002.



Đ/c Lê Huy Tuấn
Chỉ huy trưởng
từ năm 2003.



Đ/c Nguyễn Văn Đông
Chỉ huy phó Tham
mưu trưởng 2003 - 2005.



Đ/c Đào Duy Trường
Chỉ huy phó
Tham mưu trưởng
từ năm 2005.



Đ/c Dương Văn Mão
Chính trị viên phó
từ tháng 9 năm 2006.



CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ ĐẢNG ỦY QUÂN SỰ HUYỆN (1994 - 2006)



**Đ/C Đồng Huy Xuyên
Bí thư Đảng ủy
Quân sự huyện
1994 - 1995.**



**Đ/c Dương Văn Lương
Bí thư Đảng ủy
Quân sự huyện
1995 - 1998.**



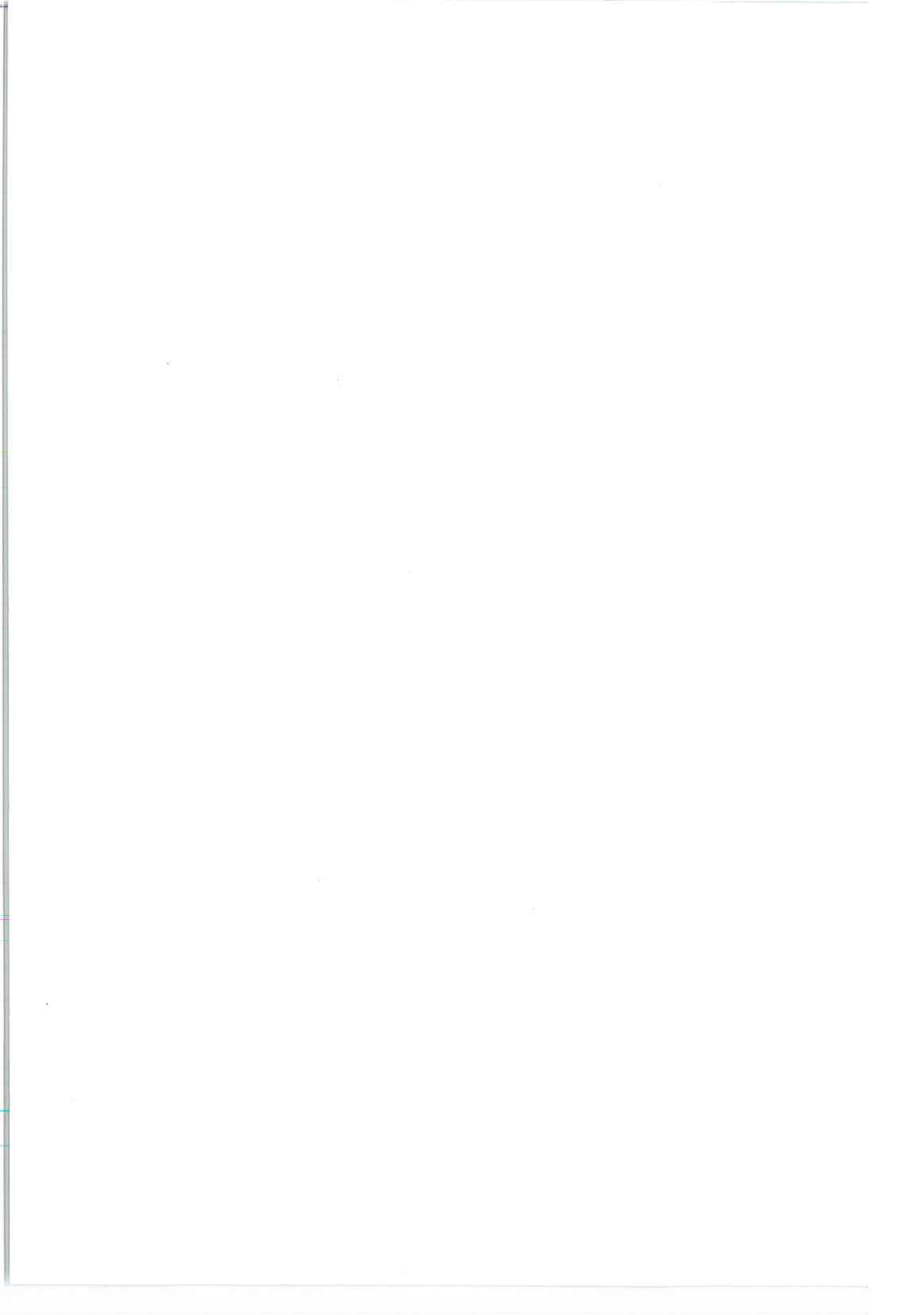
**Đ/c Phạm Bình Nguyên
Bí thư Đảng ủy
Quân sự huyện
1998 - 2000.**



**Đ/c Lê Quang Dực
Bí thư Đảng ủy
Quân sự huyện
2000 - 2003.**



**Đ/c Ngô Quang Khải
Bí thư Đảng ủy
Quân sự huyện
từ năm 2003.**



KẾT LUẬN

Phú Bình là một huyện trung du và miền núi thuộc tỉnh Thái Nguyên, có vị trí địa lí nằm ở vùng địa đầu Đông Nam của Tỉnh. Do nằm trên địa bàn trung tâm của vùng chiến lược phía bắc sông Hồng, nên trong lịch sử giữ nước của dân tộc, địa bàn huyện Phú Bình đã từng là nơi tranh chấp quyết liệt giữa quân và dân ta với giặc ngoại xâm. Từ xa xưa, ông cha ta đã từng coi địa bàn Thái Nguyên (trong đó có huyện Phú Bình) là phen dậu phía bắc của kinh thành Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội, là điểm xuất phát để triển khai lực lượng chống giặc ngoại xâm ở miền biên giới. Chính vị trí chiến lược và địa bàn dụng võ mà lịch sử giành cho Thái Nguyên nói chung, huyện Phú Bình nói riêng đã hun đúc cho người dân Phú Bình sớm có truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm và chống cường quyền, áp bức anh hùng, bất khuất.

Giữa thế kỉ XIX, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Sau khi đánh chiếm Đà Nẵng, các tỉnh Nam Kỳ, thành phố Hà Nội và các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, ngày 17-3-1884, từ Bắc Ninh, quân Pháp tiến lên đánh chiếm vùng đất Phú Bình để làm bàn đạp tấn công lên đánh chiếm thành Thái Nguyên. Tại Đức Lân (Phú Bình), lực lượng vũ trang và

nhân dân địa phương đã chặn đánh quân Pháp rất quyết liệt, làm chậm lại cuộc tấn công của chúng hơn một ngày.

Từ năm 1887, nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình đã tích cực hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Yên Thế (Bắc Giang) do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo. Thực dân Pháp đã phải thừa nhận “Toàn bộ nam Thái Nguyên (trong đó có Phú Bình) đều qui thuộc Đề Thám và có thái độ chống đối rõ rệt các nhà cầm quyền Pháp và bản xứ”.⁽¹⁾

Cuối năm 1887, về cơ bản thực dân Pháp đã đánh chiếm xong vùng đất Thái Nguyên (trong đó có huyện Phú Bình). Chúng xây dựng ở địa bàn huyện Phú Bình một bộ máy cai trị và một hệ thống quân sự mạnh và dày đặc (gồm các đồn Hà Châu, Kha Sơn Thượng, Phương Độ, chợ Hanh) để cai trị và sẵn sàng đàn áp phong trào của nhân dân Phú Bình. Mặc dù triều đình nhà Nguyễn hèn nhát, đầu hàng địch, nhưng nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình vẫn tiếp tục nổi dậy chống thực dân Pháp xâm lược. Trong cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên (8/1917 – 1/1918), trong số 131 binh lính khố xanh tham gia khởi nghĩa, có 23 người là con em nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình; trong đó, ông Đội Giá (Dương Văn Giá), người làng Úc Sơn là cánh tay đắc lực, một Phó tướng tin cậy của Đại đô đốc đứng đầu “Quang phục quân” Trịnh Văn Cấn.

⁽¹⁾ Ga li ê li – Ba đạo quân Bắc Kỳ - Lịch sử Việt Nam, tập II, Nxb KHXH, 1985, tr 89.

Sau ngày Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3-2-1930), dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình đã phát huy truyền thống yêu nước và cách mạng của quê hương, tích cực đấu tranh chống Pháp. Giữa năm 1939, một số thanh niên ở Kha Sơn Hạ, gồm Nguyễn Bình Sơn, Nguyễn Văn Xứ, Lê Phương, Nguyễn Hữu Tài, Nguyễn Thế Đạt đã được tổ chức cơ sở Đảng ở xã Vân Xuyên (huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang) tuyên truyền, giác ngộ cách mạng và kết nạp vào Hội Thanh niên phản đế Vân Xuyên. Đây là những hạt giống cách mạng đầu tiên của Đảng ở huyện Phú Bình. Đầu năm 1941, tại các xã Kha Sơn Hạ, Kha Sơn Thượng, Mai Sơn đã thành lập các Hội Thanh niên phản đế, Nông dân phản đế. Từ giữa năm 1941, các tổ chức Thanh niên, Nông dân, Phụ nữ phản đế đã mở rộng ra các xã Dương Thành, Hà Châu, Phương Độ.

Sau Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (họp tháng 5-1941 tại Cao Bằng), tại các xã trên địa bàn huyện Phú Bình đã có phong trào cách mạng mạnh (Kha Sơn Thượng, Kha Sơn Hạ, Mai Sơn...), các tổ chức phản đế nhanh chóng chuyển sang hình thức tổ chức Mặt trận Việt Minh; các Hội Thanh niên, Nông dân, Phụ nữ phản đế chuyển thành các Hội Cứu quốc.

Cuối năm 1941, tại Kha Sơn Hạ, Đội Tự vệ cứu quốc đầu tiên của huyện Phú Bình gồm 3 đội viên được thành lập. Đầu năm 1943, trên địa bàn các làng, xã có phong trào cách mạng phát triển đều thành lập được các Đội tự vệ cứu quốc, với trên, dưới 50 đội viên tự vệ chiến đấu. Sau Hội nghị Ban

Thường vụ Trung ương Đảng họp ở Võng La, Đông Anh, Phúc Yên (cuối tháng 2-1943), huyện Phú Bình cùng với các huyện Hiệp Hòa (Bắc Giang), Phổ Yên (Thái Nguyên) được Trung ương Đảng chọn làm An toàn khu II (ATK II), nơi ở và hoạt động của các cơ quan Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ. Phong trào cách mạng Phú Bình phát triển nhanh chóng. Phát huy truyền thống yêu nước và cách mạng, nhân dân các dân tộc và cán bộ, đội viên các Đội Tự vệ cứu quốc huyện Phú Bình đã hết lòng đùm bọc, giúp đỡ, chở che và bảo vệ an toàn cơ quan và các đồng chí lãnh đạo cao nhất của Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ. Những tháng cuối năm 1944, nhân dân và cán bộ, đội viên các Đội Tự vệ cứu quốc huyện Phú Bình đã dũng cảm đương đầu với một cuộc khủng bố quyết liệt của giặc Pháp để bảo vệ An toàn khu II, bảo vệ Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ.

Ngày 28-3-1945, Trung đội vũ trang tập trung của 2 huyện Phú Bình (Thái Nguyên) và Hiệp Hòa (Bắc Giang) được thành lập và làm lễ ra mắt tại xóm Soi, xã Kha Sơn Hạ. Ngay sau ngày thành lập, Trung đội vũ trang tập trung Phú Bình – Hiệp Hòa đã vừa hỗ trợ cho nhân dân liên tiếp nổi dậy phá các kho thóc của Nhật chia cho dân nghèo cứu đói và nuôi dưỡng các đơn vị vũ trang ở địa phương; vừa trấn áp, trừng trị những tên Việt gian phản động và những tên tay sai của địch ngoan cố, có nhiều nợ máu với nhân dân; đồng thời tích cực huấn luyện, sắm sửa vũ khí, chuẩn bị đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền, xây dựng và phát triển các Đội Tự

vệ chiến đấu. Nhờ đó, ở hầu hết các làng, xã trên địa bàn huyện đã xây dựng được các Đội tự vệ chiến đấu, mỗi Đội có từ 15 đến 20 đội viên. Đầu tháng 8 năm 1945, huyện Phú Bình đã xây dựng được 1 đại đội tự vệ chiến đấu tập trung. Trong những ngày Tổng khởi nghĩa giành chính quyền Cách mạng tháng 8-1945, trừ một số ít cán bộ, chiến sĩ ở lại bao vây quân địch ở huyện lỵ, còn đại đa số cán bộ, chiến sĩ Đại đội tự vệ chiến đấu tập trung huyện Phú Bình đã dũng cảm vượt lũ lụt, lên cùng với Quân giải phóng bao vây, tấn công quân Nhật, góp phần quan trọng vào việc giải phóng thị xã Thái Nguyên, cùng với quân dân cả nước làm nên Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, đưa tới sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do cho dân tộc.

Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp (1945-1954), tuy nằm trong vùng tự do, nhưng huyện Phú Bình lại là địa bàn giáp ranh với vùng địch tạm chiếm Hiệp Hòa (Bắc Giang), nên thường xuyên bị chúng hoạt động phá hoại trên tất cả các mặt quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Chỉ tính riêng hoạt động phá hoại bằng đường không, chưa tính 3 xã Đồng Liên, Yên Thịnh, Bảo Lý, trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, thực dân Pháp đã huy động máy bay ném bom bắn phá địa bàn huyện Phú Bình 126 trận, làm chết 229 người (gồm 117 nam, 112 nữ), làm bị thương 73 người (có 33 nam, 40 nữ), làm cháy, đổ toàn bộ nhà cửa của 47 gia đình và phá hủy nhiều tài sản khác của nhân dân trong huyện.

Để có lực lượng tại chỗ vững mạnh, sẵn sàng hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ quê hương cách mạng, bảo vệ cửa ngõ Đông Nam của An toàn khu kháng chiến Việt Bắc, quân và dân huyện Phú Bình đã tập trung xây dựng lực lượng vũ trang địa phương. Tháng 5 năm 1947, Huyện đội bộ dân quân (nay là Ban chỉ huy quân sự huyện) Phú Bình được thành lập. Tiếp đó, các Xã đội bộ dân quân (nay là Ban chỉ huy quân sự) các xã trong huyện cũng lần lượt ra đời. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện, Huyện đội bộ dân quân Phú Bình chỉ đạo Xã đội bộ dân quân các xã khẩn trương xây dựng và phát triển lực lượng dân quân, du kích. Cuối năm 1947, Huyện đội bộ dân quân tổ chức xây dựng được 1 trung đội du kích tập trung của huyện, biên chế 35 cán bộ, chiến sĩ, do Ủy ban hành chính huyện nuôi dưỡng và trang bị vũ khí, làm nhiệm vụ cơ động chiến đấu trên địa bàn huyện. Bình quân mỗi xã trong huyện đã xây dựng, phát triển được 4 tiểu đội dân quân, du kích, thường xuyên làm nhiệm vụ tuần tra, canh gác bảo vệ xóm làng góp phần giữ vững an ninh trật tự ở cơ sở. Trong chiến dịch tấn công lên Việt Bắc Thu Đông 1947 của địch, tại Thái Nguyên sau thất bại của cuộc hành quân Xanhtuya, cần quét vào các huyện Phú Lương, Định Hóa, Đại Từ, Võ Nhai, Đồng Hỷ, Phổ Yên, ngày 19-12-1947, trên đường rút về xuôi, một mũi 200 quân địch từ Phố Cò (nay thuộc thị xã Sông Công), tràn lên Văn Dương (nay thuộc xã Hồng Tiến, huyện Phổ Yên), tràn sang xã Diêm Thụy, vòng xuống các xã Nhã Lộng, Úc Kỳ, Nga Mi, Phương Độ, Hà Châu (huyện Phú Bình), rồi theo đường đê xuống các xã Tân Tiến, Thuận

Thành (huyện Phổ Yên) qua cầu Đa Phúc rút về xuôi. Khi càn qua địa bàn một số xã trong huyện Phú Bình, quân Pháp đã bị cán bộ, chiến sĩ các lực lượng dân quân du kích và tự vệ huyện Phú Bình chặn đánh ở nhiều nơi.

Trong Chiến dịch “Hải Cầu” (chó Biển) tấn công lên thị xã Thái Nguyên (cuối tháng 9, đầu tháng 10 -1950) của địch, tại bến đò Hà Châu, Đại đội 224 bộ đội địa phương huyện Phú Bình đã cùng với các lực lượng dân quân, du kích, tự vệ chiến đấu trong huyện chặn đánh quyết liệt mũi tấn công đường thủy của địch từ Đa Phúc theo sông Cầu đánh lên, bắn hỏng nặng 3 ca nô, tiêu diệt 12 tên và bắn bị thương 8 tên khác. Từ bến đò Hà Châu, khoảng 1.000 tên địch đổ bộ lên bờ, theo Đường 19 (nay là Quốc lộ 37) tấn công lên thị xã Thái Nguyên. Dọc Đường 19, chúng tiếp tục bị cán bộ, chiến sĩ Đại đội 224 và dân quân du kích các xã dọc hai bên đường chặn đánh ở kè Đá Gân, Cổ Dạ, Cầu Mây..., loại khỏi vòng chiến đấu gần 100 tên (có 45 tên bị tiêu diệt).

Cùng với nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ quê hương, bảo vệ cửa ngõ phía Đông Nam An toàn khu kháng chiến Việt Bắc, quân và dân huyện Phú Bình đẩy mạnh xây dựng hậu phương, chi viện chiến trường. Sau chiến thắng Việt Bắc Thu Đông 1947, nhiều cơ quan của Trung ương, Liên khu Việt Bắc, tỉnh Thái Nguyên, tỉnh Bắc Giang đã đến ở và làm việc tại huyện Phú Bình. Quân và dân huyện Phú Bình đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giúp đỡ nơi ăn, ở; phòng gian, giữ

bí mật, bảo vệ an toàn các cơ quan, đơn vị tản cư đến ở và làm việc trên địa bàn huyện. Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, quân và dân huyện Phú Bình đã động viên được hàng ngàn con em nhân dân các dân tộc trong huyện lên đường tòng quân giết giặc. Trong số đó có hàng trăm người đã anh dũng hi sinh ngoài mặt trận, được công nhận là liệt sĩ; hàng trăm người khác để lại một phần xương máu ở các chiến trường, được công nhận là thương binh.

Tuy là một huyện trung du, miền núi, kinh tế thuần nông, đất đai không màu mỡ, lại luôn bị thiên tai, địch họa tàn phá, đời sống nhân dân trong huyện còn rất nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình đã “thắt lưng, buộc bụng” đóng góp cho kháng chiến hàng ngàn tấn lương thực, hàng trăm tấn thực phẩm, góp phần quan trọng cùng với quân và dân cả nước làm nên một chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử, góp phần quan trọng buộc thực dân Pháp phải kí Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) nhất là trong những năm (1965-1975), quân và dân huyện Phú Bình đã xây dựng được lực lượng vũ trang nhân dân địa phương vững mạnh, với lực lượng dân quân tự vệ rộng khắp, chiếm tỉ lệ 13% so với dân số, thu hút được 70% đảng viên, 95% đoàn viên thanh niên trong huyện tham gia (số liệu năm 1970).

Trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ (1965-1968, 1972), quân và dân huyện Phú Bình đã rất kiên cường, dũng cảm; trong đó, tiêu biểu là quân và dân các xã Lương Sơn, Đồng Liên, Diêm Thụy, Bảo Lý... Tiểu đội dân quân du kích xã Đồng Liên làm nhiệm vụ thả màn khói bảo vệ cầu Trà Vườn, đập Thác Huống..., đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái đánh giá cao. Trong 10 năm trực tiếp chống Mỹ cứu nước (1965-1975), quân và dân huyện Phú Bình đã đóng góp hàng chục vạn ngày công xây dựng hầm, hào, công sự chiến đấu, làm đường cho xe, pháo cơ động ra, vào trận địa, lấy lá ngụy trang xây dựng nơi ăn, ở. Quân và dân huyện Phú Bình còn giúp đỡ nhiều vật chất và tinh thần cho các đơn vị Đoàn 250, Sư đoàn 304..., huấn luyện tân binh chi viện cho các chiến trường miền Nam và còn nhiệm vụ quốc tế ở Lào.

Quán triệt tinh thần “miền Nam gọi miền Bắc trả lời, tiền tuyến gọi hậu phương xốc tới”, với quyết tâm: “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, quân và dân huyện Phú Bình đã đẩy mạnh các phong trào thi đua “Thanh niên Ba sẵn sàng”, “Phụ nữ Ba đảm đang”, “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, thực hiện thắng lợi gần 40 chiến dịch động viên tuyển quân lớn, nhỏ; huy động được 6.274 con em nhân dân các dân tộc trong huyện vào bộ đội đánh Mỹ. Phú Bình là huyện dẫn đầu các huyện, thành phố thuộc tỉnh Bắc Thái (cũ) về số lượng người nhập ngũ. Trên

địa bàn huyện đã có hàng trăm gia đình có từ 3 con trở lên, tình nguyện lên đường vượt Trường Sơn vào Nam giết giặc. Tiêu biểu là gia đình mẹ Nguyễn Thị Ong (xã Dương Thành) đã có 4 trong số 5 người con trai lên đường đánh Mĩ ; và 3 trong số 4 người con đó của mẹ đã vĩnh viễn nằm lại ở các chiến trường. Mẹ Nguyễn Thị Đào (xã Thượng Đình) tình nguyện cho cả 2 người con của mình lên đường đánh Mĩ và cả 2 người con của Mẹ đã anh dũng hi sinh ở ngoài mặt trận. Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có 22 bà mẹ đã hiến dâng người con độc nhất của mình vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Vì sự nghiệp chống Mĩ, cứu nước, trong 10 năm (1965-1975), bình quân mỗi năm quân và dân huyện Phú Bình đã đóng góp cho Nhà nước hơn 4.000 tấn lương thực, hơn 200 tấn thịt lợn hơi và gần 50 tấn hàng nông sản thực phẩm khác⁽¹⁾.

Trong thời kì xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, quân và dân Phú Bình đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chi viện sức người, sức của cho các tỉnh phía trước bảo vệ biên giới. Trong huyện đã có hơn một vạn người gia nhập các lực lượng vũ trang nhân dân, cầm súng chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Bước vào thời kì đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân

⁽¹⁾ Số liệu năm 1973.

huyện Phú Bình đã không ngừng phấn đấu vươn lên, phát huy tốt vai trò nòng cốt trong xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; phối hợp chặt chẽ với các lực lượng công an huyện và xã, làm tốt công tác tuần tra canh gác, giữ gìn trật tự, trị an; phòng chống có hiệu quả các chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, góp phần quan trọng vào việc giữ vững sự ổn định về chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Lực lượng dân quân tự vệ luôn được xây dựng, củng cố, kiện toàn về các mặt; tỉ lệ so với dân số luôn đảm bảo khoảng 3%, đúng theo qui định của Pháp lệnh về Dân quân và tự vệ. Bình quân mỗi xã, thị trấn trong huyện đã xây dựng được 1 trung đội dân quân, tổ chức và quản lí chặt chẽ, huấn luyện tốt, sẵn sàng cơ động chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Thông qua các đợt diễn tập quân sự hàng năm, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình đã xây dựng, bổ sung hoàn chỉnh các phương án, kế hoạch “Phòng chống biểu tình, gây rối, bạo loạn”, “Tác chiến trị an”. Kết hợp xây dựng, huấn luyện lực lượng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình đã tạo ra giá trị kinh tế hàng tỉ đồng. Công tác tuyển quân hàng năm đều đảm bảo hoàn thành 100% chỉ tiêu, cả về số lượng và chất lượng. Công tác nắm nguồn, quản lí và huấn luyện quân dự bị động viên được cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ. Cơ quan quân sự huyện và cơ quan quân sự các xã, thị trấn trong huyện triển khai thực hiện tốt. Công tác hậu phương quân đội luôn được quan và dân trong huyện quan tâm thực hiện; toàn huyện đã căn bản hoàn thành tốt

việc giải quyết các chế độ, chính sách đối với thương binh, liệt sĩ còn tồn đọng. Đảng bộ Quân sự huyện luôn đạt tiêu chuẩn vững mạnh, trong sạch; lãnh đạo cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Trải qua các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình đã lập được nhiều chiến công hiển hách. Toàn huyện đã có gần 20 nghìn con, em nhân dân các dân tộc lên đường đánh giặc. Chỉ tính riêng hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, nhân dân các xã trong huyện đã huy động được 11.816 người lên đường nhập ngũ; trong số đó có 1.340 người đã vĩnh viễn nằm lại trên các chiến trường được công nhận là liệt sĩ, 813 người để lại một phần xương máu ở các chiến trường được công nhận là thương binh. Toàn huyện đã có 125 gia đình được tặng Bằng có công với nước, 36 người được công nhận là Lão thành cách mạng, 69 người được công nhận là cán bộ hoạt động tiền khởi nghĩa, 24 bà mẹ được phong tặng và truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, 9 tập thể và 2 cá nhân được tặng thưởng danh hiệu cao quý “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”⁽¹⁾. Ngoài ra, cán bộ, nhân dân và chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện còn được Đảng và Nhà nước tặng thưởng 15.339 Huân, Huy chương các loại.

⁽¹⁾ Xin đọc phần Phụ lục.

Sự trưởng thành và những thành tích to lớn của Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình đạt được trong các thời kỳ chiến tranh giải phóng dân tộc, kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1945-2000), trước hết bắt nguồn từ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp bộ Đảng, chính quyền các cấp trong huyện, sự quan tâm chỉ đạo của cơ quan quân sự cấp trên.

Ngay từ những năm đầu mới ra đời (tháng 5-1947), Ban chỉ huy Huyện đội bộ dân quân (nay là Ban chỉ huy quân sự) huyện Phú Bình đã được Huyện ủy cử các đồng chí Nguyễn Hữu Tài và Nguyễn Thế Đạt là 2 trong số 9 Huyện ủy sang trực tiếp làm Huyện đội trưởng và Chính trị viên Huyện đội. Trong tất cả các thời kỳ từ chiến tranh giải phóng dân tộc, kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, đến xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cả những lúc chiến tranh gian khổ, cũng như khi hòa bình, cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp từ huyện xuống các xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị đều quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ lực lượng vũ trang nhân dân địa phương. Cơ quan quân sự huyện và cơ quan quân sự các xã, thị trấn thường xuyên được xây dựng, củng cố về tổ chức và kiện toàn cán bộ, chiến sĩ cả về số lượng và chất lượng. Hầu hết các cấp ủy Đảng trong huyện đều cử ủy viên Thường vụ cấp ủy viên hoặc đảng viên trực tiếp phụ trách cơ quan quân sự.

Sự lớn mạnh và trưởng thành của lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình trong hơn 50 năm qua còn bắt

nguồn từ sự cứu mang, che chở, giúp đỡ của nhân dân các dân tộc trong huyện. Trong thời kì chống Pháp, từ Đội tự vệ Cứu quốc đầu tiên của huyện được thành lập ở Kha Sơn Hạ (cuối năm 1941), đến Trung đội du kích tập trung (thành lập nửa cuối năm 1947), Đại đội 224 bộ đội địa phương huyện (thành lập tháng 10-1949) đều phải dựa vào sự đóng góp, nuôi dưỡng và trang bị của nhân dân trong huyện. Nhiều lúc khó khăn, thiếu thốn, cán bộ, chiến sĩ Trung đội du kích tập trung, cán bộ, chiến sĩ Đại đội 224 bộ đội địa phương của huyện phải phân tán vào trong nhân dân, nhờ nhân dân nuôi dưỡng, giúp đỡ.

Trong những năm kháng chiến trực tiếp chống Mỹ cứu nước, nhất là 10 năm (1965-1975), hầu hết cán bộ, chiến sĩ các tiểu đội dân quân du kích làm nhiệm vụ trực chiến phòng không của các xã Đồng Liên, Tân Khánh, Bảo Lý, Lương Sơn Trần Phú (nay là Diêm Thụy), Thượng Đình..., đều do nhân dân trong các hợp tác xã nông nghiệp đóng góp công điểm, ủng hộ vật chất nuôi dưỡng...

Ngày nay, trong thời kì xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đổi mới công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình tiếp tục nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ của các tầng lớp nhân dân trong huyện. Với nền kinh tế chủ yếu là thuần nông, tuy đời sống còn gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình vẫn thường xuyên quan tâm ủng hộ, giúp đỡ cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân

huyện trong những ngày huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu cả về vật chất, lẫn tinh thần.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp cấp bộ Đảng, chính quyền các cấp trong huyện và sự chăm lo ủng hộ, giúp đỡ, nuôi dưỡng, đùm bọc của nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện trong 55 năm qua (1945-2000) là nguyên nhân chủ yếu và trực tiếp dẫn đến sự lớn mạnh và trưởng thành của lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình.

Sự lớn mạnh và trưởng thành của Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình trong 55 năm qua còn bắt nguồn từ sự lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy trực tiếp của Ban chỉ huy Tỉnh đội bộ dân quân (nay là Đảng ủy Quân sự và Bộ chỉ huy quân sự) tỉnh Thái Nguyên, sự giúp đỡ, ủng hộ hết lòng của các cơ quan, đơn vị bộ đội chủ lực đứng chân trên địa bàn trong các thời kì (chống Pháp, chống Mĩ, xây dựng – bảo vệ Tổ quốc); của các cơ quan, ban ngành, đoàn thể từ tỉnh, huyện, xuống các xã.

Phát huy truyền thống của quê hương An toàn khu cách mạng của đơn vị “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình vững vàng bước sang thế kỉ XXI với quyết tâm phấn đấu, nỗ lực vươn lên, thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước do Đảng Cộng sản Việt Nam đề xướng và lãnh đạo. Trước hết, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc trong huyện tập

trung hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII (họp tháng 11-2000) đề ra là "...củng cố vững chắc an ninh, quốc phòng, xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, đưa huyện chúng ta phát triển với tốc độ cao hơn"⁽¹⁾, xây dựng huyện Phú Bình ngày càng giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng, vững về an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; nhân dân các dân tộc và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân trong huyện có đời sống ấm no, hạnh phúc; xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, góp phần cùng quân dân tỉnh Thái Nguyên và quân dân cả nước bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

⁽¹⁾ Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Bình 1930-2005, tr 367.



Các đại biểu dự Hội thảo khoa học bản thảo: "Huyện Phú Bình: Lịch sử kháng chiến chống xâm lược và xây dựng bảo vệ Tổ quốc 1945 - 2000".



PHU LỤC I

ĐƠN VỊ ANH HÙNG, ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VÀ BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG

I - ĐƠN VỊ ANH HÙNG.

1 - Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình.

Phú Bình là một huyện trung du, miền núi nằm ở phía đông nam của tỉnh Thái Nguyên gồm hai dải đất nằm dọc hai bờ sông Cầu. Phía bắc và tây bắc giáp với huyện Đồng Hỷ, phía đông và phía nam giáp với hai huyện Yên Thế và Hiệp Hoà (Bắc Giang), phía tây và tây nam giáp Phổ Yên, phía bắc giáp thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên. Nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình vốn có truyền thống yêu nước nồng nàn, cần cù trong lao động, sản xuất, kiên cường trong đấu tranh giữ nước. Trước Cách mạng tháng Tám 1945, Phú Bình là huyện được Trung ương Đảng và Xứ uỷ Bắc Kỳ chọn làm an toàn khu II (ATK II). Các đồng chí Trường Chinh (tổng bí thư Đảng) Hoàng Quốc Việt (uỷ viên Thường vụ Trung ương Đảng) Trương Công Lệnh, Hà Thị Quế, Lương Văn Chi, Nguyễn Tĩnh, Ngô Thế Sơn...(xứ uỷ Bắc Kỳ) và nhiều đồng chí cán bộ tiền bối khác cùng với

nhiều cơ quan của Trung ương, xú uỷ Bắc Kỳ đến ở làm việc hoạt động tại huyện Phú Bình. ở các xã Kha Sơn, Hà Châu, Tân Đức... cơ sở việt minh được xây dựng vững chắc và phát triển một cách nhanh chóng, nhiều gia đình có người tham gia đoàn thể Cứu quốc. Đặc biệt ở Kha Sơn Hạ Hầu như nhà nào cũng có người tham gia đoàn thể cứu quốc.

Trong những năm 1943-1944 Trung ương đã mở nhiều lớp tập huấn quân sự, chính trị cho các đồng chí cán bộ cách mạng sau này về các địa phương làm nòng cốt chỉ đạo phong trào cách mạng.

Ngày 14-3-1945 tại xã Kha Sơn - huyện Phú Bình nhân dân đã đứng dậy khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi, đây là xã khởi nghĩa giành chính quyền sớm nhất trong cả nước. Tiếp đó các xã trong huyện đã lần lượt giành chính quyền thắng lợi, đến cuối tháng 4-1945 toàn bộ chính quyền cấp xã trong huyện đã về tay nhân dân, góp phần cùng với nhân dân cả nước làm nên thắng lợi Cách mạng tháng Tám 1945.

Sau Cách mạng tháng 8-1945, cùng với quân, dân trong tỉnh và quân dân cả nước. Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình, ra sức củng cố chính quyền tiến hành cải cách điền địa để người cày có ruộng, phát triển sản xuất, khôi phục kinh tế, văn hoá - xã hội. Đồng thời tích cực xây dựng lực lượng vũ trang sẵn sàng đánh bại tất cả các cuộc tấn công của địch vào địa bàn huyện, bảo vệ an toàn tuyệt đối các cơ quan của Trung ương và quân đội đóng quân trên địa bàn. Tiêu biểu là đã đánh bại cuộc tấn công

của địch ngày 29-9-1950 tại Hà Châu tiêu diệt 15 tên địch và đánh địch dọc theo đường sông Máng tại các điểm: cầu Mây, Cổ Dạ - Bảo Lí, Đồng Liên... tiêu diệt 45 tên địch làm thất bại cuộc hành quân của địch lên thị xã Thái Nguyên.

Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp (1945-1954), nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình đã đóng góp cho Chính phủ hàng trăm tấn lương thực, hàng chục tấn thực phẩm và huy động gần 80.000 lượt người đi dân công đi phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ, có 230 người đã hi sinh anh dũng vì độc lập - tự do cho Tổ quốc được công nhận là liệt sĩ.

Ngày 22-8-1998, Nhân dân và Lực lượng vũ trang Nhân dân huyện Phú Bình vinh dự được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định số 424/QĐ-CTN tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân” thời kì chống Pháp.

2 - Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Kha Sơn.

Xã Kha Sơn cách huyện lỵ Phú Bình 5 km về phía nam, có diện tích đất tự nhiên 10,56 Km², có hai con sông chính chảy qua: sông Đào chảy về Bắc Giang, sông Cầu chảy qua phía tây bắc về Thị Cầu (Bắc Giang) ra Phả Lại, có Quốc lộ 37 và 38 chạy qua là tuyến giao thông bộ có ý nghĩa chiến lược nối Kha Sơn (Phú Bình) với Thanh Vân (Hiệp Hoà - Bắc Giang), Tiên Phong huyện Phổ Yên.

Trong thời kỳ vận động Cách mạng (1939-1945), Trung ương Đảng, Xứ uỷ Bắc Kỳ đã chọn Phú Bình làm An toàn khu II (ATKII). Trong đó kha Sơn được coi là trung tâm ATK II của Phú Bình, thời kỳ này là nơi có nhiều cơ sở cách mạng, nơi đặt các cơ quan trọng yếu của Trung ương và Xứ uỷ Bắc Kỳ.

Đầu năm 1943, để từng bước thống nhất lực lượng trong toàn huyện đồng chí Lương Văn Đài cán bộ Xứ uỷ Bắc Kỳ phụ trách Phú Bình đã triệu tập Hội nghị cán bộ các xã khu vực phía nam huyện Phú Bình họp tại chùa Mai Sơn quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh Tổng Phương Sơn.

Tháng 7-1943, tại khu vực rừng Giác (Kha Sơn hạ), thay mặt cán sự Đảng ATK II đồng chí Ngô Thế Sơn, đã tổ chức kết nạp 3 đồng chí: Nguyễn Bình Sơn, Nguyễn Văn Nội (tức Cao), Nguyễn Văn Thiện (tức Sứ) vào Đảng cộng sản Đông Dương), đồng thời tuyên bố thành lập Chi bộ Kha Sơn Hạ gồm 5 đồng chí do đồng chí Ngô Thế Sơn làm Bí thư Chi bộ. Chi bộ hoạt động theo sự chỉ đạo của Ban Cán sự ATK II và của tổ chức Đảng ở Bắc Giang, chi bộ được giao nhiệm vụ vừa tích cực tuyên truyền, vận động và giác ngộ quần chúng tham gia các hội đoàn cứu quốc không chỉ ở phạm vi Tổng Phương Sơn mà ở tất cả các làng xã trong huyện.

Ngày 14-3-1945, Chi bộ Đảng Kha Sơn đã tổ chức lực lượng toàn dân cùng với lực lượng trung kiên gồm 75 chiến sĩ cứu quốc quân đứng dậy khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Đây là xã giành được chính quyền đầu tiên

của tỉnh Thái Nguyên, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng các tổ chức, đoàn thể lần lượt ra đời để tập hợp lực lượng nhân dân đứng lên làm cách mạng. Tại Kha Sơn từ những năm 1943 đến Tổng khởi nghĩa tháng 8-1945 đã diễn ra nhiều hội nghị của Trung ương và Xứ uỷ nhằm tổng kết thực tiễn phong trào cách mạng, chuẩn bị xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang, bàn biện pháp thúc đẩy công cuộc chuẩn bị đón thời cơ.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, Nhân dân và lực lượng vũ trang xã Kha Sơn không ngừng ra sức củng cố chính quyền cách mạng, thực hiện tốt nhiệm vụ “Tiêu thổ kháng chiến”, tích cực hưởng ứng các phong trào “Tuần lễ vàng”, “Hũ gạo kháng chiến”, đẩy mạnh tăng gia sản xuất ổn định đời sống, xây dựng lực lượng vũ trang. Đóng góp sức người, sức của chi viện chiến trường góp phần cùng với nhân dân cả nước và nhân dân trong tỉnh đưa cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi cuối cùng. Toàn xã đã có hơn 100 thanh niên vào bộ đội, trong đó 13 liệt sĩ đã hiến chọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, quên góp ủng hộ kháng chiến 7.605 kg lương thực, trực tiếp và tham gia bảo vệ cơ sở cách mạng, các cơ quan đóng quân trên địa bàn đã tham gia chiến đấu nhiều trận càn quét của địch vào địa bàn. Trong đó có 9 trận đánh lớn được ghi vào Sổ vàng truyền thống.

Ngày 28-4-2000, Nhân dân và lực lượng vũ trang xã Kha Sơn được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định số 160/QĐ-CTN tặng danh hiệu

“Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân” thời kì kháng chiến chống Pháp.

3 - Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Lương Phú:

Xã Lương Phú nằm ở phía đông huyện lỵ Phú Bình, diện tích tự nhiên 4,56km², dân số 3.965 người, là vùng đất giàu truyền thống lịch sử, văn hoá.

Tiếp giáp với Kha Sơn vùng An toàn khu dự bị (ATK II) của Trung ương và Xứ uỷ Bắc Kỳ, từ đầu những năm 40 của thế kỷ XX, Lương Phú đã trở thành địa bàn qua lại hoạt động, gây dựng phong trào của nhiều đồng chí cán bộ Xứ uỷ Bắc Kỳ như Ngô Thế Sơn, Lương Vũ Đài,... Vào thời kỳ trước Cách mạng tháng Tám, ở Lương Phú đã thành lập được các tổ chức đoàn thể Tự vệ cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, Nông dân cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc. Ngày 18-3-1945, bà Hà Thị Quế đã chỉ đạo quần chúng nhân dân Lương Phú đập tan chính quyền tay sai, thành lập chính quyền cách mạng.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954), Lương Phú là nơi đặt Xưởng Quân giới của Liên khu Việt Bắc (1947), Bệnh viện Quân y điều trị cho thương bệnh binh từ các chiến trường gửi về. Nhân dân Lương Phú đã hết lòng giúp đỡ, bảo vệ an toàn các đơn vị đóng quân tại địa phương.

Thời kỳ kháng chiến chống Mĩ cứu nước, Lương Phú là nơi đóng quân của nhiều đơn vị quân đội. Nhiều thanh niên

của xã đã lên đường nhập ngũ, lập nhiều chiến công, trong đó tiêu biểu là đồng chí Phạm Thanh Ngân - Anh hùng Không quân, nguyên là uỷ viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII, nguyên Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị QĐND Việt Nam.

Ngày 24-6-2005, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Lương Phú vinh dự được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định số 636/QĐ-CTN, tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân” thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.

4 - Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân thị trấn Hương Sơn.

Thị trấn Hương Sơn là trung tâm chính trị - văn hoá - kinh tế của huyện Phú Bình có diện tích đất tự nhiên gần 10 Km². Thị trấn Hương Sơn có đường Quốc lộ 37 chạy qua, phía Đông giáp với xã Tân Hoà, phía Nam giáp với xã Lương Phú, phía Tây giáp với xã Kha Sơn phía Bắc giáp với xã Tân Kim.

Trước Cách mạng tháng Tám 1945, thị trấn Hương Sơn có tên là xã La Đình, sau đó đổi thành xã Hương Sơn, tháng 8-2003 là thị trấn Hương Sơn. Nhân dân thị trấn vốn có tinh thần đoàn kết cao, cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất, giàu truyền thống đấu tranh cách mạng. Là một thị trấn nằm trong địa bàn An toàn khu II, nhân dân Hương Sơn sớm được giác ngộ cách mạng, nhiều người con ưu tú của thị trấn đã

tình nguyện tham gia cách mạng như các ông: Dương Văn Thơ, Dương Văn Tuyết, Dương Văn Bàn, tạ Quang Kim, Dương Văn Nhân... và nhiều gia đình là cơ sở chở che, giúp đỡ, đùm bọc, nuôi dưỡng cơ sở cách mạng. Để các cơ sở cách mạng luôn được giữ vững và phát triển.

Trong những năm 1938-1942, phong trào cách mạng ở Phú Bình tuy chưa lan rộng ra khắp toàn huyện, song ở Hương Sơn phong trào cách mạng đã phát triển khá sớm (từ những năm 1939-1940). Cuối năm 1944 trung đội tự vệ đầu tiên của thị trấn được thành lập, sau khi trung đội được thành lập ngày 2-8-1945 lực lượng tự vệ thị trấn Hương Sơn đã tổ chức đánh bại 1 tiểu đội của quân Nhật khi chúng đánh thăm dò vào làng Đình Cả (Hương Sơn), diệt 1 tên Nhật, bọn còn lại buộc chúng phải tháo chạy.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, cùng với sự phấn khởi vui mừng của nhân dân cả nước nói chung, nhân dân thị trấn Hương Sơn nói riêng sa khi đã giành được chính quyền về tay nhân dân phong trào cách mạng ngày càng phát triển sâu rộng, mạnh mẽ trong toàn xã. Với tinh thần cách mạng cao cả, đoàn kết một lòng, nhân dân các dân tộc thị trấn một lòng một dạ theo Đảng làm cách mạng. Tháng 6-1946 chi bộ Đảng đầu tiên ở Hương Sơn được thành lập và tiếp theo năm 1947, các miền úc Sơn, La Sơn các chi bộ Đảng được thành lập để lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc, xây dựng hậu phương vững mạnh, bảo vệ vững chắc căn cứ địa làm tròn nghĩa vụ chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, thị trấn Hương Sơn đã có nhiều gia đình nhường cơm, xẻ áo cho đồng bào đến tản cư, đón nhận thương binh về nuôi dưỡng và chăm sóc. Tích cực hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh thực hiện phong trào “Hũ gạo tiết kiệm”, xây dựng “Quĩ Độc lập”, “Tuần lễ vàng”. Điển hình như gia đình các ông: Khánh Hạ ủng hộ cho cách mạng 11 đồng bạc trắng và 11 tấn thóc, gia đình ông Dương Đình Nhiều 5 tấn thóc và 3 con trâu, gia đình ông Trần Văn Dị ủng hộ 500 kg thóc. Toàn thị trấn đã động viên, tiền đưa 186 người con lên đường giết giặc, trong đó có 17 người là liệt sĩ, 28 người là thương, bệnh binh; 6 người được Đảng và Nhà nước công nhận là lão thành cách mạng, 4 gia đình được công nhận là gia đình có công với nước, 1 bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Ngày 24-6-2005, Nhân dân và lực lượng vũ trang Nhân dân thị trấn Hương Sơn vinh dự được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định số 636/QĐ-CTN, tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân” thời kì chống Pháp.

5 - Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Đức.

Tân Đức là một xã miền núi của huyện Phú Bình, cách huyện lị Phú Bình 6 km về phía đông nam. Diện tích đất 10,74 km², phía Đông giáp với 3 xã: Lan Giới, Đại Hoá và Phúc Sơn của huyện Tân Yên (Bắc Giang), phía Tây giáp với

xã Lương Phú (huyện Phú Bình), phía Nam giáp với hai xã Dương Thành, Thanh Ninh (Huyện Phú Bình), phía bắc giáp với xã Tân Hoà (huyện Phú Bình), xã Tiến Thắng (Yên Thế - Bắc Giang).

Nhân dân xã Tân Đức có truyền thống đoàn kết giàu lòng yêu nước cần cù sáng tạo, nhiệt tình hăng hái trong lao động sản xuất và sẵn sàng đóng góp sức người sức của cho cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc. Là một xã nằm gần địa bàn ATK II nhân dân trong xã sớm được giác ngộ cách mạng đã có nhiều con em của Tân Đức tham gia vào nghĩa quân của cụ Đề Thám như các ông: Đốc Công, Nghiêm Đình Ưông, Trần Văn Mùi...

Tháng 3-1945, Mặt trận Việt Minh xã Tân Đức chính thức được thành lập do cụ Dương Văn Tô làm chủ nhiệm, Mặt trận đã tập hợp và tổ chức được 1 trung đội du kích chiến đấu tập trung, các đội viên của trung đội du kích đã được học tập, huấn luyện trở thành các hạt nhân tích cực để toả về các thôn xóm tổ chức các tiểu đội chiến đấu bảo vệ địa bàn xóm làng.

Tháng 6-1945, trung đội du kích của xã chỉ vền vẹn có 2 khẩu súng dóp 5, cùng với một số mã tấu, gây gộc đội du kích đã mai phục đánh chiếm được thuyền chở dầu của quân Nhật đi từ Thái Nguyên về Bắc Giang thu toàn bộ số dầu và bắt sống thuyền viên trên thuyền bàn giao cho cấp trên.

Để chuẩn bị giành chính quyền trong thời gian ngắn nhất, xã Tân Đức đã huy động nhân dân tập dượt tham gia cướp chính quyền, ngoài ra lực lượng dục kích còn tham gia đào hào rào làng chiến đấu, chặn đánh địch vào đánh phá các cơ sở của ta. Đồng thời phối hợp với lực lượng vũ trang của huyện bao vây quân địch ở huyện lỵ Phú Bình, làm chi huyện trưởng Nguyễn Đăng Tám cùng toàn bộ lính khố xanh, lính cơ, trong khi bị quan thầy bỏ rơi và bị quân ta bao vây cô lập phải ra đầu hàng chính quyền cách mạng.

Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xã Tân Đức vừa là nơi sơ tán, đóng quân của các cơ quan Trung ương và quân đội vừa là hậu phương cung cấp, chi viện sức người, sức của cho cách mạng. Nhân dân và lực lượng vũ trang xã Tân Đức đã làm tốt công tác phòng gian, bảo mật, bảo vệ an toàn tuyệt đối cho các cơ quan Nhà nước đóng quân trên địa bàn như: Cơ quan Công an đặc biệt (Bộ Nội vụ), Xưởng sản xuất cồn (Cục Quân y), Xưởng đúc vỏ mìn, lựu đạn (Cục Quân khí), Bệnh xá Sư đoàn 312, Kho Hậu cần (Cục Quân lương), Trường Quân chính Quân khu Việt Bắc...toàn xã có 104 thanh niên tình nguyện tham gia vào các đơn vị chủ lực, 84 thanh niên xung phong. Trong đó có 17 người là liệt sĩ, 16 người thương, bệnh binh; đóng góp 17.600 kg lương thực và hàng ngàn ngày công tham gia dân công phục vụ cho các chiến dịch. Nhân dân xã Tân Đức đã được Nhà nước tặng thưởng 215 Huân, Huy chương các loại cho tập thể và các cá nhân.

Ngày 24-6-2005, Nhân dân và lực lượng vũ trang xã Tân Đức vinh dự được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định số 636/QĐ-CTN, tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân” thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.

6 - Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Dương Thành:

Dương Thành là một xã trung du miền núi của huyện Phú Bình, cách trung tâm huyện lị Phú Bình 9,25km về phía nam. Diện tích đất tự nhiên của xã xấp xỉ 8 km²; phía bắc giáp với xã Tân Đức (Phú Bình), phía nam giáp với 2 xã Lam Cốt và Ngọc Việt, huyện Tân Yên (Bắc Giang), phía đông giáp với xã Phúc Sơn, huyện Tân Yên (Bắc Giang), phía tây giáp với xã Hoàng Thanh, huyện Hiệp Hoà (Bắc Giang) và xã Thanh Ninh (Phú Bình).

Nhân dân các dân tộc xã Dương Thành có truyền thống yêu nước nồng nàn, tinh thần anh dũng chống giặc ngoại xâm, cần cù sáng tạo trong lao động, sản xuất, tinh thần đoàn kết, thương yêu nhau. Đầu năm 1930, các đồng chí Hà Thị Quế, Dương Thị Tích, Cao Thế Sơn đã về xã Dương Thành tuyên truyền vận động quần chúng tham gia hoạt động cách mạng, nhiều thanh niên xã Dương Thành đã sớm được giác ngộ cách mạng, tình nguyện tham gia hoạt động cách mạng như ông: Dương Văn Mây, Dương Văn Tòng, Đào Văn Quỳnh để đi tuyên truyền cách mạng ở Phương Độ, Úc Kỳ.

Tháng 3-1945, Mặt trận Việt Minh xã Dương Thành chính thức được thành lập, mặt trận đã tập hợp, tổ chức thành lập được một trung đội du kích tập trung, được huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị để trực tiếp tham gia chiến đấu giữ gìn bí mật, bảo vệ địa bàn. Đồng thời sẵn sàng chi viện cho các đơn vị bạn.

Ngay sau ngày thành lập lực lượng du kích xã Dương Thành đã tham gia, phối hợp với các lực lượng du kích các xã lân cận và được sự hỗ trợ của nhân dân phá kho thóc Nhật ở đồn Trị Cự (nay thuộc xã Hoàng Thanh, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang).

Ngày 16-3-1945 Dương Thành đã giành được chính quyền về tay nhân dân. Sau Cách mạng tháng Tám 1945, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Dương Thành ra sức củng cố chính quyền cách mạng, đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang. Làm tròn nghĩa vụ chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến, tích cực hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh thực hiện tốt phong trào quyên góp xây dựng “Quĩ độc lập”, “Tuần lễ vàng”. Toàn xã đã đóng góp được 15.900 kg lương thực và hàng ngàn ngày công tham gia dân công hoả tuyến. Động viên và tiễn đưa 155 con em lên đường tòng quân đánh giặc và 16 người đi thanh niên xung phong. Trong đó, có 8 người là liệt sĩ, 10 người là thương binh, 2 bà mẹ Việt Nam anh hùng, 2 gia đình được Nhà nước tặng bằng gia đình có công với nước.

Ngày 24-6-2005, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Dương Thành vinh dự được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định số 636/QĐ-CTN, tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân” thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.

7 - Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Hà Châu:

Hà Châu là một xã trung du của huyện Phú Bình, cách huyện lị Phú Bình 9 km về phía tây nam, có diện tích đất tự nhiên là 5,5 km². Phía đông giáp với xã Đồng Tân, Thanh Vân, Hoàng Vân (huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang), phía tây nam giáp với xã Tiên Phong (huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên), phía bắc giáp với xã Nga Mi (huyện Phú Bình).

Nhân dân các dân tộc trong xã vốn có lòng yêu nước nồng nàn, cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất, dũng cảm trong chiến đấu chống giặc ngoại xâm, đóng góp nhiều sức người, sức của cho cuộc kháng chiến chống Pháp. Từ khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời, phong trào cách mạng của Hà Châu ngày càng phát triển mạnh mẽ, các tổ chức cách mạng lần lượt ra đời như: tháng 10-1937 Tổ chức ái Hữu của xã được thành lập gồm 12 Hội viên, Tổ trưởng là ông Nguyễn Phi ái. đầu năm 1944, Tổ chức thanh niên phản đế Hà Châu được thành lập, gồm 8 thành viên do đồng chí Phạm Gia Lễ làm tổ trưởng cùng thời kì này đồng chí Trần Thị Phương là cán bộ của Xứ uỷ Bắc Kì được phái về xã làm công tác binh vận, vận động nhân dân tham gia cách mạng.

Tháng 12-1942, nhân dân Hà Châu đã bảo vệ an toàn tuyệt đối cho đồng chí Ngô Thế Sơn, Xứ uỷ Bắc Kỳ được cử về Hà Châu để thực tế nghiên cứu nắm tình hình địa bàn đồn lính khố xanh ở Hà Châu.

Do yêu cầu tổ chức quân chúng ngày càng phát triển. Tháng 3-1943, Ban chấp hành Mặt trận Việt Minh xã Hà Châu được thành lập, các đồng chí cán bộ cơ sở Hà Châu đã vận động kỳ hào đứng lên hưởng ứng ủng hộ cách mạng trong đó có Chánh Phổ đã ủng hộ cách mạng 1 khẩu súng 2 nòng và 1 thanh gươm. Đồng thời đã gây ảnh hưởng lớn đến lớp kỳ hào trong xã để họ không có hành động chống phá cách mạng.

Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, nhân dân trong xã đã động viên nhiều con em các dân tộc lên đường tòng quân giết giặc. Toàn xã có 142 người lên đường nhập ngũ. Trong đó có 32 liệt sĩ đã hi sinh trên các chiến trường và 7 người là thương binh; 193 người tham gia dân công hỏa tuyến, 1 mẹ Việt Nam anh hùng. Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân trong xã vừa tích cực đẩy mạnh sản xuất, khắc phục nạn đói thực hiện tốt phong trào “Tuần lễ vàng”, “Quĩ độc lập”, “Tiêu thổ kháng chiến”, đóng góp cho cách mạng được 25 chỉ vàng, 5.200 kg gạo, 12 tấn thóc... góp phần xứng đáng vào công cuộc kháng chiến chống Pháp đi đến thắng lợi.

Ngày 24-6-2005, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Dương Thành vinh dự được Chủ tịch nước Cộng hoà

xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định số 636/QĐ-CTN, tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân” thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.

8 - Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Hoà:

Tân hoà là một xã miền núi, nằm về phía đông nam của huyện Phú Bình, cách trung tâm huyện 7,5 km, phía đông giáp xã Tiến Thắng, huyện Yên Thế (Bắc Giang), phía tây giáp thị trấn Hương Sơn (Phú Bình), phía nam giáp xã Tân đức, phía bắc giáp xã Tân Thành (Phú Bình).

Nhân dân xã Tân Hoà vốn có truyền thống yêu nước, đoàn kết, sẵn sàng ủng hộ cách mạng, bên cạnh đó xã Tân Hoà lại có vị trí địa lí thuận lợi do vậy từ những ngày đầu kháng chiến, Tân Hoà được chọn làm ATK II.

Trước những năm 1945, các lớp tập huấn chính trị, quân sự của Trung ương và Xứ uỷ Bắc Kỳ đã được tổ chức ở đây (1941-1945). Nơi đây đã trở thành những cơ sở cách mạng tiêu biểu như gia đình ông Lý Mười (tức ông Lép Chử), gia đình ông Lý Chiêu Bảo ở xóm Vực Giảng hay ông Tổng Cầm ở xóm Giếng Mật. Cách mạng đã giác ngộ các ông và tự đó các ông đã đi vận động nhân dân trong thôn, xã ủng hộ giúp đỡ cách mạng cả về vật chất và con người, ngay trong những ngày đầu tiên khởi nghĩa.

Mặt trận Việt Minh được thành lập, phong trào cách mạng ở Tân Hoà ngày càng phát triển, nhiều đồng chí đã trưởng thành trong kháng chiến như đồng chí Lý Đình Mão

làm phó chủ nhiệm rồi Chủ nhiệm Việt Minh (tháng 4-1945), đồng chí Lý Đình Phương làm Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc giải phóng xã Tân Hoà lâm thời. Nhân dân luôn tin tưởng vào cách mạng vào Đảng và mặt trận Việt Minh. Tháng 3-1945, được sự phân công của cách mạng các ông Hoả, ông Cửu đã thành lập 1 đơn vị chiến đấu tiêu phỉ trừ gian. Quân số lúc này chỉ có 32 người đã tập trung phá kho thóc Đề Bô ở Thanh Long cứu đói cho nhân dân và cung cấp cho bộ đội ở địa phương.

Tháng 4-1945, dưới sự chỉ huy của ông Tài (xã Kha Sơn), lực lượng tự vệ Tân Hoà đã chiến đấu tiêu diệt hơn 100 tên, bắt sống 4 tên, trong đó có 1 tên đầu sỏ, thu hàng trăm con ngựa, hơn 30 khẩu súng các loại giao nộp cho Mặt trận Việt Minh. Trên đà thắng lợi, lực lượng vũ trang được phát triển rộng khắp trong địa bàn tháng 6-1945, xã có hai trung đội làm nhiệm vụ bảo vệ trật tự an ninh và vận động nhân dân đi theo đường cách mạng.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, chi bộ đầu tiên được thành lập ở miền Đồng Chồn do đồng chí Chu Khánh Học làm Bí thư, đây là sự kiện quan trọng ở xã Tân Hoà. Đảng ra đời đã lãnh đạo quân và dân Tân Hoà đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác với bao chiến công vẻ vang được ghi vào lịch sử huyện Phú Bình.

Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), Tân Hoà đã đóng góp sức người, sức của ủng hộ kháng chiến đó là: Mua công trái quốc gia, công phiếu

kháng chiến “Hũ gạo kháng chiến”, quyền góp được 3.900 kg lương thực. Tham gia bộ đội chủ lực 160 người và 200 xe đạp thồ vận chuyển lương thực, thực phẩm, 1.460 dân công phục vụ các chiến dịch. Ngoài ra Tân Hòa còn là cơ sở an toàn cho các đơn vị đóng quân trên địa bàn.

Ngày 24-6-2005, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Hoà vinh dự được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định số 636/QĐ-CTN, tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân” thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.

9 - Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Thanh Ninh:

Thanh Ninh là một xã trung du cách huyện lỵ Phú Bình 7 km về phía nam. Có diện tích đất tự nhiên 4,95 km². Nhân dân xã Thanh Ninh từ xưa tới nay có lòng nồng nàn yêu nước và lòng căm thù giặc sâu sắc. Tích cực đóng góp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc.

Là xã nằm trong địa bàn ATK 2 của huyện Phú Bình, ngay trong những năm 1939-1944, nhân dân Thanh Ninh sớm được giác ngộ cách mạng, nhiều gia đình đã là cơ sở chở che cho cán bộ hoạt động cách mạng như gia đình ông Nguyễn Văn Tô, Nguyễn Văn Trình, Nguyễn Văn Soạn. Từ các cơ sở này năm 1942 đã tiến tới thành lập Tổ Trung Kiên. Ban đầu Tổ Trung Kiên chỉ có 4 đồng chí đó là: Nguyễn Văn Quý, Nguyễn Văn Trình, Nguyễn Văn Bốn, Nguyễn

Văn Tô do ông Nguyễn Văn Quý phụ trách. Cuối năm 1944 phong trào tiếp tục được phát triển và kết nạp thêm ông Nguyễn Văn Mỹ, ông Nguyễn Văn Nền. Tổ chức này ra đời đã tuyên truyền vận động nhân dân chống sưu cao, thuế nặng, đi phu, bắt lính. Đầu năm 1945 tổ chức cách mạng được phát triển ra toàn xã gồm 33 đồng chí làm nòng cốt trung kiên ở các ấp, các làng. Ngày 14-3-1945, Tổ chức Trung Kiên do ông Quý chỉ huy đã phá Kho thóc Nhật để cứu đói cho dân trong xã và các xã lân cận. Ngoài ra còn có các đội tự vệ của các làng cũng tổ chức đi phá Kho thóc Đề Bô của Nhật ở làng Thanh Lang để chi viện cho quân giải phóng.

Ngày 15-3-1945, dưới sự chỉ đạo của Mặt trận Việt Minh. Tổ Trung Kiên đã cùng nhân dân trong xã nổi dậy giành chính quyền cách mạng và đã thu được Bằng chiến (con dấu), 2 thanh kiếm, 2 súng kíp, 2 súng khai hậu và 1 mã tấu.

Để chuẩn bị cho cuộc Tổng Khởi nghĩa giành chính quyền cách mạng tháng Tám thắng lợi. Ngày 21-3-1945, tại điểm làng Phao Thanh, ủy ban lâm thời xã được thành lập gồm 4 ủy viên do ông Nguyễn Văn Kép làm Chủ tịch. ở vùng đồn điền cũng thành lập ủy ban lâm thời, rồi các trung đội tự vệ, các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, nông dân cứu quốc lần lượt được thành lập. Các đoàn thể này ra đời có nhiệm vụ trừ gian, bảo mật, đưa đón cán bộ, bảo vệ cơ sở cách mạng của ta an toàn.

Trong những ngày tháng 5-1945 ở xã Thanh Ninh đã diễn ra nhiều sự kiện lịch sử đó là ngay tại gia đình cụ Lý Hạp ở ấp Quan Đình đã tổ chức Hội nghị các đảng viên để bầu ra ban chấp hành lâm thời Tỉnh ủy Bắc Giang, thành lập ủy ban giải phóng lâm thời, Ban Cán sự Đảng của huyện Phú Bình.

Tháng 6-1945, đội tự vệ xã kết hợp với các lực lượng địa phương xã bạn đã đánh đồn Trị Cự ở xã Hoàng Thanh (Hiệp Hòa - Bắc Giang) tiêu diệt nhiều tên địch, bắt giữ một y tá và thu được một số thuốc chữa bệnh.

Ngày 19-8-1945 nhận được lệnh tổng khởi nghĩa kháng chiến toàn quốc. Đội Tự vệ xã Thanh Ninh do đồng chí Nguyễn Trọng Tĩnh, Lê Phương chỉ huy đã cùng đơn vị chủ lực của huyện tham gia giải phóng tỉnh Thái Nguyên bắt sống tên Cừu Thành là Võ sĩ của Cung Đình Vận, thu trên 500 khẩu súng. Ngay sau khi giành chính quyền, tháng 8-1945 Chi bộ Đảng cộng sản đầu tiên của xã được thành lập, ban đầu gồm 5 đồng chí. Chi bộ Đảng xã ra đời đã lãnh đạo nhân dân trong xã thực hiện theo đường lối chủ trương của Đảng, góp phần cùng cả nước đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, nhân dân xã Thanh Ninh đã đóng góp 1.606 người tham gia phục vụ các chiến dịch; 205 thanh niên đi bộ đội, 212 hộ tham gia mua công trái, công phiếu ủng hộ kháng chiến 53 hộ; ủng hộ phong trào “Hũ gạo kháng chiến” được 3.800 kg, bán thóc

yêu nước 15.000 kg. Qua cuộc kháng chiến chống Pháp Thanh Ninh có 33 ông bà tham gia hoạt động cách mạng và tiền khởi nghĩa; 5 gia đình được nhận bằng có công với nước, 12 người hi sinh được công nhận là liệt sĩ.

Ngày 24-6-2005, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Thanh Ninh vinh dự được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định số 636/QĐ-CTN, tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân” thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.

II - ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN:

1- Đồng chí Phạm Thanh Ngân:

Đồng chí Phạm Thanh Ngân sinh năm 1939, dân tộc Kinh, quê ở xã Lương Phú, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; gia đình trú tại đường Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Đồng chí Phạm Thanh Ngân nhập ngũ tháng 3-1959, là chiến sĩ, là chỉ huy các cấp từ tiểu đội đến đại đội thuộc Binh chủng Pháo binh, Học viên đào tạo lái máy bay tại Liên Xô (cũ).

Đồng chí Phạm Thanh Ngân trưởng thành từ chiến sĩ lái máy bay, Biên đội trưởng, Phi đội trưởng, Trung đoàn trưởng, Sư đoàn trưởng, Phó Tư lệnh, Tư lệnh Quân chủng Không quân, Uỷ viên Trung ương Đảng; Trung tướng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị; Uỷ viên Bộ Chính trị Trung

ương Đảng, Thượng tướng Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

Từ năm 1966 đến năm 1968, đồng chí Phạm Thanh Ngân đã trực tiếp chiến đấu, bắn rơi 8 máy bay Mỹ (gồm 3 máy bay F4, 2 máy bay F105, 1 máy bay RF101, 1 máy bay F102 và 1 máy bay không người lái; năm 1966 bắn rơi 1 chiếc, năm 1967 bắn rơi 6 chiếc và năm 1968 bắn rơi 1 chiếc). Ngoài ra, đồng chí Phạm Thanh Ngân còn chỉ huy biên đội bắn rơi 8 máy bay khác của địch.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, ngày 18-6-1969, đồng chí Phạm Thanh Ngân (lúc đó là Phi đội trưởng Phi đội máy bay phản lực tiêm kích MIC 21 thuộc Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không- Không quân) được Quốc hội và Chính phủ tặng danh hiệu cao quý Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

2- Đồng chí Nguyễn Văn Tiền (Anh hùng thời kì đổi mới): Sinh ngày 24-4-1961; quê quán, trú quán xã Tân Khánh, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; Công tác tại đơn vị Phòng Cảnh sát Hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên; đã anh dũng hi sinh ngày 28-8-1990, trong đấu tranh chống tội phạm vì sự bình yên của Tổ quốc. Đồng chí Nguyễn Văn Tiền được Đảng và Nhà Nước tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân ngày 22-7-1998.

III - BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG.

1- Mẹ Lê Thị Ong: sinh năm 1906; quê tỉnh Nam Định; gia đình trú tại xã Dương Thành, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; có 3 con là:

- Liệt sĩ Nguyễn Văn Vũ (sinh năm 1930, nhập ngũ năm 1948, hi sinh năm 1950 trong một trận chống càn của giặc Pháp tại Bắc Giang);

- Liệt sĩ Nguyễn Hà Bắc (sinh năm 1948, nhập ngũ năm 1966, hi sinh ngày 3-10-1967 tại Mặt trận phía Nam);

- Liệt sĩ Nguyễn Văn Hào (sinh năm 1933, nhập ngũ năm 1968, hi sinh tại Mặt trận phía Nam)

Mẹ Lê Thị ong được phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 17-12-1994.

2- Mẹ Dương Thị Đào, gia đình trú tại xã Dương Thành, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; có hai con và cả hai con đều là liệt sĩ, đó là:

- Liệt sĩ Ngô Đức Thuận (sinh năm 1942, nhập ngũ năm 1962, hi sinh tại Mặt trận phía Nam);

- Liệt sĩ Ngô Xuân Hòa (sinh năm 1945, nhập ngũ năm 1968, hi sinh tại Mặt trận phía Nam năm 1972).

Mẹ Dương Thị Đào được phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 17-12-1994.

3- Mẹ Nguyễn Thị Thu, quê tỉnh Bắc Ninh, gia đình trú tại xã Dương Thành, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; đã từ trần; có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Tiến (sinh năm 1945, nhập ngũ tháng 10-1966, hi sinh trong chiến đấu tại Mặt trận phía Nam ngày 20-11-1967).

Mẹ Nguyễn Thị Thu được phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 17-12-1994.

4- Mẹ Trần Thị Bốn, sinh năm 1925; đã từ trần năm 1975; quê quán, trú quán xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất đã hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước là Liệt sĩ Tô Cát Chiêu (sinh năm 1947, nhập ngũ tháng 11-1966, hi sinh ngày 10-3-1969 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 17-12-1994, Mẹ Trần Thị Bốn được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

5 - Mẹ Nguyễn Thị Nhữ, sinh năm 1916; quê xã Lãng Ngâm, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh; gia đình trú tại xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước là Liệt sĩ Nguyễn Huy Lãng (sinh năm 1938, nhập ngũ tháng 12-1967, hi sinh ngày 17-12-1969 tại mặt trận phía Nam).

Mẹ Nguyễn Thị Nhữ được phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 17-12-1994.

6 - Mẹ Nguyễn Thị Kinh, sinh năm 1898, đã từ trần năm 1962; quê xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên; gia đình trú tại xã Tân Hòa, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất hi sinh trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược là Liệt sĩ Lê Văn Bằng (sinh năm 1927, nhập ngũ năm 1949, hi sinh năm 1949).

Mẹ Nguyễn Thị Kinh được truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng năm 2003.

7- Mẹ Trần Thị Khuyên, sinh năm 1900, đã từ trần; quê xã Quang Khải, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; trú quán xã Tân Thành, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước là Liệt sĩ Trần Văn Quảng (sinh năm 1944, nhập ngũ tháng 7-1968, hi sinh ngày 7-9-1972 tại mặt trận phía Nam).

Mẹ Trần Thị Khuyên được Đảng và Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 24-4-1995.

8- Mẹ Dương Thị Liên, sinh năm 1917; quê quán, trú quán xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước là Liệt sĩ Dương Văn Hậu (sinh năm 1945, nhập ngũ năm 1968, hi sinh tại mặt trận phía Nam).

Mẹ Dương Thị Liễn được nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 17-4-1994.

9- Mẹ Nguyễn Thị Nhất, quê tỉnh Bắc Ninh; gia đình trú tại xã Hà Châu, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất đã hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước là Liệt sĩ Phạm Văn Thoa (sinh năm 1943, nhập ngũ năm 1962, hi sinh ngày 27-9-1969 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 17/12/1994, mẹ Nguyễn Thị Nhất được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

10- Mẹ Trần Thị Nguyễn, sinh năm 1920, đã từ trần năm 1942; quê xã Tân Kim, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước là Liệt sĩ Nguyễn Văn Tuyên (Sinh năm 1938, nhập ngũ năm 1966, hi sinh năm 1971 tại mặt trận phía Nam).

Mẹ Trần Thị Nguyễn được Đảng và Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng năm 2003.

11- Mẹ Dương Thị Quýt, sinh năm 1903; đã từ trần năm 1949; quê quán, trú quán xã Bảo Lý, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất đã hi sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược là Liệt sĩ Dương Văn Lũy (sinh năm 1929, nhập ngũ tháng 3-1947, hi sinh ngày 11-12-1951).

Ngày 24-4-1995, Đảng và Nhà nước đã truy tặng mẹ Dương Thị Quýt danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

12- Mẹ Nguyễn Thị So, sinh năm 1911, đã từ trần năm 1992; quê xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; gia đình trú tại xã Hương Sơn (nay là thị trấn Hương Sơn), huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất đã hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước là liệt sĩ Dương Nghĩa Vụ (sinh năm 1949, nhập ngũ tháng 9-1966, hi sinh ngày 27-8-1968 tại Mặt trận phía Nam).

Mẹ Nguyễn Thị So được Đảng và Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 24-4-1995.

13- Mẹ Nguyễn Thị Đài, sinh năm 1906; đã từ trần ngày 20-9-1984; quê quán và trú quán của gia đình xã Lương Phú, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất đã hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước là Liệt sĩ Nguyễn Văn Thời (sinh năm 1947, nhập ngũ ngày 26-4-1966, hi sinh ngày 19-3-1969 tại Mặt trận phía Nam).

Ngày 24-4-1995, mẹ Nguyễn Thị Đài được Đảng và Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

14- Mẹ Vũ Thị Sùng, sinh năm 1906, từ trần ngày 1-10-1950; quê huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; gia đình trú tại xã Lương Phú, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước

là Liệt sĩ Trần Văn Truyền (sinh năm 1937, nhập ngũ tháng 4-1968, hi sinh ngày 13-10-1969 tại mặt trận phía Nam).

Mẹ Vũ Thị Sùng được đảng và Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 17-12-1994.

15 - Mẹ Dương Thị Thịnh, sinh năm 1892, từ trần năm 1961; trú quán xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất hi sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược là Liệt sĩ Dương Nghĩa Phúc (sinh năm 1924, nhập ngũ năm 1949, hy sinh tại huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, được công nhận là liệt sỹ thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp).

Đầu năm 2003, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ Dương Thị Thịnh danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

16 - Mẹ Hoàng Thị Tuế, sinh năm 1898, từ trần năm 1968; quê xã Xuân Phương, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; gia đình trú tại xã Tân Kim (cùng huyện); có con độc nhất hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước là Liệt sĩ Đồng Văn Huyền (sinh năm 1937, nhập ngũ tháng 7-1965, xuất ngũ năm 1966, tái ngũ năm 1968, hi sinh ngày 3-3-1969 tại Mặt trận phía Nam)

Ngày 24-4-1995, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ Hoàng Thị Tuế danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

17 - Mẹ Dương Thị Xay, sinh ngày 19-3-1912, từ trần ngày 15-11-1993; quê xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; gia đình trú tại xã Bảo Lý (cùng huyện); có con độc nhất (con nuôi) hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước là Liệt sĩ Dương Mai Lục (sinh năm 1946, nhập ngũ ngày 20-2-1965, hi sinh ngày 15-12-1967 tại Hà Nội).

Xét công lao nuôi dưỡng và dạy dỗ người con độc nhất là liệt sĩ Dương Mai Lục, ngày 17-12-1994, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ Dương Thị Xay danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

18 – Mẹ Nguyễn Thị Hát, sinh năm 1890; quê quán và trú quán xã Nga Mi, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Nguyễn Văn Huân hi sinh trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Ngày 23-7-1997, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ Nguyễn Thị Hát danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Mẹ Nguyễn Thị Hát đã từ trần ngày 04-10-1966 tại quê nhà.

19 - Mẹ An Thị Hà, sinh năm 1923; quê quán và trú quán xã Tân Kim, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ chống Mỹ Lê Văn Hiếu, hi sinh tại chiến trường miền Nam.

Ngày 23-7-1997, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ An Thị Hà danh hiệu cao

quý Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Mẹ Hà đã từ trần ngày 28-12-1994 tại quê nhà.

20 – Mẹ Dương Thị Vững, sinh năm 1893; quê quán và trú quán xã Nga Mi, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Ngô Văn Nhâm, hi sinh trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Ngày 23-7-1997, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ Dương Thị Vững danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Mẹ Dương Thị Vững đã từ trần ngày 5-12-1972, tại quê nhà.

21 – Mẹ Phạm Thị Hải, sinh năm 1915; quê quán và trú quán xã Lương Phú, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là: Liệt sĩ chống Mĩ Trần Đăng Ngọc, hi sinh ngày 7-8-1972 tại chiến trường miền Nam.

Ngày 24-4-1996, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ Phạm Thị Hải danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Mẹ Phạm Thị Hải đã từ trần ngày 13-5-1990 tại quê nhà.

22 – Mẹ Phạm Thị È (tức Đào), sinh năm 1890; quê quán xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh – Hà Nội; trú quán xã Tân Kim, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ chống Pháp: Nguyễn Đình Thường, hi sinh tháng 8-1950 tại Chùa Am, xã Xuân Phương, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Tân Kim, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ chống Pháp: Nguyễn Đình Thường, hi sinh tháng 8-1950 tại Chùa Am, xã Xuân Phương, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 23-7-1997, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ Phạm Thị È danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Mẹ Phạm Thị È đã từ trần ngày 3-1-1971.

23 – Mẹ Vũ Thị Nghéch, sinh năm 1922; quê quán và trú quán xã Tân Kim, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ Lê Duy Ký, hi sinh ngày 08-3-1971 tại Mặt trận phía Nam. Ngày 23-7-1997, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ Vũ Thị Nghéch danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Mẹ Vũ Thị Nghéch đã từ trần ngày 08-02-1972 tại quê nhà.

24 – Mẹ Vũ Thị Cẩn, sinh năm 1927; quê quán, trú quán của gia đình xã Thanh Ninh, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ chống Mỹ: Nguyễn Văn Nhiên, hi sinh ngày 27-10-1973 tại mặt trận phía Nam.

Ngày 23-7-1997, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ Vũ Thị Cẩn danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam anh hùng, mẹ Cẩn đã từ trần ngày 13-2-1960.

PHỤ LỤC 2

CÁC ĐỒNG CHÍ CÁN BỘ LÃNH ĐẠO - CHỈ HUY QUÂN SỰ HUYỆN PHÚ BÌNH

I - CÁC ĐỒNG CHÍ CHỈ HUY QUÂN SỰ HUYỆN.



1 - Đồng chí Nguyễn Hữu Tài, sinh năm 1923; quê quán và trú quán xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 3-1945; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 8-1945; nguyên Huyện đội trưởng Huyện đội Phú Bình từ tháng 7-1947 đến năm 1951; nguyên Ủy viên quân sự Ủy ban hành

chính huyện Phú Bình, Huyện đội trưởng Huyện đội Phổ Yên, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến - hành chính huyện Đồng Hỷ, cán bộ Ban Tổ chức Tỉnh ủy Bắc Thái, Chính trị viên phó tiểu đoàn, Chính trị viên tiểu đoàn thuộc Quân khu Việt Bắc; từ tháng 1-1975 nghỉ hưu, cấp bậc Đại úy; từ trần năm 2005; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng nhì; 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất; 2 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhì, ba; 1 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng ba.

2 - Đồng chí Nguyễn Thế Đạt (tên khai sinh là Nguyễn Văn Thuộc, bí danh là Công), sinh ngày 2- 9-1926; quê quán và trú quán của gia đình: xã Kha Sơn, huyện Phú



Bình, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ tháng 1-1940, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 19-12-1944; nguyên Chính trị viên Huyện đội Phú Bình từ tháng 7-1947 đến năm 1948; nguyên ủy viên Ban Cán sự, ủy viên Huyện ủy (lâm thời), Huyện ủy viên, Phó Bí thư Huyện ủy kiêm Chủ nhiệm Việt minh huyện, Bí thư

Huyện ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Phú Bình, Tỉnh ủy viên kiêm Bí thư Nông hội tỉnh, Phó Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch ủy ban hành chính tỉnh Thái Nguyên, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Bắc Thái; đại biểu Quốc hội khóa II, khóa III; đã nghỉ hưu; từ trần năm 2006; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng nhì; 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất; 1 Huân chương Độc lập hạng nhì.

3 - Đồng chí Nguyễn Văn Sự: Nguyên Huyện đội phó Huyện đội Phú Bình từ tháng 4-1947 đến năm 1948.

4 - Đồng chí Phạm Tân Minh:

Nguyên Chính trị viên Huyện đội Phú Bình từ năm 1949 đến năm 1951.



Đồng chí Phạm Tân Minh sinh năm 1920; quê xã Minh Tân, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định; gia đình trú tại xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 12-1945; nguyên Chính trị viên Huyện đội

Đồng Hỷ, Chủ nhiệm Chính trị Trường Quân chính Quân khu Việt Bắc; Phó Chủ nhiệm Chính trị Tỉnh đội Thái Nguyên, Tỉnh đội Bắc Thái; từ trần năm 1966 tại Viện Quân y 108 vì mắc bệnh hiểm nghèo; đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến thắng hạng Nhì.



5- Đồng chí Đặng Việt Hồ, sinh năm 1927; quê quán, trú quán: xã Nam Tiến, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng tháng 4 -1944; nhập ngũ tháng 12-1946; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 4 -1950; nguyên Huyện đội phó Huyện đội Phú Bình từ năm 1949 đến năm 1950; nguyên: Tiểu đội trưởng Tự vệ chiến đấu, Trung đội phó, Trung đội trưởng, Đại đội phó bộ đội địa phương huyện Phổ Yên; Đại đội trưởng, Chính trị viên phó Tiểu đoàn, Chính trị viên Tiểu đoàn, Trưởng ban Quân pháp Sư đoàn, Thẩm phán Tòa án Quân khu Tây Bắc; Cục phó, Cục trưởng Cục Hậu cần Bộ đội Biên phòng; đã nghỉ hưu năm 1988, cấp bậc Đại tá; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng ba, 1 Huân chương Chiến công hạng ba, 2 Huân chương Quân công hạng nhì, 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.

6 - Đồng chí Mai Văn Sửu, sinh năm 1927; quê quán và trú quán xã Đông Cao, huyện Phổ Yên tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng tháng 1-1945; đảng viên Đảng Cộng



sản Việt Nam từ năm 1946; nguyên Chính trị viên Huyện đội Phú Bình từ năm 1951 đến năm 1952; nguyên Chính trị viên Huyện đội Phổ Yên, Chính trị viên Đại đội 240 Tỉnh đội Thái Nguyên, cán bộ Vụ Nghệ thuật - Âm nhạc Bộ Văn hóa; đã từ trần ngày 20-5-1991; đã được tặng thưởng:

1 Huân chương Chiến thắng hạng nhì; 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.



7 - Đồng chí Vũ Tính, sinh năm 1926; quê quán xã Đan Trường, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; trú quán phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 4-1947; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 4-1949; nguyên Huyện đội trưởng Huyện đội Phú Bình từ tháng 4-1954 đến

tháng 2-1955; nguyên Trung đội trưởng, Đại đội phó thuộc Tỉnh đội Thái Nguyên; nguyên Trợ lý Ban Cán bộ Sư đoàn 332, Trợ lý Phòng Cán bộ Quân khu Đông Bắc, Chủ nhiệm Chính trị Trung đoàn 426, Chủ nhiệm Chính trị Trường Huấn luyện cán bộ Đặc công; từ tháng 7-1973 nghỉ hưu, cấp bậc Thiếu tá; từ trần năm 2005; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng ba; 1 Huân chương Chiến công hạng nhất; 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất; 3

Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba; Huy chương Quân kỳ Quyết thắng; Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng.



8 - Đồng chí Đào Quang Thông, sinh năm 1929; quê quán, trú quán xã Tân Thành, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 8-1949; nguyên Chính trị viên Huyện đội Phú Bình từ năm 1957 đến năm 1960 và từ năm 1963 đến năm 1965; cấp bậc Thượng úy; chuyển ngành từ năm 1973; đã được tặng thưởng: 3 Huân chương

Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba; 1 Huân chương Chiến thắng hạng ba; 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhì.



9 - Đồng chí Ngô Quang Các, sinh năm 1930; quê quán và trú quán xã Bảo Lý, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 2-1950; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 12-1947; nguyên Huyện đội trưởng Huyện đội Phú Bình từ năm 1957 đến năm 1960; nguyên Trung đội trưởng, Đại đội phó, Đại đội trưởng Đại

đội 224 bộ đội địa phương huyện Phú Bình, Đại đội trưởng Đại đội 73 Tỉnh đội Thái Nguyên, cán bộ Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng ba; 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất; 1 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng ba; Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng.



10 - Đồng chí Dương Anh Đệ, sinh năm 1926; quê quán và trú quán xã Hương Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng năm 1943; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 8-1946; nguyên Huyện đội trưởng Huyện đội Phú Bình từ năm 1961 đến năm 1965; nguyên

Tiểu đội trưởng thuộc Đại đội 224 bộ đội địa phương huyện Phú Bình; Trung đội trưởng, Đại đội phó, Chính trị viên phó Đại đội 32 bộ đội địa phương tỉnh Thái Nguyên; Tiểu đoàn phó, Tiểu đoàn trưởng trong các đơn vị bộ đội chủ lực, Trợ lý Phòng Dân quân Bộ Tham mưu Quân khu Việt Bắc; từ năm 1974 nghỉ hưu, cấp bậc Thượng úy; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng ba; 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất; 1 Huân chương Chiến sĩ Giải phóng; 1 Huân chương Chiến công hạng ba; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.



11- Đồng chí Lê Minh Đức, sinh năm 1929; quê quán xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 6-1947; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1947; nguyên Chính trị viên Huyện đội Phú Bình từ năm 1961 đến năm 1962; nguyên Chính trị viên các

Huyện đội Phù Ninh (Phú Thọ), Phổ Yên, Định Hóa (Thái Nguyên); Huyện đội phó Huyện đội Võ Nhai (Thái Nguyên); Tổ trưởng Tổ sĩ quan liên lạc bộ đội Việt Nam - Trung Quốc thuộc Tỉnh đội Thái Nguyên; từ tháng 12-1969, phục viên về địa phương; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng nhì; 1 Huân chương Kháng chiến hạng ba.



12 - Đồng chí Dương Văn Cước, sinh năm 1925; quê quán, trú quán xã Nhả Lộng, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 2-1946; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 12-1948; nguyên Huyện đội trưởng Huyện đội Phú Bình từ năm 1965 đến năm 1966; nguyên

Chính trị viên Trung đội thuộc Đại đội 224 bộ đội địa phương huyện Phú Bình, Chính trị viên phó Đại đội 75 (thuộc Tiểu đoàn 426 Tỉnh đội Thái Nguyên); Huyện đội trưởng Huyện đội Phổ Yên; Trưởng ban Quân lực Tỉnh đội Bắc Thái, Trợ lý Ban Khoa học Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; nghỉ hưu năm 1980, cấp bậc Đại úy; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến công hạng ba; 1 Huân chương Chiến thắng hạng ba; 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.

13 - Đồng chí Đặng Đình Cừ, sinh năm 1922; quê, trú quán xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên;



nhập ngũ tháng 10-1947; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 1-1961; nguyên Huyện đội trưởng Huyện đội Phú Bình từ năm 1966 đến năm 1968; nguyên: Trung đội trưởng Trung đội du kích tập trung huyện Đồng Hỷ, Trung đội trưởng thuộc Trung đoàn 238; Huyện đội trưởng các Huyện đội Định Hóa, Phú Lương; Trưởng ban Huấn luyện Tỉnh đội Thái Nguyên; năm 1969 chuyển ngành ra khỏi quân đội, cấp bậc Thượng úy; năm 1973 nghỉ hưu; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng ba; 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.



14 - Đồng chí Đặng Tuấn Ngân, sinh năm 1932; quê xã Đồng Tiến, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; trú quán thị trấn Ba Hàng, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 7-1956; nhập ngũ tháng 10-1949; nguyên Chính trị viên phó Huyện đội Phú Bình từ năm 1967 đến năm 1970; nguyên cán bộ Văn phòng Huyện ủy Phổ Yên, cán bộ Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên, Bí thư Huyện đoàn Đồng Hỷ, Chính trị viên phó Đại đội thuộc Trường Quân chính Quân khu Việt Bắc, Chính trị viên phó Tiểu đoàn thuộc Mặt trận B5, Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái

Nguyên, Trưởng ban Tuyên huấn Phòng Chính trị và Trưởng ban Khoa học Quân sự thuộc Phòng Tham mưu Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; đã nghỉ hưu năm 1982; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng nhất; 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba; 1 Huân chương Chiến công hạng ba; Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.



15 - Đồng chí Nguyễn Văn Trọng, sinh năm 1933; quê quán xã Vân Hà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; trú quán xã Thanh Ninh, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 6-1948; xuất ngũ tháng 4-1954, tái ngũ tháng 2-1966; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 4-1960; nguyên Chính trị viên phó Huyện đội Phú Bình từ tháng 8-1967 đến tháng 12-1968; nguyên chiến sĩ Sư đoàn 308; Phó Bí thư Đoàn, Trưởng Công an xã, Phó Chủ tịch xã; cán sự Huyện đội Phú Bình; học viên Trường Quân chính Quân khu Việt Bắc; Chính trị viên phó Đại đội, Trợ lý Tổ chức Tỉnh đội Bắc Thái; Chính trị viên Đội 1 Công trường 73, Trợ lý Cán bộ Tỉnh đội Bắc Thái; nghỉ hưu từ tháng 10-1979, cấp bậc Thượng úy; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng ba, 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất.

16 - Đồng chí Nguyễn Văn Thiểm, sinh năm 1925; quê quán, trú quán xã Nam Hoa, huyện Nam Ninh, tỉnh



Nam Định; nhập ngũ tháng 1-1948, xuất ngũ tháng 3-1959, tái ngũ tháng 5-1965; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 4-1954; nguyên Huyện đội trưởng Huyện đội Phú Bình từ năm 1968 đến năm 1969; nguyên: Chiến sĩ Đại đội 223 bộ đội địa phương huyện Đồng Hỷ (tỉnh Thái Nguyên); Trung đội trưởng thuộc Sư đoàn 308, Đại đội trưởng thuộc Tiểu đoàn 24 Quân khu Việt Bắc, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Phổ Yên (tỉnh Thái Nguyên); nghỉ hưu từ tháng 9-1976, cấp bậc Thượng úy; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng ba; 2 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì; 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất; Huy chương Quân kỳ Quyết thắng.



17- Đồng chí Trần Văn Thù, sinh năm 1928; quê quán và trú quán xã Nga Mi, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 10-1949; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 1-1957; nguyên Chính trị viên phó Huyện đội Phú Bình từ năm 1968 đến năm 1975; nguyên Tiểu đội trưởng thuộc Cục Bảo vệ, cán bộ lưu trữ hồ sơ Bộ Quốc phòng; Trưởng ban Bảo mật Bộ Tổng Tham mưu; từ năm 1976 nghỉ hưu, cấp bậc Trung úy; đã được tặng thưởng: 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba; 1

Huân chương Kháng chiến hạng nhất; 1 Huân chương Chiến công hạng ba.



18 - Đồng chí Nguyễn Văn Chỉ, sinh năm 1933; quê quán, trú quán phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 1-1951, xuất ngũ tháng 4-1960, tái ngũ tháng 4-1965; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 12-1954; nguyên Chính trị viên Huyện đội Phú Bình từ năm 1969 đến năm 1970 và Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình từ năm 1978 đến năm 1980; nguyên Chiến sĩ, Tiểu đội trưởng Sư đoàn 367; Trung đội trưởng Sư đoàn 304B; Trợ lý Tham mưu, Trợ lý Chính trị Tỉnh đội Bắc Thái; đã nghỉ hưu từ năm 1980, cấp bậc Đại úy; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng nhất; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.



19 - Đồng chí Trần Văn Tĩnh, sinh năm 1932; quê quán, trú quán xã Liên Minh, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 2-1948; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 3-1957; nguyên Huyện đội phó Huyện đội Phú Bình từ năm 1967 đến năm 1969, quyền Huyện đội trưởng Huyện đội Phú Bình từ năm 1969 đến năm 1970;

nguyên Tiểu đội trưởng, Trung đội trưởng, Trưởng ban Cơ yếu Quân khu Việt Bắc, Phó ban Quân báo Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên; Phó ban Tuyên giáo Huyện ủy Võ Nhai, Chỉ huy phó - Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Võ Nhai; nghỉ hưu từ tháng 12-1984, cấp bậc Thiếu tá; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến công hạng nhất; 1 Huân chương Chiến thắng hạng ba; Huy chương Quân kỳ Quyết thắng; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.



20 - Đồng chí Dương Xuân Mai

(Dương Văn Thê), sinh năm 1925; quê và trú quán thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 9-1949; tham gia cách mạng từ năm 1945; nhập ngũ tháng 4-

1949; nguyên Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình từ năm 1974 đến năm 1978; nguyên Chiến sĩ bộ đội địa phương Huyện đội Phú Bình, Tiểu đội phó, Tiểu đội trưởng thuộc Sư đoàn 308, Đội phó Đội Cải cách ruộng đất; cán bộ các Huyện đội Đại Từ, Đồng Hỷ (tỉnh Thái Nguyên); đã nghỉ hưu năm 1979; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất, 1 Huân chương Chiến công hạng nhất; Huy hiệu 40, 50 năm tuổi Đảng.



21 - Đồng chí Nguyễn Ngọc Diện, sinh năm 1924; quê quán xã Liên Minh, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên; tham gia Cách mạng tháng 3-1945; nhập ngũ tháng 2-1952; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 2-1949; nguyên Chính trị viên Huyện đội Phú Bình từ năm 1970 đến năm 1974; nguyên Tiểu đội trưởng, Trung đội phó, Cán sự Huyện đội, Chính trị viên phó, Chính trị viên Huyện đội Võ Nhai; Chính trị viên Tiểu đoàn 68 Tỉnh đội Thái Nguyên; ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Kiểm tra Huyện ủy Võ Nhai, Phó Chủ tịch ủy ban hành chính huyện Võ Nhai, nghỉ hưu từ năm 1977, cấp bậc Đại úy; từ trần năm 2000; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng ba; 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất; 1 Huân chương Chiến công hạng nhì; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba; Huy hiệu 40, 50 năm tuổi Đảng.



22 - Đồng chí Nguyễn Văn Bàng, sinh năm 1940; quê và trú quán xã Tân Hòa, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 8-1962; nhập ngũ tháng 3-1959; nguyên Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình từ năm 1979 đến năm 1980; nguyên Tiểu đội trưởng, Trung đội trưởng thuộc Sư đoàn

531; Trợ lý Tổ chức, Chính trị viên Tiểu đoàn, Chủ nhiệm Chính trị Trung đoàn 165 thuộc Sư đoàn 312; Phó ty Thể dục - Thể thao (tỉnh Bắc Thái), Chủ nhiệm Chính trị Trung đoàn 833 - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; nghỉ hưu tháng 12-1982, cấp bậc Thiếu tá; đã được tặng thưởng: 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba; 3 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng nhất, nhì, ba; 1 Huân chương Kháng chiến hạng ba, 1 Huân chương Chiến công hạng ba, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.



23 - Đồng chí Dương Văn Giáp, sinh năm 1933; quê quán, trú quán xã Hương Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 5-1952; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 11-1953; nguyên Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình từ năm 1972, Chỉ huy

trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình từ năm 1979 đến năm 1985; nguyên chiến sĩ, Tiểu đội trưởng, Trung đội phó thuộc Sư đoàn 316, Giáo viên quân sự Trường Quân chính Quân khu I; nghỉ chờ hưu năm 1986, cấp bậc Trung tá; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất; 1 Huân chương Quân công hạng ba; Huy chương Quân kì Quyết thắng; 1 Huy chương Chiến thắng hạng nhất; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.



24 - Đồng chí Dương Như Thi, sinh năm 1926; quê quán, trú quán phường Thắng Lợi, thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, tham gia cách mạng tháng 8/1945; nhập ngũ tháng 4-1949; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 2-1952; nguyên Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình từ năm 1978 đến năm 1979; nguyên Chiến sĩ, Tiểu đội trưởng, Trung đội trưởng thuộc Sư đoàn 308; Trợ lý bản đồ, Trợ lý quân lực thuộc Cục Quản lý giáo dục Bộ Tổng Tham mưu; Trợ lý Quân lực, Phó ban Quân lực Sư đoàn 308; Trưởng ban Quân lực Sư đoàn 5; Trưởng phòng Quân lực Quân khu 8, Phó phòng Quân lực Quân khu 9; nghỉ hưu từ tháng 8-1980, cấp bậc Trung tá; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến công hạng ba; 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.



25 - Đồng chí Phạm Huân, sinh năm 1938; quê quán xã Thụy Phán, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây; trú quán xã Thanh Ninh, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 12-1955; xuất ngũ tháng 6-1956, tái ngũ tháng 3-1959; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 2-1963; nguyên Chính trị viên phó, Chỉ huy phó Chính trị Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình từ năm 1980

đến năm 1985; nguyên Chiến sĩ Cảnh vệ tỉnh Hà Tây, Tiểu đội trưởng thuộc Sư đoàn 308, Trợ lý Cán bộ Tỉnh đội Hà Tây; Đại đội trưởng, giáo viên quân sự thuộc Sư đoàn 304B; quyền Tiểu đoàn trưởng thuộc B2; Trưởng ban Quân lực Trung đoàn 122 Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hà Tuyên; Trợ lý Cán bộ Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; nghỉ hưu năm 1985; đã được tặng thưởng: 3 Huân chương chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.



26 - Đồng chí Hoàng Hiệp (Hoàng Đức Hiệp), sinh năm 1944; quê quán và trú quán xã Xuân Phương, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 3-1968; nhập ngũ tháng 7-1963; từ tháng 4-1981 đến tháng 9-1984 là Chỉ huy phó Động viên Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình; tháng 10-1984 nghỉ hưu, cấp bậc thiếu tá; đã được tặng thưởng: 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba, 2 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng nhất, nhì.



27 - Đồng chí Đào Duy Đáp, sinh năm 1942; quê quán và trú quán xã Tân Đức, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 4-1962; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 6-1967; nguyên Chỉ huy phó – Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình từ năm 1982

đến năm 1985; nguyên Chiến sĩ, Tiểu đội trưởng thuộc Sư đoàn 312; Trung đội trưởng, Trợ lí thông tin thuộc Đoàn 559; Trợ lí hành chính thuộc Sư đoàn 316, Trợ lí Phòng Tham mưu Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; nghỉ chờ hưu từ tháng 9-1985, cấp bậc Thiếu tá; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhì; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.



28 - Đồng chí Dương Quang Tập, sinh năm 1948; quê quán và trú quán xã Bàn Đạt, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 4-1966; nguyên Chỉ huy phó Động viên Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình từ tháng 9-1984 đến tháng 5-1994.



29 - Đồng chí Nguyễn Văn Chung, sinh năm 1943; quê và trú quán xã Tiên Hội, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 12-1965; nhập ngũ tháng 4-1962; nguyên Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình từ năm 1985 đến năm 1995; nguyên Chiến sĩ Trung đoàn 210, Trưởng ban Quân lực, Phó phòng Động viên Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; nghỉ chờ hưu năm 1995, cấp bậc Thượng tá; đã được tặng thưởng: 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng

nhất, nhì, ba; Huy chương Quân kỳ Quyết thắng; 1 Huân chương Chiến công hạng nhất.



30 - Đồng chí Dương Văn Tà, sinh năm 1941; quê quán, trú quán xã Hương Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 2-1960, xuất ngũ tháng 6-1964; tái ngũ tháng 10-1965; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 2-1963; nguyên Chỉ huy phó Chính trị Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình từ năm 1985 đến năm 1988; nguyên Chiến sĩ, Tiểu đội trưởng Công an vũ trang; Trung đội phó, Trung đội trưởng; Trợ lý, Phó ban, Trưởng ban Tổ chức Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; nghỉ hưu từ tháng 9-1988, cấp bậc Thiếu tá; đã được tặng thưởng: 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba; 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhì.



31 - Đồng chí Nguyễn Tiến Nhượng, sinh năm 1951; quê quán, trú quán xã Tân Hương, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 7-1973; nhập ngũ tháng 12-1969; nguyên Chỉ huy phó - Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình từ năm 1985 đến năm 1987; nguyên Chiến sĩ Sư đoàn 304B, Tiểu đội trưởng, Trung đội trưởng thuộc Sư đoàn 368; Chỉ huy phó -

Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự thị xã Sông Công, Chính trị viên phó Đại đội, Chính trị viên Đại đội Sư đoàn 968; Đại đội trưởng, Tiểu đoàn trưởng Đoàn 468 và Đoàn 749, Trợ lý Dân quân - Tự vệ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; nghỉ hưu từ năm 1989, cấp bậc Trung tá; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Kháng chiến hạng ba; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.



32 - Đồng chí Dương Doãn Đối, sinh năm 1947; quê quán và trú quán xã Nga Mi, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 6-1969; nhập ngũ tháng 4-1966; nguyên Chỉ huy phó Chính trị Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình từ năm 1988 đến năm 1998; nguyên Chiến sĩ, Tiểu đội trưởng thuộc Sư đoàn 250, Chính trị viên Đại đội thuộc Quân khu 4, Trợ lý Tổ chức Sư đoàn 316, Chủ nhiệm Chính trị Trung đoàn thuộc Sư đoàn 338, giáo viên Chính trị - Khoa Quân sự - Trường Đại học Y Thái Nguyên; năm 1998 nghỉ hưu, cấp bậc Thượng tá; đã được tặng thưởng: 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba; Huân chương Kháng chiến chống Mĩ hạng ba; Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng ba.

33 - Đồng chí Lý Chấn Dính, sinh năm 1951; quê quán và trú quán xã Tân Hòa, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 11-



1973; nhập ngũ tháng 7-1968; nguyên Chỉ huy phó - Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình từ năm 1987 đến năm 1995, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình từ năm 1995 đến năm 2003; nguyên Chiến sĩ các Sư đoàn 304B, 305; Tiểu đội trưởng thuộc Sư đoàn 5; Tiểu đội trưởng, Trung đội phó thuộc Sư đoàn 367; Trung đội trưởng, Đại đội phó thuộc Quân khu 7; Đại đội trưởng, Tiểu đoàn phó, Tiểu đoàn trưởng, Tham mưu phó Trung đoàn thuộc Quân khu 1; tháng 9-2003 nghỉ hưu, cấp bậc Đại tá; đã được tặng thưởng: 2 Huân chương Chiến công; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba; Huy chương Chiến sĩ giải phóng, Huy chương Quân kỳ Quyết thắng.



34 - Đồng chí Lê Thanh Ngọc, sinh năm 1952; quê quán tỉnh Ninh Bình, trú quán xã Tân Hòa, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 9-1972; nhập ngũ tháng 8-1971; nguyên Chỉ huy phó - Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình từ năm 1995 đến năm 2004; nguyên Chiến sĩ, Tiểu đội trưởng, Trung đội phó thuộc Sư đoàn 325; Giáo viên Trường Binh chủng tổng hợp Quân khu 1, Trợ lý Phòng Động viên Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; Trưởng khoa Quân sự Trường Quân sự tỉnh Bắc Thái; tháng 9-2004

nghỉ hưu, cấp bậc Thượng tá; đã được tặng thưởng: 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba; 1 Huân chương Chiến công hạng nhất; 1 Huy chương Quân kì Quyết thắng; 1 Huy chương Quân công hạng ba.



35 - Nguyễn Văn Tòng, sinh năm 1950; quê quán và trú quán xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 11-1972; nhập ngũ tháng 8-1969, xuất ngũ tháng 4-1974, tái ngũ tháng 8 -1978; nguyên Chỉ huy phó Động viên Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình từ năm 1995 đến năm 2000; nguyên Chiến sĩ, Tiểu đội trưởng thuộc Quân khu Tây Bắc; Trợ lí Công binh - Phòng Tham mưu Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; Trợ lí Công binh, Động viên tuyển quân, Dân quân Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình; từ tháng 10-2000 nghỉ hưu, cấp bậc Trung tá; đã được tặng thưởng: Huân chương Kháng chiến hạng ba; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba; Huân chương Chiến công hạng nhì.

36 - Đồng chí Đinh Văn Ứng, sinh năm 1954, quê quán xã Thị Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam; gia đình trú tại phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 2-1980; nhập ngũ tháng 5-1972; nguyên Chỉ huy phó



Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình từ năm 1997 đến năm 2003; nguyên Chiến sĩ Sư đoàn 320, Trợ lý Tài chính, Trưởng ban Tài chính Sư đoàn 338; Trưởng ban Tài chính; Phó Chủ nhiệm Hậu cần Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; từ năm 2003 nghỉ hưu, cấp bậc Thượng tá; đã được tặng thưởng: 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba; 1 Huân chương Chiến công hạng nhất.



37 - Đồng chí Đào Hồng Phong, sinh năm 1956; quê quán và trú quán xã Tân Đức, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 2-1975; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 9-1980; Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình từ năm 1998, cấp bậc Thượng tá; nguyên Thư ký Tòa soạn Báo Quân khu Việt Bắc, Phóng viên Báo Quân khu 1, Trợ lý Phòng Tuyên huấn – Cục Chính trị Quân khu 1, Phó Chủ nhiệm Chính trị Trung đoàn 445, Phó Chủ nhiệm ủy viên Kiểm tra - Đảng ủy Quân sự Trường Quân sự Quân khu 1; đã được tặng thưởng: 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba; 1 Huân chương Chiến công hạng nhất; Huy chương Quân kỳ Quyết thắng.

38 - Đồng chí Vũ Đại Hưng, sinh năm 1962; quê quán và trú quán xã Xuân Phương, huyện Phú Bình, tỉnh



Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 9-1982; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 12-1984; Chỉ huy phó Động viên Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình từ năm 2002, cấp bậc Trung tá; nguyên Học viên Trường sĩ quan Chính trị, Đại đội phó Chính trị thuộc Sư đoàn 392, cán bộ tăng cường cơ sở Ban chỉ huy quân sự các

huyện Võ Nai, Phú Bình, Trợ lý Chính trị, Trợ lý Động viên Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình; đã được tặng thưởng: 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.



39 - Đồng chí Lê Huy Tuấn, sinh năm 1954; quê quán xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá; trú quán phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 4-1975; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 9-1982; Chỉ huy trưởng Ban

chỉ huy quân sự huyện Phú Bình từ năm 2003, cấp bậc Thượng tá; nguyên Chiến sĩ, Tiểu đội trưởng, Học viên Trường sĩ quan Lục quân I, Giáo viên Trường Quân sự tỉnh thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thanh Hóa; Trợ lý Tác huấn Bộ chỉ huy quân sự các tỉnh Bắc Thái, Thái Nguyên; Chỉ huy phó - Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Đồng Hỷ; đã được tặng thưởng: 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang

các hạng nhất, nhì, ba; 1 Huân chương Chiến công hạng nhất, Huy chương Quân kỳ Quyết thắng.



40 - Đồng chí Dương Đình Dũng, sinh năm 1961; quê quán và trú quán xã Nhã Lộng, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 12-1983; nhập ngũ tháng 3-1979; Chỉ huy phó - Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình từ tháng

8-2001, Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình từ tháng 4-2003, cấp bậc Trung tá; nguyên học viên Trường sĩ quan Lục quân I; Trung đội trưởng, Đại đội trưởng, Trợ lý Tác chiến Sư đoàn 392; Trợ lý Tác chiến, Tham mưu phó Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình; Học viên Học viện Quân sự Đà Lạt; đã được tặng thưởng: 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba; 1 Huân chương Chiến công hạng nhì.



41 - Đồng chí Nguyễn Văn Đông, sinh năm 1965; quê quán xã Minh Hương, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; trú quán phường Trung Liet, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 8-1988; nhập ngũ tháng 10-1983; nguyên Chỉ huy phó -

Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình từ

tháng 4-2003 đến tháng 4-2005; nguyên học viên Trường sĩ quan Lục quân II, Trung đội trưởng, Đại đội phó thuộc Sư đoàn 392; Trợ lý Tham mưu, cán bộ tăng cường cơ sở huyện Đại Từ; Đại đội phó, Giáo viên, Phó khoa, Trưởng khoa Giáo viên Trường Quân sự tỉnh Thái Nguyên; từ tháng 5-2005 là Giáo viên Học viện Quốc phòng, cấp bậc Trung tá; đã được tặng thưởng: 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.



42 - Đồng chí Đào Duy Trường, sinh năm 1966; quê quán Lương Phú, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, gia đình trú tại phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 9-1984; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 5-1988; Chỉ huy phó - Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình từ tháng 5-2005, cấp bậc Trung tá; nguyên Học viên Trường sĩ quan Lục quân II, Trung đội trưởng, Đại đội phó, Đại đội trưởng, Trợ lý Tác chiến Trung đoàn thuộc Trung đoàn 169, Sư đoàn 338, Trợ lý Ban Dân quân Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên; đã được tặng thưởng: 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.

43 - Đồng chí Dương Văn Mão, sinh ngày 16-8-1963; quê quán, trú quán: xã Bảo Lý, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 2-1982; đảng viên Đảng Cộng sản



Việt Nam từ ngày 30-11-1986; Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình từ tháng 9-2006; nguyên chiến sĩ Sư đoàn 311, Học viên Trường sĩ quan Pháo binh, Đại đội phó Chính trị Sư đoàn 322, Trợ lý cán bộ Trung đoàn 481 (Sư đoàn 346), Trợ lý cán bộ Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình, Học viên Học viện Chính trị – Quân sự; đã được tặng thưởng: 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.

II - BÍ THƯ ĐẢNG ỦY QUÂN SỰ HUYỆN PHÚ BÌNH.



1 - Đồng chí Đồng Huy Xuyên, sinh năm 1938; quê quán xã Quang Trung, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; trú quán xã Bảo Lý, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng tháng 12-1953, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 12-1964, Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện Phú Bình năm 1994 đến cuối năm 1995; nguyên ủy viên Ban Chấp hành Đoàn xã, Bí thư Chi bộ, Chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp xóm Dinh, xã Bảo Lý, cán bộ Phòng Nông thôn huyện, Phó Văn phòng, Phó ban Tổ chức, Phó ban Kiểm tra Huyện ủy; Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng các Ban Tổ chức, Tuyên giáo Huyện ủy, Phó Chủ tịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, Phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch

Hội đồng nhân dân huyện; Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Phú Bình; đã nghỉ hưu từ tháng 10-1995; đã được khen thưởng 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhì.



2 - Đồng chí Dương Văn Lương, sinh năm 1950; quê quán xã Úc Kì, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 3-1972; nhập ngũ tháng 8-1969; xuất ngũ tháng 8-1973; nguyên Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện Phú Bình từ cuối năm 1995 đến năm 1998; nguyên Phó Bí thư Đoàn xã Úc Kì,

Phó Bí thư, Bí thư Huyện Đoàn Phú Bình; Phó Bí thư, Bí thư Tỉnh Đoàn Bắc Thái; Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Bắc Thái; Phó Bí thư, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Phú Bình; Ủy viên Ban Thường vụ - Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên; đã từ trần năm 2005.



3 - Đồng chí Phạm Bình Nguyên, sinh năm 1944, quê xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; trú quán xã Lương Phú, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ tháng 2-1964; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 6-1964; nguyên Bí thư Đảng ủy

Quân sự huyện Phú Bình từ năm 1998 đến năm 2000;

nguyên Chiến sĩ Trung đoàn 600 (Công an nhân dân vũ trang), cán bộ Văn phòng Khu ủy, Khu Tự trị Việt Bắc; cán bộ Phòng Tổ chức - Lao động và Thương binh - Xã hội huyện Phú Bình; Học viên Trường Nguyễn Ái Quốc 6, Trưởng phòng (Giám đốc Công ty Thương nghiệp), Trưởng ban Kế hoạch, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Phú Bình; Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy, Bí thư Huyện ủy huyện Phú Bình; nghỉ hưu từ tháng 9-2000; đã được tặng thưởng: Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng, 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhì, 1 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng ba.



4 - Đồng chí Lê Quang Dục, sinh năm 1955; quê xã Tiên Hiệp, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam; trú quán phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ tháng 1-1972; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 10-1977; nguyên Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện Phú Bình từ năm 2000 đến năm 2003; nguyên Bí thư Đoàn Xưởng Động lực Công ty Gang thép Thái Nguyên; Phó Bí thư, Bí thư Thành Đoàn Thái Nguyên; Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy khối dân; Phó Bí thư, Bí

thư Tỉnh Đoàn Bắc Thái; Phó ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Tổng Biên tập Báo Bắc Thái, Báo Thái Nguyên; Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Phú Bình, Bí thư Đảng ủy - Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên; từ năm 2006 là Ủy viên Ban Thường vụ - Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên.



5 - Đồng chí Ngô Quang Khải, sinh năm 1950; quê xã Lương Phú, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ tháng 4-1968; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 6-1972; Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện Phú Bình từ tháng 9-2003; nguyên Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam chiến đấu tại Chiến trường miền Nam, cán bộ các Ban Tuyên giáo Thành ủy Thái Nguyên, Huyện ủy Phú Bình; Học viên Trường Tuyên giáo Trung ương; Phó ban, Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện huyện; Ủy viên Ban Thường vụ Thường trực Huyện ủy, Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Phú Bình từ năm 2003 là Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến công hạng ba; 1 Huân chương Kháng chiến hạng ba.

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Lời giới thiệu	6
2	Chương I: Phú Bình: điều kiện tự nhiên - con người - xã hội - truyền thống đấu tranh vũ trang.	9
3	Chương II: Quân và dân Phú Bình kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954).	62
4	Chương III: Quân và dân huyện Phú Bình kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954-1975).	99
5	Chương IV: Lực lượng vũ trang Phú Bình xây dựng và phát triển kinh tế địa phương tham gia chiến đấu bảo vệ Tổ quốc trong những năm đất nước thống nhất (1975-1986).	215
6	Chương V: Lực lượng vũ trang nhân dân Phú Bình thực hiện đường lối đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của Đảng (1987-2000).	254
7	Kết Luận	339
8	Phụ lục I Đơn vị anh hùng, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và bà mẹ Việt Nam anh hùng.	355
9	Phụ lục 2: Các đồng chí cán bộ lãnh đạo - chỉ huy quân sự huyện Phú Bình.	368

TỔ BIÊN SOẠN:

Thượng tá: NGUYỄN VĂN THẮNG (*Chủ biên - Chương III, Kết luận*).

PHẠM TẮT QUYNH (*Chương I*).

Tiến sĩ NGUYỄN XUÂN MINH (*Chương II*).

Cử nhân VŨ THANH KHÔI (*Chương IV*).

Trung úy, cử nhân NGUYỄN ĐỨC THỌ (*Chương V*).

Trung tá, cử nhân NGUYỄN SỸ CẢNH (*Phụ lục 1, 2*).

HOÀN CHỈNH BẢN THẢO:

NGUYỄN VĂN THẮNG.

BÌA: Minh Hải.

SỬA BẢN IN: Nguyễn Thắng, Đình Cường, Quang Hưng.

ẢNH: Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Bình.

In 500 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm tại Nhà in Báo Thái Nguyên.
Giấy phép xuất bản số 50/GP-SVHTT ngày 06/12/2006. In xong nộp lưu
chiếu tháng 2 năm 2007.